

QUYỂN 4

(Quyển Sáu Cơ-Sở Cảm-Nhận)

[SAḶĀYATANA-VAGGA]

VỀ BẢN DỊCH SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Đây là bản dịch chính xác nhất từng câu chữ của kinh văn nguyên thủy với đủ các chú-giải cần thiết. Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Đề hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 *QUYỂN lớn* (*Vagga*); mỗi *QUYỂN* được đặt tên theo tên của *CHƯƠNG đầu tiên* của nó. Toàn bộ kinh có 56 *CHƯƠNG*. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *LIÊN-KẾT* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết về *Nhập-Lưu*, liên-kết về *Ca-Diếp*, liên-kết về *Citta* ...). Bản dịch Việt này đánh số *CHƯƠNG* trùng với số *LIÊN-KẾT* luôn. Trong nhiều *CHƯƠNG* lại có các *NHÓM kinh* (*vagga*).

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBD]).

- Còn các chú-giải của các luận giảng (như **Spk**, **Spk-Pt**, **Vism** ...) thì đã được ghi rõ tên ngay đầu câu.

- Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như **12:08**, **56:34** có nghĩa chúng thuộc bộ kinh SN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là AN, MN, hay DN ... trước số kinh. Người dịch Việt cũng ghi luôn số của Quyển để dễ dàng tra chiếu, ví dụ **12:08** (Quyển 2), **56:34** (Quyển 5).

- Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!* vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Với các tăng và ni đã bỏ một đời để đi tu lẽ nào không bỏ ra thời gian một hai tháng để đọc qua hết các kinh của Phật. Ví dụ trong bộ kinh SN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một *Liên-kết* (chương, tương ứng) dài hay vài *Liên-kết* ngắn, thì trong một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một *QUYỂN*, rồi hết

Bộ Kinh. *Số kinh tóm-lược* theo các “*khuôn mẫu*” là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng *tiếng Việt phổ thông* nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có nhiều *liên-kết theo chủ-đề* khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ *QUYỂN* nào và trong đó có thể chọn những *liên-kết* nào mình quan tâm hơn để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc *Liên-kết ‘Nhập-Lưu’*, về lý duyên-khởi và vòng nhân-duyên thì đọc *Liên-kết ‘Nhân-Duyên’*, về ngài Ca-Điếp thì đọc *Liên-kết ‘Ca-Điếp’* ...

+ *Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa). **ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH**, vì nếu cứ dừng lại để tra những chú-thích về các chữ thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc xong bài kinh mới nên tra các chú-thích để hiểu.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Tôi cũng có tham vọng như thầy: tham vọng lớn nhì là để cho Tăng, Ni và Phật tử nhiều đời đọc đúng lời Phật dạy để tu hành giải thoát, và tham vọng lớn nhất là để bảo tồn các kinh nguyên thủy khỏi bị mai một mỗi ngày qua nhiều người diễn dịch.

Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562)
(hiệu đính lần cuối 2024)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SNError! Bookmark not defined.

MỤC LỤC.....i

Chương 35. Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN 1

PHẦN I. ‘NĂM MƯỜI KINH GỐC’3

NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’ (*Anicca-vagga*).....3

1 (1) *Bên-Trong là Vô Thường*3

2 (2) *Bên-Trong là Khổ*4

3 (3) *Bên-Trong là Vô Ngã*4

4 (1) *Bên-Ngoài là Vô Thường*5

5 (2) *Bên-Ngoài là Khổ*5

6 (3) *Bên-Ngoài là Vô Ngã*.....6

7 (7) *Bên-Trong là Vô Thường trong Ba Thời*6

8 (8) *Bên-Trong là Khổ trong Ba Thời*.....7

9 (9) *Bên-Trong là Vô Ngã trong Ba Thời*.....7

10 (10) – 12 (12) *Bên-Ngoài là Vô Thường trong Ba Thời*8

NHÓM 2. NHÓM ‘CÁC CẶP’ (*Yamaka-vagga*).....9

13 (1) *Trước Khi Ta Giác Ngộ (1) (bên trong)*9

14 (2) *Trước Khi Ta Giác Ngộ (2) (bên ngoài)*.....10

15 (3) *Đi Tìm Sự Thỏa-Thích ... (1) (bên trong)*10

16 (4) *Đi Tìm Sự Thỏa-Thích ... (2) (bên ngoài)*.....11

17 (5) *Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích ... (1) (bên trong)*11

18 (6) *Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích ... (2) (bên ngoài)*12

19 (7) <i>Khoái Lạc (1) (bên trong)</i>	12
20 (8) <i>Khoái Lạc (2) (bên ngoài)</i>	13
21 (9) <i>Sự Khởi Sinh của Khổ ... (1) (bên trong)</i>	13
22 (10) <i>Sự Khởi Sinh của Khổ ... (2) (bên ngoài)</i>	14
NHÓM 3. NHÓM ‘TẮT CẢ’ (<i>Sabba-vagga</i>)	15
23 (1) <i>Tất-Cả</i>	15
24 (2) <i>Sự Dẹp Bỏ (1)</i>	15
25 (3) <i>Sự Dẹp Bỏ (2)</i>	16
26 (4) <i>Hoàn-Toàn Hiểu (1)</i>	16
27 (5) <i>Hoàn-Toàn Hiểu (2)</i>	18
28 (6) <i>Bốc Cháy (Kinh Lửa)</i>	18
29 (7) <i>Bị Đè Nặng</i>	20
30 (8) <i>Chính Đáng Để Búng Bỏ</i>	20
31 (9) <i>Thích Hợp Để Búng Bỏ (1)</i>	21
32 (10) <i>Thích Hợp để Búng Bỏ (2)</i>	23
NHÓM 4. NHÓM ‘PHẢI BỊ SINH’ (<i>Jātidhamma-vagga</i>)	25
33 (1) <i>Phải Bị Sinh</i>	25
34 (2) – 42 (10) <i>Phải Bị Già ...</i>	25
NHÓM 5. NHÓM ‘VÔ THƯỜNG.’ (<i>Sabbaanicca-vagga</i>)	26
43 (1) – 52 (10) <i>Vô Thường ...</i>	26
PHẦN II. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI’	27
NHÓM 1. NHÓM ‘VÔ-MINH’ (<i>Avijjā-vagga</i>)	27
53 (1) <i>Dẹp Bỏ Vô-Minh</i>	27
54 (2) <i>Dẹp Bỏ Những Gông-Cùm</i>	27
55 (3) <i>Búng Bỏ Những Gông-Cùm</i>	28

56 (4) — 59 (7) <i>Đẹp Bỏ Những Ô-Nhiễm ...</i>	28
60 (8) <i>Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả Sự Chấp Thủ</i>	28
61 (9) <i>Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Chấp Thủ (1)</i>	29
62 (10) <i>Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Chấp Thủ (2)</i>	30
NHÓM 2. NHÓM 'MIGAJĀLA' (Migajāla-vagga)	31
63 (1) <i>Migajāla (1)</i>	31
64 (2) <i>Migajāla (2)</i>	32
65 (3) <i>Samiddhi (1)</i>	34
66 (4) <i>Samiddhi (2)</i>	35
67 (5) <i>Samiddhi (3)</i>	35
68 (6) <i>Samiddhi (4)</i>	35
69 (7) <i>Upasena</i>	36
70 (8) <i>Upavāṇa</i>	37
71 (9) <i>Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (1)</i>	38
72 (10) <i>Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (2)</i>	39
73 (11) <i>Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (3)</i>	40
NHÓM 3. NHÓM 'BỆNH' (Gilāna-vagga)	42
74 (1) <i>Bệnh (1)</i>	42
75 (2) <i>Bệnh (2)</i>	44
76 (3) <i>Rādhā (1)</i>	45
77 (4) <i>Rādhā (2)</i>	45
78 (5) <i>Rādhā (2)</i>	46
79 (6) <i>Đẹp Bỏ Vô-Minh (1)</i>	46
80 (7) <i>Đẹp Bỏ Vô-Minh (2)</i>	47
81 (8) <i>Một Số Tỳ Kheo</i>	47

82 (9) <i>Thế Giới</i>	48
83 (10) <i>Ngài Phagguna</i>	49
NHÓM 4. NHÓM ‘CHANNA’ (<i>Channa-vagga</i>).....	51
84 (1) <i>Phải Bị Tan Rã</i>	51
85 (2) <i>Thế Giới Là Trống Không</i>	51
86 (3) <i>Giáo Pháp Một Cách Ngắn Gọn</i>	52
87 (4) <i>Ngài Channa</i>	52
88 (5) <i>Ngài Phú-Lâu-Na</i>	56
89 (6) <i>Ngài Bāhiya</i>	59
90 (7) <i>Bị Quấy Động (1)</i>	60
91 (8) <i>Bị Quấy Động (2)</i>	61
92 (9) <i>Cặp Đôi (1)</i>	62
93 (10) <i>Cặp Đôi (2)</i>	63
NHÓM 5. NHÓM ‘SÁU THỨ’ (<i>Saḷa-vagga</i>).....	66
94 (1) <i>Không Được Thuần Phục, Không Được Phòng Hộ</i>	66
95 (2) <i>Ngài Mālunkyaputta</i>	68
96 (3) <i>Sự Sa Sút</i>	71
97 (4) <i>Sống Lơ Tâm</i>	73
98 (5) <i>Sự Kiểm Chế</i>	74
99 (6) <i>Sự Định Tâm</i>	76
100 (7) <i>Sự Tách Ly</i>	76
101 (8) <i>Không Phải Của-Ta (1)</i>	77
102 (9) <i>Không Phải Của-Ta (2)</i>	78
103 (10) <i>Uddaka</i>	78
PHẦN III ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ BA’	81

NHÓM 1 NHÓM ‘AN TOÀN KHỎI SỰ TRÓI BUỘC’
(Yogakkhemi-vagga)81

104 (1) <i>An Toàn Khỏi Sự Trói Buộc</i>	81
105 (2) <i>Do Chấp Thủ</i>	82
106 (3) <i>Nguồn Gốc Khổ</i>	83
107 (4) <i>Nguồn Gốc Thế Giới</i>	83
108 (5) <i>Ta Tốt Hơn</i>	83
109 (6) <i>Những Thứ Gông Cùm</i>	84
110 (7) <i>Những Thứ Có Thể Dính Chấp Thủ</i>	84
111 (8) <i>Hoàn-Toàn Hiểu (1)</i>	85
112 (9) <i>Hoàn-Toàn Hiểu (2)</i>	85
113 (10) <i>Lén Lắng Nghe</i>	85

NHÓM 2. NHÓM ‘THẾ GIỚI & NĂM DÂY DỤC-LẠC’
(Lokakāmaguṇa-vagga).....86

114 (1) <i>Cạm Bẫy của Ma Vương (1)</i>	86
115 (2) <i>Cạm Bẫy của Ma Vương (2)</i>	87
116 (3) <i>Đi Tới Chỗ Kết Thúc Thế Giới</i>	88
117 (4) <i>Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan</i>	91
118 (5) <i>Câu Hỏi của Đê-Thích</i>	93
119 (6) <i>Câu Hỏi của Pañcasikha</i>	94
120 (7) <i>Xá-Lợi-Phát</i>	94
121 (8) <i>Lời Khuyên Dạy Rāhula</i>	96
122 (9) <i>Những Thứ Gông Cùm</i>	98
123 (10) <i>Những Thứ Có Thể Dính Chấp Thủ</i>	99

NHÓM 3. NHÓM ‘GIA CHỦ’ (Gahapati-vagga)100

124 (1) Ở Vesālī	100
125 (2) Giữa Dân Chúng Vajji	100
126 (3) Ở Nālandā	100
127 (4) Ngài Bhāradvāja	100
128 (5) Soṇa	103
129 (6) Gia Chủ Ghosita	104
130 (7) Gia Chủ Hālidakāni.....	105
131 (8) Gia Chủ Nakulapitā.....	106
132 (9) Gia Chủ Lohicca	106
133 (10) Gia Chủ Verahaccāni	110
NHÓM 4. NHÓM ‘DEVADAHA’ (Devadaha-vagga)	113
134 (1) Ở Devadaha	113
135 (2) Cơ Hội	114
136 (3) Thích Thú Những Hình-Sắc ... (1)	115
137 (4) Thích Thú Những Hình-Sắc (2)	117
138 (5) Không Phải Cửa-Ta (1) (cỏ, cây, cành, lá).....	117
139 (6) Không Phải Cửa-Ta (2) (cỏ, cây, cành, lá).....	118
140 (7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân (bên trong).....	118
141 (8) Khổ Là Có Nguyên Nhân (bên trong)	119
142 (9) Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân (bên trong)	119
143 (10) — 145 (12) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân ... (bên ngoài) 120	
NHÓM 5. NHÓM ‘MỚI VÀ CŨ’ (Navapurāṇa-vagga).....	121
146 (1) Nghiệp	121
147 (2) Thích Hợp Để Chúng Ngộ Niết-Bàn (1)	122

148 (3) – 149 (4) <i>Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn ... (2)-(3)</i>	122
150 (5) <i>Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (4)</i>	123
151 (6) <i>Một Học Trò</i>	123
152 (7) <i>Mục Đích Của Đời Sống Tâm Linh?</i>	124
153 (8) <i>Có Phương Pháp Nào?</i>	125
154 (9) <i>Được Trang Bị Các Căn</i>	127
155 (10) <i>Người Thuyết Pháp</i>	128
PHẦN IV. ‘NĂM MƯƠI KINH THỨ TƯ’	129
NHÓM 1. NHÓM ‘TIÊU DIỆT SỰ THÍCH-THÚ’ (<i>Nadikkhaya-vagga</i>)	129
156 (1) <i>Tiêu Diệt Sự Thích Thú (1) (bên trong)</i>	129
157 (2) <i>Tiêu Diệt Sự Thích Thú (2) (bên ngoài)</i>	129
158 (3) <i>Tiêu Diệt Sự Thích Thú (3) (bên trong)</i>	130
159 (4) <i>Tiêu Diệt Sự Thích Thú (4) (bên ngoài)</i>	130
160 (5) <i>Vườn Xoài của Jīvaka (1)</i>	130
161 (6) <i>Vườn Xoài của Jīvaka (2)</i>	131
162 (7) <i>Ngài Câu-Hi-La (1)</i>	131
163 (8) <i>Ngài Câu-Hi-La (2)</i>	132
164 (9) <i>Ngài Câu-Hi-La (3)</i>	132
165 (10) <i>Dẹp Bỏ Cách Nhìn Sai Lạc (tà kiến)</i>	133
166 (11) <i>Dẹp Bỏ Cách Nhìn Có Danh-Tính (thân kiến)</i>	133
167 (12) <i>Dẹp Bỏ Cách Nhìn Có Cái-Ta (ngã kiến)</i>	133
NHÓM 2. NHÓM ‘SÁU MƯƠI KINH LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’ (<i>Saṭṭhi-Peyyāla-vagga</i>)	134
168 (1) <i>Dục Đối Với Thứ Vô Thường (bên trong)</i>	134

169 (2) <i>Tham Đối Với Thứ Vô Thường</i> (bên trong).....	134
170 (3) <i>Dục và Tham Đối Với Thứ Vô Thường</i> (bên trong).....	134
171 (4) – 173 (6) <i>Dục ... Đối Với Thứ Khổ</i> (bên trong).....	134
174 (7) – 176 (9) <i>Dục ... Đối Với Thứ Vô Ngã</i> (bên trong)	135
177 (10) – 179 (12) <i>Dục ... Đối Với Thứ Vô Thường</i> (bên ngoài).....	135
180 (13) – 182 (15) <i>Dục ... Đối Với Thứ Khổ</i> (bên ngoài).....	135
183 (16) – 185 (18) <i>Dục ... Đối Với thứ Vô Ngã</i> (bên ngoài)	136
186 (19) <i>Quá Khứ là Vô Thường</i> (bên trong).....	136
187 (20) <i>Tương Lai là Vô Thường</i> (bên trong)	137
188 (21) <i>Hiện Tại là Vô Thường</i> (bên trong)	137
189 (22) – 191 (24) <i>Quá Khứ ... là Khổ</i> (bên trong).....	137
192 (25) – 194 (27) <i>Quá Khứ ... là Vô Ngã</i> (bên trong).....	137
195 (28) – 197 (30) <i>Quá Khứ ... là Vô Thường</i> (bên ngoài).....	138
198 (31) – 200 (33) <i>Quá Khứ ... là Khổ</i> (bên ngoài).....	138
199 (34) – 203 (38) <i>Quá Khứ ... là Vô Ngã</i> (bên ngoài)	138
204 (39) <i>Thứ Vô Thường thuộc Quá Khứ</i> (bên trong).....	139
205 (40) <i>Thứ Vô Thường thuộc Tương Lai</i> (bên trong)	139
206 (41) <i>Thứ Vô Thường thuộc Hiện Tại</i> (bên trong)	139
207 (42) – 209 (44) <i>Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ...</i> (bên trong)	140
210 (45) – 212 (47) <i>Thứ Vô Ngã thuộc Quá Khứ ...</i> (bên trong)..	140
213 (48) – 215 (50) <i>Thứ Vô Thường thuộc Quá Khứ ...</i> (bên ngoài).....	140
216 (51) – 218 (53) <i>Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ...</i> (bên ngoài).....	141
219 (54) – 221 (56) <i>Thứ Vô Ngã thuộc Quá Khứ ...</i> (bên ngoài)	141
222 (57) <i>Các Cơ-Sở [nội xứ] là Vô Thường</i> (bên trong).....	142
223 (58) <i>Các Cơ-Sở là Khổ</i> (bên trong)	142

224 (59) <i>Các Cơ-Sở là Vô Ngã</i> (bên trong).....	142
225 (60) <i>Các Cơ-Sở [ngoại xứ] là Vô Thường</i> (bên ngoài)	143
226 (61) <i>Các Cơ-Sở là Khổ</i> (bên ngoài).....	143
227 (62) <i>Các Cơ-Sở là Vô Ngã</i> (bên ngoài)	143

NHÓM 3. NHÓM ‘ĐẠI DƯƠNG’ (*Samudda-vagga*)144

228 (1) <i>Đại Dương (1)</i>	144
229 (2) <i>Đại Dương (2)</i>	145
230 (3) <i>Ví Dụ Ngư Dân</i>	146
231 (4) <i>Cây Có Mủ</i>	147
232 (5) <i>Ngài Câu-hi-la</i>	148
233 (6) <i>Ngài Kāmabhū</i>	151
234 (7) <i>Ngài Udāyī</i>	152
235 (8) <i>Bài Giảng về sự Bốc Cháy</i>	153
236 (9) <i>Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân ... (1)</i>	156
237 (10) <i>Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân ... (2)</i>	157

NHÓM 4. NHÓM ‘RẮN ĐỘC’ (*Āsīvisa-vagga*)159

238 (1) <i>Ví Dụ Rắn Độc</i>	159
239 (2) <i>Ví Dụ Người Lái Xe Ngựa</i>	162
240 (3) <i>Ví Dụ Con Rùa</i>	164
241 (4) <i>Ví Dụ Thân Cây Lớn (1)</i>	165
242 (5) <i>Ví Dụ Thân Cây Lớn (2)</i>	168
243 (6) <i>Bài Giảng Về Người Bị Ô Nhiễm</i>	168
244 (7) <i>Những Trạng Thái Kéo Theo Khổ Đau</i>	174
245 (8) <i>Cây Kimsuka</i>	178
246 (9) <i>Ví Dụ Đòn Tỳ Bà</i>	181

247 (10) Ví Dụ Sáu Con Vật	183
248 (11) Bó Lúa	186
Chương 36. Liên Kết CẢM-GIÁC	191
NHÓM 1. NHÓM ‘CÓ THI KỆ’ (Sagāthā-vagga).....	193
1 (1) Định Tâm	193
2 (2) Sướng	193
3 (3) Đẹp Bỏ	194
4 (4) Vực Sâu Không Đáy	195
5 (5) Nên Được Nhìn Thấy	196
6 (6) Mũi Tên	197
7 (7) Khu Ngồi Bệnh (1)	200
8 (8) Khu Ngồi Bệnh (2)	203
9 (9) Vô Thường	205
10 (10) Từ Sự Tiếp Xúc	205
NHÓM 2. NHÓM ‘MỘT MÌNH’ (Rahogata-vagga).....	207
11 (1) Một Mình.....	207
12 (2) Trong Bầu Trời (1)	208
13 (3) Trong Bầu Trời (2)	209
14 (4) Nhà Khách	210
15 (5) Với Ānanda (1).....	210
16 (6) Với Ānanda (2).....	211
17 (7) – 18 (8) Một Số Tỳ kheo	212
19 (9) Pañcakaṅga.....	212
20 (10) Các Tỳ kheo	216

NHÓM 3. NHÓM ‘CHỦ ĐỀ MỘT TRĂM LẼ TÁM’ (Aṭṭhasatapariyāya-vagga)	217
21 (1) <i>Sīvaka</i>	217
22 (2) <i>Chủ Đề ‘Một Trăm Lẻ Tám’</i>	218
23 (3) <i>Một Tỳ kheo</i>	219
24 (4) <i>Trước Khi ...</i>	220
25 (5) <i>Sự-Biết</i>	221
26 (6) <i>Một Số Tỳ Kheo</i>	221
27 (7) <i>Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (1)</i>	222
28 (8) <i>Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (2)</i>	222
29 (9) <i>Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (3)</i>	222
30 (10) <i>Bản Kinh Ngắn Gọn (đơn giản)</i>	223
31 (11) <i>Thuộc Tâm Linh</i>	223
Chương 37. Liên Kết PHỤ NỮ’	227
NHÓM 1. NHÓM ‘LẬP LẠI THỨ NHẤT’ (Paṭhama Peyyāla- vagga)	229
1 (1) <i>Dễ Ưa Và Khó Ưa (1)</i>	229
2 (2) <i>Dễ Ưa Và Khó Ưa (2)</i>	229
3 (3) <i>Riêng Biệt</i>	230
4 (4) <i>Ba Phẩm Chất</i>	230
5 (5) <i>Tức Giận</i>	231
6 (6) – 13 (13) <i>Hiểm Độc ...</i>	231
14 (14) <i>Năm</i>	232
NHÓM 2. NHÓM ‘LẬP LẠI THỨ HAI’ (Dutiya Peyyāla- vagga)	233

15 (1) <i>Không Tức Giận</i>	233
16 (2) – 23 (9) <i>Không Hiểm Độc</i>	233
24 (10) <i>Năm Giới Hạnh</i>	234
NHÓM 3. NHÓM ‘NHỮNG SỨC MẠNH’ (<i>Bala-vagga</i>)235	
25 (1) <i>Tự Tin</i>	235
26 (2) <i>Thắng Thế Hơn</i>	235
27 (3) <i>Dưới Sự Kiểm Soát</i>	235
28 (4) <i>Một</i>	235
29 (5) <i>Về Mặt Đó</i>	236
30 (6) <i>Họ Đuổi Đi</i>	237
31 (7) <i>Nguyên Nhân</i>	238
32 (8) <i>Những Hoàn Cảnh</i>	238
33 (9) <i>Tự Tin</i>	240
34 (10) <i>Tăng Trưởng</i>	240
Chương 38. Liên Kết ‘NGƯỜI ĂN TÁO HỒNG’ 241	
1 <i>Câu Hỏi Về Niết-Bàn</i>	243
2 <i>Quả A-La-Hán</i>	243
3 <i>Những Người Theo Giáo Pháp</i>	244
4 <i>Vì Mục Đích Gì?</i>	245
5 <i>Sự Yên Ủi</i>	245
6 <i>Sự Yên Ủi Tối Thượng</i>	246
7 <i>Cảm Giác</i>	247
8 <i>Những Ô Nhiễm</i>	247
9 <i>Vô Minh</i>	247
10 <i>Dục Vọng</i>	248

11 Dòng Lũ	248
12 Sự Chấp Thủ	249
13 Sự Hiện Hữu	249
14 Khổ	250
15 Danh Tính	250
16 Khó Làm	251
Chương 39. Liên Kết SĀMANDAKA	253
1 – 16 Câu Hỏi về Niết-Bàn	255
Chương 40. Liên Kết MUC-KIÈN-LIÊN	257
1 Tầng Thiền Định Thứ Nhất	259
2 Tầng Thiền Định Thứ Hai	260
3 Tầng Thiền Định Thứ Ba	261
4 Tầng Thiền Định Thứ Tư	262
5 Không Vô Biên Xứ	263
6 Thức Vô Biên Xứ	264
7 Vô Sở Hữu Xứ	265
8 Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ	266
9 Vô Dấu Hiệu	267
10 Đê-Thích	268
11 Candana	273
Chương 41. Liên Kết GIA CHỦ CITTA	275
1 Gông Cùm	277
2 Ngài Isidatta (1)	278
3 Ngài Isidatta (2)	280
4 Thần Thông của Ngài Mahaka	283

5 Ngài <i>Kāmabhū</i> (1).....	285
6 Ngài <i>Kāmabhū</i> (2).....	287
7 Ngài <i>Godatta</i>	290
8 Ni-Kiên-Tử <i>Nātaputta</i>	293
9 Tu Sĩ Lỏa Thề Tên Ca-Điếp	295
10 Thăm Người Bệnh.....	297
Chương 42. Liên Kết TRƯỞNG THÔN.....	301
1 <i>Trưởng Thôn Caṇḍa</i>	303
2 <i>Trưởng Đoàn Talaputa</i>	304
3 <i>Trưởng Đoàn Yodhājīva</i>	306
4 <i>Trưởng Đoàn Hatthāroha</i>	307
5 <i>Trưởng Đoàn Assāroha</i>	308
6 <i>Trưởng Thôn Asibandhakaputta</i>	308
7 Ví Dụ Miếng Ruộng	310
8 Người Thổi Kèn Vô Ốc.....	313
9 Những Gia Đình.....	318
10 <i>Trưởng Đoàn Mañicūlaka</i>	320
11 <i>Trưởng Thôn Bhadraka</i>	322
12 <i>Trưởng Thôn Rāsiya</i>	324
13 <i>Trưởng Thôn Pāṭaliya</i>	333
Chương 43. Liên Kết VÔ VI.....	347
NHÓM 1. NHÓM 'THỨ NHẤT' (<i>Paṭhama-vagga</i>)	349
1 (1) <i>Sự Chánh-Niệm Hướng Vào Thân</i>	349
2 (2) <i>Thiền Định và Thiền Quán</i>	349
3 (3) <i>Ý Nghĩ và Sự Soi Xét</i>	350

4 (4) <i>Sự Định Tâm Trống Không</i>	350
5 (5) <i>Các Nền Tầng Chánh Niệm</i>	350
6 (6) <i>Những Sự Chuyên Cần Tu Đúng Dẫn</i>	351
7 (7) <i>Những Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh</i>	351
8 (8) <i>Những Căn Tâm Linh</i>	351
9 (9) <i>Những Năng Lực</i>	351
10 (10) <i>Các Chi Giác Ngộ</i>	351
11 (11) <i>Con Đường Tám Phần</i>	352
NHÓM 2. NHÓM 'THỨ HAI' (<i>Paṭhama-vagga</i>)	353
12 (1) <i>Sự Vô Vi</i>	353
13 (2) <i>Sự Không Còn Ngã Hướng</i>	359
14 (3) – 43 (32) <i>Sự Vô Nhiễm ...</i>	359
44 (33) <i>Đích Đến</i>	360
Chương 44. Liên Kết KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ	361
1 <i>Khemā</i>	363
2 <i>A-Nậu-Lâu-Đà</i>	367
3 <i>Xá-Lợi-Phất Và Câu-Hi-La (1)</i>	367
4 <i>Xá-Lợi-Phất Và Câu-Hi-La (2)</i>	368
5 <i>Xá-Lợi-Phất Và Câu-Hi-La (3)</i>	369
6 <i>Xá-Lợi-Phất Và Câu-Hi-La (4)</i>	370
7 <i>Mục-Kiền-Liên</i>	374
8 <i>Vacchagotta</i>	377
9 <i>Hội Trường Tranh Luận</i>	380
10 <i>Ānanda</i> [Có cái 'ngã' hay không?]	381
11 <i>Sabhiya Kaccāna</i>	383

BẢNG VIẾT TẮT	385
CHÚ THÍCH.....	391

*Kính lễ Đức Thế Tôn,
A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

Chương 35

Liên Kết SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN

(35 Saḷāyatana-saṃyutta)

(35 Tương ưng Sáu Xứ)

PHẦN I

‘NĂM MƯỜI KINH GỐC’

NHÓM 1

NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’

(*Anicca-vagga*)

1 (I) Bên-Trong là Vô Thường¹

Tôi nghe như vậy.² Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo: “Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Này các Tỷ kheo, mắt là vô thường.³ Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Tai là vô thường ... Mũi là vô thường ... Lưỡi là vô thường ... Thân là vô thường ... Tâm là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỷ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, sự ghê-sợ đối với tai, sự ghê-sợ đối với lưỡi, sự ghê-sợ đối với thân, sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã

được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:01)

2 (2) Bên-Trong là Khô

“Này các Tỳ kheo, mắt là khô. Thứ gì khô là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Tai là khô ... Mũi là khô ... Lưỡi là khô ... Thân là khô ... Tâm là khô. Thứ gì khô là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:02)

3 (3) Bên-Trong là Vô Ngã

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Tai là vô ngã ... Mũi là vô ngã ... Lưỡi là vô ngã ... Thân là vô ngã ... Tâm là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:03)

4 (1) Bên-Ngoài là Vô Thường

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc (sắc) (thân sắc, cảnh sắc, vật ...) là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Những âm-thanh (thanh) ... Những mùi-hương (hương) ... Những mùi-vị (vị) ... Những đối-tượng chạm xúc (xúc) ... Những hiện-tượng thuộc tâm (pháp, tâm pháp) là vô thường.⁴ Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với những hình-sắc, sự ghê-sợ đối với những âm-thanh, sự ghê-sợ đối với những mùi-hương, sự ghê-sợ đối với những mùi-vị, sự ghê-sợ đối với những đối-tượng chạm xúc, sự ghê-sợ đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:04)

5 (2) Bên-Ngoài là Khổ

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Những âm-thanh là khô ... Những mùi-hương là khô ... Những mùi-vị là khô ... Những những đối-tượng chạm xúc là khô ... Những hiện-tượng thuộc tâm là khô. Thứ gì khô là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

(SN 35:05)

6 (3) Bên-Ngoài là Vô Ngã

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Những âm-thanh là vô ngã ... Những mùi-vị là vô ngã ... Những đối-tượng chạm-xúc là vô ngã ... Những hiện-tượng thuộc tâm là vô ngã ... Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

(SN 35:06)

7 (7) Bên-Trong là Vô Thường trong Ba Thời

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ

kheo, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, không tác ý) đối với mắt của quá khứ; người đó không tìm kiếm khoái-lạc trong mắt của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với mắt của hiện tại, dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“Tai là vô thường ... Mũi là vô thường ... Lưỡi là vô thường ... Thân là vô thường ... Tâm là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với tai ... tâm của quá khứ; người đó không tìm kiếm khoái-lạc trong tai ... tâm của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với tai ... tâm của hiện tại, dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 35:07)

8 (8) Bên-Trong là Khỏe trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là khỏe, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại ...

“Mũi là khỏe ... Tâm là khỏe, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 35:08)

9 (9) Bên-Trong là Vô Ngã trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại ...

“Mũi là vô ngã ... Tâm là vô ngã, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 35:09)

10 (10) — 12 (12) Bên-Ngoài là Vô Thường trong Ba Thời ...

[03 kinh này giống hệt kinh 7—9 ở trên, chỉ thay bằng các “cơ-sở cảm-nhận bên ngoài”, tức các đối-tượng giác quan, sáu ngoại xứ.]

(SN 35:10—12)

NHÓM 2

NHÓM ‘CÁC CẶP’

(*Yamaka-vagga*)

13 (1) Trước Khi Ta Giác Ngộ (1) (*bên trong*)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ [trước khi sự giác-ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, điều (ý, ý nghĩ) này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] mắt? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm?’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng (lạc) và vui (hỷ) khởi sinh tùy thuộc vào (theo) mắt: đây chính là sự thỏa-thích trong mắt. Mà mắt là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong mắt. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với mắt: đây chính là sự thoát-khỏi mắt.

“‘Sự sướng và vui khởi sinh tùy thuộc vào tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm: đây chính là sự thỏa-thích trong tai ... tâm. Mà tai ... tâm là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong tai ... tâm. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với tai ... tâm: đây chính là sự thoát-khỏi tai ... tâm.’

“Này các Tỳ kheo, chừng nào ta chưa trực-tiếp biết (liễu tri) sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (sáu nội xứ) này đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā (Phạm thiên), trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều đó đúng như chúng thực là, ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-

ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần ... những thiên thần và loài người.⁵

“Sự-biết và sự-thấy (trí-biết và tâm-nhìn; tri kiến) đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của tâm’ của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu.’”

(SN 35:13)

14 (2) Trước Khi Ta Giác Ngộ (2) (bên ngoài)

[*Kinh kể trên nói về “06 cơ-sở cảm-nhận bên trong” (mắt, tai ...); kinh này giống hệt, chỉ thay bằng “06 đối-tượng bên ngoài” (những hình-sắc, những âm-thanh ...).*]

(SN 35:14)

15 (3) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích ... (1) (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong mắt. Mọi sự thỏa-thích trong mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ ta đã nhìn thấy rõ sự thỏa-thích trong mắt với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong mắt. Mọi sự nguy-hại trong mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ ta đã nhìn thấy rõ sự nguy-hại trong mắt với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự thoát-khỏi mắt. Mọi sự thoát-khỏi mắt— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ ta đã nhìn thấy rõ sự thoát-khỏi mắt với xa tới mức nào.”

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong ... sự nguy-hại trong ... sự thoát-khỏi tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm. Mọi sự giải thoát khỏi tai ... tâm— ta đã tìm ra. Bằng trí-tuệ ta đã nhìn thấy rõ sự thoát-khỏi tai ... tâm với xa tới mức nào.

“Này các Tỳ kheo, chừng nào ta chưa trực-tiếp biết (liễu tri) sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (sáu nội xứ) này đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā (Phạm thiên), trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ (sa-môn) và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều đó đúng như chúng thực là, ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng trong thế giới này có những thiên thần ... những thiên thần và loài người

“Sự-biết và sự-thấy đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của tâm’ của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu.”

(SN 35:15)

16 (4) Đi Tìm Sự Thỏa-Thích ... (2) (bên ngoài)

[Giống kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng “*sáu cơ-sở bên ngoài*”.]

(SN 35:16)

17 (5) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích ... (1) (bên trong)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong mắt, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong mắt, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy-hại trong mắt, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong mắt, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu mà không có sự thoát-khỏi mắt, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi mắt, nên chúng sinh (có thể tìm cách) thoát-khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy-hại trong tai ... tâm, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong tai ... tâm, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu mà không có sự thoát-khỏi tai ... tâm, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi tai ... tâm, nên chúng sinh (có thể tìm cách) thoát-khỏi nó.

“Này các Tỳ kheo, chừng nào chúng sinh chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (sáu nội xứ) đúng như chúng thực là, thì họ chưa được giải-thoát khỏi thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, khỏi thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người; họ chưa thoát-ly khỏi nó, chưa giải-thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm không còn những rào-cản.

“Nhưng khi họ đã trực-tiếp biết tất cả những điều này đúng như nó thực là, thì họ được giải-thoát khỏi thế giới này ... có những thiên thần và loài người; họ thoát-ly khỏi nó, giải-thoát khỏi nó, và họ cũng được sống với một cái tâm không còn những rào-cản.” (những rào-cản là những ô-nhiễm và vòng luân-hồi)

(SN 35:17)

18 (6) Nếu Không Có Sự Thỏa-Thích ... (2) (bên ngoài)

[Giống kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng “sáu cơ-sở bên ngoài”.]

(SN 35:18)

19 (7) Khoái Lạc (1) (bên trong)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỷ kheo, ai tìm kiếm khoái-lạc trong mắt là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.

“Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong mắt ... tâm là không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.”

(SN 35:19)

20 (8) Khoái Lạc (2) (bên ngoài)

[Giống kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng “sáu cơ-sở bên ngoài”.]

(SN 35:20)

21 (9) Sự Khởi Sinh của Khổ ... (1) (bên trong)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỷ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của mắt là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là sự khởi sinh của sự khổ, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn mất, và sự biến mất của mắt ... của tâm là sự chấm dứt của sự khổ, sự lặn mất của căn bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 35:21)

22 (10) Sự Khởi Sinh của Khổ ... (2) (bên ngoài)

[Giống kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng “sáu cơ-sở bên ngoài”.]

(SN 35:22)

NHÓM 3

NHÓM ‘TẤT CẢ’

(*Sabba-vagga*)

23 (1) *Tất-Cả*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về tất-cả. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả? Mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc, tâm và những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là tất-cả.⁶

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói rằng: ‘Sau khi dẹp bỏ tất-cả này, tôi sẽ (có thể) chỉ ra (cho thấy, cho biết, mô tả) một tất-cả khác’—thì điều đó chỉ là lời sáo rỗng của người đó mà thôi.⁷ Nếu người đó được hỏi thì người đó không thể trả lời, và thêm nữa, người đó sẽ gặp phải sự ưu-phiền. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, điều đó không nằm trong trú-xứ (lãnh vực, lãnh địa, tầm, phạm vi) của người đó.”⁸

(SN 35:23)

24 (2) *Sự Dẹp Bỏ (1)*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp cho (để dẫn tới) sự dẹp bỏ tất-cả. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả? Mắt sẽ được dẹp bỏ, những hình-sắc sẽ được dẹp bỏ, thức-mắt sẽ được dẹp bỏ, sự tiếp-xúc mắt sẽ được dẹp bỏ, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính [không khổ không sướng]—cũng đều được dẹp bỏ.⁹

“Tai sẽ được dẹp bỏ ... Tâm sẽ được dẹp bỏ, những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm sẽ được dẹp bỏ, sự tiếp-xúc tâm sẽ được dẹp bỏ, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều được dẹp bỏ.

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp cho sự dẹp bỏ tất-cả.”

(SN 35:24)

25 (3) Sự Dẹp Bỏ (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp cho (để dẫn tới) sự dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp (liễu tri) và sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ).¹⁰ Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu? Mắt sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu, những hình-sắc sẽ được dẹp bỏ như vậy, thức-mắt sẽ được dẹp bỏ như vậy, sự tiếp-xúc mắt sẽ được dẹp bỏ như vậy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu.

“Tai ... Tâm sẽ được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu, những hiện-tượng thuộc tâm sẽ được dẹp bỏ như vậy, thức-tâm sẽ được dẹp bỏ như vậy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng được dẹp bỏ thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu.

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp cho sự dẹp bỏ tất-cả thông qua sự biết trực-tiếp và sự hoàn-toàn hiểu.”

(SN 35:25)

26 (4) Hoàn-Toàn Hiểu (1)

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) tất-cả, không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ.¹¹

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ?

“(đó là) Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *mắt*, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ. Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu những hình-sắc ... sự tiếp-xúc mắt ... thức-mắt ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) ... nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ.

“Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tai ... tâm và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ.

(2) “Này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu mới có khả năng tiêu diệt sự khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có khả năng tiêu diệt sự khổ?

“(đó là) Bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *mắt* ... tâm mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt ... do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có khả năng tiêu diệt sự khổ.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người tu có khả năng tiêu diệt sự khổ.”

(SN 35:26)

27 (5) Hoàn-Toàn Hiểu (2)

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả ...?”

“Mắt và những hình-sắc và thức-mắt và những thứ được nhận biết bởi thức-mắt.¹² Tai và những âm-thanh và những thứ được nhận biết bởi thức-tai ... Tâm và những hiện-tượng thuộc tâm và những thứ được nhận biết bởi thức-tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không khả năng tiêu diệt sự khổ.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu tất-cả, bằng cách tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có khả năng tiêu diệt sự khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả ...?”

“ [*Liệt kê như đoạn (1) kể trên*] ”

“Này các Tỳ kheo, đây chính là tất-cả mà bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu nó ... thì người tu có khả năng tiêu diệt sự khổ.”

(SN 35:27)

28 (6) Bốc Cháy (Kinh Lửa)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Gayā, tại chỗ (được gọi là) ‘Đầu của Gayā’ (Gayāsiisa), cùng với một ngàn Tỳ kheo. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:¹³

“Này các Tỳ kheo, tất cả đều đang bốc cháy. Và, này các Tỳ kheo tất cả những thứ đang bốc cháy là gì? Mắt đang bốc cháy, những hình-sắc đang bốc cháy, sự tiếp-xúc mắt đang bốc cháy, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính [không khổ không sướng]—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não), ta nói như vậy.

“Tai đang bốc cháy ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm đang bốc cháy ... và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trở nên ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính; trở nên ghê-sợ đối với tai ... đối với mũi ... đối với lưỡi ... đối với thân ... đối với tâm ... đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... Sau khi đã trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Những Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này

đang được nói ra, tâm của một ngàn Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).

(SN 35:28)

29 (7) Bị Đè Nặng

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, tất-cả bị đè nặng.¹⁴ Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả đó bị đè nặng? (đó là) Mắt bị đè nặng, những hình-sắc bị đè nặng, thức-mắt bị đè nặng, sự tiếp-xúc mắt bị đè nặng, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—cũng bị đè nặng. Bị đè nặng bởi cái gì? Bị đè nặng bởi sự sinh, già, và chết; bởi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói vậy.

“Tai bị đè nặng ... Tâm bị đè nặng ... Bị đè nặng bởi cái gì? Bị đè nặng bởi sự sinh, già, và chết; bởi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói vậy.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:29)

30 (8) Chính Đáng Để Búng Bỏ

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối (cách thức, phương pháp) là chính đáng (đúng đắn, phù hợp) để búng bỏ tất cả mọi sự nhìn-nhận (sự nhận lầm, vọng tưởng này nọ). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường-lối là chính đáng để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận?¹⁵ Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo (i) không nhìn nhận mắt, (ii) không nhìn nhận trong mắt, (iii) không nhìn nhận từ mắt, (iv) không nhìn nhận ‘Mắt là của-ta’.¹⁶ Người đó không nhìn nhận những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Người đó không nhìn nhận tai ... Người đó không nhìn nhận tâm ... những hiện-tượng thuộc tâm ... thức-tâm ... sự tiếp-xúc tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Người đó không nhìn nhận tất-cả, không nhìn nhận trong tất-cả, không nhìn nhận từ tất-cả, không nhìn nhận ‘Tất-cả là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không chấp-thủ thứ gì trong thế giới. Do không còn chấp-thủ (thủ diệt), nên người đó không bị kích-động (âu lo, bận tâm). Do không bị kích-động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’¹⁷

“Này các Tỳ kheo, đây là đường lối là chính đáng để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”

(SN 35:30)

31 (9) Thích Hợp Để Búng Bỏ (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối là thích hợp để (dẫn tới sự) búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.¹⁸ Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là đường-lối là thích hợp để búng bỏ tất cả sự nhìn-nhận? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không nhìn nhận mắt, không nhìn nhận trong mắt, không nhìn nhận từ mắt, không nhìn nhận ‘Mắt là của-ta.’ Người đó không nhìn nhận những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù là sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, (i) thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’—thì nó không phải vậy (là khác, đang khác đi, đang biến đổi). (ii) Thế giới (thế giới chúng sinh), đang trở thành khác đi (đang luôn biến đổi), là đang bị dính theo sự trở thành (này nọ) như vậy, là đang tìm kiếm khoái-lạc chỉ trong cái sự (đang) trở thành (này nọ) mà thôi.¹⁹

“Người đó không nhìn nhận tai ... Người đó không nhìn nhận tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, (i) thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’—thì nó không phải vậy. (ii) Thế giới (thế giới chúng sinh), đang trở thành khác đi (đang luôn biến đổi), là đang bị dính theo sự trở thành (này nọ) như vậy, là đang tìm kiếm khoái-lạc chỉ trong cái sự (đang) trở thành (này nọ) mà thôi.

“Cho dù các đồng (uẩn), các yếu-tố (giới) và các cơ-sở cảm-nhận (xứ) có là gì tới đâu đi nữa, người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không chấp-thủ thứ gì trong thế giới. Do không còn chấp-thủ (thủ diệt), nên người đó không bị kích-động (âu lo, bận tâm). Do không bị kích-

động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Này các Tỳ kheo, đây là đường-lối là thích hợp cho sự bừng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”²⁰

(SN 35:31)

32 (10) Thích Hợp để Bừng Bỏ (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối là thích hợp để (dẫn tới sự) bừng bỏ tất cả sự nhìn-nhận. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là đường-lối là thích hợp để bừng bỏ tất cả sự nhìn-nhận? Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Những hình-sắc ... Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— là thường hằng hay vô thường? ...

“Tai là thường hằng hay vô thường? ... Tâm là thường hằng hay vô thường? ...

“Những đối-tượng thuộc tâm ... Thức-tâm ... Sự tiếp-xúc tâm ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—dù sướng hay khổ hay trung tính— là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là của-ta, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện—dù sừng hay khỏ hay trung tính. Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... đối với tâm ... đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sừng hay khỏ hay trung tính. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Này các Tỳ kheo, đây là đường lối là thích hợp cho sự bứng bỏ tất cả sự nhìn-nhận.”

(SN 35:32)

NHÓM 4

NHÓM ‘PHẢI BỊ SINH’

(*Jātidhamma-vagga*)

33 (1) Phải Bị Sinh

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, tất-cả phải bị sinh (có tính chất khởi sinh, sẽ bị tái sinh). Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tất-cả phải bị sinh? Mắt phải bị sinh. Những hình-sắc phải bị sinh ... Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) ... cũng phải bị tái sinh.

“Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) ... cũng phải bị tái sinh.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:33)

34 (2) — 42 (10) Phải Bị Già ...

“Này các Tỳ kheo, tất-cả phải bị già ... Tất-cả phải bị bệnh ... Tất-cả phải bị chết ... Tất-cả phải bị buồn sầu ... Tất-cả phải bị ô nhiễm ... Tất cả phải bị tàn hoại ... Tất-cả phải bị biến mất ... Tất-cả phải bị khởi sinh (hữu sinh) ... Tất-cả phải bị chấm dứt (hữu diệt) ...”

[*Mỗi “tất-cả” tiếp tục như kinh 35:33 kể trên.*]

(SN 35:34—42)

NHÓM 5
NHÓM ‘VÔ THƯỜNG.’
(*Sabbaanicca-vagga*)

43 (1) — 52 (10) Vô Thường ...

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, tất-cả là vô thường ... Tất-cả là khổ ... Tất-cả là vô ngã ... Tất-cả nên được biết trực-tiếp ... Tất-cả nên được hoàn-toàn hiểu ... Tất-cả nên được dẹp-bỏ ... Tất-cả nên được chứng-ngộ ... Tất-cả nên được hoàn-toàn hiểu thông qua sự biết trực-tiếp ... Tất-cả bị áp bức ... Tất-cả bị đánh đập ...”

[*Mỗi “tất-cả” tiếp tục như kinh 35:33 ở trên.*]

(SN 35:43—52)

PHẦN II

‘NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI’

NHÓM 1

NHÓM ‘VÔ-MINH’

(*Avijjā-vagga*)

53 (1) *Đẹp Bỏ Vô-Minh*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để sự vô-minh được đẹp bỏ và minh (chân trí, trí-biết đích thực) khởi sinh?

“Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô-thường, thì sự vô-minh được đẹp bỏ và minh khởi sinh.²¹ Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô-thường ... Khi một người biết và thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sừng hay khô hay trung tính—đều là vô thường, thì sự vô-minh được đẹp bỏ và minh khởi sinh. Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được đẹp bỏ và minh khởi sinh.”

(SN 35:53)

54 (2) *Đẹp Bỏ Những Gông-Cùm*

... “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để những gông-cùm (kiết sử) được đẹp bỏ?”²²

[*Tiếp tục, Đức Phật trả lời như cuối kinh kể trên.*]

(SN 35:54)

55 (3) Búng Bỏ Những Gông-Cùm

... “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để những gông-cùm (kiết sử) được búng bỏ?”

“Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô-ngã, thì các gông-cùm được búng bỏ. Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô-ngã ... [*tiếp tục như kinh 35:53 kể trên, chỉ thay chữ “vô thường” bằng “vô ngã”*] ... Này các Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì các gông-cùm được búng bỏ.”

(SN 35:55)

56 (4) — 59 (7) Dẹp Bỏ Những Ô-Nhiễm ...

... “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để những ô-nhiễm (lậu hoặc) được dẹp bỏ? ... để những ô-nhiễm được búng bỏ? ... để những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) được dẹp bỏ? ... để có những khuynh-hướng tiềm ẩn được búng bỏ?”²³

“Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy mắt là vô-ngã, thì những khuynh-hướng tiềm ẩn được búng bỏ. Khi một người biết và thấy những hình-sắc là vô-ngã ... [*tiếp tục như kinh 35:53 kể trên, chỉ thay chữ “vô thường” bằng “vô ngã”*] ... Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì những khuynh-hướng tiềm ẩn được búng bỏ.”

(SN 35:56—59)

60 (8) Hoàn-Toàn Hiểu Tất Cả Sự Chấp-thủ

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn đến sự) hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) tất cả sự chấp-thủ (thủ).²⁴ Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để hoàn-toàn hiểu tất cả sự chấp-thủ? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức-mắt khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ). Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, đối với những hình-sắc, đối với thức-mắt, đối với sự tiếp-xúc mắt, đối với cảm-giác. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự chấp-thủ (thủ) đã được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) bởi ta.’²⁵

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên thức-tai ... thức-tâm khởi sinh. Sự gặp nhau của ba thứ này là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ). Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... tâm, đối với những âm-thanh ... những hiện-tượng thuộc tâm, đối với thức-tai ... thức-tâm, đối với sự tiếp-xúc tai ... sự tiếp-xúc tâm, đối với cảm-giác. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự chấp-thủ (thủ) đã được hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) bởi ta.’

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để hoàn-toàn hiểu tất cả sự chấp-thủ.”

(SN 35:60)

61 (9) Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Chấp-thủ (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) tiêu sạch (hết, tận, cạn hết) tất cả sự chấp-thủ. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để tiêu sạch tất cả sự chấp-thủ? Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức-mắt khởi sinh ... [*tiếp tục như đoạn đầu kinh 60 kể trên, cho tới:*] ... Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự chấp-thủ (thủ) đã được làm tiêu sạch bởi ta.’

“Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm, nên thức-tâm khởi sinh ... [*tiếp tục như đoạn sau kinh 60 kể trên, cho tới:*] ... Với sự giải-thoát của nó, người đó hiểu rằng: ‘Sự chấp-thủ (thủ) đã được làm tiêu sạch bởi ta.’

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để tiêu sạch tất cả sự chấp-thủ.”

(SN 35:61)

62 (10) Sự Tiêu Sạch Tất Cả Sự Chấp-thủ (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp để (dẫn tới sự) tiêu sạch tất cả sự chấp-thủ. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp để tiêu sạch tất cả sự chấp-thủ? Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” ... [*tiếp tục đoạn vấn đáp mẫu như kinh 35:32 ở trên*] ...

“Này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp để tiêu sạch tất cả sự chấp-thủ.”

(SN 35:61)

NHÓM 2

NHÓM ‘MIGAJĀLA’

(*Migajāla-vagga*)

63 (1) *Migajāla* (1)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Migajāla đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:²⁶

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người ở một-mình, người ở một-mình’.²⁷ Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là người ở một-mình (độc trú, độc cư), và theo cách nào một người là người ở với người-khác?”²⁸

(1) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái-lạc (vui thích) trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Khi có khoái-lạc, thì có sự say-mê. Khi có sự say-mê, thì có sự trói-buộc. Do bị trói buộc bởi gông-cùm (là) khoái-lạc, này Migajāla, nên một Tỷ kheo được gọi là người ở với người-khác.

“Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... nên một Tỷ kheo được gọi là người ở với người-khác.

“Này Migajāla, một Tỷ kheo ở như vậy thì cho dù người đó có sống tận trong rừng trong núi hay vườn rẫy, tận những chỗ ở xa xôi có ít âm thanh và tiếng ồn, hoang vu, xa lánh con người, thích hợp cho sự sống độc

cur, thì người đó vẫn được gọi là người đang ở với người-khác (người ở chung). Vì lý do gì? Vì có dục-vọng (ái) là bạn cặp-kê của người đó, và người đó chưa dẹp bỏ được nó; do vậy người đó vẫn được gọi là người ở với người-khác.

(2) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt. Khi không có khoái-lạc, thì không có sự say-mê. Khi không có sự say-mê, thì đâu có sự trói-buộc. Do được thoát khỏi gông-cùm (là) khoái-lạc, này Migajāla, nên một Tỳ kheo được gọi là người ở một-mình.

“Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... nên một Tỳ kheo được gọi là người ở một-mình.

“Này Migajāla, một Tỳ kheo ở như vậy thì cho dù người đó có sống gần xóm làng, có giao lưu với các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni khác, với những đệ tử tại gia nam và nữ, với vua chúa và các quan thần, với những sư thầy các giáo phái khác và đệ tử của họ, thì người đó vẫn được gọi là người ở một-mình. Vì lý do gì? Vì dục-vọng (ái) là bạn cặp-kê của người đó, nhưng người đó đã dẹp bỏ nó; do vậy người đó mới được gọi là người ở một-mình.”

(SN 35:63)

64 (2) Migajāla (2)

Lúc đó có Ngài Migajāla đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được từ Thế Tôn, con sẽ ở một mình, thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

(1) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc khởi sinh. Này Migajāla, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh sự khổ đau, ta nói vậy.

“Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỷ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... thì khoái-lạc khởi sinh. Này Migajāla, khi có sự khởi sinh khoái-lạc, thì có sự khởi sinh sự khổ đau, ta nói vậy.

(2) “Này Migajāla, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỷ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, không ôm dính theo chúng, thì khoái-lạc chấm dứt. Này Migajāla, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy.

“Này Migajāla, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỷ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... thì khoái-lạc chấm dứt. Này Migajāla, khi có sự chấm dứt khoái-lạc, thì có sự chấm dứt khổ đau, ta nói vậy.

Rồi thầy Migajāla, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và, sau khi kính lễ và giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra. Rồi, sau khi ở một mình, thu mình,

chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Migajāla, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì (mục-tiêu) đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: “Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Migajāla đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 35:64)

65 (3) *Samiddhi (1)*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có Ngài Samiddhi đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:²⁹

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’, thưa Thế Tôn, theo cách nào là có Ma Vương hay sự mô tả về Ma Vương?”³⁰

(1) “Này Samiddhi, ở đâu có mắt, ở đâu có những hình-sắc, thức-mắt, những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó có Ma Vương hay sự mô tả về Ma Vương.

“Ở đâu có tai ... có tâm, ở đâu có những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm, những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó có Ma Vương hay sự mô tả là Ma Vương.

(2) “Này Samiddhi, ở đâu không có mắt, ở đâu không có những hình-sắc, không có thức-mắt, không có những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó không có Ma Vương và sự mô tả nào về Ma Vương.

“Ở đâu không có tai ... có tâm, ở đâu không có những hiện-tượng thuộc tâm, không có thức-tâm, không có những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó không có Ma Vương và sự mô tả nào là Ma Vương.”

(SN 35:65)

66 (4) Samiddhi (2)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một chúng sinh, một chúng sinh’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có một chúng sinh hay sự mô tả về một chúng sinh?”

[*Phật trả lời như kinh kể trên, chỉ thay chữ những ‘Ma Vương’ thành chữ ‘một chúng sinh’.*]

(SN 35:66)

67 (5) Samiddhi (3)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự khổ, sự khổ’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự khổ hay sự mô tả về sự khổ?”

[*Phật trả lời như kinh kể trên, chỉ thay chữ những ‘một chúng sinh’ thành chữ ‘sự khổ’.*]

(SN 35:67)

68 (6) Samiddhi (4)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có thế giới hay sự mô tả về thế giới?”

(1) “Này Samiddhi, ở đâu có mắt, ở đâu có những hình-sắc, thức-mắt, những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó có thế giới hay sự mô tả về thế giới.

“Ở đâu có tai ... có tâm, ở đâu có những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm, những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó có thế giới hay sự mô tả về thế giới. **

(2) “Này Samiddhi, ở đâu *không* có mắt, ở đâu không có những hình-sắc, không có thức-mắt, không có những thứ được nhận biết bởi thức-mắt, thì ở đó không có thế giới và sự mô tả nào về thế giới.

“Ở đâu *không* có tai ... có tâm, ở đâu không có những hiện-tượng thuộc tâm, không có thức-tâm, không có những thứ được nhận biết bởi thức-tâm, thì ở đó không có thế giới và sự mô tả nào về thế giới.”

(SN 35:68)

69 (7) *Upasena*

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Upasena đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Mát, chỗ Hang Đầu Rắn.³¹ Bấy giờ, lúc đó có một con rắn độc roi xuống trên người của thầy Upasena. Rồi thầy Upasena đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các đạo hữu, hãy đến khiêng cái thân này của tôi lên giường và khiêng nó ra ngoài trước khi nó bị phân rã ngay tại đây như một nắm trấu rạ.”³²

Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Upasena:

“Chúng tôi đâu thấy sự biến đổi nào trong thân thể của Ngài Upasena hay sự thay đổi nào trong các căn của Ngài; nhưng Ngài Upasena vẫn nói: ‘Này các đạo hữu, hãy đến khiêng cái thân này của tôi lên giường và khiêng nó ra ngoài trước khi nó bị phân rã ngay tại đây như một nắm trấu rạ.’”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đối với ai còn nghĩ như vậy: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ ... ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’, thì mới có sự biến đổi của thân hay sự thay đổi của các căn. Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, đối với tôi không còn có điều này: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ ... ‘Ta là tâm’ hay

‘Tâm là của-ta’, vậy tại sao phải có sự biến đổi gì trong thân hay sự thay đổi nào trong các căn của tôi?”³³

“Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo nên sự tự-ta (tùy-miên ngã mạn) đã bị búng sạch bên trong Ngài Upasena đã từ lâu cho nên đối với thầy ấy không còn xảy ra điều này: ‘Ta là mắt’ hay ‘Mắt là của-ta’; ‘Ta là tai’ hay ‘Tai là của-ta’ ... ‘Ta là tâm’ hay ‘Tâm là của-ta’.”

Rồi các Tỳ kheo đã khiêng thân người của thầy Upasena lên giường và khiêng ra ngoài. Rồi thân của thầy Upasena đã phân rã ở đó như một nắm trấu rạ.

(SN 35:69)

70 (8) *Upavāṇa*

Lúc đó có Ngài Upavāṇa đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí?”³⁴

(1) “Ở đây, này Upavāṇa, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo trải nghiệm cả hình-sắc đó và tham-dục đối với hình-sắc đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hình-sắc có (có mặt) ở bên-trong (tâm) như vậy: ‘Trong ta có tham-dục đối với những hình-sắc ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.

“Thêm nữa, này Upavāṇa, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm (pháp) bằng tâm, một Tỳ kheo trải nghiệm cả hiện-tượng thuộc tâm đó và tham-dục đối với hiện-tượng thuộc

tâm đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm có ở bên-trong như vậy: ‘Trong ta có tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí. *(phần (1) này nói về những học-nhân)*

(2) “Nhưng ở đây, này Upavāṇa, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo trải nghiệm hình-sắc đó nhưng *không* trải nghiệm tham-dục đối với hình-sắc đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hình-sắc *không có* (không có mặt) ở bên-trong (tâm) như vậy: ‘Trong ta không có tham-dục đối với những hình-sắc ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.

“Thêm nữa, này Upavāṇa, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm (pháp) bằng tâm, một Tỳ kheo trải nghiệm hiện-tượng thuộc tâm đó nhưng *không* trải nghiệm tham-dục đối với hiện-tượng thuộc tâm đó. Người đó hiểu tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm *không có* ở bên-trong như vậy: ‘Trong ta không có tham-dục đối với những hiện-tượng thuộc tâm ở bên-trong’. Vì có điều đó như vậy, này Upavāṇa, nên (mới nói) Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.”³⁵ *(phần (2) này nói về những A-la-hán)*

(SN 35:70)

71 (9) Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (1)

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở (để) tiếp-xúc (tức sáu giác quan, sáu nội xứ), đứng

như chúng thực là, thì người đó chưa sống đời sống tâm linh; người đó còn ở xa đối với Giáo Pháp và Giới Luật này.”

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây con bị lạc lối,³⁶ vì con không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu cơ-sở tiếp-xúc, đúng như chúng thực là.”

- “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thầy có coi mắt như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

- “Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy mắt đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. Bản thân điều này (đã) là sự chám-dứt khổ.”

- “Thầy có coi tai là như vậy ...? ... Thầy có coi tâm là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

- “Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy tai ... tâm đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. Bản thân điều này (đã) là sự chám-dứt khổ.”

(SN 35:71)

72 (10) Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (2)

[Hai đoạn đầu giống như kinh kể trên:]

- “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thầy có coi mắt như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn”

- “Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy mắt đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. Như vậy cơ-sở tiếp-xúc *thứ nhất* sẽ được thầy dẹp-bỏ để không còn sự tái hiện-hữu tương lai.³⁷

- “Thầy có coi tai ... coi tâm là như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’, hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn”

- “Tốt, này Tỳ kheo! Và ở đây, này Tỳ kheo, thầy nên rõ ràng nhìn thấy tâm đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’. Như vậy cơ-sở tiếp-xúc *thứ hai ... thứ sáu* sẽ được dẹp-bỏ bởi thầy để không còn sự tái hiện-hữu tương lai.”

(SN 35:72)

73 (11) Sáu Cơ Sở để Tiếp Xúc (3)

[Hai đoạn đầu cũng giống như kinh 71 ở trên:]

“Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Tai ... Tâm là thường hằng hay vô thường? – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... sự ghê-sợ đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:73)

NHÓM 3

NHÓM ‘BỆNH’

(*Gilāna-vagga*)

74 (1) Bệnh (1)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở chỗ trú ở đó và đó (địa danh nào đó) có một Tỳ kheo mới được thụ giới, ít được biết đến, người đó bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn đến gặp Tỳ kheo đó vì lòng bi-mẫn.”

Rồi, sau khi đức Thế Tôn nghe được mấy chữ “mới được thụ giới” và “bệnh”, và biết được đó là một Tỳ kheo ít ai biết đến, đức Thế Tôn đã đến gặp thầy ấy. Vị Tỳ kheo nhìn thấy đức Thế Tôn đi tới từ xa và cử động thân mình trên giường bệnh.³⁸ Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Đủ rồi, này Tỳ kheo, thầy đừng cử động trên giường nữa. Có sẵn mấy chỗ ngồi ở đây, ta sẽ ngồi xuống đây.”

Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với vị Tỳ kheo:

- “Ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, này Tỳ kheo, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.”

- “Này Tỳ kheo, ta hy vọng thầy không bị bận tâm bởi sự ân hận và hối tiếc nào.”

“Thưa Thế Tôn, thực đúng là, con có khá nhiều sự ân hận và hối tiếc.”

- “Này Tỳ kheo, ta hy vọng thầy không có gì để tự trách mình về mặt giới-hạnh.”

“Thưa Thế Tôn, con không có gì để tự trách bản thân về mặt giới-hạnh.”

(-) “Này Tỳ kheo, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân về mặt giới-hạnh, vậy thì tại sao thầy lại bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?”

“Thưa Thế Tôn, con hiểu được rằng, không phải (chỉ) vì (mục đích là) sự thanh-lọc giới-hạnh mà Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn chỉ dạy.”

- “Này Tỳ kheo, nếu thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta không phải (chỉ) vì sự thanh-lọc giới-hạnh (là mục tiêu rốt ráo), vậy thầy hiểu được vì mục đích gì mà Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta?”

“Thưa Thế Tôn, con hiểu được Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn là vì sự phai biến của tham-dục.”³⁹

- “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Lành thay, thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta là vì (để đạt tới) sự phai biến của tham-dục.

- “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... “Tai ... Tâm là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không? – “Dạ không, thưa Thế Tôn.”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

“Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Vị Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên tuyền của đức Thế Tôn. Và trong khi lời thuyết giảng đang được nói ra, trong vị Tỳ kheo đó đã khởi sinh một tầm-nhìn không dính-bụi, và vô-nhiễm của Giáo Pháp như vậy: “Thứ gì có sinh thì có diệt”.⁴⁰

(SN 35:74)

75 (2) Bệnh (2)

[Giống hết lời kinh 74 kể trên, cho đến:]

- “Này Tỳ kheo, nếu thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta không phải (chỉ) vì sự thanh-lộc giới-hạnh (là mục tiêu rất ráo), vậy thầy hiểu được vì mục đích gì mà Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta?”

“Thưa Thế Tôn, con hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn là vì (để đạt tới) Niết-bàn cuối cùng không còn sự chấp-thủ.”

- “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Lành thay, thầy hiểu được Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi ta là vì Niết-bàn cuối cùng không còn chấp-thủ.”⁴¹

- “Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... “Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm ... Thức-tâm ... Sự tiếp-xúc tâm ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt ... tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không? – “Không, thưa Thế Tôn.”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

“Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Vị Tỳ kheo đó hài lòng và vui mừng với lời tuyên tuyền của đức Thế Tôn. Và trong khi lời thuyết giảng đang

được nói ra, tâm của vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt).

(SN 35:75)

76 (3) Rādha (1)

Lúc đó có Ngài Rādha đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ dục đối với mọi thứ là vô thường. Và thứ gì là vô thường? Mắt là vô thường; thầy nên dẹp bỏ nó. Những hình-sắc là vô thường ... Thức-mắt là vô thường ... Sự tiếp-xúc mắt là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ nó.

“Tai ... Tâm là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai ... tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ nó. Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ dục đối với mọi thứ là vô thường.”

(SN 35:76)

77 (4) Rādha (2)

... “Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ dục đối với mọi thứ là khổ ... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay ‘vô thường’ thành ‘khổ’.*] ...

(SN 35:77)

78 (5) Rādha (2)

... “Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ dục đối với mọi thứ là vô ngã ...
[Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay ‘khổ’ thành ‘vô ngã’.]

(SN 35:78)

79 (6) Dẹp Bỏ Vô-Minh (1)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có một thứ gì mà thông qua sự dẹp bỏ nó thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và minh (chân trí, trí-biết đích thực) khởi sinh?”

“Này Tỳ kheo, có một thứ mà thông qua sự dẹp bỏ nó thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và minh khởi sinh.”

“Và thưa Thế Tôn, cái gì là một thứ đó?”

“Này Tỳ kheo, sự vô-minh chính là một thứ mà thông qua sự dẹp bỏ nó thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo và minh khởi sinh.”⁴²

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo biết, theo cách nào người đó thấy, để sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và minh khởi sinh?”

“Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy mắt là vô thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và minh khởi sinh. Khi người đó biết và thấy những hình-sắc là vô thường ... Khi người đó biết và thấy thức-mắt là vô thường ... sự tiếp-xúc mắt là vô thường ... mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và minh khởi sinh.

“Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được dẹp bỏ bởi người đó và minh khởi sinh.”

(SN 35:79)

80 (7) *Đẹp Bỏ Vô-Minh (2)*

[Giống hết lời kinh 79 kể trên, cho đến:]

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo biết, theo cách nào người đó thấy, để sự vô-minh được đẹp bỏ bởi người đó và minh (chân trí, trí-biết đích thực) khởi sinh?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã nghe được điều: ‘Không có thứ gì đáng để (chúng ta) cố-chấp vào nó’. Sau khi một Tỳ kheo đã nghe được ‘Không có thứ gì đáng để cố-chấp vào nó’, thì người đó trực-tiếp biết mọi thứ. Sau khi đã trực-tiếp biết (liễu tri) mọi thứ, người đó hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) mọi thứ. Sau khi đã hoàn-toàn hiểu mọi thứ, người đó nhìn thấy tất cả mọi hình-tướng một cách khác đi.⁴³ Người đó nhìn thấy mắt một cách khác đi, người đó nhìn thấy những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt một cách khác đi, người đó cũng nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—một cách khác đi.

“Này Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo biết và thấy như vậy, thì sự vô-minh được đẹp bỏ bởi người đó và minh khởi sinh.”

(SN 35:80)

81 (8) *Một Số Tỳ Kheo*

Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Ở đây, thưa Thế Tôn, có những du sĩ giáo phái khác hỏi chúng con: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cò-đàm?’ Thưa Thế Tôn, khi được hỏi như vậy chúng con trả lời các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, mục đích sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’(*) Thưa Thế Tôn, chúng con

hy vọng rằng, khi trả lời như vậy là chúng con nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn, và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng điều gì trái với thực tế; là chúng con giải thích đúng theo Giáo Pháp, để cho lời nói của chúng con không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình.”⁴⁴

“Chắc chắn là vậy, này các Tỳ kheo, các thầy đã nói điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai lời ta bằng điều gì trái với thực tế; rằng các thầy giải thích đúng theo Giáo Pháp, và lời nói của các thầy không tạo cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình. Bởi vì, này các Tỳ kheo, mục đích của sự sống đời sống tâm linh (phạm hạnh, đời sống tu hành) theo/dưới ta là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.

“Nhưng này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo đó hỏi các thầy: ‘Này các bạn, cái gì là sự khổ đó, mà vì để hoàn-toàn hiểu nó phải đi sống đời sống tâm linh dưới sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, mắt là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Những hình-sắc là khổ ... Thức-mắt là khổ ... Sự tiếp-xúc mắt là khổ ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sừng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ ...

“Tai là khổ ... Tâm là khổ ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai ... tâm là điều-kiện (duyên)—dù sừng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Này các bạn, mục đích của việc sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.”

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời theo cách như vậy.”

(SN 35:81)

82 (9) Thế Giới

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào nó được nói là ‘thế giới’?”

“Này Tỳ kheo, nó đang tan rã (phân rã, tan hoại), do vậy nó được gọi là thế giới.⁴⁵ Và cái gì đang tan rã? Này Tỳ kheo, mắt đang tan rã, những hình-sắc đang tan rã, thức-mắt đang tan rã, sự tiếp-xúc mắt đang tan rã, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù srong hay khổ hay trung tính—cũng đang tan rã.

“Tai đang tan rã ... Tâm đang tan rã ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai ... tâm là điều-kiện (duyên)—cũng đang tan rã. Này Tỳ kheo, nó đang tan rã, do vậy nó được gọi là thế giới.”

(SN 35:82)

83 (10) Ngài Phagguna

Lúc đó có Ngài Phagguna đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có *mắt* nào để làm phương tiện nhờ đó một người mô tả những vị Phật trong *quá khứ*—là những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng (chỉ sự tăng mạnh của dục-vọng), đã cắt đứt đường-lún (đường mòn, vết xe đổ của dục-vọng), đã tuyệt dứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ⁴⁶— hay không? Có *tai* nào ... Có *tâm* nào để làm phương tiện nhờ đó một người mô tả những vị Phật trong *quá khứ*—là những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng, đã cắt đứt đường-lún, đã tuyệt dứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ— hay không?”

“Này Phagguna, không có *mắt* nào để làm phương tiện nhờ đó một người mô tả những vị Phật trong *quá khứ*—là những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng, đã cắt đứt đường-lún, đã tuyệt dứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khổ. Không có *tai* ... Không có *tâm* nào để làm phương tiện nhờ đó một người mô tả những vị Phật trong *quá khứ*—là những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt đứt sự bội-tăng, đã

cắt đứt đường-lún, đã tuyệt dứt vòng luân-hồi, và đã vượt qua tất cả sự khô.”

(SN 35:83)

NHÓM 4

NHÓM ‘CHANNA’

(*Channa-vagga*)

84 (1) Phải Bị Tan Rã

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới, thế giới’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào nó được nói là ‘thế giới’?”

“Này Ānanda, thứ gì phải bị (có bản chất) tan rã thì được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.⁴⁷ Và thứ gì là phải bị tan rã? Này Ānanda, mắt là phải bị tan rã, những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sừng hay khổ hay trung tính—cũng phải bị tan rã.

“Tai là phải bị tan rã ... Tâm là phải bị tan rã ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sừng hay khổ hay trung tính—cũng phải bị tan rã. Này Ānanda, thứ gì phải bị tan rã thì được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.”

(SN 35:84)

85 (2) Thế Giới Là Trống Không

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thế giới là trống không, thế giới là trống không’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào mà nói ‘thế giới là trống không’?”

“Này Ānanda, đó là bởi vì nó không có ngã (tự tính, bản ngã, tự ngã, ‘chủ thể’, cái ‘ta’) và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế

giới là trống không’. Và cái gì không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã? Nay Ānanda, mắt ... tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Thức-mắt ... thức tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã. Sự tiếp-xúc mắt ... sự tiếp xúc tâm là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt ... do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sừng hay khổ hay trung tính—cũng là không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã.

“Nay Ānanda, đó là bởi vì nó không có ngã và không có thứ gì thuộc về ngã, cho nên mới nói ‘Thế giới là trống không.’”

(SN 35:85)

86 (3) Giáo Pháp Một Cách Ngắn Gọn

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn, chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Nay Ānanda, thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” –
“Vô thường thưa Thế Tôn.”

[*Tiếp tục như kinh 35:32 ở trên, cho đến “ ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”*]

(SN 35:86)

87 (4) Ngài Channa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn.⁴⁸ Bấy

giờ, lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất, Ngài Đại Cunda, và Ngài Channa đang ở trên Đỉnh Núi Kền Kền, và thầy Channa đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi sự tách-ly (ẩn trú, thiền trú), đến gặp thầy Đại Cunda, và nói với thầy ấy:

“Này, đạo hữu Cunda, chúng ta hãy đến gặp thầy Channa để hỏi thăm bệnh tình của thầy ấy.”

“Được, đạo hữu”, thầy Đại Cunda đáp lại.

Rồi thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Cunda đã đến gặp thầy Channa, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện với thầy ấy, họ ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Thầy Xá-lợi-phất mới nói với thầy Channa:

“Này đạo hữu Channa, tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi đang⁴⁹ không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.

“Giống như có một lực sĩ đang đâm chẻ đầu tôi ra bằng mũi kiếm sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt xuyên đầu tôi. Tôi đang không chịu đựng nổi ... Giống như có một lực sĩ siết chặt đầu tôi bằng sợi dây da; cũng giống như vậy, có những cơn đau dữ dội trong đầu tôi. Tôi đang không chịu đựng nổi ... Giống như có một người bán thịt [hay người phụ việc của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng cái dao hàng thịt sắc bén; cũng giống như vậy, có những luồng gió dữ dội cắt rọc trong bụng tôi. Tôi đang không chịu đựng nổi ... Giống như có hai lực sĩ nắm giữ chặt tay một người yếu ớt và nướng anh ta trên một hồ than cháy đỏ; cũng giống như vậy, có một sự thiêu đốt dữ dội trong thân tôi. Tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong tôi, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của

chúng, không phải sự lảng lạn, đang được thấy rõ. Nay đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi sẽ dùng dao⁵⁰ (để kết liễu thân bệnh đau đớn), tôi không muốn sống nữa.”

“Mong thầy Channa đừng dùng dao. Mong thầy Channa sống tiếp. Chúng tôi muốn thầy Channa sống tiếp. Nếu thầy thiếu thức ăn, chúng tôi sẽ tìm thức ăn thích hợp cho thầy. Nếu thầy thiếu thuốc thang, chúng tôi sẽ tìm thuốc thang cho thầy. Nếu thầy thiếu người chăm sóc (hầu cận) thích hợp, chúng tôi sẽ tìm người chăm sóc thích hợp cho thầy. Mong thầy Channa đừng dùng dao. Mong thầy Channa sống tiếp. Chúng tôi muốn thầy Channa sống tiếp.”

“Nay đạo hữu Xá-lợi-phất, không phải tôi không có thức ăn và thuốc thang thích hợp hay không có người chăm sóc thích hợp. Nhưng mà, nay đạo hữu Xá-lợi-phất, Vị Thầy (tức Phật) từ lâu đã được tôn kính bởi tôi bằng lòng thương mến, không phải không có sự thương mến; vì điều đó là đúng đắn đối với một đệ tử phải tôn kính Vị Thầy bằng lòng thương mến, không phải không có sự thương mến. Nay đạo hữu Xá-lợi-phất, hãy nhớ điều này: Tỳ kheo Channa sẽ dùng dao một cách không tội lỗi.”⁵¹

“Chúng tôi muốn hỏi thầy Channa một số câu hỏi, thầy Channa cứ trả lời nếu thấy được.”

“Nay đạo hữu Channa, thầy có coi mắt, thức-mắt, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-mắt như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không? Thầy có coi tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm, thức-tâm và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-tâm như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không?”

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, tôi coi mắt, thức-mắt, và những thứ nhận biết được [bởi tâm] thông qua thức-mắt như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]. Tôi coi tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm, thức-tâm và những thứ nhận biết được [bởi

tâm] thông qua thức-tâm như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].”

“Này đạo hữu Channa, thầy đã thấy gì và trực-tiếp biết gì trong mắt, thức-mắt, và những thứ được nhận biết thông qua thức-mắt, để thầy coi chúng như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]? Thầy đã thấy gì và trực-tiếp biết gì trong tai, thức-tai, và những thứ được nhận biết thông qua thức-tai Thầy đã thấy gì và trực-tiếp biết gì trong tâm, thức-tâm, và những thứ được nhận biết thông qua thức-tâm, để thầy coi chúng như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]?”

- “Đạo hữu Xá-lợi-phất, chính vì tôi đã thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt trong mắt, trong thức-mắt, và trong những thứ được nhận biết thông qua thức-mắt, nên tôi mới coi chúng như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]. Chính vì tôi đã thấy và trực-tiếp biết sự chấm-dứt trong tai trong tâm, trong thức-tâm, và trong những thứ được nhận biết thông qua thức-tâm, nên tôi mới coi chúng như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’].”⁵² (a)

Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Cunda đã nói với thầy Channa: “Bởi vậy, này đạo hữu Channa, lời chỉ dạy này của đức Thế Tôn nên được chú-tâm thường xuyên: [‘Có sự dao động trong người còn tùy thuộc, không có sự dao động trong người không còn tùy thuộc; khi không có sự dao động, thì có sự tĩnh lặng; khi có sự tĩnh lặng, thì không có sự ngã hướng (= dục-vọng, ái) này nọ; khi không có sự ngã hướng, thì không có sự đến và sự đi, không có sự qua đời (chết đi) và tái hiện (tái sinh); khi không có sự qua đời và tái hiện, thì không có đây hay ở trên hay ở giữa. Đây là sự chấm-dứt khô.’].”⁵³

Rồi, sau khi thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Cunda đã nói lời khởi xướng này cho thầy Channa, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về. Rồi, không lâu sau khi họ đã đi, thầy Channa đã dùng dao.⁵⁴ (b)

Sau đó thầy Xá-lợi-phất đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Channa đã dùng dao. Vậy nơi-đến của thầy ấy là gì, đường tương lai của thầy ấy là gì?”

“Này Xá-lợi-phất, bộ Tỳ kheo Channa không tuyên bố về sự không tội lỗi của thầy ấy ngay trước mặt các thầy rồi hay sao?”⁵⁵ (c)

“Thưa Thế Tôn, có một ngôi làng của người Vajji (Bạt-kỳ) tên là làng Pubbavijhana. Ở đó thầy Channa có những gia đình thân hữu, những gia đình thân mật, những gia đình luôn tiếp đãi.”⁵⁶

“Này Xá-lợi-phất, thầy Channa thực sự đã có những gia đình thân hữu, những gia đình thân mật, những gia đình luôn tiếp đãi; nhưng ta không nói rằng: ở/tới mức độ đó thì một người tu là có tội lỗi. Này Xá-lợi-phất, khi một người đặt xuống thân này và nhận lãnh thân khác, thì ta nói người đó là còn tội lỗi. (Nhưng) điều này đã không xảy ra trong trường hợp Tỳ kheo Channa. Tỳ kheo Channa đã dùng dao một cách không bị tội lỗi. Như vậy, này Xá-lợi-phất, thầy nên nhớ điều đó.”⁵⁷

(SN 35:87)

88 (5) Ngài Phú-Lâu-Na

Lúc đó có Ngài Phú-lâu-na (Puṇṇa) đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:⁵⁸

Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn ban cho con lời khuyên-dạy (giáo giới) ngắn gọn. Sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Được, này Phú-lâu-na, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Phú-lâu-na đáp lại, Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) Nay Phú-lâu-na, có những hình-sắc [sắc] được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo thích thú chúng, đón chào chúng, và nắm giữ chúng, thì khoái-lạc sẽ khởi sinh trong người đó. Nay Phú-lâu-na, khi khởi sinh khoái-lạc thì có khởi sinh sự khổ, ta nói vậy.

“Nay Phú-lâu-na, có những âm-thanh [thanh] được nhận biết bởi tai .. Những mùi-hương [hương] được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị [vị] được nhận biết bởi lưỡi ... những thứ hữu-hình chạm xúc [xúc] được nhận biết bởi thân ... những đối-tượng thuộc tâm [pháp] được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo thích thú chúng, đón chào chúng, và nắm giữ chúng, thì khoái-lạc sẽ khởi sinh trong người đó. Nay Phú-lâu-na, khi khởi sinh khoái-lạc thì có khởi sinh sự khổ, ta nói vậy.

(2) “Nay Phú-lâu-na, có những âm-thanh [thanh] được nhận biết bởi tai .. Những mùi-hương [hương] được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị [vị] được nhận biết bởi lưỡi ... những thứ hữu-hình chạm xúc [xúc] được nhận biết bởi thân ... những đối-tượng thuộc tâm [pháp] được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo *không* thích thú chúng, không đón chào chúng, và không nắm giữ chúng, thì khoái-lạc sẽ chấm dứt trong người đó. Nay Phú-lâu-na, khi chấm dứt khoái-lạc thì sẽ chấm dứt sự khổ, ta nói vậy.

(3) “Nay Phú-lâu-na, giờ thầy đã nhận được từ ta sự khuyên-dạy ngăn gợn, vậy thầy định đi sống ở xứ nào?”

“Thưa Thế Tôn, có một xứ tên là Sunāparanta. Con sẽ đến sống ở đó.”

(a) “Nay Phú-lâu-na, người dân ở xứ Sunāparanta là thô lỗ và hung bạo. Nếu họ chửi bới và sỉ nhục thầy, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta có chửi bới và sỉ nhục con, thì con sẽ nghĩ: ‘Những Sunāparanta này thật tốt, thật sự tốt, vì họ không đánh con bằng nắm đấm’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

(b) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng nắm đấm, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta có đánh con bằng nắm đấm, thì con sẽ nghĩ: ‘Những Sunāparanta này thật tốt, thật sự tốt, vì họ không đánh con bằng đá cục’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

(c) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng đá cục, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta có đánh con bằng đá cục, thì con sẽ nghĩ: ‘Những Sunāparanta này thật tốt, thật sự tốt, vì họ không đánh con bằng gậy gộc’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

(d) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng gậy gộc, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta có đánh con bằng gậy gộc, thì con sẽ nghĩ: ‘Những Sunāparanta này thật tốt, thật sự tốt, vì họ không đâm con bằng dao’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

(e) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu những người Sunāparanta đâm thầy bằng dao, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta có đâm con bằng dao, thì con sẽ nghĩ: ‘Những Sunāparanta này thật tốt, thật sự tốt, vì họ không lấy mạng con bằng dao bén’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Phúc Lành.”

(f) “Nhưng, này Phú-lâu-na, nếu những người Sunāparanta lấy mạng thầy bằng dao bén, thầy sẽ nghĩ sao về điều đó?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta có lấy mạng con bằng dao bén, thì con sẽ nghĩ: ‘Đã từng có những vị đệ tử của đức Thế Tôn, họ thấy khiếp sợ, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm bởi thân và bởi kiếp sống, họ

đã đi tìm (nhờ) người giết mình.⁵⁹ Nhưng con gặp ngay người giết mình chứ không cần tìm kiếm’. Thì con sẽ nghĩ như vậy, thừa Thế Tôn; thì con sẽ nghĩ như vậy, thừa bậc Phúc Lành.”

“Tốt, tốt, này Phú-lâu-na! Nếu đã có đủ [được phú cho] sự tự-chủ và sự bình-an như vậy, thì thầy sẽ sống được ở xứ Sunāparanta. Này Phú-lâu-na, giờ thì thầy cứ tùy tiện mà đi.”⁶⁰

Rồi, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, thầy Phú-lâu-na đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, và đi ra, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình. Sau đó thầy ấy thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, chuẩn bị lên đường đi du hành theo hướng đến xứ Sunāparanta. Sau khi đã đi qua nhiều chặng đường, cuối cùng thầy đã tới xứ Sunāparanta, và lưu trú ở đó. Sau đó, trong kỳ an cư Mùa Mưa (kiết hạ) năm đó, thầy Phú-lâu-na đã thiết lập được năm trăm đệ tử tại gia nam và năm trăm đệ tử tại gia nữ theo tu tập, và bản thân thầy ấy, cũng trong mùa mưa đó, đã chứng ngộ ba loại trí-biết đích thực (tam minh). Và cũng trong mùa mưa đó, thầy chứng Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn).⁶¹

Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, người họ tộc tên Phú-lâu-na, người đã được đức Thế Tôn ban cho bài khởi xướng (giáo giới) ngắn gọn, đã chết rồi. Nơi-đến của thầy ấy là gì? Đường tương lai của thầy ấy là gì?”

“Này các Tỳ kheo, người họ tộc Phú-lâu-na là hiền trí. Thầy ấy đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và đã không làm phiền lòng ta về sự diễn dịch về Giáo Pháp. Người họ tộc Phú-lâu-na đã bát Niết-bàn.”

(SN 35:88)

89 (6) Ngài Bāhiya

Lúc đó có Ngài Bāhiya đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con

sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Bāhiya, mắt là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... [Tiếp tục như kinh 32 ở trên cho tới chỗ:] ... “Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

Rồi thầy Bāhiya, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, thầy ấy đi ra. Sau đó, sau khi ở (tu) một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Bāhiya, bằng sự tự mình chứng ngộ (giáo pháp) đó bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: “Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Bāhiya đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 35:89)

90 (7) Bị Quấy Động (I)

“Này các Tỳ kheo, sự bị quấy động là một căn bệnh, sự bị quấy động là một ung nhọt, sự bị quấy động là một mũi tên.⁶² Do vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai sống không bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ. Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo cầu mong: ‘Cầu cho tôi sống không còn bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ!’, thì người đó không nên nhìn nhận mắt, không nên nhìn nhận trong mắt, không nên nhìn nhận từ mắt, không nên nhìn nhận ‘Mắt là của-ta’.⁶³

“Người đó không nên nhìn nhận những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt

là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta’.

“Người đó không nên nhìn nhận tai Người đó không nên nhìn nhận tâm ... thức-tâm ... sự tiếp-xúc tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận chúng ‘Đó là của-ta’.

“Người đó không nên nhìn nhận tất-cả, không nên nhìn nhận từ tất-cả, không nên nhìn nhận ‘Tất-cả là của-ta’.

“Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không chấp-thủ thứ gì trong thế giới. Do không còn chấp-thủ (thủ diệt), nên người đó không bị kích-động (âu lo, bận tâm). Do không bị kích-động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:90)

91 (8) Bị Quấy Động (2)

“Này các Tỳ kheo, sự bị quấy động là một căn bệnh, bị quấy động là một ung nhọt, sự bị quấy động là một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai sống không bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ. Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo cầu mong: ‘Cầu cho tôi sống không còn bị quấy động, với mũi tên đã được nhổ bỏ!’, thì người đó không nên nhìn nhận mắt ... những hình-sắc ... thức-mắt ... sự tiếp-xúc mắt ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta’. Bởi vì, này các Tỳ kheo, (i)

thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’—thì nó không phải vậy (là khác, đang khác đi, đang biến đổi). (ii) Thế giới, đang trở thành khác (luôn đang khác đi, luôn đang biến đổi), bị trói buộc vào sự hiện-hữu, tìm kiếm khoái-lạc chỉ trong sự hiện-hữu mà thôi.⁶⁴

“Người đó không nên nhìn nhận tai Người đó không nên nhìn nhận tâm ... những hiện-tượng thuộc tâm ... không nên nhìn nhận thức-tâm ... không nên nhìn nhận sự tiếp-xúc tâm ... và đối với mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— người đó cũng không nên nhìn nhận chúng, không nên nhìn nhận trong chúng, không nên nhìn nhận từ chúng, không nên nhìn nhận ‘Đó là của-ta’. Bởi vì, này các Tỷ kheo, (i) thứ gì người ta nhìn nhận, thứ gì người ta nhìn nhận trong đó, thứ gì người ta nhìn nhận từ đó, thứ gì người ta nhìn nhận là ‘của-ta’—thì nó không phải vậy. (ii) Thế giới, đang trở thành khác, bị trói buộc vào sự hiện-hữu, tìm kiếm khoái-lạc chỉ trong sự hiện-hữu mà thôi.

“Cho dù các tổ-hợp (uẩn), các yếu-tố (giới), và các cơ-sở cảm-nhận (xứ) có là gì tới đâu đi nữa, người đó cũng không nhìn nhận chúng, không nhìn nhận trong chúng, không nhìn nhận từ chúng, không nhìn nhận ‘Đó là của-ta.’

“Do người đó không nhìn nhận bất cứ thứ gì như vậy, nên người đó không chấp-thủ thứ gì trong thế giới. Do không còn chấp-thủ (thủ diệt), nên người đó không bị kích-động (âu lo, bận tâm). Do không bị kích-động, người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

(SN 35:91)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về cặp đôi. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cặp đôi? Mắt và những hình-sắc, tai và những âm-thanh, mũi và những mùi-hương, lưỡi và những mùi-vị, thân và những đối-tượng chạm xúc, tâm và những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là cặp đôi.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Sau khi dẹp bỏ cặp đôi này, tôi sẽ mô tả (cho thấy) cặp đôi khác’— thì điều đó chỉ là lời sáo rỗng của người đó mà thôi.(*). Nếu người đó được hỏi thì người đó không thể trả lời, và thêm nữa, người đó sẽ gặp phải sự ưu-phiền. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, điều đó không nằm trong trú xứ (lãnh vực, lãnh địa, chuyên môn) của người đó.”(**)⁶⁵

(SN 35:92)

93 (10) Cặp Đôi (2)

“Này các Tỳ kheo, thức sinh ra là tùy thuộc vào một cặp đôi. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là thức sinh ra tùy thuộc vào một cặp đôi?

- “Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc nên khởi sinh thức-mắt. Mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác (đang khác đi, đang luôn biến đổi); những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Như vậy cặp đôi này là đang chuyển động và đang lung lay,⁶⁶ là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Thức-mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Này các Tỳ kheo, khi thức-mắt đã khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện (nhân duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Sự gặp-gỡ, sự gặp-nhau, sự cùng-gặp của ba thứ này (*mắt+những hình-sắc+thức-mắt*) được gọi là sự tiếp-xúc mắt. Sự tiếp-xúc mắt cũng là

vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-mắt cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Nay các Tỳ kheo, khi thức-mắt khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện (nhân duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Nay các Tỳ kheo, khi có tiếp-xúc người ta cảm-nhận; có tiếp-xúc người ta ý-muốn; có tiếp-xúc người ta nhận-thức.⁶⁷ Như vậy những thứ này cũng là đang chuyển động và lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

- “Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh nên khởi sinh thức-tai ... Tùy thuộc vào tâm và những hiện-tượng thuộc tâm nên khởi thức-tâm. Tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác; những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Như vậy cặp đôi này là đang chuyển động và đang lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Thức-tâm là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Nay các Tỳ kheo, khi thức-tâm đã khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện (nhân duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Sự gặp-gỡ, sự gặp-nhau, sự cùng-gặp của ba thứ này (*tâm+những hiện-tượng thuộc tâm+thức tâm*) được gọi là sự tiếp-xúc tâm. Sự tiếp-xúc tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Cái nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh thức-tâm cũng là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Nay các Tỳ kheo, khi thức-tâm khởi sinh tùy thuộc vào một điều-kiện (nhân duyên) là vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?

“Nay các Tỳ kheo, khi có tiếp-xúc người ta cảm-nhận; có tiếp-xúc người ta ý-muốn; có tiếp-xúc người ta nhận-thức. Như vậy những thứ này

cũng là đang chuyển động và lung lay, là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là thức sinh ra tùy thuộc vào một cặp đôi.” **

(SN 35:93)

NHÓM 5

NHÓM ‘SÁU THỨ’

(*Saḷa-vagga*)

94 (1) Không Được Thuần Phục, Không Được Phòng Hộ ⁶⁸

Ở Sāvattḥī.

(1) “Này các Tỳ kheo, sáu cơ-sở (để) tiếp-xúc này—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiểm chế— là những thứ mang khổ (thống khổ, cực khổ).⁶⁹ Sáu đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, mắt là một cơ-sở tiếp xúc—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiểm chế— là một thứ mang khổ. Tai là một cơ-sở tiếp xúc ... Tâm là một cơ-sở tiếp xúc—nếu không được thuần phục, không được phòng hộ, không được bảo vệ, không được kiểm chế— là một thứ mang khổ.

(2) “Này các Tỳ kheo, sáu cơ-sở để tiếp xúc này—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiểm chế— là những thứ mang lạc (hạnh phúc, cực lạc).⁷⁰ Sáu đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, mắt là một cơ-sở tiếp xúc—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiểm chế— là một thứ mang lạc. Tai là một cơ-sở tiếp xúc ... Tâm là một cơ-sở tiếp xúc—nếu được thuần phục, được phòng hộ, được bảo vệ, được kiểm chế— là một thứ mang lạc.

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:

“Này các Tỳ kheo, chỉ có sáu cơ-sở tiếp-xúc,
Ngay đó kẻ không kiểm chế gặp phải khổ đau.
Người biết cách kiểm chế chúng
Thì sống không suy đồi, với niềm-tin là bạn đường.

“Sau khi nhìn thấy những hình-sắc làm tâm khoái thích,
Và sau khi nhìn thấy chúng (người tu) không còn khoái thích,

Đẹp bỏ đường tham-dục đối với thứ khoái thích,
Và không vun bón cái tâm bằng suy-nghĩ (sân) rằng:
‘[Thứ này, thứ kia] đang làm ta khó chịu.’

“Sau khi nghe thấy những âm-thanh,
Dễ chịu và khó chịu (gắt gỏng, ồn ào)
Không mê thích với âm thanh dễ chịu,
Đẹp bỏ đường sân-giận đối với âm thanh khó chịu.
Và không vun bón cái tâm bằng suy-nghĩ (sân) rằng:
‘[Tiếng này, tiếng kia] đang làm ta khó chịu.’

“Sau khi ngửi mùi hương thơm đáng thích,
Và ngửi mùi tanh hôi khó chịu,
Đẹp bỏ sân-giận đối với mùi tanh hôi khó chịu
Cũng không khởi dục đối với mùi thơm đáng thích.

“Sau khi thưởng thức vị ngon ngọt,
Và sau khi có lúc nếm vị đắng cay,
Không tham lam thưởng thức vị ngon ngọt
Không sân-giận đối với vị đắng cay.

“Khi chạm xúc bởi sự tiếp-xúc dễ chịu không khoái thích,
Khi chạm xúc bởi sự đau đớn không giạt mình giãy nảy,
Nhìn sự sừng và sự khỏ một cách bình đẳng (bình tâm)
Không chạy theo (sừng), cũng không kháng cự (khỏ).

“Khi người phàm có nhận-thức (tưởng) bị tăng-phóng,
Họ nhận-thức và họ tăng-phóng thì họ bị dính-líu.
Sau khi đã xua tan mọi trạng thái tâm hướng đời sống tại gia
Người tu bước đi trên con đường từ-bỏ (xuất gia).⁷¹

“Khi tâm đã được tu tập thiện khéo như vậy trong “sáu@ này
Thì khi có tiếp-xúc tâm người tu không bao giờ dao động ở đâu
Sau khi đã chinh phục tham và sân, hỏi các Tỷ kheo,
Hãy vượt qua bờ bên kia thoát khỏi sinh-tử!”

95 (2) Ngài Mālunkyaputta

Lúc đó có Ngài Mālunkyaputta đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:⁷²

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Ồ đây, này Mālunkyaputta, ta nên nói gì với các Tỷ kheo trẻ khi một Tỷ kheo như thầy—đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã trong tuổi xế chiều của cuộc đời, đã tới giai đoạn cuối—đi thỉnh cầu ta một sự khởi xướng (sự chỉ giáo) ngắn gọn, như vậy?”⁷³

“Thưa Thế Tôn, mặc dù con đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã trong tuổi xế chiều của cuộc đời, đã tới giai đoạn cuối, con mong Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, mong bậc Phúc Lành chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn. Có lẽ con hiểu được ý nghĩa lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, có lẽ con trở thành một người thừa tự của lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.”

“Thầy nghĩ sao, này Mālunkyaputta, đối với *những hình-sắc* [sắc] mà thầy chưa nhìn thấy và chưa bao giờ nhìn thấy trước giờ, không nhìn thấy và không nghĩ nó đã được nhìn thấy, thì thầy có dục, tham, và luyến-ái (cảm tình) với chúng, hay không?”⁷⁴

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Đối với *những âm-thanh* [thanh] được nhận biết bởi tai ... đối với *những mùi-hương* [hương] được nhận biết bởi mũi ... *những mùi-vị* [vị] được nhận biết bởi lưỡi ... *những đối-tượng chạm xúc* [xúc] được nhận biết bởi thân ... *những hiện-tượng thuộc tâm* [pháp] được nhận biết bởi tâm mà thầy chưa nhìn thấy và chưa bao giờ nhìn thấy trước giờ, không nhìn thấy và không nghĩ nó đã được nhìn thấy, thì thầy có dục, tham, và luyến-ái nào với chúng, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Ở đây, này Māluṅkyaputta, đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết bởi thầy: ‘trong cái được nhìn thấy [sẽ] chỉ có cái được nhìn thấy; trong cái được nghe thấy chỉ có cái được nghe thấy, trong cái được cảm nhận chỉ có cái được cảm nhận, trong cái được nhận biết, chỉ có cái được nhận biết’.

“Này Māluṅkyaputta, đối với những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết bởi thầy: ‘trong cái được nhìn thấy chỉ có cái được nhìn thấy; trong cái được nghe thấy chỉ có cái được nghe thấy, trong cái được cảm nhận chỉ có cái được cảm nhận, trong cái được nhận biết, chỉ có cái được nhận biết’, vậy thì, này Māluṅkyaputta, thầy sẽ không là (được tạo tác) ‘bởi-đó’. Này Māluṅkyaputta, khi thầy không là ‘bởi-đó’ thì thầy sẽ không ở ‘trong-đó’. Này Māluṅkyaputta, khi thầy không ở ‘trong-đó’ thì thầy sẽ không ở bên-này hay bên-kia hay ở giữa hai-bên. Chính điều này là sự chấm-dứt khổ.”⁷⁵

“Thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn, như vậy:

(1) “Khi nhìn thấy một hình-sắc với sự chánh-niệm bị mờ rồi,
Chú tâm (tác ý) tới dấu hiệu đáng thích (tướng sừng, tướng đẹp),
Người trải nghiệm nó với một cái tâm bị mê đắm,
Và bám chặt theo nó.

“Nhiều cảm-giác phát sinh bên trong
Bắt nguồn từ hình-sắc nhìn thấy được
Có thêm muốn (tham) và có cả phiền bực (sân)
Do đó mà tâm người bị quấy nhiễu.⁷⁶
Đối với ai tích tạo khổ như vậy
Thì Niết-bàn được cho là còn xa.

“Khi nghe thấy một âm-thanh với sự chánh-niệm bị mờ rồi ...

“Khi ngửi thấy một mùi-hương, với sự chánh-niệm bị mờ rồi ...

“Khi nếm thấy một mùi-vị với sự chánh niệm bị mờ rồi ...

“Khi cảm nhận một chạm-xúc với sự chánh-niệm bị mờ rồi ...

“Khi nhận biết một đối-tượng với sự chánh-niệm bị mờ rồi ...

Đối với ai tích tạo khổ như vậy
Thì Niết-bàn được cho là còn xa.

(2) “Khi, có chánh-niệm vững chắc, người nhìn thấy một hình sắc
Người đó không bị đốt bởi tham-dục đối với những hình-sắc;
Người đó trải nghiệm nó với cái tâm chán-bỏ
Và không bám chặt theo nó.

“Người sống một cách có chánh-niệm như vậy,
Ngay cả khi người nhìn thấy những hình-sắc,
Và khi đang trải nghiệm một cảm-giác,
[Sự khổ] được tiêu tán, chứ không được tích thêm.⁷⁷
Đối với ai tháo bỏ sự khổ như vậy
Thì Niết-bàn được cho là ở gần.

“Khi, có chánh-niệm vững chắc, người nghe thấy một âm-thanh
Người đó không bị đốt bởi tham-dục đối với những âm-thanh ...

“Khi, có chánh-niệm vững chắc, người ngửi thấy một mùi-hương
Người đó không bị đốt bởi tham-dục đối với những mùi-hương ...

“Khi, có chánh-niệm vững chắc, người nếm thấy một mùi-vị
Người đó không bị đốt bởi tham-dục đối với những mùi-vị ...

“Khi, có chánh-niệm vững chắc, người cảm nhận một sự chạm-xúc
Người đó không bị đốt bởi tham-dục đối với những sự chạm-xúc ...

“Khi, có chánh-niệm vững chắc, người nhận biết một đối-tượng
Người đó không bị đốt bởi tham-dục đối với những đối-tượng ...
Đối với ai giảm thiểu sự khổ như vậy,
Thì Niết-bàn được cho là ở gần.

“Thưa Thế Tôn, theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Mālunkyaputta! Tốt thay thầy hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được ta mới nói ra một cách ngắn gọn.

[*Và Đức Phật lặp lại toàn bộ phần thi kệ trên, và nói tiếp:*]

“Này Mālunkyaputta, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy.”

Rồi thầy Mālunkyaputta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, thầy ấy đi ra. Rồi sau đó, ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, thầy Mālunkyaputta, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tâm linh (phạm hạnh), mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

Và thầy Mālunkyaputta đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 35:95)

96 (3) *Sự Sa Sút*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người ‘phải bị sự sa-sút’, về người ‘không bị sự sa-sút’, và về ‘sáu cơ-sở được làm-chủ’. Hãy lắng nghe điều đó ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người ‘phải bị sự sa-sút’?⁷⁸ Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, ngay đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định bất thiện xấu ác’ có kết nối (câu hữu, liên hữu) với những gông-cùm (kiết sử).⁷⁹ Nếu một Tỳ kheo dung dưỡng chúng, và không dẹp bỏ, xua tan, chấm dứt và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu

điều này như vậy: ‘Ta đang sa-sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự sa-sút’.

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một *âm-thanh* bằng tai ... nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng tâm, ngay đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định bất thiện xấu ác’ có nối kết với những gông-cùm. Nếu một Tỳ kheo dung dưỡng chúng, và không dẹp bỏ, xua tan, chấm dứt và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang sa-sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự sa-sút’.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người ‘phải bị sự sa-sút’.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người ‘không bị sự sa-sút’? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một người nhìn thấy một *hình-sắc* bằng mắt, ngay đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định bất thiện xấu ác’ có nối kết với những gông-cùm. Nếu một Tỳ kheo *không* dung dưỡng chúng mà dẹp bỏ chúng, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang *không* sa-sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự không sa-sút.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một *âm-thanh* bằng tai ... nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng tâm, ngay đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định bất thiện xấu ác’ có nối kết với những gông-cùm. Nếu một Tỳ kheo *không* dung dưỡng chúng mà dẹp bỏ chúng, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang *không* sa-sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự không sa-sút.’

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một người ‘không bị sự sa-sút’.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ‘sáu cơ-sở [sáu xứ] được làm-chủ’?⁸⁰ Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một *hình-sắc*

bằng *mắt*, ngay đó *không* khởi sinh trong tâm người đó ‘những trạng-thái, hay những sự-nhớ, hay những ý-định bất thiện xấu ác’ nào có nối kết với những công-cùm. Tỳ kheo đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Cơ-sở này đã được làm-chủ. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là một ‘cơ-sở được làm-chủ’.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nghe thấy một *âm-thanh* bằng tai ... nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, ngay đó *không* khởi sinh trong tâm người đó ‘những trạng-thái, hay những sự-nhớ, hay những ý-định bất thiện xấu ác’ nào có nối kết với những công-cùm. Tỳ kheo đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Cơ-sở này đã được làm-chủ. Vì sự này đã được đức Thế Tôn gọi là một ‘cơ-sở được làm-chủ’.’

“Này các Tỳ kheo, đó được gọi là ‘sáu cơ-sở đã được làm-chủ’.”

(SN 35:96)

97 (4) *Sống Lo-tâm*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ‘người sống một cách lo-tâm’ (phóng dật), và ‘người sống một cách chuyên-chú’ (chuyên tâm). Hãy lắng nghe điều đó ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một ‘*người sống một cách lo-tâm*’? Nếu người sống *không có sự kiểm chế căn-mắt* (nhãn căn), thì cái tâm bị phủ lấp [bị lấp đất]⁸¹ trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Nếu tâm bị phủ lấp như vậy thì không có niềm-vui. Không có niềm-vui thì không có sự hoan-hỷ (hỷ). Không có sự hoan-hỷ thì không có sự tĩnh-lặng (khinh an). Không có sự tĩnh-lặng thì người đó sống trong sự khổ.⁸² Tâm của người sống trong sự khổ thì không đạt-định được. Khi tâm không đạt-định, thì các pháp (những hiện-tượng, giáo pháp) không thể hiện (đúng như chúng thực là). Bởi do các pháp không thể-hiện, nên người đó được quy là một ‘*người sống một cách lo-tâm phóng dật*’.⁸³

“Nếu một người sống *không có sự kiềm chế căn-tai* (nhĩ căn), thì cái tâm bị phủ lấp trong những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Nếu một người sống *không có sự kiềm chế căn-tâm* (tâm căn), thì cái tâm bị phủ lấp trong những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm Bởi do các pháp không thể hiện, nên người đó được quy là một ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một ‘*người sống một cách chuyên-chú*’? Nếu một người sống *với sự kiềm chế căn-mắt* (nhãn căn), thì cái tâm *không* bị phủ lấp trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Nếu tâm *không* bị phủ lấp như vậy thì có niềm-vui. Khi có niềm-vui thì có sự hoan-hỷ (hỷ). Khi có sự hoan-hỷ thì có sự tĩnh-lặng (khinh an). Khi có sự tĩnh-lặng thì người đó trong thân trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc). Tâm của người sống trong sự hạnh-phúc thì đạt-định được. Khi tâm đạt-định, thì các pháp (những hiện-tượng, giáo pháp) sẽ thể hiện (đúng như chúng thực là). Do các pháp thể hiện như vậy, nên người đó được quy là một ‘người sống một cách chuyên-chú’.

“Nếu một người sống *với sự kiềm chế căn-tai* (nhĩ căn), thì cái tâm *không* bị phủ lấp trong những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Nếu một người sống *với sự kiềm chế căn-tâm* (tâm căn), thì cái tâm *không* bị phủ lấp trong những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm Do các pháp thể hiện như vậy, nên người đó được quy là một ‘người sống một cách chuyên-chú’.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là ‘một người sống một cách chuyên chú’.”

(SN 35:97)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự kiềm-chế và sự không kiềm-chế. Hãy lắng nghe điều đó ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có sự không kiềm-chế? Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gọi nhục dục. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang sa-sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự sa-sút.’

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... những đối-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang sa-sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự sa-sút.’

“Này các Tỳ kheo, như vậy là sự không kiềm-chế.

(2) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, *không* chào đón chúng, và *không* ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang *không* sa-sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự không sa-sút.’

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... những đối-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, *không* chào đón chúng, và *không* ôm dính theo chúng, thì người đó nên hiểu điều này như vậy: ‘Ta đang *không* sa-sút khỏi những trạng thái thiện lành. Vì sự như vậy đã được đức Thế Tôn gọi là sự không sa-sút.’

“Này các Tỳ kheo, như vậy là sự kiềm-chế.”

(SN 35:98)

99 (6) Sự Định Tâm

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.”⁸⁴

“Và cái gì mà người đó hiểu được đúng như chúng thực là? Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Mắt là vô thường’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Những hình-sắc là vô thường’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Thức-mắt là vô thường’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Sự tiếp-xúc mắt là vô thường’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường’.

“Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Tai là vô thường’ ... ‘Tâm là vô thường’ ... Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường’.

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.”

(SN 35:99)

100 (7) Sự Tách Ly

“Này các Tỳ kheo, hãy nỗ lực (tu tập) trong sự tách-ly (ẩn dật, ẩn trú, ẩn tu; để thiên tập). Một Tỳ kheo sống tách-ly thì hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.”

[Phần còn lại giống hệt bài kinh kể trên.]

(SN 35:100)

101 (8) Không Phải Của-Ta (1)

“Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải của-ta [không phải của ‘các thầy’], hãy dẹp bỏ nó.⁸⁵ Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi (lợi) và hạnh phúc (lạc) cho các thầy. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ không phải của-ta? Mắt không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy. Những hình-sắc không phải là của-ta ... Thức-mắt không phải là của-ta ... Sự tiếp-xúc mắt không phải là của-ta ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy.

“Tai không phải là của-ta ... Tâm không phải là của-ta ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng không phải là của-ta. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy.

“Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn của Thái tử Jeta này, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn ‘chúng ta’ đi, hoặc đang đốt hết ‘chúng ta’, hay đang xử lý ‘chúng ta’ theo ý họ, hay không?’”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là ‘chúng ta’ hay ‘thuộc về chúng ta’.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mắt không phải là của-ta ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)— cũng không phải là của-ta: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy.”

(SN 35:101)

102 (9) *Không Phải Của-Ta* (2)

[Giống kinh kể trên, chỉ khác là không có phần ví dụ.]

(SN 35:102)

103 (10) *Uddaka*

“Này các Tỳ kheo, Uddaka Rāmaputta đã từng tuyên bố như vậy:

“‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy về trí-biết—
Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ—
Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ
Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’⁸⁶

“Này các Tỳ kheo, mặc dù bản thân Uddaka Rāmaputta không phải là một bậc thầy về trí-biết (bậc trí sư) nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc thầy về trí-biết’. Mặc dù bản thân ông không phải là một bậc chinh phục vũ trụ (bậc chinh phục tất cả) nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc chinh phục vũ trụ’. Mặc dù bản thân ông chưa cắt bỏ gốc ung nhọt nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta đã cắt bỏ gốc ung nhọt’. Nhưng ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy:

“‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy về trí-biết—
Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ—
Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ
Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một bậc thầy về trí-biết? Khi một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc, sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với *sáu cơ-sở tiếp xúc* đúng như chúng thực là; một Tỳ kheo như vậy một bậc thầy về trí-biết.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là một bậc chinh phục vũ trụ? Sau khi đã hiểu được nguồn-gốc, sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với *sáu cơ-sở tiếp xúc* đúng như

chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt); một Tỳ kheo như vậy đó là một bậc chinh phục vũ trụ.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo đã cắt bỏ hết gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đó? Này các Tỳ kheo, ‘ung nhọt’: đây là một cách để chỉ thân này gồm bốn yếu tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) vô-thường, phải bị chà xát và bị đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.⁸⁷ Và ‘gốc ung nhọt’ là một cách để chỉ dục-vọng (ái). Khi dục-vọng đã được dẹp bỏ bởi một Tỳ kheo, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai, thì trong trường hợp như vậy là một Tỳ kheo đã cắt bỏ gốc ung nhọt chưa bị cắt bỏ trước đó.

“Này các Tỳ kheo, mặc dù bản thân Uddaka Rāmaputta không phải là một bậc thầy về trí-biết (bậc trí sư) nhưng ông đã tuyên bố: ‘Ta là một bậc thầy về trí-biết’ ... Nhưng ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy:

“‘Đây, chắc chắn là một bậc thầy về trí-biết—
Đây, chắc chắn là một bậc chinh phục vũ trụ—
Đây, chắc chắn là người đã cắt bỏ,
Gốc ung nhọt chưa được cắt bỏ trước đây!’

(SN 35:103)

PHẦN III

‘NĂM MƯƠI KINH THỨ BA’

NHÓM 1

NHÓM ‘AN TOÀN KHỎI SỰ TRÓI BUỘC’

(*Yogakkhemi-vagga*)

104 (I) An Toàn Khỏi Sự Trói Buộc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘người tuyên bố sự cố-gắng (tu) để trở nên (được) an-toàn khỏi (mọi) sự trói-buộc’.⁸⁸ Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘người tuyên bố sự cố-gắng để trở nên sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’? Này các Tỳ kheo, có những *hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Những thứ đó đã bị dẹp bỏ bởi Như Lai, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Bậc ấy tuyên bố sự cố-gắng [nên được làm] để dẹp-bỏ chúng. Do vậy, Như Lai được gọi là ‘người tuyên bố sự cố-gắng để trở nên an-toàn khỏi sự trói-buộc’.⁸⁹

“Này các Tỳ kheo, có những *âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... những đối-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Những thứ đó đã bị dẹp bỏ bởi Như Lai, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết của cây cọ, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Bậc ấy tuyên bố sự cố-gắng [nên được làm] để dẹp bỏ được chúng. Do vậy, Như Lai được gọi là ‘người tuyên bố sự cố-gắng để trở nên an-toàn khỏi sự trói-buộc’.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘người tuyên bố sự cố-gắng để đạt tới sự an-toàn khỏi sự trói-buộc.’”

(SN 35:104)

105 (2) Do Chấp Thủ

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do chấp thủ vào cái gì, nên có sự sướng và khổ khởi sinh ở bên-trong?”⁹⁰

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

(1) “Này các Tỳ kheo, khi có *mắt*, do chấp thủ vào *mắt*, nên có sướng và khổ sinh ở bên-trong. Khi có *tai ... tâm*, do chấp thủ vào *tai ... tâm*, nên có sướng và khổ khởi sinh ở bên-trong.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, *mất* là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn.”

“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”

“Nhưng nếu không chấp thủ vào thứ gì ‘vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì liệu sự sướng và khổ có khởi sinh ở bên-trong, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm là thường hằng hay vô thường?
... ..”

“Nhưng nếu không chấp thủ vào thứ gì ‘vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì liệu sự sướng và khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với *mắt ... tâm*. Sau khi trải

nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:105)

106 (3) Nguồn Gốc Khổ

[Giống hết kinh 12:43 (Quyển 2).]

(SN 35:106)

107 (4) Nguồn Gốc Thế Giới

[Giống hết kinh 12:44 (Quyển 2).]

(SN 35:107)

108 (5) Ta Tốt Hơn ...

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt), do chấp thủ vào cái gì, do có-chấp vào cái gì, nên khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’?”⁹¹

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

(1) “Này các Tỳ kheo, khi có *mắt*, do chấp thủ vào mắt, do có chấp vào mắt, nên khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’. Khi có *tai ... tâm*, do chấp thủ vào tai ... tâm, do có chấp vào tai ... tâm, nên khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt ... tâm là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn” ...

“Nhưng nếu không chấp thủ vào thứ gì ‘vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì liệu có khởi sinh ý nghĩ: ‘Ta tốt hơn’, hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... tâm ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:108)

109 (6) Những Thứ Gong Cùm

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ gông cùm (trói buộc mình) và sự gông-cùm. Hãy lắng nghe điều đó ...⁹²

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm, và cái gì là sự gông-cùm? Này các Tỳ kheo, *mắt* là một thứ gông cùm (mình); dục và tham đối với mắt chính là sự gông-cùm ở đó. *Tai* là một thứ gông cùm (mình) ... *Tâm* là một thứ gông cùm (mình); dục và tham đối với tâm chính là sự gông-cùm ở đó. Những (sáu) thứ này được gọi là những thứ gông cùm (mình), và đây là sự gông-cùm.”

(SN 35:109)

110 (7) Những Thứ Có Thể Dính Chấp Thủ

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ (mình) có thể dính chấp-thủ (vào chúng), và sự chấp-thủ. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ (mình) có thể dính chấp-thủ, và cái gì là sự chấp-thủ? Này các Tỳ kheo, *mắt* là một thứ (mình) có thể dính chấp-thủ (vào nó); dục và tham đối với nó chính là sự chấp-thủ ở đó. *Tai* là một thứ (mình) có thể dính chấp-thủ ... *Tâm* là một thứ (mình) có thể dính chấp-thủ, dục và tham đối với nó chính là sự chấp-thủ ở đó.

Những (sáu) thứ này được gọi là những thứ (mình) có thể dính chấp-thủ, và đây là sự chấp-thủ.”

(SN 35:110)

111 (8) Hoàn-Toàn Hiểu (1)

“Này các Tỷ kheo, nếu không trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) *mắt*,⁹³ nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu không có khả năng tiêu diệt sự khổ. Nếu không trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *tai ... tâm*, nếu không tu tập sự chán-bỏ đối với nó và sự dẹp-bỏ nó, thì người ta không thể nào tiêu diệt khổ. Nhưng, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu *mắt ... tâm*, bằng cách tu tập sự chán-bỏ và sự dẹp-bỏ nó, thì người tu có khả năng tiêu diệt khổ.”

(SN 35:111)

112 (9) Hoàn-Toàn Hiểu (2)

[Giống hệt kinh **111** kể trên, nhưng nói theo cách ‘sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài’ (sáu ngoại xứ, sáu đối-tượng).]

(SN 35:112)

113 (10) Lén Lắng Nghe

[Nội dung giống kinh **SN 12:45** (Quyển 2).]

(SN 35:113)

NHÓM 2

NHÓM ‘THẾ GIỚI & NĂM DÂY DỤC-LẠC’

(*Lokakāmaguṇa-vagga*)

114 (1) *Cạm Bẫy của Ma Vương (1)*

(1) “Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã bước vào hang ổ của Ma Vương, là người đã ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; cạm bẫy của Ma Vương đã được siết chặt đối với người đó cho nên người đó bị trói bởi sự trói-buộc của Ma Vương, và Ác Ma đó có thể tùy ý làm gì người đó theo cũng được.⁹⁴

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... có *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... Ác Ma đó có thể tùy ý làm gì người đó theo cũng được.

(2) “Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã không bước vào hang ổ của Ma Vương, là người đã không ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; cạm bẫy của Ma Vương đã được tháo gỡ đối với người đó cho nên người đó không bị trói bởi sự trói-buộc của Ma Vương, và Ác Ma đó không thể làm gì được người đó.

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... có *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo

không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... Ác Ma đó không thể làm gì được người đó.

(SN 35:114)

115 (2) *Cạm Bẫy của Ma Vương (2)*

(1) “Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo *bị dính buộc* trong những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, là người đã bước vào hang ổ của Ma Vương, người đã ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; [cạm bẫy của Ma Vương đã được siết chặt đối với người đó cho nên người đó bị trói bởi sự trói-buộc của Ma Vương]⁹⁵ và Ác Ma đó có thể tùy ý làm gì người đó theo cũng được.

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... có *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... Ác Ma đó có thể tùy ý làm gì người đó theo cũng được.

(2) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo *được tự do* khỏi những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, đã *không* bước vào hang ổ của Ma Vương, là người đã không ở dưới sự kiểm soát của Ma Vương; [cạm bẫy của Ma Vương đã được tháo gỡ đối với người đó cho nên người đó không bị trói bởi sự trói-buộc của Ma Vương] và Ác Ma đó không thể làm gì được người đó.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng

muốn, dễ thương, dễ chịu, sợ hãi, gợi dục, gợi cảm. Nếu một Tỳ kheo không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng ... Ác Ma đó không thể làm gì được người đó.

(SN 35:115)

116 (3) Đi Tới Chỗ Kết Thúc Thế Giới

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng chỗ kết-thúc thế giới (chấm dứt, không còn) là không thể nào biết được, thấy được, hay tới được bằng cách du hành (bằng thân vật lý hay thân thông). Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không tới được (không đạt tới) chỗ kết-thúc thế giới thì cũng không (có sự) làm nên sự kết-thúc đối với sự khổ.”⁹⁶

Sau khi nói như vậy, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú của mình.⁹⁷

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét: “Này các đạo hữu, giờ đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú của mình, sau khi đã đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Giờ ai sẽ giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được đức Thế Tôn mới đọc một cách ngắn gọn?”

Rồi họ suy xét: “Ngài Ānanda được khen ngợi bởi Vị Thầy (Phật) và được tôn trọng bởi những huynh đệ hiền trí của thầy ấy trong đời sống tâm linh; thầy Ānanda có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều mới được đức Thế Tôn mới đọc một cách ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Chúng ta hãy đến gặp thầy ấy và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này.”

Rồi các Tỳ kheo đó đã đến gặp thầy Ānanda, và sau khi xong phần sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho thầy ấy điều mới xảy ra, và nói thêm: “Mong thầy Ānanda giảng giải điều đó cho chúng tôi.”

[Thầy Ānanda trả lời:] “Này các đạo hữu, điều này giống như một người đang cần gỗ lõi, đang kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, nhưng lại bỏ đi phần thân và gốc của một cây lớn đang đứng có chứa gỗ lõi, bỏ người đó nghĩ nên tìm kiếm gỗ lõi trong nhánh và lá cây hay sao! Và điều này cũng giống như quý vị ở đây: khi quý vị đã được trực diện gặp Vị Thầy (Phật) nhưng quý vị lại bỏ qua đức Thế Tôn, bỏ quý vị nghĩ (tốt hơn) nên đi hỏi tôi về ý nghĩa của điều đó hay sao! Bởi vì, này các đạo hữu, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; đức Thế Tôn đã trở thành sự-thấy (tầm nhìn), bậc ấy đã trở thành sự-biết (trí biết), bậc ấy đã trở thành Giáo Pháp, bậc ấy đã trở thành bậc thiên thánh; là người thuyết giảng, người tuyên bố, người làm sáng tỏ ý nghĩa, là người ban tặng sự Bất-tử, bậc chúa tể [của] Giáo Pháp, bậc Như Lai. Lúc đó là lúc quý vị nên hỏi đức Thế Tôn ý nghĩa của điều đó. Khi đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho quý vị, quý vị sẽ ghi nhớ nó.”

“Chắc chắn là vậy, này đạo hữu Ānanda, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; đức Thế Tôn đã trở thành sự-thấy ... Như Lai. Lúc đó là lúc chúng tôi nên hỏi đức Thế Tôn ý nghĩa của điều đó và khi đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho chúng tôi, chúng tôi sẽ ghi nhớ điều đó. Nhưng thầy Ānanda được khen ngợi bởi đức Thế Tôn và được tôn trọng bởi những huynh đệ hiền trí của thầy trong đời sống tâm linh; thầy Ānanda có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn mà không giảng giải một cách chi tiết. Mong thầy Ānanda giảng giải điều đó mà không thấy bị phiền phức.”

“Vậy thì, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.”

“Được, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Ānanda nói điều này:

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú ở của mình sau khi đã đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ta nói rằng chỗ kết-thúc thế giới là không thể nào biết được, thấy được, hay tới được bằng cách du

hành. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không tới được chỗ kết-thức thế giới thì cũng không làm nên sự kết-thức đối với sự khổ.’ Tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của câu ngắn gọn đó như sau: rằng trong thế giới qua đó một người là người nhận-thức thế giới, người nhìn-nhận thế giới—đây được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.⁹⁸

“Và, này các đạo hữu, cái gì trong thế giới mà thông qua đó một người là người nhận-thức thế giới, người nhìn-nhận thế giới? *Mắt* là thứ trong thế giới qua đó một người là người nhận-thức thế giới, người nhìn-nhận thế giới.⁹⁹ *Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm* là thứ trong thế giới thông qua đó một người là người nhận-thức thế giới, người nhìn-nhận thế giới. Thứ trong thế giới thông qua đó một người là người nhận-thức thế giới, người nhìn-nhận thế giới— thứ này được gọi là thế giới theo Giới Luật của Thánh Nhân.

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú ở của mình sau khi đã đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ta nói rằng chỗ kết-thức thế giới là không thể nào biết được, thấy được, hay tới được bằng cách du hành. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta cũng nói rằng nếu không tới được (đạt tới) chỗ kết-thức thế giới thì cũng không làm nên sự kết-thức đối với sự khổ.’ Tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của câu ngắn gọn đó là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, hãy đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi (và ra về), và họ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn tất cả điều đã xảy ra từ sau lúc đức Thế Tôn đã đi trước đó, và nói thêm:

“Sau đó, thưa đức Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều đó. Thầy Ānanda đã giảng giải ý nghĩa cho chúng con theo cách như vậy, với những từ ngữ như vậy, với những câu chữ như vậy.”

“Này các Tỳ kheo, Ānanda là người có trí, Ānanda là người đại trí. Nếu các thầy đã hỏi ta về ý nghĩa của điều đó, thì ta cũng giải thích nó cho các thầy giống như cách thầy Ānanda đã giải thích. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và do vậy các thầy nên ghi nhớ nó.”

(SN 35:116)

117 (4) Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: ‘Tâm của ta đã thường đi lạc tới (theo) năm dây dục-lạc [khoái-lạc giác quan] vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm (tức: chúng đã từng được trải nghiệm bởi tâm trước đó)¹⁰⁰ nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi; hoặc thường đi lạc tới năm dây dục-lạc hiện tại; hoặc hơi chạy tới năm dây dục-lạc trong tương lai.’ Rồi điều này đã xảy đến với ta: ‘Sau khi đã quyết tâm vì phúc lợi của chính mình,¹⁰¹ ta nên thực hành sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ cái tâm đối với năm dây dục-lạc vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi.’

“Do vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp của các thầy: ‘tâm của các thầy cũng thường đi lạc theo năm dây dục-lạc vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi; hoặc thường đi lạc theo năm dây dục-lạc hiện tại; hoặc hơi chạy theo năm dây dục-lạc trong tương lai’. Do vậy, này các Tỳ kheo, sau khi đã quyết tâm vì phúc lợi của chính mình, các thầy cũng nên tu tập sự chuyên-chú, sự chánh-niệm, và sự phòng-hộ cái tâm đối với năm dây dục-lạc vốn đã từng để lại ấn tượng trong tâm nhưng đã biến qua, đã chấm dứt, và đã thay đổi.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, cái cơ-sở (xứ) đó nên được hiểu,¹⁰² nơi đó *mất* chấm dứt và nhận-thức (tưởng) về *những hình-sắc* phai biến.¹⁰³ Cái cơ-sở đó nên được hiểu, nơi đó *tai* chấm dứt và nhận-thức về *những âm-thanh* phai biến ... Cái cơ-sở đó nên được hiểu, nơi đó *tâm* chấm dứt và

nhận-thức về *những hiện-tượng thuộc tâm* phai biến. Cơ-sở đó cần nên được hiểu.”

Sau khi nói điều này, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú của mình. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét ... [*Tiếp tục đoạn giống kinh kể trên các Tỳ kheo đến nhờ thầy Ānanda giảng giải chi tiết, cho tới chỗ:*] ... Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú của mình sau khi đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng: ‘Do vậy, này các Tỳ kheo, cái cơ-sở (xứ) đó nên được hiểu, nơi đó *mất* chấm dứt và nhận-thức (tương) về *những hình-sắc* phai biến ... Cái cơ-sở đó nên được hiểu, nơi đó *tâm* chấm dứt và nhận-thức về *những hiện-tượng thuộc tâm* phai biến. Cơ-sở đó cần nên được hiểu.’— thì tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa câu ngắn gọn này là như sau: Này các đạo hữu, câu này được đức Thế Tôn nói ra liên quan tới *sự chấm-dứt sáu cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ diệt).” ¹⁰⁴

“Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi vô chỗ trú ở của mình sau khi đọc một câu ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết, rằng ... — thì tôi hiểu ý nghĩa một cách chi tiết ý nghĩa câu ngắn gọn này là như vậy. Giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn, hãy đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi đức Thế Tôn giảng giải điều đó cho các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi (và ra về), và họ đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn tất cả điều đã xảy ra từ sau lúc đức Thế Tôn đã đi trước đó, và nói thêm:

“Sau đó, thưa đức Thế Tôn, chúng con đã đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều đó. Thầy Ānanda đã giảng giải ý nghĩa cho chúng con theo cách như vậy, với những từ ngữ như vậy, với những câu chữ như vậy.”

“Này các Tỳ kheo, Ānanda là người hiền trí, Ānanda là người đại trí. Nếu các thầy đã hỏi ta về ý nghĩa của điều đó, thì ta cũng giải thích nó cho các thầy giống như cách thầy Ānanda đã giải thích. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và do vậy các thầy nên ghi nhớ nó.”

(SN 35:117)

118 (5) Câu Hỏi của Đế-Thích

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó có Đế-thích (Sakka), vua của các thiên thần, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không chúng ngộ Niết-bàn trong kiếp này? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây chúng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

(1) “Này vua của các thiên thần, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành (bị) phụ thuộc theo chúng và chấp thủ theo chúng. Một Tỳ kheo còn sự chấp-thủ (thủ) thì không chúng ngộ Niết-bàn.¹⁰⁵

“Này vua của các thiên thần, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi tai ... những đối-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì thức của người đó trở thành phụ thuộc theo chúng và chấp thủ theo chúng. Một Tỳ kheo còn sự chấp-thủ thì không chúng ngộ Niết-bàn.

“Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh ở đây không chúng ngộ Niết-bàn trong kiếp này.

(2) “Này vua của các thiên thần, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sợ hãi, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỷ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì thức của người đó *không* trở thành phụ thuộc theo chúng hay chấp thủ theo chúng. Một Tỷ kheo không còn sự chấp-thủ (thủ diệt) thì chứng ngộ Niết-bàn.

“Đây là nguyên nhân và lý do tại sao có những chúng sinh (khác) ở đây chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.”

(SN 35:118)

119 (6) Câu Hỏi của Pañcasikha

[Giống hết kinh kể trên, ngoại trừ người hỏi giờ là Pañcasikha, con của một thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà (gandhabba).]¹⁰⁶

(SN 35:119)

120 (7) Xá-Lợi-Phất

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có một Tỷ kheo đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy đó ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Thưa đạo hữu Xá-lợi-phất, có một Tỷ kheo là người ở chung chỗ với tôi vừa mới bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục.”

“Quả đúng là vậy, này đạo hữu, khi một người *không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, ăn uống không tiết độ, và không hết mình vì sự tỉnh-thức*. Không lẽ một người *không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, ăn uống không tiết độ, và không hết mình vì sự tỉnh-thức* mà sẽ duy trì được toàn bộ đời sống tâm linh (phạm hạnh) thanh khiết suốt đời

được hay sao— điều đó là không thể! Nhưng, này đạo hữu, nếu một người *biết phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận*, là người *tiết độ trong ăn uống*, và là người *hết mình vì sự tỉnh-thức* thì sẽ duy trì được toàn bộ đời sống tâm linh thanh khiết suốt đời— điều này là có thể!

(1) “Và, này đạo hữu, theo cách nào một người *phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận* (phòng hộ sáu căn)? Ở đây, khi nhìn thấy một *hình-sắc* [sắc] bằng *mắt*, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những hình-tướng (tướng, tướng chung) và đặc-điểm (nét, tướng riêng) của nó.¹⁰⁷ Bởi vì, nếu người đó để lơ *căn-mắt* không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm người đó; người đó tu tập phương pháp kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn-mắt.

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* [thanh] bằng *tai* ... Khi ngửi thấy một *mùi-hương* [hương] bằng *mũi* ... Khi nếm thấy một *mùi-vị* [vị] bằng *lưỡi* ... Khi chạm thấy một *đối-tượng chạm xúc* [xúc] bằng *thân* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* [pháp] bằng *tâm*, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những hình-tướng và đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ *căn-tai* ... *căn-tâm* không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm người đó; người đó tu tập phương pháp kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn-tai ... căn-tâm. Này đạo hữu, chính theo cách như vậy là người đó phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận.

(2) “Và, này đạo hữu, theo cách nào một người là *tiết độ trong ăn uống*? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo (như lý quán chiếu), một Tỳ kheo ăn thức ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn—mà (iv) (mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối, mệt) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [phi tội lỗi] (vì ăn uống

thiếu chánh-niệm), và sống được an ổn.’¹⁰⁸ Đây đạo hữu, chính theo cách như vậy là người đó tiết độ trong ăn uống.

(3) “Và, này đạo hữu, theo cách nào là một người *hết mình vì sự tỉnh-thức*? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỷ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại (năm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỷ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác), lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỷ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Đây đạo hữu, chính theo cách như vậy là một người hết mình vì sự tỉnh-thức.

“Vì vậy, này đạo hữu, thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận; chúng ta sẽ tiết độ trong ăn uống; chúng ta sẽ hết mình vì sự tỉnh-thức.’ Đây đạo hữu, thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 35:120)

121 (8) Lời Khuyên Dạy Rāhula

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.¹⁰⁹ Lúc đó, trong khi đức Thế Tôn đang ở một mình trong chỗ tách-ly (ẩn dật thiên trú), một ý nghĩ khởi lên trong tâm bậc ấy như vậy: “Những trạng thái (dần) chín muồi tới sự giải-thoát nay đã chín muồi trong Rāhula. Vậy ta hãy dẫn dắt thầy ấy thêm bước nữa để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).”¹¹⁰

Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvattthī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức

Thế Tôn đã nói với thầy Rāhula như vậy: “Này Rāhula, hãy lấy theo tấm lót ngồi. Chúng ta hãy đến (chỗ được gọi là) Khu Vườn Người Mù để an trú qua ngày.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Rāhula đáp lại, và sau khi lấy theo tấm lót chỗ ngồi, thầy ấy đi theo sát đức Thế Tôn.

Bấy giờ, lúc đó có nhiều ngàn thiên thần cũng đang theo đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: “Hôm nay đức Thế Tôn sẽ dẫn dắt Ngài Rāhula thêm bước nữa để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.”¹¹¹

Rồi đức Thế Tôn đi vô Khu Vườn Người Mù và ngồi xuống dưới một gốc cây, trên một chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Và thầy Rāhula kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Rāhula:

“Này Rāhula, thầy nghĩ sao? Mắt là thường hằng hay vô thường?”—
“Vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—
“Khổ, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không?”— “Không, thưa Thế Tôn.”

“Này Rāhula, thầy nghĩ sao? Những hình-sắc ... Thức-mắt ... Tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ nằm trong cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), những sự tạo-tác (hành), và thức (thức) khởi sinh với thức-mắt là điều-kiện (duy-ên) là thường hằng hay vô thường?”—“Vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—“Khổ, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không?”— “Không, thưa Thế Tôn.”

“Này Rāhula, thầy nghĩ sao? Tai là thường hằng hay vô thường? ... Mũi là thường hằng hay vô thường? ... Lưỡi là thường hằng hay vô thường? ... Thân là thường hằng hay vô thường? ... Tâm là thường hằng hay vô thường? ... Những hiện-tượng thuộc tâm (pháp) ... Thức-tâm ... Tiếp-xúc tâm ... Mọi thứ nằm trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức khởi sinh với tiếp-xúc mắt là điều-kiện là thường hằng hay vô

thường?”—“Vô thường, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”—“Khổ, thưa Thế Tôn”—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’], hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn.

“Sau khi nhìn thấy như vậy, này Rāhula, một thánh đệ tử đã được chỉ dạy trở nên tỉnh ngộ [không còn mê đắm] với mắt, tỉnh ngộ với những hình-sắc, tỉnh ngộ với thức-mắt, tỉnh ngộ với tiếp-xúc mắt, và tỉnh ngộ với mọi thứ nằm trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức khởi sinh với tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên).

“Người đó trở nên tỉnh ngộ với tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm, tỉnh ngộ với những đối-tượng thuộc tâm (pháp), tỉnh ngộ với thức-tâm, tỉnh ngộ với tiếp-xúc tâm, và tỉnh ngộ với mọi thứ nằm trong cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác, và thức khởi sinh với tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên).

“Sau khi đã tỉnh ngộ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm người đó] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải-thoát.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Rāhula đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. Bảy giờ, trong khi bài thuyết giảng này đang được nói, thông qua sự không còn chấp-thủ (diệt thủ) tâm của thầy đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm. Và trong mấy trăm thiên thần đó đã khởi sinh ‘tầm-nhìn của Giáo Pháp’ sạch bụi vô nhiễm như vậy: “Mọi thứ có sinh thì có diệt.”¹¹²

(SN 35:121)

[Giống kinh **35:109** ở trên, nhưng nói về sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu ngoại xứ, sáu đối-tượng giác quan).]

(SN 35:122)

123 (10) Những Thứ Có Thể Bị Chấp thủ

[Giống kinh **35:110** ở trên, nhưng nói về sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài.]

(SN 35:123)

NHÓM 3

NHÓM ‘GIA CHỦ’

(*Gahapati-vagga*)

124 (1) Ở Vesālī

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sân Đường Mái Nhọn. Lúc đó có gia chủ Ugga ở Vesālī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn ... ¹¹³

[*Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt kinh 35:118 ở trên.*]

(SN 35:124)

125 (2) Giữa Dân Chúng Vajji

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa dân chúng Vajji (Bạt-kỳ) ở vùng Hatthigāma. Lúc đó có gia chủ Ugga ở Hatthigāma đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn ... ¹¹⁴

[*Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt kinh 35:118 ở trên.*]

(SN 35:125)

126 (3) Ở Nālandā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Lúc đó có gia chủ tên Upāli đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn ... ¹¹⁵

[*Phần còn lại là hỏi và trả lời giống hệt kinh 35:118 ở trên.*]

(SN 35:126)

127 (4) Ngài Bhāradvāja

Trong một lần Ngài Piṇḍola Bhāradvāja đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita.¹¹⁶ Lúc đó có Vua Udena đến gặp thầy Piṇḍola Bhāradvāja và chào hỏi với thầy ấy.¹¹⁷ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và thưa với thầy:

“Thưa Thầy Bhāradvāja, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao những Tỳ kheo trẻ, là những người trẻ với tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác quan, lại đi sống toàn bộ đời sống tâm linh (phạm hạnh, đời sống xuất gia tu hành) thanh khiết suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”¹¹⁸

(1) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, đối với những phụ nữ đủ già đáng làm mẹ của mình, hãy thiết lập ý tưởng (tâm lý) họ là mẹ của mình;¹¹⁹ đối với những người cỡ tuổi đáng làm chị gái [hay em gái] của mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là chị gái [hay em gái] của mình; đối với người trẻ tuổi đáng làm con gái mình, hãy thiết lập ý tưởng họ là con gái của mình.’ Này đại vương, đây là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống tâm linh thanh khiết suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thưa Thầy Bhāradvāja, cái tâm là hám dục. Có khi những trạng thái tham-dục khởi sinh đối với ngay cả những người đủ già đáng làm mẹ mình; có khi những trạng thái tham-dục khởi sinh đối với người đáng tuổi làm chị gái [hay em gái] của mình; có khi những trạng thái tham-dục khởi sinh đối với người trẻ tuổi đáng làm con gái của mình. Vậy còn nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỳ kheo trẻ ... lại đi sống toàn bộ đời sống tâm linh thanh khiết suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”

(2) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, hãy coi lại chính thân này từ gót chân trở lên, từ đỉnh đầu trở xuống, được bọc trong da, chứa đầy những thứ ô-úế (không sạch, không hấp dẫn, bất tịnh):¹²⁰

‘Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhót các khớp xương, và nước tiêu.’ Nay đại vương, đây cũng là một nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống tâm linh thanh khiết suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.’

“Thưa Thầy Bhāradvāja, điều đó là dễ làm đối với những Tỳ kheo đã tu thân (kiềm chế các cửa của các căn thuộc thân), đã tu giới-hạnh, đã tu tâm, đã tu trí-tuệ. Nhưng điều đó là khó làm đối với những Tỳ kheo không tu thân (không kiềm chế các cửa của các căn thuộc thân), không tu giới-hạnh, không tu tâm, không tu trí-tuệ.¹²¹ Có khi, mặc dù người đó nghĩ ‘Ta sẽ chú-tâm (tác ý) tới thân là ô-úế’, nhưng người đó cứ chấp nó là đẹp-đẽ (tịnh) ... Vậy còn nguyên nhân và lý do nào khác tại sao những Tỳ kheo trẻ ... lại đi sống toàn bộ đời sống tâm linh thanh khiết suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy?”

(3) “Này đại vương, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn, là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: ‘Này các Tỳ kheo, hãy sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (phòng hộ sáu căn). Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, đừng nắm giữ những hình-tướng và đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-mắt không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập phương pháp kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm nhận việc kiềm chế căn-mắt.’

“‘Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, đừng nắm giữ những hình-tướng và đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tai ... căn-tâm không được kiềm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện là tham và sân sẽ xâm chiếm các thầy; các thầy hãy tu tập phương pháp kiềm chế nó, phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, đảm nhận việc kiềm chế căn-tai ... căn-tâm.’ Nay đại vương, đây là cũng một

nguyên nhân và lý do tại sao các Tỳ kheo trẻ ... đi sống toàn bộ đời sống tâm linh thanh khiết suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy.”

“Thật kỳ diệu, thưa Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Bhāradvāja! Thật hay khéo về cách điều này đã được tuyên thuyết bởi đức Thế Tôn là người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Vậy đây là nguyên nhân và lý do tại sao những Tỳ kheo trẻ, là những người trẻ với tóc đen, được phú cho phúc phần tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời, chưa chơi bời với các khoái-lạc giác quan, đã (có thể) đi sống toàn bộ đời sống tâm linh thanh khiết suốt cả đời và duy trì nó một cách liên tục như vậy. Cũng như trường hợp của tôi, mỗi khi tôi bước vào khu hậu cung mà không phòng hộ về thân, lời-nói, và tâm, không thiết lập sự chánh-niệm, không kiểm chế các căn cảm-nhận, thì lúc đó những trạng thái tham-dục tấn công tôi một cách dữ dội. Nhưng khi nào tôi bước vào khu hậu cung mà có phòng hộ về thân, lời-nói, và tâm, có thiết lập sự chánh-niệm, kiểm chế các căn cảm-nhận, thì lúc đó những trạng thái tham-dục không tấn công tôi một cách như vậy.

“Thật kỳ diệu, thưa Thầy Bhāradvāja! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Bhāradvāja! Thầy Bhāradvāja đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như thầy đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Thưa Thầy Bhāradvāja, nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong Thầy Bhāradvāja ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 35:127)

128 (5) Soṇa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc

đó có anh Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn. ...

[*Nội dung phần còn lại giống kinh 35:118 ở trên.*]

(SN 35:128)

129 (6) Gia Chủ Ghosita

Trong một lần Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó có gia chủ Ghosita đã đến gặp thầy Ānanda ... và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy Ānanda, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố’ (giới).¹²² Thưa thầy, theo cách nào mà có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?”

- “Này gia chủ, (i) hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là sướng (dễ chịu), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng.¹²³ (ii) Hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là khổ (khó chịu), và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. (iii) Hiện có yếu-tố mắt, và có những hình-sắc là một căn bản cho sự buông-xả, và có thức-mắt: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính [không khổ không sướng], nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

- “Này gia chủ, (i) hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố mũi ... yếu-tố lưỡi ... yếu-tố thân ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... và có những hiện-tượng thuộc tâm là sướng (dễ chịu), và có thức-tai ... và có thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng. (ii) Hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... và có những hiện-tượng thuộc tâm là khổ (khó chịu), và có thức-tai ... thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. (iii) Hiện có yếu-tố tai ... yếu-tố tâm, và có những âm-thanh ... và có những hiện-tượng thuộc tâm là một căn bản cho

sự buông-xả, và có thức-tai ... và có thức-tâm: tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy nên có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

(SN 35:129)

130 (7) Gia Chủ Hāliddakāni

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa dân chúng Avantī, trên Đỉnh Núi Papāta ở Kurara-ghara. Lúc đó có gia chủ tên là Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên ... và thưa với thầy.¹²⁴

“Thưa thầy, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn: ‘Chính tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác’.¹²⁵ Thưa thầy, theo cách nào có điều này?”

- “Ở đây, này gia chủ, (i) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo hiểu một hình-sắc là sướng (dễ chịu) như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’¹²⁶ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, nên khởi sinh một cảm-giác sướng.¹²⁷ Rồi, (ii) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo hiểu một hình-sắc là khổ (khó chịu) như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ, nên khởi sinh một cảm-giác khổ. Rồi, (iii) khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỷ kheo hiểu một hình-sắc là một căn bản cho sự buông-xả như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-mắt, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

- “Thêm nữa, này gia chủ, (i) khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi chạm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận

biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo hiểu một âm-thanh là sớng ... một hiện-tượng thuộc tâm là sớng ... là khổ ... là một căn bản cho sự buông-xả như vậy: ‘Nó chỉ là vậy!’ Có thức-tâm, và tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính, nên khởi sinh một cảm-giác trung tính.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy cho nên: ‘tùy thuộc vào nhiều loại yếu-tố nên khởi sinh nhiều loại tiếp-xúc; tùy thuộc vào nhiều loại tiếp-xúc nên khởi sinh nhiều loại cảm-giác’.”

(SN 35:130)

131 (8) Gia Chủ Nakulapitā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa dân chúng Bhagga ở Sumsumāragira, trong khu rừng Bhesakalā, trong khu Vườn Nai. Lúc đó có gia chủ tên Nakulapitā đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn ... ¹²⁸

[Nội dung phần còn lại giống kinh 35:118 ở trên.]

(SN 35:131)

132 (9) Gia Chủ Lohicca

Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa dân chúng Avantī, ở vùng Makkarakata, trong một chòi trong rừng. Lúc đó có một số thiếu niên bà-la-môn, là môn sinh của bà-la-môn Lohicca, chúng đang đi lượm củi, chúng đến ngang căn chòi của thầy Đại Ca-chiên-diên. Sau khi đến gần, chúng quậy phá xung quanh chòi, và chơi mấy trò nghịch ngợm và ồn ào, ¹²⁹ và nói lời trêu chọc: “Mấy ông đầu trọc, tu sĩ giả hiệu, những kẻ đê hèn, giống nòi đen đũi được sinh ra từ bàn chân của Trời, chỉ được tôn vinh, được tôn trọng, được kính trọng, được cung kính, và được tôn kính bởi những tìn đồ hèn mọn của họ.” ¹³⁰

Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên bước ra và nói với những thiếu niên bà-la-môn đó: “Đừng làm ồn ào nữa, các cậu. Ta sẽ nói về Giáo Pháp cho các cậu nghe.” Khi câu này được nói ra, những thiếu niên bà-la-môn đó im lặng. Rồi thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói với họ bằng thi kệ như vậy:

“Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về giới-hạnh,
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa,
Các cửa giác-quan được phòng hộ, được khéo bảo vệ,
Và họ sống quản chế được sân-giận bên trong.
Họ vui thích trong Giáo Pháp và thiền định,¹³¹
Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới-luật cổ xưa.

“Còn những bà-la-môn thời này thì đã sa sút,
Chỉ nói lời ‘tụng lại’
Chỉ hô hào về họ tộc, hành xử không đúng đắn,
Bị sân-giận quản chế, dùng gậy gộc vũ khí,
Tấn công kẻ mạnh lẫn kẻ yếu.

“Đối với ai có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’
[Thì mọi điều thệ nguyện, tụng, cúng] đều chỉ là vô ích.
Giống như tài sản chỉ có trong giấc mơ:
Nào là cách: nhin đối nằm ngủ trên nền đất,
Tắm khi mặt trời mọc, [học thuộc] ba kinh Vệ-đà,
Mặc da thú thô cứng, tóc bện, và trét bụi đất;
Thần chú, tục lệ và thệ nguyện (giới cấm thủ, mê tín),
và khổ hạnh hành xác;
Nhân nghĩa bề ngoài, các nhân sự lươn lẹo (cong vẹo),
và các nghi thức tắm gội:
Đây chỉ là những biểu-ngữ (hô hào) của các bà-la-môn,
Được dùng để gia tăng của cải vật chất.¹³²

“Một cái tâm khéo đạt định,
Minh-mẫn và không còn dính-nhiễm,
Hiện-từ với mọi chúng sinh hữu tình—
Đó mới thực là con-đường đạt tới cõi trời Brahmā.”

Rồi các thiếu niên bà-la-môn, tức giận và bất đồng, đã về gặp bà-la-môn tên Lohicca và thưa lại với ông: “Thưa đức ngài, ngài nên biết có sa-môn Đại Ca-chiên-diên đã thắng thừng chề bai và chỉ trích những thần chú của các bà-la-môn.”

Khi câu này được nói ra, bà-la-môn Lohicca tức giận và bất đồng. Nhưng ý nghĩ này đã xảy đến với ông: “Sẽ không hay đối với ta nếu ta quay lại trấn áp và chửi bới sa-môn Đại Ca-chiên-diên chỉ dựa theo điều ta mới nghe từ mấy thiếu niên. Để ta đến gặp ông ấy và tra hỏi.”

Rồi bà-la-môn Lohicca, cùng với mấy thiếu niên bà-la-môn đó, đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên. Ông ta chào hỏi với thầy Đại Ca-chiên-diên, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Này Thầy Ca-chiên-diên, có phải mấy thiếu niên bà-la-môn, là các môn sinh của tôi, đã đi qua đây khi chúng đi lượm củi?”

“Đúng vậy, bà-la-môn”

“Có phải Thầy Ca-chiên-diên có cuộc nói chuyện với chúng không?”

“Tôi có cuộc nói chuyện với chúng, này bà-la-môn”

“Cuộc nói chuyện gì thầy đã nói với chúng, Thầy Ca-chiên-diên?”

“Cuộc nói chuyện tôi nói cho các thiếu niên đó là như vậy:

‘Những bà-la-môn thời xưa xuất sắc về giới-hạnh,

Những bà-la-môn đó ghi nhớ giới luật cổ xưa ...

Hiền từ với mọi chúng sinh hữu tình—

Đó mới thực là con đường đạt tới cõi trời Brahmā.’

Đó là cuộc nói chuyện tôi đã nói cho các thiếu niên đó.”

“Thầy Ca-chiên-diên đã nói ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’. Này Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ’?”

(1) “Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, người ta thường ý thích (tham) một hình-sắc là dễ chịu (sướng) và kháng cự (sân) một hình-sắc là khó chịu (khổ).¹³³ Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu được đúng như nó thực là về ‘sự giải-thoát của tâm’, về ‘sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, người ta thường ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm là dễ chịu (sướng) và kháng cự (sân) một hiện-tượng thuộc tâm là khó chịu (khổ). Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ. Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy là một người có ‘các cửa giác-quan không được phòng hộ.’”

“Thật kỳ diệu, Thầy Ca-chiên-diên! Thật tuyệt vời, Thầy Ca-chiên-diên! Nhưng Thầy Ca-chiên-diên cũng nói ‘các cửa giác-quan được phòng hộ’. Thầy Ca-chiên-diên, theo cách nào là một người có ‘các cửa giác-quan được phòng hộ’?”

(2) “Ở đây, này bà-la-môn, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, người tu *không* có ý thích (không tham) một hình-sắc là dễ chịu (sướng), cũng *không* kháng cự (không sân) một hình-sắc là khó chịu (khổ). Người đó sống thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được đúng như nó thực là về ‘sự giải-thoát của tâm’, về ‘sự giải-thoát nhờ trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm-dứt sạch sẽ.

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, người tu *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm là dễ chịu (sướng), cũng *không* kháng cự (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm là khó chịu (khổ). Người đó sống thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã

châm-dứt sạch sẽ. Nay bà-la-môn, chính theo cách như vậy là một người có ‘các cửa giác-quan được phòng hộ.’”

“Thật kỳ diệu! Thật tuyệt vời,! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Ca-chiên-diên ... [*tiếp tục giống đoạn này trong kinh 35:127 ở trên*] ... Kể từ hôm nay mong Thầy Ca-chiên-diên ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.

“Mong Thầy Ca-chiên-diên ghé tới gia đình Lohicca cũng giống như thầy đã ghé tới các gia đình của các đệ tử tại gia khác ở vùng Makkarakata này. Những thiếu niên và thiếu nữ bà-la-môn ở đó sẽ kính lễ Thầy Ca-chiên-diên, họ sẽ đứng dậy vì sự kính trọng đối với thầy, họ sẽ mời thầy chỗ ngồi và nước uống, và điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

(SN 35:132)

133 (10) Gia Chủ Verahaccāni

Trong một lần Ngài Udāyī đang sống ở Kāmaṇḍā trong Vườn Xoài của bà-la-môn tên Todeyya. Lúc đó có một thiếu niên bà-la-môn, là một môn sinh của nữ bà-la-môn thuộc họ tộc Verahaccāni, đến gặp thầy Udāyī và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và thầy Udāyī đã chỉ dạy, đã khởi xướng, đã truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ anh ta bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Sau khi đã được chỉ dạy, được khởi xướng, được truyền cảm hứng, và được làm hoan hỷ, anh ta đã đến gặp nữ bà-la-môn họ Verahaccāni, và nói với bà ta rằng:

“Thưa phu nhân, phu nhân nên biết rằng sa-môn Udāyī chỉ dạy một Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; và ngài ấy cho thấy một đời sống tâm linh toàn thiện và thanh khiết.”

“Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī dùng cơm trưa ngày mai.”

“Dạ, thưa phu nhân”, thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đến chỗ thầy Udāyī và nói lại với thầy ấy: “Mong Thầy Udāyī đồng ý lời mời tới dùng cơm trưa từ sư thầy đáng kính của tôi,¹³⁴ nữ bà-la-môn của họ tộc Verahaccāni.”

Thầy Udāyī đồng ý trong im lặng. Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, thầy Udāyī mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa đi tới cư gia của nữ bà-la-môn họ tộc Verahaccāni. Tới đó thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi, bằng chính tay mình, nữ bà-la-môn đã chiêu đãi và làm vui lòng thầy Udāyī bằng nhiều món ăn ngon lành. Sau khi thầy Udāyī đã ăn xong, và dẹp bình bát đi,¹³⁵ lúc đó nữ bà-la-môn mang dép vào, ngồi xuống chỗ ngồi cao hơn, khăn trùm đầu, và nói với thầy ấy: “Thưa sa-môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp.” Thầy ấy nói: “Thưa cô, xin hãy để dịp sau”, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.¹³⁶

Lần thứ hai thiếu niên bà-la-môn đó đến gặp thầy Udāyī ... [*mọi sự diễn ra như đoạn kinh trên, và anh ta cũng về thưa lại với nữ bà-la-môn, và bà đã nói:*]

“Theo cách như vậy, này cậu trẻ, cậu cứ tiếp tục ca ngợi sa-môn Udāyī đó đi, chứ khi ta nói với ông ta: ‘Thưa sa-môn, hãy chỉ dạy Giáo Pháp’, thì ông nói: ‘Thưa cô, xin hãy để dịp sau’, rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.”

“Thưa phu nhân, đó là bởi vì phu nhân đã mang dép, ngồi ở chỗ ngồi cao hơn, khăn trùm kín đầu, và yêu cầu sa-môn chỉ dạy Giáo Pháp. Bởi vì những vị đó rất tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp.”

“Trong trường hợp đó, này cậu trẻ, hãy nhân danh ta mời sa-môn Udāyī đến dùng cơm trưa ngày mai.”

“Dạ, thưa phu nhân”, thiếu niên đó đáp lại. Rồi anh ta đi đến chỗ thầy Udāyī ... [*và mọi sự tiếp tục như lần đầu, cho đến lúc:*] ... Sau khi thầy

Udāyī đã ăn xong và dẹp bình bát đi, nữ bà-la-môn đã cỡi dếp ra, ngồi xuống chỗ ngồi thấp hơn, không khăn trùm đầu, và nói với thầy ấy:

“Thưa Ngài, khi cái gì có (có mặt) thì bậc A-la-hán tuyên bố có sự sừng và khở? Và khi cái gì không có thì bậc A-la-hán không tuyên bố có sự sừng và khở?”

“Này cô, những A-la-hán tuyên bố khi có *mắt* là có sự sừng và khở, và khi không có *mắt* thì không có sự sừng và khở. Những A-la-hán tuyên bố rằng khi có *tai* ... có *tâm* là có sự sừng và khở, và khi không có *tai* ... không có *tâm* thì không có sự sừng và khở.”

Khi điều này được nói ra, nữ bà-la-môn của họ tộc Verahaccāni đã nói với thầy Udāyī: “Thật kỳ diệu, Thầy Udāyī! Thật tuyệt vời, Thầy Udāyī! Giáo Pháp đã được làm rõ theo nhiều cách bởi Thầy Udāyī ... [*tiếp tục giống đoạn này trong kinh 35:127 ở trên*] ... Kể từ hôm nay mong Thầy Udāyī ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 35:133)

NHÓM 4

NHÓM ‘DEVADAHA’

(Devadaha-vagga)

134 (1) Ở Devadaha ¹³⁷

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa dân chúng Thích-Ca (Sakya), ở nơi có một thị trấn của họ tên là Devadaha. (Devadaha là quê mẹ của Đức Phật). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

- “Này các Tỳ kheo, ta không nói về tất cả mọi Tỳ kheo rằng họ còn việc phải làm (tu tập) với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở (để) tiếp xúc (sáu giác-quan, sáu xứ, sáu căn), ta cũng không nói về tất cả các Tỳ kheo rằng họ không còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc.

- “Ta không nói về những Tỳ kheo là A-la-hán—là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu của họ, đã hoàn toàn tiêu diệt các gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng—rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. Vì sao vậy? Vì họ đã làm xong công việc của họ với sự chuyên-chú; vì họ không còn khả năng lơ-tâm phóng dật nữa.

- “Nhưng ta nói về những Tỳ kheo còn là học-nhân—là những người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, những người đang sống (với) khát nguyện đạt tới ‘sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’—rằng họ vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc. Vì sao vậy? (bởi vì) Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* là dễ chịu (sướng) và ... là khó chịu (khổ). [Người tu nên tu tập để cho:] những thứ này không còn hoài ám muội tâm người đó ngay cả khi người đó có nếm trải [trải nghiệm] chúng hoài hoài. Khi tâm không bị ám muội, sự nỗ-lực tu (tinh tấn) không mệt mỏi được phát khởi, sự chánh-niệm không mờ rồi

(không tạp, sáng rõ) được thiết lập, thân trở nên tĩnh-lặng và không bị quấy-động, tâm trở nên đạt-định và đạt nhất-điểm. Nay các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy kết quả này của sự chuyên-chú, ta nói rằng những Tỳ kheo đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc.

“Này các Tỳ kheo, có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi *tâm* là dễ chịu (sướng) và ... là khó chịu (khổ). [Người tu nên tu tập để cho:] những thứ này không còn hoài ám muội tâm người đó ngay cả khi người đó có nếm trải chúng hoài hoài. Khi tâm không bị ám muội, sự nỗ-lực tu (tinh tấn) không mệt mỏi được phát khởi, sự chánh-niệm không mờ rồi (không tạp, sáng rõ) được thiết lập, thân trở nên tĩnh-lặng và không bị quấy-động, tâm trở nên đạt-định và đạt nhất-điểm. Nay các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy kết quả này của sự chuyên-chú, ta nói rằng những Tỳ kheo đó vẫn còn việc phải làm với sự chuyên-chú đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc.

(SN 35:134)

135 (2) Cơ Hội

“Này các Tỳ kheo, đây là lợi đặc cho các thầy, điều này khéo đạt được bởi các thầy, rằng các thầy đã có được cơ hội để sống đời sống tâm linh (phạm hạnh).

(1) “Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy cái địa ngục tên là ‘Sáu Cơ-sở Của Sự Tiếp-xúc’.¹³⁸ Ở đó, *mọi hình-sắc* họ nhìn thấy bằng mắt đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước; không đáng thích, không bao giờ đáng thích; không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu (= đau khổ tận cùng). *Mọi âm-thanh* họ nghe ... *Mọi mùi-hương* họ ngửi ... *Mọi mùi-vị* họ nếm ... *Mọi đối-tượng chạm xúc* họ cảm nhận ... *Mọi hiện-tượng thuộc tâm* họ nhận biết bằng tâm đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước; không đáng thích, không bao giờ đáng thích; không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu.

“Này các Tỳ kheo, đây là lợi đặc cho các thầy, điều này khéo đạt được bởi các thầy, rằng các thầy đã có được cơ hội để sống đời sống tâm linh.

(2) “Này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy cái cõi trời tên là ‘Sáu Cơ-Sở Của Sự Tiếp-Xúc’.¹³⁹ Ở đó, *mọi hình-sắc* họ nhìn thấy bằng mắt là: đáng ước, không bao giờ không đáng ước; đáng thích, không bao giờ không đáng thích; dễ chịu, không bao giờ không dễ chịu (= sung sướng tuyệt vời). *Mọi âm-thanh* họ nghe ... *Mọi mùi-hương* họ ngửi ... *Mọi mùi-vị* họ nếm ... *Mọi đối-tượng chạm xúc* họ cảm nhận ... *Mọi hiện-tượng thuộc tâm* họ nhận biết bằng tâm đều là: đáng ước, không bao giờ không đáng ước; đáng thích, không bao giờ không đáng thích; dễ chịu, không bao giờ không dễ chịu.

“Này các Tỳ kheo, đây (sự làm người, ở cõi người) là lợi đặc cho các thầy, điều này khéo đạt được bởi các thầy, rằng các thầy đã có được cơ hội để sống đời sống tâm linh.

(SN 35:135)

136 (3) Thích Thú Những Hình-Sắc ... (1)¹⁴⁰

(1) “Này các Tỳ kheo, những thiên thần và loài người thích thú những hình-sắc (cảnh, vật, những sắc thân ...), khoái thích những hình-sắc, vui thích những hình-sắc. Khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc thì những thiên thần và người sống trong khổ đau.

“Những thiên thần và loài người thích thú những âm-thanh ... thích thú những mùi-hương ... thích thú những mùi-vị ... thích thú những đối-tượng chạm xúc ... thích thú những hiện-tượng thuộc tâm, khoái thích những hiện-tượng thuộc tâm, vui thích những hiện-tượng thuộc tâm. Khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hiện-tượng thuộc tâm thì những thiên thần và người sống trong khổ đau.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, đã hiểu đúng như chúng thực là nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích,

sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp của] những hình-sắc. Bậc ấy *không* thích thú những hình-sắc, không khoái thích những hình-sắc, không vui thích những hình-sắc. Nên khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hình-sắc thì Như Lai vẫn sống an lạc.

“Bậc ấy đã hiểu được đúng như chúng thực là nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp của] những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm. Bậc ấy *không thích thú* những hiện-tượng thuộc tâm, không khoái thích những hiện-tượng thuộc tâm, không vui thích những hiện-tượng thuộc tâm. Nên khi có sự thay đổi, sự phai biến, và sự chấm dứt của những hiện-tượng thuộc tâm thì Như Lai vẫn sống an lạc.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đã nói thêm như vậy:¹⁴¹

“Sắc, thanh, hương, vị
Xúc, và pháp [tất cả những đối-tượng của tâm]—
Đều là đáng ước, đáng thích, dễ chịu (lạc, sướng, khả ái)
Trước giờ họ cứ nói: 'Chúng là vậy'.

“Chúng được coi là hạnh-phúc (sướng, lạc)
Bởi thế gian này có những thiên thần;
Nhưng khi chúng chấm dứt
Họ coi điều đó là khổ đau.

“Bậc thánh đã nhìn thấy hạnh-phúc
Chính là sự chấm dứt 'danh tính'.
[Cách-nhìn] này của những bậc nhìn thấy rõ ràng
Thì ngược dòng với toàn bộ thế gian..¹⁴²

“Những gì người ta nói là hạnh-phúc,
Bậc thánh gọi đó là sự khổ;
Những gì người ta cho là khổ đau,
Bậc thánh biết đó là hạnh-phúc.

“Vậy đó Giáo Pháp này thật khó hiểu:
Những người ngu thì bị hoang mang,
Những người có tâm bị đóng chặt thì điều đó là mò mịt
Những người không nhìn thấy thì điều đó là sự u minh tăm tối.

“Nhưng đối với người tốt thiện nó được khai mở
Nó là ánh sáng ở đây cho những ai nhìn thấy.
Những người đần độn không thiện khéo về Giáo Pháp
Không hiểu được nó khi nó đang có mặt.

“Giáo Pháp này không dễ gì hiểu được
Bởi những người bị dính tham muốn hiện-hữu,
Những người đang trôi theo dòng chảy hiện-hữu,
Đã lún sâu vào cõi của Ma Vương.

“Còn ai ngoài những bậc thánh nhân
Có khả năng được trạng thái này?
Khi họ đã chân chánh biết được trạng thái đó (Niết-bàn)
Những bậc vô-nhiễm đã hoàn toàn tịch tịnh (tắt ngấm).”¹⁴³

(SN 35:136)

137 (4) Thích Thú Những Hình-Sắc (2)

[Giống kinh kể trên, nhưng không có phần thi kệ.]

(SN 35:137)

138 (5) Không Phải Cửa-Ta (1) (cỏ, cây, cành, lá)¹⁴⁴

“Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là cửa-ta [cửa các thầy], hãy dẹp bỏ nó. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho các thầy. Và, này các Tỳ kheo, cái gì không phải là cửa-ta? *Mắt* không phải là cửa-ta: hãy dẹp bỏ nó. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy. *Tai* không phải là cửa-ta

... Tâm không phải là của-ta. Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc cho các thầy.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn ‘chúng ta’ đi, hoặc đang đốt hết ‘chúng ta’, hoặc đang xử lý ‘chúng ta’ theo ý họ’ hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là ‘chúng ta’ hay ‘thuộc về chúng ta’.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mắt không phải là của-ta ... Tai ... Mũi ... Lưỡi không phải là của-ta ... Khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc cho các thầy.”

(SN 35:138)

139 (6) Không Phải Của-Ta (2) (cỏ, cây, cành, lá)

[Giống kinh kể trên, nhưng được ghi với sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu ngoại xứ, sáu đối-tượng giác quan, sáu trần).]

(SN 35:139)

140 (7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường.¹⁴⁵ Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh mắt cũng là vô thường. Khi mắt bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?”

“Tai là vô thường ... Tâm là vô thường. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh tai ... tâm cũng là vô thường. Khi tai ... tâm bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 35:140)

141 (8) Khổ Là Có Nguyên Nhân (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, mắt là khổ. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh mắt cũng là khổ. Khi mắt bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó không là khổ?

“Tai là khổ ... Tâm là khổ. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh tai ... tâm cũng là khổ. Khi tai ... tâm bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó không là khổ?

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:141)

142 (9) Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) làm khởi sinh mắt cũng là vô ngã. Khi mắt bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó không là vô ngã?

“Tai là vô ngã ... Tâm là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh tai ... tâm cũng là vô ngã. Khi tai ... tâm bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó không là vô ngã?

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:142)

143(10) — 145 (12) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân ... (bên ngoài)

[Giống kinh **140—142** kể trên, chỉ khác là ghi sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài (sáu ngoại xứ, sáu đối-tượng giác quan, sáu trần).]

(SN 35:143—45)

NHÓM 5

NHÓM ‘MỚI VÀ CŨ’

(*Navapurāṇa-vagga*)

146 (1) *Nghiệp*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về nghiệp mới và nghiệp cũ, sự chấm-dứt nghiệp, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp cũ? *Mất* là nghiệp cũ, (nó) nên được nhìn thấy đã được tạo ra và được chế tác bởi sự cố-ý (tư), là thứ để được cảm nhận.¹⁴⁶ *Tai* là nghiệp cũ ... *Tâm* là nghiệp cũ, (nó) nên được nhìn thấy đã được tạo ra và chế tác bởi sự cố-ý, là thứ để cảm nhận. Đây được gọi là nghiệp cũ.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp mới? Đó là mọi nghiệp [hành-động] người ta làm trong hiện tại bằng thân, lời-nói, tâm. Đây được gọi là nghiệp mới.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chấm-dứt nghiệp? Khi người tu đạt tới sự giải-thoát thông qua sự chấm-dứt những nghiệp của thân, lời-nói, tâm, thì đây được gọi là sự chấm-dứt nghiệp.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp? Là con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy về nghiệp cũ, ta đã dạy về nghiệp mới, ta đã dạy về sự chấm-dứt nghiệp, ta đã dạy về con-đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp. Này các Tỳ kheo, những gì cần phải làm bởi một người thầy bi mẫn vì lòng bi mẫn dành cho những học trò của mình, vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Hãy thiền tập, này

các Tỳ kheo, đừng lơ tâm, kéo sau này phải hối tiếc! Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 35:146)

147 (2) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lôi (cách tu) là thích hợp để (dẫn tới sự) chứng ngộ Niết-bàn.¹⁴⁷ Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường-lôi thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn? Ở đây, một Tỳ kheo nhìn thấy mắt là vô thường, người đó nhìn thấy những hình-sắc là vô thường, người đó nhìn thấy thức-mắt là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc mắt là vô thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.

“Người đó nhìn thấy tai là vô thường ... Người đó nhìn thấy tâm là vô thường, người đó nhìn thấy những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy thức-tâm là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là đường-lôi là thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn.”

(SN 35:147)

148 (3) — 149 (4) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn ... (2)-(3)

[Giống kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘vô thường’ bằng ‘khổ’ và ‘vô ngã’.]

(SN 35:48—149)

150 (5) Thích Hợp Để Chứng Ngộ Niết-Bàn (4)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đường-lối là thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, mắt là thường hằng hay vô thường?” ... [*Tiếp tục như toàn bộ nội dung kinh 35:32 ở trên*] ...

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:150)

151 (6) Một Học Trò

“Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống mà không-có các học trò và không-có thầy.¹⁴⁸ Một Tỳ kheo có các học trò và có sư thầy là sống trong khổ đau, không được an ổn. Một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có thầy thì sống hạnh phúc, được thư thái.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo có các học trò và có thầy là sống trong khổ đau, không được thư thái? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ngay đó khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định bất thiện xấu ác’ có nối kết (câu hữu, liên hữu) với những gông-cùm (kiết sử).¹⁴⁹ Chúng trú ở bên trong người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện trú ở bên trong người đó, nên người đó được gọi là ‘*người có các học trò*’. Chúng tấn công người đó. Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện tấn công người đó, nên người đó được gọi là ‘*người có thầy*’.

“Thêm nữa, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm ... nên người đó được gọi là ‘*người có thầy*.’

“Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có các học trò và có thầy là sống trong khổ đau, không được thư thả.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có thầy thì sống hạnh-phúc, được thư thái? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, ở đó *không* khởi sinh trong người đó ‘những trạng-thái, những sự-nhớ và những ý-định bất thiện xấu ác’ có nối kết với những gông-cùm. *Chúng không trú ở bên trong người đó.* Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện không trú ở bên trong người đó, nên người đó được gọi là ‘*người không có các học trò*’. *Chúng không tấn công người đó.* Vì do những trạng thái xấu ác bất thiện không tấn công người đó, nên người đó được gọi là ‘*người không có thầy*’.

“Thêm nữa, khi một Tỳ kheo nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm ... nên người đó được gọi là ‘*người không có thầy*’.

“Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo không-có các học trò và không-có thầy thì sống hạnh phúc, được an ổn.

“Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống mà không-có các học trò và không-có thầy. Một Tỳ kheo có các học trò và có thầy là sống trong khổ đau, không được an ổn. Một Tỳ kheo không-có học các trò và không-có thầy thì sống hạnh phúc, được an ổn.”

(SN 35:151)

152 (7) Mục Đích Của Đời Sống Tâm Linh?

“Này các Tỳ kheo, nếu các du sĩ giáo phái khác hỏi các thầy: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, mục đích đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sự khổ.’

“Rồi, này các Tỷ kheo, nếu các du sĩ đó hỏi các thầy: ‘Này các bạn, cái gì là sự khổ đó mà để hoàn-toàn hiểu nó phải đi sống đời sống tâm linh dưới sa-môn Cồ-đàm?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, *mắt* là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. *Những hình-sắc* là khổ ... *Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện* (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này.

“*Tai* là khổ ... *Tâm* là khổ *Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện* (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là khổ: mục đích của sự sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu điều này. Này các bạn, mục đích của việc sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn là để hoàn-toàn hiểu sự khổ.’

“Này các Tỷ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời các du sĩ đó theo cách như vậy.”

(SN 35:152)

153 (8) Có Phương Pháp Nào?

“Này các Tỷ kheo, có phương pháp (cách tu, pháp môn) nào mà nhờ đó một Tỷ kheo—(i) không phải do (dựa vào) niềm-tin, (ii) không phải do sự chấp-thuận, (iii) không phải do truyền thống truyền miệng, (iv) không phải do sự nhận-biết từ lý-giải, (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó¹⁵⁰— có thể tuyên bố về trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế

Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

“Đây là một phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo— không phải do lòng tin ... không phải do chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc suy xét nó— có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Và cái gì là phương pháp đó? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, nếu có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Có tham, sân, hay si ở bên trong’; hoặc, nếu không có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Không có tham, sân, hay si ở bên trong’.¹⁵¹ Từ sự việc (đã nhìn thấy) như vậy, thì có phải những điều trên được hiểu là do [dựa vào] (i) niềm-tin, (ii) sự chấp-thuận, (iii) truyền thông truyền miệng, (iv) sự nhận-biết từ lý giải, (v) sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy-xét kỹ nó, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Vậy có phải những điều này được hiểu là do nhìn thấy chúng bằng trí-tuệ, hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo ... có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Thêm nữa, này các Tỳ kheo, khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, nếu có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Có tham, sân, hay si ở bên trong’; hoặc, nếu không có tham, sân, hay si ở bên trong, người đó hiểu: ‘Không có tham, sân, hay si ở bên trong’. Từ sự việc (đã nhìn thấy) như vậy, thì có

phải những điều trên được hiểu là do [dựa vào] (i) niềm-tin ... (v) sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy-xét kỹ nó, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Vậy có phải những điều này được hiểu là do nhìn thấy chúng bằng trí-tuệ, hay không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp nhờ đó một Tỳ kheo—(i) không phải do (dựa vào) niềm-tin ... (v) không phải do sự chấp-nhận một quan-điểm sau khi đã suy xét kỹ nó—có thể tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 35:153)

154 (9) Được Trang Bị Các Căn

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘được trang bị các căn, được trang bị các căn’¹⁵² Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người được trang bị các căn?”

“Này Tỳ kheo, nếu trong khi một người an trú quán sát (quán niệm, quán xét) sự lên và xuống (sinh diệt) của căn-mắt, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-mắt; nếu trong khi người đó quán sát sự lên và xuống của căn-tai, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-tai ... nếu trong khi người đó quán sát sự lên và xuống của căn-tâm, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với căn-tâm, thì sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ; sau khi chán-bỏ [tâm] được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát, có sự-biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ Này Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là người đó được trang bị các căn.”

(SN 35:154)

155 (10) Người Thuyết Pháp

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người thuyết Pháp?”¹⁵³

“Này Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *mắt*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. Nếu ai tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *mắt*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *mắt*, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt), thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

“Này các Tỳ kheo, nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *tai ... tâm* vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *tâm*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. Nếu ai tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *tai ... tâm*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *tai ... tâm*, thông qua sự phai-biến và chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

(SN 35:155)

PHẦN IV

‘NĂM MƯỜI KINH THỨ TƯ’

NHÓM 1

NHÓM ‘TIÊU DIỆT SỰ THÍCH-THÚ’

(*Nadikkhaya-vagga*)

156 (1) Tiêu Diệt Sự Thích Thú (1) (*bên trong*)¹⁵⁴

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nhìn thấy *mắt* vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Nhờ tiêu diệt sự thích-thú [vui thú, khoái lạc] nên có sự tiêu diệt tham-dục; nhờ tiêu diệt tham-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và tham-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách thiện khéo.

“Một Tỳ kheo nhìn thấy *tai* vô thường đúng như nó thực chất là vô thường ... *tâm* vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú nên có sự tiêu diệt tham-dục; nhờ sự tiêu diệt tham-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và tham-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách thiện khéo.

(SN 35:156)

157 (2) Tiêu Diệt Sự Thích Thú (2) (*bên ngoài*)

[Giống kinh kể trên, nhưng ghi ‘sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài’ (*sáu ngoại xứ*; = *sáu trần, sáu đối-tượng giác quan*).]

(SN 35:157)

158 (3) Tiêu Diệt Sự Thích Thú (3) (bên trong)¹⁵⁵

“Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới *mắt*. Hãy nhận thấy tính vô thường của mắt đúng như nó thực là. Khi một Tỳ kheo chú-tâm một cách kỹ càng tới mắt và nhận thấy tính vô thường của mắt đúng như nó thực là, thì người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú [vui thú, khoái lạc] nên có sự tiêu diệt tham-dục; nhờ sự tiêu diệt tham-dục nên có sự tiêu diệt sự thích-thú. Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và tham-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách thiện khéo.

“Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm một cách kỹ càng tới *tai ... tâm*. Hãy nhận thấy tính vô thường của tai ... tâm đúng như nó thực là ... Nhờ sự tiêu diệt sự thích-thú và tham-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là được giải-thoát một cách thiện khéo.”

(SN 35:158)

159 (4) Tiêu Diệt Sự Thích Thú (4) (bên ngoài)

[Giống kinh kể trên, nhưng ghi ‘sáu cơ-sở cảm-nhận bên ngoài’.]

(SN 35:159)

160 (5) Vườn Xoài của Jīvaka (1)¹⁵⁶

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Vườn Xoài của (luơng y) Jīvaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Khi một Tỳ kheo đạt định, thì mọi thứ sẽ thể hiện (hiện thị, hiển lộ, trở nên rõ ràng) đối với người đó

đúng như chúng thực là.¹⁵⁷ Và cái gì sẽ thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là? *Mắt* sẽ thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là—là vô-thường. Những hình-sắc thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—là vô-thường. Thức-mắt ... Sự tiếp-xúc mắt ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—cũng đều là vô-thường.

“*Tai* thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là ... *Tâm* thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) ... cũng thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là—đều là vô-thường.

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Khi một Tỳ kheo đạt định, thì mọi thứ sẽ thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là.”

(SN 35:160)

161 (6) Vườn Xoài của Jīvaka (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Vườn Xoài của (luong y) Jīvaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy cố-gắng tu trong sự tách-ly (ẩn dật, độc trú để thiền tập). Khi một Tỳ kheo được tách-ly, mọi thứ sẽ thể hiện (hiện thị, hiển lộ, trở nên rõ ràng) đối với người đó đúng như chúng thực là. Và cái gì sẽ thể hiện đối với người đó đúng như nó thực là?

[*Phần còn lại giống như kinh kể trên.*]

(SN 35:161)

162 (7) Ngài Câu-Hi-La (1)¹⁵⁸

Lúc đó có Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākotṭhita) đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường; thầy nên dẹp bỏ dục đối với nó. Những hình-sắc là vô thường ... Thức-mắt là vô thường ... Sự tiếp-xúc mắt là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ dục đối với chúng.

“*Tai* là vô thường ... *Tâm* là vô thường ... Mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường; thầy nên dẹp bỏ dục đối với chúng.

“Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:162)

163 (8) Ngài Câu-Hi-La (2)

... “Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là *khổ*.”
... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘vô-thường’ thành chữ ‘khổ’.*]

(SN 35:163)

164 (9) Ngài Câu-Hi-La (3)

... “Này Câu-hi-la, thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là *vô-ngã*.” ... [*Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thay chữ ‘khổ’ thành chữ ‘vô-ngã’.*]

(SN 35:164)

165 (10) Đẹp Bỏ Cách Nhìn Sai Lạc (tà kiến)¹⁵⁹

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị dẹp bỏ?”

“Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy *mắt* ... *tâm* là vô thường, thì cách-nhìn sai lạc bị dẹp bỏ. Khi một người biết và thấy *những hình-sắc* *những hiện-tượng thuộc tâm* là vô thường. ... *thức-mắt* *thức-tâm* là vô thường. ... *sự tiếp-xúc mắt* *sự tiếp-xúc tâm* là vô thường ... *mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt* *tiếp-xúc tâm* là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều là vô thường, thì cách-nhìn sai lạc sẽ bị dẹp bỏ. Đó là, khi một người biết và thấy như vậy thì cách nhìn sai-lạc bị dẹp bỏ.”

(SN 35:165)

166 (11) Đẹp Bỏ Cách Nhìn Có Danh-Tính (thân kiến)

[Giống kinh kể trên, chỉ thay “cách-nhìn sai lạc” (tà kiến) thành “cách-nhìn có danh-tính” (thân kiến).]

(SN 35:166)

167 (12) Đẹp Bỏ Cách Nhìn Có Cái-Ta (ngã kiến)

[Giống kinh kể trên, chỉ thay “cách-nhìn có danh-tính” (thân kiến) thành “cách-nhìn có cái-ta” (ngã kiến).]

(SN 35:167)

NHÓM 2

NHÓM ‘SÁU MƯƠI KINH LẬP LẠI & TÓM LƯỢC’

(*Saṭṭhi-Peyyāla-vagga*)¹⁶⁰

168 (1) Dục Đối Với Thứ Vô Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường ... *Tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ dục đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:168)

169 (2) Tham Đối Với Thứ Vô Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường ... *Tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ tham đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:169)

170 (3) Dục và Tham Đối Với Thứ Vô Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là vô thường. Và cái gì là vô thường? *Mắt* là vô thường ... *Tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:170)

171 (4) – 173 (6) Dục ... Đối Với Thứ Khổ (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là khổ ... Các thầy nên dẹp bỏ tham đối với bất cứ thứ gì là khổ ... Các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là khổ. Và cái gì là khổ? *Mất* là khổ ... *Tâm* là khổ; các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là khổ.”

(SN 35:171–173)

174 (7) — 176 (9) Dục ... Đối Với Thứ Vô Ngã (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã ... Các thầy nên dẹp bỏ tham đối với bất cứ thứ gì là vô ngã ... Các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là vô ngã. Và cái gì là vô ngã? *Mất* là vô ngã. ... *Tâm* là vô ngã; các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”

(SN 35:174–176)

177 (10) — 179 (12) Dục ... Đối Với Thứ Vô Thường (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là vô thường ... khổ ... vô ngã. Các thầy nên dẹp bỏ tham đối với bất cứ thứ gì là vô thường ... khổ ... vô ngã. Các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là vô thường ... khổ ... vô ngã. Và cái gì là vô thường? *Những hình-sắc* là vô thường ... *Những hiện-tượng thuộc tâm* là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với chúng. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 35:177–179)

180 (13) — 182 (15) Dục ... Đối Với Thứ Khổ (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là khổ ... khổ ... vô ngã. Các thầy nên dẹp bỏ tham đối với bất cứ thứ gì là khổ ... khổ ... vô ngã. Các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là khổ ... khổ ... vô ngã. Và cái gì là khổ? *Những hình-sắc* là khổ ... *Những hiện-tượng thuộc tâm* là khổ; các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với chúng. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là khổ.”

(SN 35:180—182)

183 (16) — 185 (18) Dục ... Đối Với thứ Vô Ngã (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã ... khổ ... vô ngã. Các thầy nên dẹp bỏ tham đối với bất cứ thứ gì là vô ngã ... khổ ... vô ngã. Các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là vô ngã ... khổ ... vô ngã. Và cái gì là vô ngã? *Những hình-sắc* là vô ngã ... *Những hiện-tượng thuộc tâm* là vô ngã; các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với chúng. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ dục và tham đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”

(SN 35:183—185)

186 (19) Quá Khứ là Vô Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá khứ* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt ... đối với tâm. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:186)

187 (20) Tương Lai là Vô Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc tương lai* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:187)

188 (21) Hiện Tại là Vô Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc hiện tại* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35: 188)

189 (22) — 191 (24) Quá Khứ ... là Khổ (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:189—191)

192 (25) — 194 (27) Quá Khứ ... là Vô Ngã (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:192—194)

195 (28) — 197 (30) Quá Khứ ... là Vô Thường (bên ngoài)

“Này các Tỷ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:195—197)

198 (31) — 200 (33) Quá Khứ ... là Khổ (bên ngoài)

“Này các Tỷ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:198—200)

199 (34) — 203 (38) Quá Khứ ... là Vô Ngã (bên ngoài)

“Này các Tỷ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:201—203)

204 (39) Thứ Vô Thường thuộc Quá Khứ (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *quá khứ* đã là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:204)

205 (40) Thứ Vô Thường thuộc Tương Lai (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *tương lai* sẽ là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:205)

206 (41) Thứ Vô Thường thuộc Hiện Tại (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm* thuộc *hiện tại* là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:206)

207 (42) — 209 (44) Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ... (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:207—209)

210 (45) — 212 (47) Thứ Vô Ngã thuộc Quá Khứ ... (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt ... tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:210—212)

213 (48) — 215 (50) Thứ Vô Thường thuộc Quá Khứ ... (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:213—215)

216 (51) — 218 (53) Thứ Khổ thuộc Quá Khứ ... (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:216—218)

219(54) — 221 (56) Thứ Vô Ngã thuộc Quá Khứ ... (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm thuộc quá khứ ... thuộc tương lai ... thuộc hiện tại* là vô-ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là ‘ta.’

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:219—221)

222 (57) Các Cơ-Sở [nội xú] là Vô Thường (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là vô-thường ... *tâm* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:222)

223 (58) Các Cơ-Sở là Khổ (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là khổ ... *tâm* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:223)

224 (59) Các Cơ-Sở là Vô Ngã (bên trong)

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là vô ngã ... *tâm* là vô ngã. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:224)

225 (60) Các Cơ-Sở [ngoại xứ] là Vô Thường (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm* là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:225)

226 (61) Các Cơ-Sở là Khổ (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm* là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:226)

227 (62) Các Cơ-Sở là Vô Ngã (bên ngoài)

“Này các Tỳ kheo, *những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm* là vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử ... trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận ... không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:227)

NHÓM 3

NHÓM ‘ĐẠI DƯƠNG’

(*Samudda-vagga*)

228 (1) Đại Dương (1)

“Này các Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy thường nói về ‘đại dương, đại dương’. Nhưng đó không phải là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân; đó chỉ là một biển nước lớn, một biển nước bao la.

“Này các Tỳ kheo, *mắt* là đại dương đối với một người; dòng chảy của nó gồm có những hình-sắc.¹⁶¹ Ai chống cự được dòng chảy những hình-sắc đó thì được cho là đã vượt qua đại dương (của) mắt đầy sóng dữ, lốc xoáy, cá mập, và quỷ dữ.¹⁶² Sau khi đã vượt qua nó, vượt qua bờ bên kia (đảo bỉ ngạn), bậc bà-la-môn đứng trên nền đất cao (sự an toàn).

“Này các Tỳ kheo, *tai* là đại dương đối với một người *Tâm* là đại dương đối với một người; dòng chảy của nó gồm có những âm-thanh những hiện-tượng thuộc tâm. Ai chống cự được dòng chảy những âm-thanh Những hiện-tượng thuộc tâm đó thì được cho là đã vượt qua đại dương (của) tai (của) tâm đầy sóng dữ, lốc xoáy, cá mập, và quỷ dữ. Sau khi đã vượt qua nó, vượt qua bờ bên kia, bậc bà-la-môn đứng trên nền đất cao.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, Vị Thầy (Phật) đã nói thêm như vậy:

“Ai đã vượt qua đại dương này vốn rất khó vượt qua,
Bởi đó đầy hiểm nguy là sóng dữ, cá mập, quỷ dữ.
Bậc thầy trí-biết (trí sư) đã sống được đời sống tâm linh,
Đã đạt tới chỗ kết-thức thế giới, nên được gọi là người
đã qua được bờ kia.”

(SN 35:228)

229 (2) Đại Dương (2)

“Này các Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy thường nói về ‘đại dương, đại dương’. Nhưng đó không phải là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân; đó chỉ là một biển nước lớn, một biển nước bao la.

“Này các Tỳ kheo, có *những hình-sắc* được nhận biết bởi *mắt* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Đây được gọi là đại dương theo Giới Luật của Thánh Nhân. Ở đây, thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, hầu hết đã bị chìm ngấm,¹⁶³ đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bùi nhùi đan rối, và không thể vượt khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi-đến đọa dữ, cõi dưới, vòng luân-hồi.

“Có *những âm-thanh* được nhận biết bởi *tai* Có *những hiện-tượng thuộc tâm* được nhận biết bởi *tâm* thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Ở đây thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người, hầu hết đã bị chìm ngấm, đã thành như một cuộn chỉ rối, như một trái sợi thắt rối, như một mớ bùi nhùi đan rối, và không thể vượt khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi-đến đọa dữ, cõi dưới, vòng luân-hồi.¹⁶⁴

“Người đã xóa sạch tham và sân
Cùng với [ô-nhiễm là] vô-minh
Thì đã vượt qua đại dương này vốn rất khó vượt qua,
Với đầy hiểm nguy là sóng dữ, cá mập, quỷ dữ.

“Người đã chinh phục sự trói-buộc, người loại bỏ cái chết,
không còn sự thu-nạp (sinh y diệt),
Đã trừ bỏ sự khổ¹⁶⁵ vì không còn tái hiện-hữu.
Đã qua đời, người đó không thể được đo lường,
Ta nói: Người đó đã làm Thần Chết chung hững.”

230 (3) Ví Dụ Ngư Dân

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một ngư dân thả một lưới câu có mồi xuống một hồ sâu, và một con cá đang đi tìm thức ăn nuốt trúng nó. Con cá đó, sau khi đã nuốt lưới câu của ngư dân, coi như đã gặp tai nạn và thảm họa, và ngư dân đó muốn làm gì nó cũng được. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có sáu lưới câu trong thế gian là thảm họa của chúng sinh, là sự tàn sát chúng sinh.¹⁶⁶

(1) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc (thích thú, vui thú) trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt lưới câu của Ma Vương. Người đó coi như đã gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma muốn làm gì người đó cũng được.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, chào đón chúng, và ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã nuốt lưới câu của Ma Vương. Người đó coi như đã gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma muốn làm gì người đó cũng được.

(2) “Này các Tỳ kheo, có những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo *không* tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, không chào đón chúng, và không ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo không nuốt lưới câu của Ma Vương. Người đó không gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma không làm gì được người đó.

“Này các Tỳ kheo, có những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... có những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Nếu một Tỳ kheo

không tìm kiếm khoái-lạc trong chúng, *không* chào đón chúng, và *không* ôm dính theo chúng, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo *không* nuốt lưỡi câu của Ma Vương. Người đó *không* gặp phải tai nạn và thảm họa, và Ác Ma *không* làm gì được người đó.

(SN 35:230)

231 (4) *Cây Có Mủ*

(1) “Này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tham vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, nếu sân vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, nếu si vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc tầm thường lọt vào [đi vào] tầm mắt cũng ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc nổi bật. Vì lý do gì? Bởi vì tham vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, sân vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, si vẫn còn và chưa được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây có mủ—như cây bồ-đề, cây đa, cây vả, và cây sung¹⁶⁷—còn tươi, non, mềm. Nếu một người chặt khúc nó bằng cây rìu bén, thì mủ có ứa ra không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì (trong đó) vẫn còn mủ cây.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tham vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, nếu sân vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, nếu si vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc tầm thường lọt vào [đi vào] tầm mắt cũng ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc nổi bật. Vì lý do gì? Bởi vì tham vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, sân vẫn còn và chưa được dẹp bỏ, si vẫn còn và chưa được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.

(2) “Này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tham *không* còn và đã được dẹp bỏ, nếu sân *không* còn và đã được dẹp bỏ, nếu si *không* còn và đã được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc nổi bật lọt vào [đi vào] tầm mắt cũng không ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc tầm thường. Vì lý do gì? Bởi vì tham *không* còn và đã được dẹp bỏ, sân *không* còn và đã được dẹp bỏ, si *không* còn và đã được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cây có mủ—như cây bồ-đề, cây đa, cây vả, và cây sung—đã khô, đã khô cứng, đã qua thời xanh tươi. Nếu một người chặt khúc nó bằng cây rìu bén, thì mủ có ứa ra không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì (trong đó) *không* còn mủ cây.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tham *không* còn và đã được dẹp bỏ, nếu sân *không* còn và đã được dẹp bỏ, nếu si *không* còn và đã được dẹp bỏ, thì ngay cả những hình-sắc nổi bật lọt vào [đi vào] tầm mắt cũng không ám muội cái tâm, nói chi tới những hình-sắc tầm thường. Vì lý do gì? Bởi vì tham *không* còn và đã được dẹp bỏ, sân *không* còn và đã được dẹp bỏ, si *không* còn và đã được dẹp bỏ.

“Tương tự đối với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm..”

(SN 35:231)

232 (5) Ngài Câu-hi-la

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahā-Koṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối

chiều, thầy Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn trú và đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Thầy ấy chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, theo cách nào mắt là gông cùm của những hình-sắc và những hình-sắc là gông cùm của mắt? Tai là gông cùm của những âm-thanh và những âm-thanh là gông cùm của tai? ... Tâm là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm là gông cùm của tâm?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc và những hình-sắc cũng không phải là gông cùm của mắt, mà chính dục và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm. Tai không phải là gông cùm của những âm-thanh và những âm-thanh cũng không phải là gông cùm của tai, mà chính dục và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm Tâm không phải là gông cùm của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là dục và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.

“Này đạo hữu, ví dụ có một con bò đen và một con bò trắng bị gông vào với nhau bởi một cái gông hay cái ách. Nếu ai là người nói đúng đắn có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là gông cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông cùm của con bò đen?’”

“Không, thưa đạo hữu. Con bò đen không phải là gông cùm của con bò trắng và con bò trắng cũng không phải là gông cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách đã gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông cùm.”

“Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là dục và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.

“Này đạo hữu, nếu mà mắt là công cụ của những hình-sắc hay những hình-sắc là công cụ của mắt, thì đâu có [đâu thấy] sự sống của đời sống tâm linh (đời sống tu hành) này để tiêu diệt sự khổ.¹⁶⁸ Nhưng vì mắt không phải là công cụ của những hình-sắc và những hình-sắc không phải là công cụ của mắt—mà chính dục và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó—cho nên mới có sự sống của đời sống tâm linh này để tiêu diệt sự khổ.

“Này đạo hữu, nếu mà tai là công cụ của những âm-thanh Nếu mà tâm là công cụ của những hiện-tượng thuộc tâm hay những hiện-tượng thuộc tâm là công cụ của tâm, thì đâu có [đâu thấy] sự sống của đời sống tâm linh này để tiêu diệt sự khổ. Nhưng vì tâm không phải là công cụ của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là công cụ của tâm—mà chính dục và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó—cho nên mới có sự sống của đời sống tâm linh này để tiêu diệt sự khổ.

“Này đạo hữu, cũng theo cách này có thể hiểu được điều như vậy: Trong đức Thế Tôn có mắt, đức Thế Tôn nhìn thấy những hình-sắc [sắc] bằng mắt, nhưng không có dục và tham trong đức Thế Tôn; đức Thế Tôn đã khéo được giải-thoát trong tâm. Trong đức Thế Tôn có tai, đức Thế Tôn nghe thấy âm-thanh [thanh] bằng tai ... Trong đức Thế Tôn có mũi, đức Thế Tôn ngửi thấy mùi-hương [hương] bằng mũi ... Trong đức Thế Tôn có lưỡi ... đức Thế Tôn nếm thấy mùi-vị [vị] bằng lưỡi ... Trong đức Thế Tôn có thân, đức Thế Tôn cảm nhận đối-tượng chạm xúc [xúc] bằng thân ... Trong đức Thế Tôn có tâm, đức Thế Tôn nhận biết hiện-tượng thuộc tâm [pháp] bằng tâm, nhưng không có dục và tham trong đức Thế Tôn; đức Thế Tôn đã khéo được giải-thoát trong tâm.

“Này đạo hữu, theo cách như vậy có thể hiểu được cách mắt không phải là công cụ của những hình-sắc và những hình-sắc cũng không phải là công cụ của mắt, mà chính dục và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó mới là công cụ ở đó; cách tai không phải là công cụ của những âm-thanh cách tâm không phải là công cụ của những hiện-

tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là công cụ của tâm, mà chính dụng và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó mới là công cụ ở đó.”

(SN 35:232)

233 (6) Ngài Kāmabhū

Trong một lần Ngài Ānanda và Ngài Kāmabhū đang sống trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Kāmabhū ra khỏi chỗ ẩn trú và đến gặp thầy Ānanda. Thầy ấy chào hỏi với thầy Ānanda, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, theo cách nào mắt là công cụ của những hình-sắc hay những hình-sắc là công cụ của mắt? Tâm là công cụ của những hiện-tượng thuộc tâm hay những hiện-tượng thuộc tâm là công cụ của tâm?”

“Này đạo hữu Kāmabhū, mắt không phải là công cụ của mắt Tâm không phải là công cụ của những hiện-tượng thuộc tâm và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là công cụ của tâm, mà chính dụng và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là công cụ ở đó.

“Này đạo hữu, ví dụ có một con bò đen và một con bò trắng bị ách cỏ vào với nhau bởi một cái công hay cái ách. Nếu ai là người nói đúng đắn có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là công cụ của con bò trắng; con bò trắng là công cụ của con bò đen?’”

“Không, thưa đạo hữu. Con bò đen không phải là công cụ của con bò trắng và con bò trắng cũng không phải là công cụ của con bò đen, mà chính là cái công hay cái ách công chúng lại với nhau: đó mới chính là công cụ.”

“Cũng giống như vậy, này đạo hữu, mắt không phải là gông cùm của những hình-sắc và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông cùm của tâm, mà chính là dục và tham khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông cùm.”

(SN 35:233)

234 (7) Ngài Udāyī

Trong một lần Ngài Ānanda và Ngài Udāyī đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Udāyī ra khỏi chỗ ẩn trú và đến gặp thầy Ānanda. Thầy ấy chào hỏi với thầy Ānanda, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy [bản chất của] thân này theo nhiều cách, như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thân này là vô ngã’. Vậy có thể giải thích [bản chất của] thức theo cách tương tự như vậy hay không? Có thể chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ điều đó như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’, hay không?”

“Có thể được, này đạo hữu Udāyī. Có phải thức-mắt khởi sinh tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc?”

“Đúng, thưa đạo hữu.”

“Nếu nhân và duyên (nguyên-nhân và điều-kiện) làm khởi sinh thức-mắt chấm-dứt hoàn toàn và sạch sẽ [không còn tàn dư], thì liệu thức-mắt có còn [được thấy], hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

“Này đạo hữu, chính theo cách này đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã khai mở, đã công khai như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’.

“Có phải thức-tai ... thức-tâm khởi sinh tùy thuộc vào tai và những âm-thanh hay không?”

“Đúng, thưa đạo hữu.”

“Nếu nhân và duyên làm khởi sinh thức-tai ... thức-tâm chấm dứt hoàn toàn và sạch sẽ, thì liệu thức-tai ... thức-tâm có còn [được thấy], hay không?”

“Không, thưa đạo hữu.”

“Này đạo hữu, cũng theo cách này đức Thế Tôn đã được tuyên bố, đã khai mở, và đã làm cho thấy điều này như vậy: ‘Vì lý do như vậy nên thức là vô ngã’.”

“Này đạo hữu, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy rìu bén và đi vô rừng.¹⁶⁹ Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi.

“Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo không nhận thấy trong sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu nộ xứ, sáu căn, sáu giác quan) này có một bản ngã nào hay có thứ gì thuộc về một bản ngã. Bởi vì người đó không nhận thấy có thứ gì như vậy, nên người đó không còn chấp-thủ vào thứ gì trong thế giới. Do không còn chấp-thủ (thủ diệt), nên người đó không còn bị kích-động. Do không còn bị kích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 35:234)

235 (8) Bài Giảng về sự Bốc Cháy

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy. Hãy lắng nghe điều đó ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy? Này các Tỳ kheo, thà *căn-mắt* bị hủy hoại bởi một cây kim sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ hình-tướng (tướng) thông qua những đặc-điểm (nét) trong một hình-sắc [sắc] được nhận biết bởi mắt.¹⁷⁰ Bởi nếu khi chết mà thức đang hiện hành (có mặt) bị dính theo sự thỏa-thích trong hình-tướng hay những đặc-điểm đó, thì có thể người đó sẽ đi đến (tái sinh vào) một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy.

(2) “Này các Tỳ kheo, thà *căn-tai* bị hủy hoại bởi một cọng sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ hình-tướng thông qua những đặc-điểm trong một âm-thanh [thanh] được nhận biết bởi tai. Bởi nếu khi chết mà thức hiện hành bị dính theo sự thỏa-thích trong hình-tướng hay những đặc-điểm đó, thì có thể người đó sẽ đi đến một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mối nguy-hại này, ta mới nói như vậy.

(3) “Này các Tỳ kheo, thà *căn-mũi* bị hủy hoại bởi một cái kiềm bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ hình-tướng thông qua những đặc-điểm trong một mùi-hương [hương] được nhận biết bởi mũi. Bởi nếu khi chết ...

(4) “Này các Tỳ kheo, thà *căn-lưỡi* bị hủy hoại bởi một lưỡi dao bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ hình-tướng thông qua những đặc-điểm trong một mùi-vị [vị] được nhận biết bởi lưỡi. Bởi nếu khi chết ...

(5) “Này các Tỳ kheo, thà *căn-thân* bị hủy hoại bởi một ngọn giáo bén đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực còn tốt hơn một người cứ nắm giữ hình-tướng thông qua những đặc-điểm trong một đối-tượng chạm xúc [xúc] được nhận biết bởi thân. Bởi nếu khi chết mà thức hiện hành bị dính

theo sự thỏa-thích trong hình-tướng hay những đặc-điểm, thì có thể người đó sẽ đi đến một trong hai nơi-đến: địa ngục hoặc cõi súc sinh. Sau khi đã nhìn thấy mỗi nguy-hại này, ta mới nói như vậy.

(6) “Này các Tỳ kheo, thà ngủ đi—cho dù chỉ ngủ thì vô-dụng (cần cõi) đối với sự sống, chỉ ngủ thì vô-ích (không ích quả) đối với sự sống, chỉ ngủ thì vô ý-thức (không biết gì) đối với sự sống— nhưng vậy vẫn còn tốt hơn (tâm) cứ nghĩ những ý nghĩ có thể xui khiến mình tạo ra sự chia rẽ trong Tăng đoàn. Sau khi đã nhìn thấy mỗi nguy-hại này, ta nói như vậy.”¹⁷¹

“Đối với vấn đề này, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy biết suy xét (quán chiếu) như vậy:

(1) ‘Đẹp luôn cái vụ “thà để căn-mắt bị hủy hoại bởi một cây kim sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực ...”. Ta chỉ chú-tâm (tác ý) vào điều này: “Mắt là vô thường, những hình-sắc là vô thường, thức-mắt là vô thường, sự tiếp-xúc mắt là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên)—dù sướng hay khổ hay trung tính— cũng đều là vô thường.’

(2) ‘Đẹp luôn cái vụ “thà để căn-tai bị hủy hoại bởi một cọng sắt đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực ...”. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Tai là vô thường, những âm-thanh là vô thường, thức-tai là vô thường, sự tiếp-xúc tai là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tai là điều-kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường.”

(3) ‘Đẹp luôn cái vụ “thà để căn-mũi bị hủy hoại bởi một cái kiềm đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực ...”. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Mũi là vô thường, những mùi-hương là vô thường, thức-mũi là vô thường, sự tiếp-xúc mũi là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mũi là điều-kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường.”

(4) ‘Đẹp luôn cái vụ “thà để căn-lưỡi bị hủy hoại bởi một lưỡi dao đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực ...” Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Lưỡi là vô thường, những mùi-vị là vô thường, thức-lưỡi là vô

thường, sự tiếp-xúc lưỡi là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc lưỡi là điều-kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường.”

(5) ‘Đẹp luôn cái vụ “thà để căn-thân bị hủy hoại bởi một ngọn giáo đang bốc cháy, đang cháy đỏ, đang đỏ rực ...”. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Thân là vô thường, những đối-tượng chạm xúc là vô thường, thức-thân là vô thường, sự tiếp-xúc thân là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc thân là điều-kiện (duyên) ... cũng đều là vô thường.”

(6) ‘Đẹp luôn cái vụ “thà ngủ đi ...”. Ta chỉ chú-tâm vào điều này: “Tâm là vô thường, những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, thức-tâm là vô thường, sự tiếp-xúc tâm là vô thường, mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... cũng là vô thường.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với mắt, những hình-sắc, thức-mắt, sự tiếp-xúc mắt, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) ... Người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với tai ... đối với lưỡi ... đối với thân ... đối với tâm, những hiện-tượng thuộc tâm, thức-tâm, sự tiếp-xúc tâm, và mọi thứ cảm-giác khởi sinh do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện (duyên) ... Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề bốc-cháy.”

(SN 35:235)

236 (9) Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân ... (1)

(1) “Này các Tỳ kheo, khi có hai bàn tay, thì sự cầm lên và sự đặt xuống được nhận thấy. Khi có hai bàn chân, thì sự đến và sự đi được nhận

thấy. Khi có tứ chi, thì sự duỗi ra và sự co vào được nhận thấy. Khi có bụng, thì sự đói và sự khát được nhận thấy.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi có mắt, thì có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên).¹⁷² Khi có tai, thì có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp-xúc tai là điều-kiện Khi có tâm, thì có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi *không* có hai bàn tay, thì sự cầm lên và sự đặt xuống không được nhận thấy. Khi không có hai bàn chân, thì sự đến và sự đi không được nhận thấy. Khi có tứ chi, thì sự duỗi ra và sự co vào không được nhận thấy. Khi có bụng, thì sự đói và sự khát không được nhận thấy.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi *không* có mắt, thì không có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên). Khi không có tai, thì không có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tai là điều-kiện Khi không có tâm, thì không có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện.”

(SN 35:236)

237 (10) Ví Dụ Bàn Tay và Bàn Chân ... (2)

(1) “Này các Tỳ kheo, khi có hai bàn tay, thì có sự cầm lên và sự đặt xuống ...

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi có mắt, thì có sự sướng và sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện (duyên) Khi có tâm, thì có sự sướng sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi không có hai bàn tay, thì không có sự cầm lên và sự đặt xuống ...

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi không có mắt, thì không có sự sợ hãi và sự khổ khởi sinh ở bên-trong do có tiếp-xúc mắt là điều-kiện Khi không có tâm, thì không có sự sợ hãi và sự khổ khởi sinh ở bên trong do có tiếp-xúc tâm là điều-kiện.”

(SN 35:237)

NHÓM 4

NHÓM ‘RẮN ĐỘC’

(*Āsīvisa-vagga*)

238 (1) Ví Dụ Rắn Độc

“Này các Tỳ kheo, ví như có bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người.¹⁷³ Rồi có một người tới là người muốn sống, không muốn chết, ham sống, ghét khổ. Họ nói với anh ta: ‘Này bạn hiền, đây là bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người. Có lúc chúng phải được bắt lên; có lúc chúng phải được tắm rửa; có lúc chúng phải được cho ăn; có lúc chúng phải được đặt xuống nằm nghỉ.¹⁷⁴ Nhưng nếu có con nào nổi tức với anh, thì, này bạn tốt, coi như anh gặp cái chết hay đau khổ như chết. Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người, người đó kiếm đường tẩu thoát. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, còn có năm kẻ thù sát hại đang đuổi theo anh, trong đầu chúng nghĩ: “Hễ gặp hấn ở đâu, chúng ta sẽ lấy mạng hấn ngay.” Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người và năm kẻ thù sát hại, người đó lại kiếm đường tẩu thoát. Họ nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, còn có một kẻ thù sát hại thứ sáu, đó là một người bạn thân,¹⁷⁵ đang đuổi theo anh với kiếm đã tuốt sẵn trong tay, trong đầu kẻ đó nghĩ: “Hễ gặp hấn ở đâu, ta chặt đầu hấn ngay.” Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người và năm kẻ thù sát thủ và kẻ sát thủ thứ sáu là người bạn thân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay, người đó lại kiếm đường tẩu thoát. Anh ta tới một ngôi làng trống không. Mọi căn nhà anh ta bước

vô đều trông không, chẳng có gì, trông rỗng. Có người nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, bọn cướp làng sắp đến tấn công¹⁷⁶ ngôi làng trông không này. Vậy hãy làm những gì cần phải làm trước đi, này người bạn tốt!’

“Rồi, này các Tỳ kheo, do sợ hãi bốn con rắn độc có tính nóng dữ tợn và có nọc độc chết người và năm kẻ thù sát thủ và kẻ sát thủ thứ sáu là người bạn thân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay và giờ bọn cướp làng, người đó lại kiếm đường tẩu thoát. Người đó tới một biển nước lớn, với bờ bên này (bờ gần, thử ngạn) đầy hiểm nguy và đáng sợ, và bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn) thì an toàn và không còn hiểm nguy, nhưng không có thuyền phà hay cầu kiều để vượt qua bên đó.

“Rồi người đó nghĩ: ‘Có biển nước lớn, với bờ bên này đầy hiểm nguy và đáng sợ, và bờ bên kia thì an toàn và không còn hiểm nguy, nhưng không có thuyền phà hay cầu kiều để vượt qua bên đó. Vậy ta hãy thu lượm cỏ, cây, cành, lá và đan cột chúng lại thành một cái bè, rồi bằng phương tiện cái bè và với sự nỗ-lực bằng chính tay chân của mình, thì ta có thể an toàn vượt qua tới bờ bên kia.’¹⁷⁷

“Rồi người đó thu lượm cỏ, cây, cành, lá và đan cột chúng lại thành một cái bè, rồi bằng phương tiện cái bè và với sự nỗ-lực bằng chính tay chân của mình, anh ta an toàn vượt qua tới bờ bên kia. Sau khi đã vượt qua, đã qua bờ bên kia, vị bà-la-môn đó đứng trên vùng đất cao (an toàn).¹⁷⁸

“Này các Tỳ kheo, ta đã làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa:

- ‘Bốn con rắn độc bản tính nóng nảy dữ tợn và có nọc độc chết người’: đây là một cách để chỉ *bốn yếu-tố lớn* (tứ đại)—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí.¹⁷⁹

- ‘Năm kẻ thù sát hại’: đây là một cách để chỉ *năm-uẩn dính chấp-thủ* (năm thủ uẩn); đó là, uẩn sắc-thân bị chấp-thủ, uẩn cảm-giác bị chấp-thủ, uẩn nhận-thức bị chấp-thủ, uẩn những sự tạo-tác bị chấp-thủ, uẩn thức bị

chấp-thủ.¹⁸⁰ (năm uân dĩnh chấp-thủ: năm uân bị chấp-thủ, năm uân bị tác động bởi sự chấp-thủ)

- ‘Kẻ thù sát hại thứ sáu, là một người bạn thân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay’: đây là một cách để chỉ *khoái-lạc* và *tham-dục*.¹⁸¹

- ‘Ngôi làng trống không’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-trong* (*sáu nội xứ, sáu căn, giác quan*). Này các Tỳ kheo, nếu một người khôn ngoan, giỏi trí, thông minh xem xét chúng thông qua mắt, chúng sẽ thể hiện là ‘trống rỗng, chẳng có gì, trống không’. Nếu người đó xem xét chúng thông qua tai thông qua tâm, chúng sẽ thể hiện là ‘trống rỗng, chẳng có gì, trống không’.

- ‘Bọn cướp làng’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-ngoài* (*sáu ngoại xứ, sáu trần, đối-tượng giác quan*). Này các Tỳ kheo, mắt bị tấn công bởi *những hình-sắc* dễ chịu và khó chịu. Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ... Tâm bị tấn công bởi *những hiện-tượng thuộc tâm* dễ chịu và khó chịu.

- ‘Biển nước lớn’: đây là một cách để chỉ *bốn dòng-lũ*: dòng lũ của/là tham-dục, dòng lũ của/là sự hiện-hữu, dòng lũ của/là những tà-kiến, và dòng lũ của/là vô-minh.

- ‘Bờ bên này, đây hiểm nguy và đáng sợ’: đây là một cách để chỉ *danh-tính*.¹⁸²

- ‘Bờ bên kia, an toàn và không còn hiểm nguy’: đây là một cách để chỉ *Niết-bàn*.

- ‘Cái bè’: đây là một cách để chỉ con đường *Bát Thánh Đạo*; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

- ‘Sự nỗ-lực bằng tay chính tay chân của mình’: đây là một cách để chỉ sự phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn).

- ‘Sau khi đã vượt qua, đã qua bờ bên kia, vị bà-la-môn đó đứng trên vùng đất cao’: đây là một cách để chỉ *bậc A-la-hán*.”

239 (2) Ví Dụ Ngựa Lái Xe Ngựa

“Này các Tỳ kheo, nhờ có được ba phẩm-chất, một Tỳ kheo sống đầy hạnh-phúc và hoan-hỷ ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt xong nền-móng¹⁸³ cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Ba đó là gì? Người đó là một người phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, là người tiết độ trong ăn uống, và là người hết mình vì sự tỉnh-thức.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người *phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận* (phòng hộ sáu căn)? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* nắm giữ hình-tướng (tướng) và những đặc-điểm (nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-mắt không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và buồn-phiền (u) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm nhận việc kiểm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh ... Khi ngửi thấy một mùi-hương ... Khi nếm thấy một mùi-vị ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo *không* nắm giữ hình-tướng và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tâm không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và buồn-phiền (u) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-tâm, người đó đảm nhận việc kiểm chế căn-tâm.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một chiếc xe ngựa được kéo bởi mấy con ngựa thuần chủng đang đậu sẵn trên đất bằng ở ngã tư đường, với roi ngựa sẵn trong tay. Rồi một người huấn luyện ngựa, là một người điều khiển những con ngựa cần được huấn luyện, trèo lên xe, tay trái cầm dây cương, tay phải cầm roi, sẽ lái đi và lái về theo bất cứ đường nào ông ta muốn, bất cứ khi nào ông ta muốn. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo luyện tập cách phòng hộ sáu cửa của các căn cảm-nhận, tập luyện sự kiểm soát chúng, tập luyện sự thuần phục chúng, tập luyện sự làm tĩnh lặng

chúng. Nay các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo *tiết độ trong ăn uống*? Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một Tỳ kheo ăn uống (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh và không bị chê trách [phi tội lỗi] và sống được an ổn.’”(như không bị mệt mỏi, buồn ngủ, hay hôn trầm khi ngồi thiền ... nếu ăn quá nhiều hay ăn phi thời).’

- “Giống như một người xúc thuốc vết thương chỉ vì mục đích giúp làm nó lành, hoặc giống như một người bôi nhót vào trục bánh xe chỉ để giúp nó chở được đồ nặng; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo, sau khi suy xét một cách khôn khéo, ăn uống (i) không phải để khoái thích giải trí ... (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu) ... được khỏe mạnh, và không bị chê trách [phi tội lỗi] và sống được an ổn.”

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người *hết mình vì sự tỉnh-thức* (luôn tỉnh giác)? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại (năm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Nay các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người hết mình vì sự tỉnh-thức.

“Này các Tỳ kheo, chính là nhờ có được ba phẩm-chất này nên một Tỳ kheo sống đầy hạnh-phúc và hoan-hỷ ngay trong kiếp này, và người đó đã đặt xong nền-móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

(SN 35:239)

240 (3) Ví Dụ Con Rùa

“Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một con rùa¹⁸⁴ đang đi tìm thức ăn dọc bờ sông vào buổi cuối chiều. Cũng vào buổi cuối chiều đó có một con chó rừng (linh cẩu, giả can) cũng đang đi tìm thức ăn dọc bờ sông đó. Khi con rùa từ xa nhìn thấy con chó rừng đang đi tìm thức ăn, nó liền rút các chân và cổ vào bên trong mu rùa và trải qua thời gian cứ nằm giữ yên và im thít ngay đó.¹⁸⁵

“Con chó rừng từ xa cũng đã nhìn thấy con rùa đang đi tìm thức ăn, nên nó đã đến gần và rình sát bên, trong đầu nghĩ rằng: ‘Hễ khi con rùa thò chân hay cổ ra ngoài, ta sẽ chụp nó ngay, kéo thân thịt nó ra để ăn.’ Nhưng bởi vì con rùa không thò chân hay cổ ra ngoài, nên con chó rừng thất bại không đạt được sự tiếp cận vào (nhập vào, chụp được, bắt được) nó, cho nên mất hứng thú với nó, và bỏ đi.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, Ma Vương Ác Ma thường xuyên và liên tục rình sát các thầy, trong đầu nghĩ rằng: ‘Có lẽ ta sẽ tiếp cận người đó thông qua (cửa) mắt, hoặc thông qua tai ... hoặc thông qua tâm.’ Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy phải sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (phòng hộ sáu căn). Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, *đừng nắm giữ* hình-tướng (tướng) và những đặc-điểm (nét) của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thêm-muốn (tham) và buồn-phiền (u) sẽ xâm chiếm các thầy, các thầy hãy tập luyện cách kiềm chế nó, phòng hộ căn-mắt, đảm trách việc phòng hộ căn-mắt.

“Khi nghe thấy một âm-thanh ... Khi ngửi thấy một mùi-hương ... Khi nếm thấy một mùi-vị ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc ...

Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, *đừng nắm giữ* hình-tượng và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu các thầy để lơ căn-tâm không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và buồn-phiền (u) sẽ xâm chiếm các thầy, các thầy hãy tu tập cách kiểm chế nó, phòng hộ căn-tâm, đảm nhận việc kiểm chế căn-tâm.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy sống phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, thì Ma Vương Ác Ma sẽ thất bại không đạt được sự tiếp cận vào các thầy, cho nên mất hứng thú với các thầy, và bỏ đi, giống như con chó rừng bỏ đi khỏi con rùa.”

Thu thúc trong những ý-nghĩ của tâm
Như con rùa rút chân vào trong mai,
Độc lập, không phiền quấy người khác, hoàn toàn tắt ngấm
Một Tỳ kheo không phiền trách một ai nữa. ¹⁸⁶

(SN 35:240)

241 (4) Ví Dụ Thân Cây Lớn (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī bên bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn nhìn thấy một thân thân cây lớn đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy thân thân cây lớn đó đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng?

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỳ kheo, nếu thân cây đó không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm xuống giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị vớt (bắt) lấy bởi người ta, không bị vớt (bắt) lấy bởi chúng sinh khác-người (phi nhân), không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị mục thối ở bên trong, thì nó sẽ hướng về, đổ về, và trôi về phía biển. Vì lý do gì? Bởi vì dòng chảy của sông Hằng là hướng về, đổ về, và chảy về phía biển.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu các thầy không dạt theo bờ bên này, không dạt theo bờ bên kia, không chìm nghỉm giữa dòng, không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị bắt bởi người ta, không bị bắt bởi chúng sinh khác-người, không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, và cũng không bị mục thối (thối nát) ở bên trong, thì các thầy sẽ hướng về, đổ về, và ngã về phía Niết-bàn. Vì lý do gì? Bởi vì chánh-kiến là hướng về, nghiêng về, và ngã về phía Niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)? Cái gì là chìm nghỉm giữa dòng? Cái gì là bị mắc cạn trên cồn đất nổi? Cái gì là bị bắt bởi người ta? Cái gì là bị bắt bởi chúng sinh khác-người? Cái gì là bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy? Cái gì là bị thối nát ở bên trong?”

(1) “Này Tỳ kheo: ‘Bờ bên này’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-trong* (sáu nội xứ, sáu căn). Còn ‘bờ bên kia’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên-ngoài* (sáu ngoại xứ, sáu trần). ‘Chìm nghỉm giữa dòng’: đây là một cách để chỉ *khoái-lạc và tham-dục*. ‘Bị mắc cạn trên cồn đất nổi’: đây là một cách để chỉ sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn, ta-đây).

(2) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi người ta’? Ở đây, có người sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ.¹⁸⁷ Đây được gọi là bị bắt bởi người ta.

(3) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị bắt bởi chúng sinh khác-người’? Ở đây, có người sống đời sống tâm linh (tu hành) với khát nguyện [được tái sinh] vào chỗ các thiên-thần (trên cõi trời), trong đầu nghĩ: ‘Với sự giới-hạnh này, hay với sự thệ-nguyện và những lễ-nghi cúng tụng này (giới cấm thủ), hay với sự khổ-hạnh này, ta sẽ trở thành một thiên-thần hay một trong số những thiên-thần.’ Đây được gọi là bị bắt bởi chúng sinh khác-người.

(4) “Cái gì là ‘bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy’: này Tỳ kheo, đây là một cách để chỉ *năm dẫy khoái-lạc giác quan* (ngũ dục).

(5) “Và, này Tỳ kheo, cái gì là ‘bị thối nát bên trong’? Ở đây có người vô đạo đức, tính nết xấu ác, có hành-vi không sạch và đáng ngờ, hành-động bí mật lén lút, không phải sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không phải người sống độc thân mà tự xưng là người độc thân, bên trong bị thối nát, hư hỏng, thối nát.¹⁸⁸ Đây được gọi là sự bị thối nát ở bên trong.”

Bấy giờ, lúc đó có một người chăn bò tên là Nanda đang đứng gần đức Thế Tôn. Anh ta mới thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con sẽ không đạt¹⁸⁹ theo bờ bên này, con sẽ không đạt theo bờ bên kia, con sẽ không bị chìm ngấm giữa dòng, con sẽ không bị mắc kẹt trên cò đất nổi, con sẽ không bị bắt bởi người ta, con sẽ không bị bắt bởi chúng sinh khác-người, con sẽ không bị mắc kẹt trong hụp nước xoáy, con sẽ không bị thối nát ở bên trong. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn (thành sa-di), con xin được thụ nhận toàn-bộ giới (cụ túc giới, thành Tỳ kheo)?”

“Này Nanda, trong trường hợp này, hãy trả đàn bò lại cho các chủ nhân của chúng.”

“Thưa Thế Tôn, những con bò sẽ tự chúng quay về vì chúng còn ràng buộc (thương yêu) những con bò con ở đó.”

“Hãy trả đàn bò lại cho các chủ nhân của chúng, này Nanda.”

Rồi người chăn bò Nanda đã trả lại đàn bò cho chủ bò, rồi quay trở lại gặp đức Thế Tôn, và thưa: “Những con bò đã được trả về cho các chủ bò, thưa Thế Tôn. Con xin được xuất gia dưới đức Thế Tôn, cho phép được thụ nhận toàn-bộ giới?”

Và không lâu sau, sau khi thụ nhận toàn-bộ giới, rồi ở (tu) một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ...

Và thầy Nanda đã trở thành một trong những vị A-la-hán.”

(SN 35:241)

242 (5) Ví Dụ Thân Cây Lớn (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī bên bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn nhìn thấy một thân cây lớn đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy thân thân cây lớn đó đang bị cuốn trôi theo dòng nước sông Hằng?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.” ... [*tiếp tục như kinh kể trên cho đến:*] ... là hướng về, nghiêng về, và ngã về phía Niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Kimbila đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là bờ bên này ... cái gì là bị thối nát ở bên trong?”

[*Phật tiếp tục trả lời như kinh kể trên, cho tới:*]

(5) “Và, này Kimbila, cái gì là sự thối nát ở bên trong? Ở đây, này Kimbila, một Tỳ kheo phạm vào một tội ô nhiễm, một loại tội nặng không cho phép phục hồi.¹⁹⁰ Đây được gọi là bị thối nát bên trong.”

(SN 35:242)

243 (6) Bài Giảng Về Người Bị Ô Nhiễm

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa dân chúng Thích-Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá Cây Banyan (nigrodha, cây đa). Bấy giờ, lúc đó có một hội trường mới được xây dựng cho những người Thích-Ca ở Kapilavatthu, và nó chưa được trú ở bởi một sa-môn hay bà-la-môn hay một người nào. Rồi những người dân Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, một hội trường mới được xây dựng cho những người dân Thích-Ca và chưa được trú ở bởi một sa-môn hay bà-la-môn hay một người nào. Thưa Thế Tôn, kính mong Thế Tôn là người đầu tiên sử dụng nó. Sau khi Đức Thế Tôn đã sử dụng trước, những người dân Thích-Ca ở Kapilavatthu sẽ sử dụng nó sau đó. Điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”¹⁹¹

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi, khi những người dân Thích-Ca ở hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của họ, họ đi ra và đi tới hội trường mới. Ở đó họ trải thảm hết hội đường, chuẩn bị các chỗ ngồi, đặt một bình nước lớn, và treo một đèn dầu lớn. Rồi họ quay lại gặp đức Thế Tôn để báo cho đức Thế Tôn về sự đã chuẩn bị, và nói thêm: “Giờ kính mong Thế Tôn tùy tiện ghé đến.”

Rồi đức Thế Tôn mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng đoàn đến chỗ hội trường mới. Sau khi rửa chân, đức Thế Tôn bước vào và ngồi xuống, lưng tựa hướng cột nhà chính sảnh, mặt hướng phía đông. Các Tỳ kheo cũng vậy, sau khi rửa chân, bước vào hội đường, và ngồi xuống, lưng hướng bức tường phía tây (ở sau), mặt hướng phía đông, với đức Thế Tôn ở trước mặt họ. Những người dân Thích-Ca ở Kapilavatthu cũng vậy, sau khi rửa chân, họ bước vào hội trường và ngồi xuống, lưng hướng bức tường phía đông, mặt hướng phía tây, với đức Thế Tôn ở trước mặt.

Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng (giáo giới), truyền cảm hứng, và làm hoan hỷ những người dân Thích-Ca ở đó bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp gần hết cả đêm, sau đó đức Thế Tôn đã giải tán họ, và nói:

“Đêm đã qua, này những người Cồ-đàm. Các người có thể tùy tiện ra về.”¹⁹²

“Dạ, thưa Thế Tôn”, họ đáp lại. Rồi họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hướng bên phải họ và đi ra.

Rồi, không lâu sau khi những người họ Thích-Ca ở Kapilavatthu đã đi khỏi, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Đại Mục-kiền-liên như vậy:

“Này Mục-kiền-liên, Tăng đoàn các Tỳ kheo không bị dờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên). Thầy hãy nói một bài Giáo Pháp cho các Tỳ kheo. Lưng của ta đang đau, nên ta sẽ nằm để giãn nó ra một chút.”¹⁹³

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Mục-kiền-liên đáp lại.

Rồi đức Thế Tôn gập tư cà sa (làm gối) và nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Lúc đó thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Mục-kiền-liên nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, tôi sẽ chỉ dạy cho các thầy ‘bài giảng về người bị ô-nhiễm [nhiễm lậu] và người không bị ô-nhiễm [không nhiễm lậu]’.¹⁹⁴ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.”

“Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên nói điều này:

(1) “Này các Tỳ kheo, theo cách nào ‘một người là bị ô-nhiễm’? Ở đây, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và kháng cự (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].

- “Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, một Tỳ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và kháng cự (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm

bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.¹⁹⁵

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo bị ô-nhiễm giữa những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, bị ô-nhiễm giữa những âm-thanh được nhận biết bởi tai, bị ô-nhiễm giữa những mùi-hương được nhận biết bởi mũi, bị ô-nhiễm giữa những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi, bị ô-nhiễm giữa những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, bị ô-nhiễm giữa những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. Khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương tiếp cận (bắt gặp) người đó thông qua (cửa) mắt, thì Ma Vương sẽ đạt được sự tiếp cận vào (nhập vào) người đó, Ma Vương sẽ bắt được (chụp được, xử được) người đó. Nếu Ma Vương tiếp cận (bắt gặp) người đó thông qua tai ... thông qua tâm, thì Ma Vương sẽ đạt được sự tiếp cận vào người đó, Ma Vương sẽ bắt được người đó.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một mái lều được làm từ rạ hay cỏ, đã khô héo, đã khô cứng, đã qua thời xanh tươi của nó. Nếu một người tới từ phía đông với một ngọn đuốc rom đang cháy, hoặc tới từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, từ phía dưới, từ phía trên, cho dù tiếp cận vào từ hướng nào thì lửa sẽ chụp vô đó, lửa bắt vô đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương người đó tiếp cận (bắt gặp) thông qua mắt ... thông qua tâm (cho dù thông qua cửa căn nào), thì Ma Vương sẽ đạt được sự tiếp cận vào người đó, Ma Vương sẽ bắt được người đó.

“Khi một Tỳ kheo sống như vậy thì những hình-sắc áp đảo người đó; người đó không áp đảo những hình-sắc. Những âm-thanh áp đảo người đó; người đó không áp đảo những âm-thanh. Những mùi-hương áp đảo người đó; người đó không áp đảo những mùi-hương. Những mùi-vị áp đảo người đó; người đó không áp đảo những mùi-vị. Những đối-tượng chạm xúc áp đảo người đó; người đó không áp đảo những đối-tượng chạm xúc. Những hiện-tượng thuộc tâm áp đảo người đó; người đó không áp

đảo những hiện-tượng thuộc tâm. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo bị áp đảo bởi những hình-sắc, bị áp đảo bởi những âm-thanh, bị áp đảo bởi những mùi-hương, bị áp đảo bởi những mùi-vị, bị áp đảo bởi những đối-tượng chạm xúc, bị áp đảo bởi những hiện-tượng thuộc tâm— là người bị áp đảo, chứ không phải người áp đảo. Những trạng thái xấu ác bất thiện đã áp đảo người đó; những trạng thái đó làm ô-nhiễm, dẫn dắt đến sự tái hiện-hữu, mang đến khổ nạn, đưa đến hậu quả khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người bị ô-nhiễm.

(2) “Này các Tỳ kheo, theo cách nào một người là *không* bị ô-nhiễm? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu cũng không kháng cự (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không kháng cự (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo *không* bị ô-nhiễm giữa những hình-sắc được nhận biết bởi mắt, không bị ô-nhiễm giữa những âm-thanh được nhận biết bởi tai, không bị ô-nhiễm giữa những mùi-hương được nhận biết bởi mũi, không bị ô-nhiễm giữa những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi, không bị ô-nhiễm giữa những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, không bị ô-nhiễm giữa những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm. Khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương có tiếp cận người đó thông qua mắt, thì Ma Vương sẽ *không* đạt được sự tiếp cận vào người đó, Ma Vương sẽ *không* bắt được người đó. Nếu Ma Vương có tiếp cận người đó thông qua tai ... thông qua tâm

(cho dù thông qua cửa căn nào), thì Ma Vương sẽ *không* đạt được sự tiếp cận vào người đó, Ma Vương sẽ *không* bắt được người đó.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một căn nhà có mái nhọn hay một hội trường mới được xây dựng từ đất sét nén chặt và mới được trét vữa. Nếu một người có tới từ phía đông với một ngọn đuốc rom đang cháy, hoặc tới từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, từ phía dưới, từ phía trên, hay cho dù người đó có tiếp cận từ phía nào, thì lửa cũng *không* chụp vô đó được, lửa *không* bắt vô đó được. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, nếu Ma Vương có tiếp cận người đó thông qua mắt ... thông qua tâm, thì Ma Vương sẽ *không* đạt được sự tiếp cận vào người đó, Ma Vương sẽ *không* bắt được người đó.

“Khi một Tỳ kheo sống như vậy thì người đó áp đảo những hình-sắc; những hình-sắc không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những âm-thanh; những âm-thanh không áp đảo người. Người đó áp đảo những mùi-hương; những mùi-hương không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những mùi-vị; những mùi-vị không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những đối-tượng chạm xúc; những đối-tượng chạm xúc không áp đảo người đó. Người đó áp đảo những hiện-tượng thuộc tâm; những hiện-tượng thuộc tâm không áp đảo người đó. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo không bị áp đảo bởi những hình-sắc, không bị áp đảo bởi những âm-thanh, không bị áp đảo bởi những mùi-hương, không bị áp đảo bởi những mùi-vị, không bị áp đảo bởi những đối-tượng chạm xúc, không bị áp đảo bởi những hiện-tượng thuộc tâm— là người áp đảo, chứ không phải người bị áp đảo. Người đó đã áp đảo những trạng thái (mà nếu không bị áp đảo chúng sẽ) làm ô-nhiễm, dẫn dắt đến sự tái hiện-hữu, mang đến khổ nạn, đưa đến hậu quả khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người không bị ô-nhiễm.”

Rồi đức Thế Tôn ngồi dậy và nói với thầy Đại Mục-kiền-liên như vậy: “Tốt, tốt, này Mục-kiền-liên! Thầy đã nói một cách hay khéo bài giảng về người bị ô-nhiễm và người không bị ô-nhiễm.”

Đây là lời của thầy Đại Mục-kiên-liên đã nói. Vị Thầy (Phật) đã chấp thuận. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Đại Mục-kiên-liên.

(SN 35:243)

244 (7) Những Trạng Thái Kéo Theo Khổ Đau

“Này các Tỳ kheo, khi (i) một Tỳ Kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của ‘tất cả những trạng thái kéo theo khổ đau’ đúng như chúng thực là, thì (ii) người đó đã nhìn thấy những dục-lạc (khoái-lạc giác quan) theo cách để khi người đó nhìn vào chúng thì tham dục, ái dục, mê dục và đắm dục không nằm tiềm ẩn bên trong người đó đối với những dục-lạc; rồi (iii) người đó đã thấu rõ một phương pháp hành xử (sở hành) và cách sống (sở trú) theo cách để khi người đó hành xử bản thân như vậy và sống như vậy thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự phiền-buồn (ưu) không chảy vào trong người đó. (‘dòng chảy-vào’: chỉ những ô-nhiễm từ bên ngoài vào tâm).¹⁹⁶

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào (i) một Tỳ Kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của ‘tất cả những trạng thái kéo theo khổ đau’ đúng như chúng thực là?¹⁹⁷ (Người đó hiểu:) ‘Này là sắc-thân, này là nguồn gốc của nó, này là sự chấm dứt của nó; này là cảm-giác ... này là nhận-thức ... này là những sự tạo-tác ... này là thức, này là nguồn gốc của nó, này là sự chấm dứt của nó’: theo cách như vậy là một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến của ‘tất cả những trạng thái kéo theo khổ đau’ (những pháp khổ) đúng như chúng thực là.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào (ii) một Tỳ kheo đã nhìn thấy những dục-lạc theo cách để khi người đó nhìn vào chúng thì tham dục, ái dục, mê dục và đắm dục không nằm tiềm ẩn (trở thành tùy miên) bên trong người đó đối với những dục-lạc? Ví dụ có một hố than sâu hơn chiều cao một người, chứa đầy than đang cháy rực nhưng không khói, không có lửa ngọn. Một người đến đó, người đó đang muốn sống, không

muốn chết, thích sướng và ghét khổ. Rồi có hai người lực sĩ nắm hai tay người đó và kéo người đó tới chỗ hổ than. Người đó sẽ cố vùng vẫy mọi cách (để thoát thân). Vì lý do gì? Vì người đó biết: ‘Ta sẽ rớt xuống hổ than và do vậy ta sẽ bị chết hoặc đau đớn như chết’.¹⁹⁸ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo nhìn thấy những dục-lạc cũng giống như hổ than lửa, thì tham dục, ái dục, mê dục và đắm dục không nằm tiềm ẩn bên trong người đó đối với những dục-lạc.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là (iii) một Tỳ kheo đã thấu rõ một phương pháp hành xử và cách sống theo cách để khi người đó hành xử bản thân như vậy và sống như vậy thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thềm-muốn (tham) và sự phiền-buồn (ưu) không chảy vào trong người đó? Ví dụ có một người đi vô khu rừng đầy gai nhọn. Gai có đầy trước mặt, gai đầy sau lưng, gai đầy bên trái, gai đầy bên phải, gai đầy bên dưới, gai đầy bên trên người đó. Người đó phải bước tới một cách có chú-tâm,¹⁹⁹ người đó bước lùi một cách có chú-tâm, trong đầu nghĩ: ‘Đừng để gai đâm ta!’. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì trong thế giới có tính chất dễ-chịu (sướng) và khó-chịu (khổ) thì được gọi là một cái gai theo Giới Luật Thánh Nhân. Sau khi hiểu được nó giống như ‘gai’,²⁰⁰ thì một người hiểu được sự kiềm-chế và sự không kiềm-chế.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có sự không kiềm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và kháng cự (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và kháng cự (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những

trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự không kiềm-chế.

(5) “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự kiềm-chế? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không kháng cự (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không kháng cự (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế.

(6) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân và đang sống theo cách như vậy, nhiều lúc sự chánh-niệm bị rút (yếu, mất, lạc, lãng xãng, thất niệm), thì những sự-nhớ (ký ức, niệm, tà niệm) và những ý-định nối kết với những gông-cùm sẽ khởi sinh trong người đó. Nếu điều này xảy ra thì sự chánh-niệm chậm khởi sinh, nhưng ngay lúc đó người tu liền nhanh chóng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng. Ví dụ có một người nhiều hai hay ba giọt nước lên một đĩa sắt đã được đun nóng cả ngày. Dù những giọt nước có rơi xuống chậm nhưng ngay lúc chúng chạm xuống đĩa, chúng sẽ lập tức bốc hơi và biến mất.²⁰¹ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân và đang sống theo cách như vậy ... sự chánh-niệm chậm khởi sinh, nhưng ngay lúc đó người đó liền nhanh chóng dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng.

“Như vậy một Tỳ kheo đã thấu rõ một phương pháp hành xử và cách sống theo cách để khi người đó hành xử bản thân như vậy và sống như

vậy thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự phiền-buồn (ưu) không chảy vào trong người đó.

(7) “Khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân và đang sống theo cách như vậy, nếu các vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có dụ người đó về nhận lấy tài sản, họ nói dụ: ‘Này, thiện nhân, sao phải để mấy cái áo cà sa đè nặng (làm vướng lụy) mình như vậy? Tại sao phải đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát xin ăn như vậy? Này, hãy trở lại đời sống trần tục, sau đó mặc sức mà hưởng thụ của cải và làm những việc công đức’. Nhưng này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân và đang sống theo cách như vậy thì không thể nào người đó bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục.

“Này các Tỳ kheo, ví dụ khi sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây’. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, liệu đám người đó có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì sông Hằng (tự hồi nào giờ) là đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và bực tức mà thôi.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hành xử bản thân và đang sống theo cách như vậy, nếu các vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có dụ người đó về nhận lấy của cải ... thì không thể nào người đó bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục. Vì lý do gì? Vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và ngã về sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần). Như vậy thì không thể nào người đó bỏ sự tu-hành để quay lại đời sống thấp tục.”

(SN 35:244)

245 (8) *Cây Kimsuka*

(1) Một Tỳ kheo đến gặp một Tỳ kheo khác và hỏi: “Này các Tỳ kheo, theo cách nào tầm-nhìn (sự-thấy) của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách hay khéo?”²⁰²

“Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của *sáu cơ-sở tiếp-xúc* (sáu căn) thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách hay khéo.”²⁰³

(2) Rồi Tỳ kheo thứ nhất (tức người hỏi) không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một Tỳ kheo khác (thứ ba) để hỏi lại: “Này đạo hữu, theo cách nào tầm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách hay khéo?”

“Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của *năm-uẩn dính chấp-thủ* (năm thủ uẩn) thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách hay khéo.”

(3) Lần nữa, Tỳ kheo thứ nhất không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một Tỳ kheo khác (thứ tư) để hỏi lại: “Này đạo hữu, theo cách nào tầm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách hay khéo?”

“Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự phai-biến của *bốn yếu-tố lớn* (tứ đại), thì theo cách như vậy là tầm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách hay khéo.”

(4) Lần nữa, Tỳ kheo thứ nhất không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp tiếp một Tỳ kheo khác để hỏi lại: “Này đạo hữu, theo cách nào tầm-nhìn của một Tỳ kheo được thanh lọc một cách hay khéo?”

“Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được, đúng như chúng thực là: ‘Thứ gì thuộc tính khởi-sinh thì đều thuộc tính chấm-dứt’ (mọi thứ có sinh

là có diệt), thì theo cách như vậy là tâm-nhìn của người đó được thanh lọc một cách hay khéo.”

(5) Rồi, Tỳ kheo thứ nhất vẫn không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp đức Thế Tôn, kể lại mọi điều các thầy kia đã nói, và hỏi lại: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào tâm-nhìn của một được thanh lọc một cách hay khéo?”

- “Này Tỳ kheo, ví dụ có một người trước giờ chưa từng nhìn thấy cây *kiṃsuka*.²⁰⁴ Người đó đến gặp một người đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có màu đen đen, giống một gốc cây bị đốt thành than.’ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

- “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người kia, nên đến gặp một người khác đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có màu đỏ đỏ, giống một miếng thịt.’ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

- “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp một người khác nữa đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có vỏ bị tuột xuống và tróc ra, giống một cây *acacia* (*sirīsa*).²⁰⁵ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

- “Rồi người đó không hài lòng với câu trả lời của người đó, nên đến gặp tiếp một người khác đã từng nhìn thấy cây *kiṃsuka* để hỏi lại: ‘Thưa ông, cây *kiṃsuka* nhìn ra sao?’ Người kia có thể trả lời: ‘Này bạn hiền, cây *kiṃsuka* có lá và tàn lá che phủ bóng mát, giống một cây *banyan* (cây đa).’ Trong lần đó, có thể cây *kiṃsuka* đúng là giống như người kia đã nhìn thấy.

“Cũng giống như vậy, này Tỳ kheo, những thượng nhân đó đã trả lời đúng như chúng thể hiện theo cách mỗi tầm-nhìn của mỗi vị đó đã được thanh lọc một cách hay khéo.²⁰⁶ (tức: mỗi người chứng ngộ mỗi sự thật hay mỗi cách khác nhau)

“Này Tỳ kheo, ví dụ một ông vua có một thành đô ở gần biên giới có những hào lũy, tường thành, và tháp canh kiên cố, và có sáu cổng ra vào.²⁰⁷ Người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh; người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Có hai sứ giả hỏa tốc đến từ phía đông và hỏi người gác cổng: ‘Này bạn hiền, vị chủ thành đang ở đâu?’ Người gác cổng trả lời: ‘Ông ta đang ngồi ở sân đình trung tâm.’ Rồi hai sứ giả hỏa tốc đi vào báo tin hiện-thực cho vị chủ thành, và đi ra khỏi thành theo đường đã đi vào. Tương tự, những sứ giả đến từ phía tây, từ phía bắc, từ phía nam, đi vào báo tin của họ, và đi ra khỏi thành theo đường đã đi vào.

“Này Tỳ kheo, ta đã làm ví dụ này để chuyên tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa đó:

- ‘Thành đô’: đây là một cách để chỉ *thân* này gồm bốn yếu tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, bị vô thường, phải bị chà xát và bị đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.²⁰⁸

- ‘Sáu cổng’: đây là một cách để chỉ *sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong* (sáu nội xứ; sáu căn).

- ‘Người gác cổng’: đây là một cách để chỉ *sự chánh-niệm*.

- ‘Hai sứ giả hỏa tốc’: đây là một cách để chỉ *sự tỉnh-lặng* (định) và *minh-sát* (tuệ).

- ‘Người chủ thành’: đây là một cách để chỉ *thức*.²⁰⁹

- ‘Sân đình trung tâm’: đây là một cách để chỉ *bốn yếu-tố lớn*—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí.

- ‘Tin hiện-thực’: đây là một cách để chỉ *Niết-bàn*.²¹⁰

- ‘Theo đường đã đi vào’: đây là một cách để chỉ *con đường Bát Thánh Đạo*; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.”

(SN 35:245)

246 (9) Ví Dụ Đòn Tỳ Bà

“Này các Tỳ kheo, nếu bên trong một Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào có dục, hay tham, hay sân, hay si, hay sự ác-cảm của tâm khởi sinh đối với *những hình-sắc được nhận biết bởi mắt*, thì người đó nên chế ngự tâm mình khỏi chúng như vậy:²¹¹ ‘Con đường này là đáng sợ, hiểm nguy, đầy gai góc, đầy rừng rậm, con đường tà ác, con đường xấu ác, con đường cần cạo khan hiếm.’²¹² Đây là con đường được bước đi bởi những người hạ tục; đó không phải là con đường được bước đi bởi những bậc thượng nhân. (Này tâm:) *đây không phải là (con đường) dành cho mi!*’ Theo cách như vậy tâm nên được chế ngự khỏi những trạng thái liên quan những hình-sắc được nhận biết bởi mắt. Cũng làm tương tự đối với những trạng thái liên quan *những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những đối-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm*.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ đồng lúa đã chín và người canh gác thì lơ lãng. Con bò nào thích đi vô đồng lúa đó thì nó cứ thỏa thích ăn theo ý mình. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phạm chưa được chỉ dạy không tập luyện sự kiềm chế *sáu cơ-sở tiếp-xúc* (sáu căn, sáu giác quan) thì người đó cứ thỏa thích thả mình trong năm dây dục-lạc (khoái-lạc giác quan).²¹³

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ đồng lúa đã chín và người canh gác thì canh phòng cẩn thận. Nếu con bò nào thích đi vô đồng lúa đó, thì người canh gác sẽ nắm chặt ngay mõm nó (chỗ có dây xoắn mũi). Trong khi nắm chặt mõm nó, người đó ghì chặt dây khóa giữa hai sừng, rồi nện mạnh nó bằng gậy. Sau khi nện mạnh con bò, người đó đánh đuổi nó đi ... Lần thứ hai cũng vậy ... Lần thứ ba cũng vậy. Như vậy sau đó, con bò thích ăn lúa dù đã chạy về làng hay đã chạy vô rừng hay cho dù nó đang đứng hay

đang ngồi đầu đó, khi nhớ tới trận đòn bị nện bằng cây trước đó thì nó sẽ không dám đi vô đồng lúa nữa.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi tâm một Tỳ kheo đã được chinh phục, đã được chinh phục một cách thiện khéo²¹⁴ đối với sáu cơ-sở tiếp-xúc, thì nó sẽ trở nên ổn định ở bên trong, được lắng lặn, được hợp nhất, và đạt định.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có một ông vua [hay quan đại thần của ông] chưa bao giờ nghe tiếng đòn tỳ bà. Rồi, nếu nghe tiếng đòn đầu đó, ông có thể hỏi: ‘Này anh kia, cái gì làm ra thứ âm thanh đó vậy— nó thật dễ chịu, thật gợi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc, như vậy?’ Người ta có thể trả lời ông: ‘Thưa đức vua, đó là đòn tỳ bà làm ra âm thanh đó— thật dễ chịu, thật gợi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc, như vậy.’ Ông sẽ nói: ‘Này anh kia, hãy mang đòn đó tới đây cho ta coi.’

“Rồi người ta phải đem cây đòn tỳ bà tới cho ông và thưa: ‘Thưa đức vua, đây là đòn tỳ bà, âm thanh của nó là thật dễ chịu, thật gợi cảm, thật say sưa, thật đáng mê, thật mê hoặc.’ Nhà vua mới nói: ‘Ta đã có cả đồng đòn sáo ở đây rồi. Người chỉ cần mang thứ âm thanh đó tới đây cho ta.’ Chắc người ta phải trả lời ông như vậy: ‘Thưa đức vua, cây đòn tỳ bà này gồm nhiều bộ phận, gồm rất nhiều bộ phận, và nó sẽ làm ra thứ âm thanh khi nó được chơi trên nhiều bộ phận của nó; đó là: tùy thuộc vào nhiều thứ như thành đòn làm bằng da, bụng đòn, cần đòn, đầu đòn, các dây đòn, phím để đòn, và sự nỗ-lực khéo léo của người nhạc công.²¹⁵ Như vậy đó, thưa đức vua, rằng cây đòn tỳ bà này gồm nhiều bộ phận, gồm rất nhiều bộ phận, và nó sẽ làm ra thứ âm thanh khi nó được chơi trên nhiều bộ phận của nó.’

“Ông vua bèn đập nát cây đòn ra thành mười mảnh hay trăm mảnh, rồi nghiền nát thành vụn. Sau khi nghiền nát hết thành vụn, ông đem đốt chúng cháy nát thành tro, rồi ông đem rải tro trong gió mạnh hoặc rải xuống sông chảy xiết. Rồi ông nói: ‘Cái được gọi là cây-đòn đích thực chỉ là ‘tào lao’, cũng chẳng có cái gì được gọi là ‘cây đòn’ cả. Sao mọi người quá lơ tâm nghĩ nó là vậy, sao mọi người cứ nhận lầm nó là vậy!’²¹⁶

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo điều tra *sắc-thân* (sắc) khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra *cảm-giác* (thọ) khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra *nhận-thức* (tưởng) khắp mọi chỗ nó có mặt, người đó điều tra *những sự tạo-tác* (hành) khắp mọi chỗ chúng có mặt, người đó điều tra *thức* (thức) khắp mọi chỗ nó có mặt. Khi người đó điều tra *sắc-thân* khắp mọi chỗ nó có mặt ... điều tra *thức* khắp mọi chỗ nó có mặt (và đâu thấy cái ‘bản ngã’ độc lập nào) thì mọi quan niệm như cái ‘ta’, cái ‘của-ta’ hay cái ‘ta-là’ đều không còn trong người đó nữa.”²¹⁷

(SN 35:246)

247 (10) Ví Dụ Sáu Con Vật

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người với tay chân bị thương và đang mừng mủ mà đang đi vô khu rừng đầy cây gai nhọn,²¹⁸ và gai cỏ *kusa* có thể đâm bàn chân và lá lau sậy có thể cào xước tay chân của anh ta. Như vậy người đó càng thêm bị đau đớn và khổ sở. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo đi vô làng hay vô rừng gặp người ta chửi chê mình như vậy: ‘Quý thầy đây, hành động như vậy, hành vi như vậy, chẳng khác gì cái gai thúi trong làng.’ (tức: không phải bậc chân tu hay đại đức; ‘đại đức thúi’). Sau khi hiểu được mình chỉ là cái ‘gai’, thì người đó nên hiểu được sự kiềm-chế và sự không kiềm-chế.²¹⁹

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có *sự không kiềm-chế*? Ở đây, khi nhìn thấy một *hình-sắc* bằng *mắt*, một Tỳ kheo có ý thích (tham) một hình-sắc dễ chịu và kháng cự (sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].

“Khi nghe thấy một *âm-thanh* bằng *tai* ... Khi nhận biết một *hiện-tượng thuộc tâm* bằng *tâm*, một Tỳ kheo ý thích (tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và kháng cự (sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu.

Người đó sống không thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm bị giới hạn, và người đó không hiểu đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ. Chính theo cách như vậy là có sự không kiểm-chế.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có người bắt được sáu con vật—ở những địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau—và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Ví dụ người đó bắt được rắn, cá sấu, chim, chó, chó rừng, và khi, và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Sau khi cột xong, ông cột thắt các đầu dây thừng lại với nhau thành một mối thắt chung, và thả chúng ta. Sáu con vật thuộc sáu địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau sẽ kéo chạy về hướng địa bàn sống và vùng kiếm ăn của mình. Rắn kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy lên ụ gò mối’. Cá sấu kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy xuống nước’. Chim kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Bay lên trời’. Chó kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy về làng’. Chó rừng kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy vô nghĩa địa’. Khi kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy về rừng’.

- “Tới lúc sáu con vật đều mệt mỏi và đuối sức, chúng bắt đầu bị lấn áp bởi một con còn mạnh nhất trong đó; giờ chúng phải bị lụy theo con đó và bị con đó điều khiển. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo *không* tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’, thì mắt kéo (tâm) theo hướng (tham, thích, nắm giữ) những hình-sắc dễ chịu và bất đồng (sân, ghét, từ chối) với những hình-sắc khó chịu; tai kéo theo hướng những âm-thanh dễ chịu và bất đồng với những âm-thanh khó chịu; mũi kéo theo hướng những mùi-hương dễ chịu và bất đồng với những mùi-hương khó chịu; lưỡi kéo theo hướng những mùi-vị dễ chịu và bất đồng với những mùi-vị dễ chịu; thân kéo theo hướng những đối-tượng chạm xúc dễ chịu và bất đồng với những đối-tượng chạm xúc khó chịu; tâm kéo theo hướng những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và bất đồng với những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu.

“Chính theo cách như vậy là có sự không kiềm-chế.

(2) “Và này các Tỳ kheo, theo cách nào là *có sự kiềm-chế*? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hình-sắc dễ chịu và không kháng cự (không sân) một hình-sắc khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được đúng như nó thực là ‘sự giải-thoát của tâm’, ‘sự giải-thoát bằng trí-tuệ’, trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.

“Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo *không* ý thích (không tham) một hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và không kháng cự (không sân) một hiện-tượng thuộc tâm khó chịu. Người đó sống có thiết lập ‘sự chánh-niệm về thân’ ... trong đó những trạng thái xấu ác bất thiện đã chấm dứt sạch sẽ.

Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế.

- “Này các Tỳ kheo, ví dụ có người bắt được sáu con vật—ở các địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau—và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Ví dụ người đó bắt được rắn, cá sấu, chim, chó, chó rừng, và khi, và cột mỗi con bằng một sợi dây thừng. Sau khi cột xong, ông cột tất cả các đầu dây thừng đó vào một cây cột hay trụ chắc chắn. Rồi sáu con vật thuộc sáu địa bàn sống khác nhau và vùng kiếm ăn khác nhau sẽ kéo chạy về hướng địa bàn sống và vùng kiếm ăn của mình. Rắn kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy lên ụ gò mồi’ ... Khi kéo đi đường khác, trong đầu nghĩ: ‘Chạy về rừng’.

- “Tới lúc sáu con vật đều mệt mỏi và đuối sức, chúng chỉ đứng gần cây cột hay trụ đó, chúng chỉ có thể ngồi gần đó, chúng chỉ có thể nằm gần đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’, thì mắt *không* kéo (tâm) theo hướng những hình-sắc dễ chịu, cũng *không* bất đồng với những hình-sắc khó chịu; tai *không* kéo theo hướng những âm-thanh dễ chịu, cũng *không* bất đồng với những âm-thanh khó chịu; mũi *không* kéo theo hướng

những mùi-hương dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những mùi-hương khó chịu; lưỡi *không* kéo theo hướng những mùi-vị dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những mùi-vị dễ chịu; thân *không* kéo theo hướng những đối-tượng chạm xúc dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những đối-tượng chạm xúc khó chịu; tâm *không* kéo theo hướng những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu, cũng *không* bắt đồng với những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu.

“Chính theo cách như vậy là có sự kiềm-chế.

“Này các Tỳ kheo, ‘cây cột hay trụ chắc chắn’: đây là một cách chỉ ‘*sự chánh-niệm hướng vào thân*’. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng “*sự chánh-niệm hướng vào thân*”, làm cho nó thành một cỗ-xe (tu thừa) của chúng ta, làm cho nó thành căn-bản của chúng ta, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong nó, và hoàn thiện nó.’ Các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.”

(SN 35:247)

248 (11) Bó Lúa

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một bó lúa được để ở ngã tư đường. Rồi có sáu người tới tay cầm cây đập lúa,²²⁰ và họ đập bó lúa với sáu cây đập lúa đó. Như vậy bó lúa bị đập toi tả, đã bị đập bởi sáu cây đập lúa. Rồi một người thứ bảy tới tay cầm cây đập lúa, và người đó cũng đập bó lúa với cây đập lúa thứ bảy đó. Như vậy bó lúa thậm chí càng bị đập toi tả hơn nữa, đã bị đập thêm bởi cây đập lúa thứ bảy.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phạm chưa được chỉ dạy bị đập đánh trong *mắt* bởi *những hình-sắc* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *tai* bởi *những âm-thanh* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *mũi* bởi *những mùi-hương* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *lưỡi* bởi *những mùi-vị* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *thân* bởi *những đối-tượng chạm xúc* dễ chịu và khó chịu; bị đập đánh trong *tâm* bởi *những hiện-tượng thuộc tâm* dễ chịu và khó chịu. Nếu người phạm chưa được chỉ

day đã thiết lập cái tâm theo hướng tái hiện-hữu trong tương lai²²¹ (với dục-vọng muốn được tái sinh trong ở cõi này cõi nọ; như mong muốn tái sinh làm người hay thành tiên ...) thì kẻ ngu dại đó thậm chí còn bị đập đánh toi tả hơn nữa, giống như bó lúa càng bị đập toi tả hơn nữa bởi cây đập thứ bảy.

“Này các Tỳ kheo, một thuở xưa những thiên thần và những quỷ thần (asura, a-tu-la) dàn trận đánh nhau.²²² ‘Này các vị, trong trận chiến sắp xảy ra, nếu bên quỷ thần thắng và bên thiên thần thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Đê-thích (Sakka), vua của những thiên thần, và mang ông ta về cho ta trong kinh thành này của các quỷ thần.’ Và Đê-thích, vua của các thiên thần, nói với các thiên thần như vậy: ‘Này các vị, trong trận chiến sắp xảy ra, nếu bên thiên thần thắng và bên quỷ thần thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Vepacitti, vua của các quỷ thần, và mang ông ta về cho ta trong hội trường Sudhamma (Thiện Pháp) này.’

“Này các Tỳ kheo, trong trận chiến đó, bên thiên thần thắng và bên quỷ thần thua. Rồi các thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa) đã trói tay chân và gông cổ Vepacitti và mang ông ta về cho Đê-thích trong hội trường Sudhamma đó của các thiên thần.’

“Khi Vepacitti có ý nghĩ: ‘Các thiên thần là chánh đúng, các quỷ thần là bất chánh; ngay đây bây giờ ta *đã* tới kinh thành của các thiên thần’, thì ông ta thấy mình vừa được thoát khỏi gông-cùm quanh cổ và tay chân, và được thụ hưởng năm dây dục-lạc cõi trời được phú và chu cấp cho mình. Nhưng khi Vepacitti có ý nghĩ: ‘Các quỷ thần là chánh đúng, các thiên thần là bất chánh; giờ ta *sẽ* đi tới kinh thành của các thiên thần’, thì ông lại thấy mình vừa bị gông-cùm quanh cổ và tay chân, và ông ta bị tước mất năm dây dục-lạc cõi trời.

“Này các Tỳ kheo, sự trói-buộc của Vepacitti thật là tinh vi (vi tế) như vậy; nhưng sự trói-buộc của Ma Vương còn tinh vi hơn nhiều. Trong sự nhìn-nhận (suy tưởng), một người bị trói buộc bởi Ma Vương; trong sự không nhìn-nhận, một người được tự do khỏi ma Vương.²²³

(1) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta là này’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ là’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ không là’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ không có sắc-thân (vô sắc)’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự nhìn-nhận; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự nhìn-nhận (suy tưởng, nhận lầm).²²⁴ Sự nhìn-nhận này nọ là một căn bệnh, sự nhìn-nhận là một ung nhọt, sự nhìn-nhận là một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không có sự nhìn-nhận này nọ.’

(2) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự động-chuyển (động vọng).²²⁵ ‘Ta là này’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ là’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ không là’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ không có sắc-thân’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự động-chuyển; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự động-chuyển. Sự động-chuyển này nọ là như một căn bệnh, sự động-chuyển như một ung nhọt, sự động-chuyển như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự động-chuyển này nọ.’

(3) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự chao-đảo (phát phơ, lung lay); ‘Ta là này’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ là’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ không là’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ không có sắc-thân’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự chao-đảo; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự chao-đảo. Sự chao-đảo này nọ là như một căn bệnh, sự chao-đảo như một ung nhọt, sự chao-đảo như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự chao-đảo này nọ.’

(4) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự tăng-phóng (phóng-tâm); ‘Ta là này’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ là’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ không là’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ không có sắc-thân’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự tăng-phóng; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự tăng-phóng. Sự tăng-phóng này nọ là như một căn bệnh, sự tăng-phóng như một ung nhọt, sự tăng-phóng như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự tăng-phóng này nọ.’

(5) “Này các Tỳ kheo, ‘Ta-là’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây);²²⁶ ‘Ta là này’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ là’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ không là’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ gồm có sắc-thân’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ không có sắc-thân’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ có nhận-thức’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ không có nhận-thức’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’; ‘Ta sẽ vừa có nhận-thức vừa không có nhận-thức’ là một sự dính-líu với sự ‘tự-ta’. Sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ này nọ là như một căn bệnh, sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ như một ung nhọt, sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ như một mũi tên. Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ sống với một cái tâm không-có sự dính-líu với sự ‘tự-ta’ này nọ.’

“Các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

(SN 35:248)

Chương 36

Liên Kết CẢM-GIÁC

(36 *Vedanā-samyutta*)

(36 *Tương ứng Thọ*)

NHÓM 1

NHÓM ‘CÓ THI KỆ’

(*Sagāthā-vagga*)

1 (1) Định Tâm

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng (dễ chịu; lạc thọ), cảm-giác khổ (khó chịu; khổ thọ), và cảm-giác trung tính [không khổ không sướng] (vô ký thọ, xả thọ). Đây là ba cảm-giác.”

Một đệ tử của Phật, có chánh-niệm,
Có đạt-định, và thấu suốt rõ ràng,
Hiểu được những cảm-giác,
Và nguồn-gốc những cảm-giác,
Và chỗ chúng chắm-dứt,
Và con-đường dẫn tới sự chắm dứt của chúng.
Khi đã tiêu diệt mọi cảm-giác (thọ diệt)
Một Tỳ kheo hết đói khát và đã hoàn toàn tắt ngấm.²²⁷

(SN 36:01)

2 (2) Sướng

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, và cảm-giác trung tính [không khổ không sướng]. Đây là ba cảm-giác.”

Dù đó là sướng hay khổ
Hay không khổ không sướng,
Bên trong hay bên ngoài,
Dù là loại cảm-giác gì:
Đã biết rõ: “Đó là khổ,
Sẽ bị hoại diệt, sẽ bị tan rã.”
Sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc chúng hoài hoài,

Sau khi đã nhìn thấy sự suy diệt của chúng,
Thì người tu bỏ được sự mê-thích đối với chúng.²²⁸

(SN 36:02)

3 (3) *Đẹp Bỏ*

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, và cảm-giác trung tính. Đây là ba cảm-giác. Hãy dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra tham đối với cảm-giác sướng (lạc thọ). Dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân đối với cảm-giác khổ (khổ thọ). Dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si đối với cảm-giác trung tính (vô ký thọ).²²⁹

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham đối với cảm-giác sướng, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân đối với cảm-giác khổ, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si đối với cảm-giác trung tính, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo không còn khuynh-hướng tiềm ẩn,²³⁰ là người nhìn thấy một cách đúng đắn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng (ái), đã chặt đứt những gông-cùm (kiết sử), và bằng cách phá tan sự ‘tự-ta’ (ngã mạn),²³¹ thì người đó đã làm nên sự kết-thúc khổ.”

Khi người trải nghiệm sướng,
Nếu người không hiểu cảm-giác đó là gì,
Thì có khuynh-hướng tạo ra tham,
Bởi người không nhìn thấy sự thoát-khỏi nó.

Khi người trải nghiệm khổ,
Nếu người không hiểu cảm-giác đó là gì,
Thì có khuynh-hướng tạo ra sân,
Bởi người không nhìn thấy sự thoát-khỏi nó.

Bậc Đại Trí cũng đã dạy:
Còn đối với loại cảm-giác ‘bình an vô sự’,
Tức không khổ không sướng:

Nếu người cũng tìm sự khoái-lạc trong nó,
Thì người vẫn không thoát khỏi sự khổ đau.

Khi một Tỳ kheo nhiệt thành,
Không bỏ lơ sự rõ-biết (tức: luôn tỉnh-giác),
Thì bậc trí đó hoàn-toàn hiểu
Những cảm-giác một cách toàn diện.

Sau khi đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) những cảm-giác,
Người đó hết ô-nhiễm (hết lậu hoặc) ngay trong kiếp sống này.
Đang đứng trong Giáo Pháp: nên khi thân tan rã,
Bậc trí sư đó không còn có thể được ước tính.
(vì không còn là chúng sinh nào nữa, vì đã Niết-bàn).

(SN 36:03)

4 (4) *Vực Sâu Không Đáy*

“Này các Tỳ kheo, khi người phạm chưa được chỉ dạy tuyên bố điều này: ‘Trong đại dương có một vực sâu không đáy’²³² thì người đó tuyên bố về một cái không tồn tại và không có thực. Này các Tỳ kheo, thà lấy điều đó để chỉ những cảm-giác khổ đau còn đúng hơn; những cảm-giác khổ đau thiệt đúng như ‘một vực sâu không đáy.’”

“Khi người phạm chưa được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ thân, người đó sầu, buồn, và ai oán; người đó khóc than và đấm ngực và trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một người phạm chưa được chỉ dạy là người chưa lên khỏi cái vực sâu không đáy, người chưa có-được chỗ đứng.”

“Nhưng, này các Tỳ kheo, khi người thánh đệ tử đã được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác khổ thân như vậy, người đó không sầu, buồn, hay ai oán; người đó không khóc than và đấm ngực, hay trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy là người đã lên khỏi vực sâu không đáy, người đã có-được chỗ đứng.”

Người không thể chịu đựng
Những cảm-giác khổ đau đã khởi sinh,
Những cảm-giác khổ thân phá hoại đời người,
Người run sợ khi chúng tiếp xúc mình,
Là người yếu đuối, kém dũng khí,
Người khóc rống và than oan:
Đó là người chưa lên khỏi vực sâu không đáy.
Cũng chưa có-được một chỗ đứng.
Nhưng, ai là người có thể chịu đựng chúng—
Là những cảm-giác khổ đau,
Những cảm-giác khổ thân phá hoại đời người—
Người đó không run sợ khi chúng tiếp xúc mình:
Người đó đã lên khỏi vực sâu không đáy,
Và người đó đã có được một chỗ-đứng.

(SN 36:04)

5 (5) Nên Được Nhìn Thấy

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), và cảm-giác trung tính [không sướng không khổ]. Đây là ba cảm-giác.”. Này các Tỳ kheo, cảm-giác sướng nên được nhìn thấy là khổ;²³³ cảm-giác khổ nên được nhìn thấy như mũi tên; cảm-giác trung tính nên được nhìn thấy là vô thường.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đã nhìn thấy cảm-giác sướng là khổ, cảm-giác khổ như mũi tên, cảm-giác trung tính là vô thường, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo nhìn thấy một cách đúng đắn. Người đó đã cắt bỏ dục-vọng, đã chặt đứt những gông-cùm, và bằng cách hoàn toàn phá bỏ sự ‘tự-ta’ (ngã mạn), người đó đã kết thúc sự khổ.”

Người đã nhìn thấy cảm-giác sướng là khổ,
Và cảm-giác khổ đau như là mũi tên,

Cảm-giác bình an vô sự là vô thường:

Thì đó là một Tỳ kheo nhìn thấy đúng đắn,

Người hoàn-toàn hiểu những cảm-giác.

Sau khi đã hoàn-toàn hiểu những cảm-giác,

Người đó đã vô-nhiễm ngay trong kiếp sống này.

Đang đứng trong Giáo Pháp, khi thân tan rã

Bậc trí sư đó không thể được ước tính nữa. (vì đã Niết-bàn)

(SN 36:05)

6 (6) Mũi Tên

“Này các Tỳ kheo, người phàm chưa được chỉ dạy cảm nhận một cảm-giác sướng, một cảm-giác khổ, và một cảm-giác trung tính. Người thánh đệ tử đã được chỉ dạy cũng cảm nhận một cảm-giác sướng, một cảm-giác khổ, và một cảm-giác trung tính. Nhưng trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người thánh đệ tử đã được chỉ dạy và người phàm chưa được chỉ dạy?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói, này các Tỳ kheo.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

(1) “Này các Tỳ kheo, khi người phàm chưa được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó buồn, sầu, và ai oán; người đó khóc than, đấm ngực và trở nên quẫn trí. Người đó cảm nhận như hai cảm-giác—một cảm-giác ở thân và một cảm-giác ở tâm. Giống như người ta bắn một người bằng một mũi tên, rồi lập tức bắn thêm một mũi thứ hai vào chỗ đó nữa,²³⁴ do vậy người đó cảm-giác một cảm-giác (đau đớn) gây

ra bởi hai mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người phàm chưa được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau ... người đó cảm nhận như hai cảm-giác—một cảm-giác ở thân và một cảm-giác ở tâm.

- “Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó chấp chứa sân hận đối với nó. Khi có chấp chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là có ‘khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra *sân* đối với cảm-giác khổ đau’ nằm bên dưới đó. Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan (dục-lạc). Bởi vì sao, vì người phàm chưa được chỉ dạy không biết được sự/cách thoát-khỏi cảm-giác khổ đau nào khác ngoài khoái-lạc giác quan.²³⁵

- Khi họ tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan là có ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra *tham* đối với cảm-giác sướng’ nằm bên dưới đó.

- Người đó không hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi trong [trong trường hợp] những cảm-giác đó, đúng như chúng thực là. Khi không hiểu được những điều đó là có ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra *si* đối với cảm-giác trung tính’ nằm bên dưới đó.

(tức là: khi có sân là có tùy miên (tạo ra) sân nằm bên dưới sự sân đó; khi có tham là có tùy miên tham nằm bên dưới sự tham đó; khi không hiểu biết được những điều này là có tùy miên si nằm bên dưới sự si đó).

- “Khi cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm thấy dính theo nó. Đây các Tỳ kheo, đây được gọi là người phàm chưa được chỉ dạy là người bị dính theo sự sinh, già, và chết; là người dính theo sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; là người dính với sự khổ, ta nói vậy.

(2) “Đây các Tỳ kheo, (ngược lại) khi người thánh đệ tử đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó *không* buồn, sầu, và ai oán; người đó không khóc than và đấm ngực, và không trở nên quẫn trí.²³⁶

Người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác—đó là một cảm-giác ở thân, không có một cảm-giác ở tâm. Giống như người ta bắn một người bằng một mũi tên, nhưng sau đó không bắn thêm mũi nào vào chỗ đó nữa, như vậy người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác gây nên bởi một mũi tên. Cũng giống như vậy, khi người thánh đệ tử đã được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau ... người đó cảm nhận chỉ một cảm-giác—đó là một cảm-giác ở thân, không có một cảm-giác ở tâm.

- “Khi bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đau đó, người đó *không* chấp chứa sân hận đối với nó. Khi người đó không chấp chứa sân hận đối với cảm-giác khổ đau là *không có* ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra *sân* đối với cảm-giác khổ đau’ nằm bên dưới đó. Khi bị tiếp xúc bởi một cảm-giác khổ đau, người đó *không* tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan. Bởi vì sao, vì người thánh đệ tử đã được chỉ dạy hiểu được có sự thoát-khỏi khác khỏi cảm-giác khổ đau, chứ không phải (tìm đến) những khoái-lạc giác quan.

(tức là: người đó biết có con-đường tu tập để thoát khỏi khổ đau, còn dục-lạc không phải là giải pháp, cho dù là dục-lạc cõi trời).

- Khi người đó *không* tìm kiếm sự vui sướng trong khoái-lạc giác quan là *không có* ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra *tham* đối với cảm-giác sướng’ nằm bên dưới đó.

- Người đó hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những cảm-giác đó, đúng như chúng thực là. Khi người đó hiểu được những điều đó là *không có* ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra *si* đối với cảm-giác trung tính’ nằm bên dưới đó.

(tức là: không sân nghĩa là không còn tùy miên (tạo ra) sân nằm bên dưới đó; không tham nghĩa là không còn tùy miên tham nằm bên dưới đó; và khi có sự hiểu biết như vậy là không còn tùy miên *si* nằm bên dưới đó).

- “Khi cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác khổ đau, người đó thấy tách ly khỏi nó. Khi cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó thấy tách ly khỏi nó. Nay các

Tỳ kheo, đây được gọi là người thánh đệ tử đã được chỉ dạy là người đã tách ly khỏi sự sinh, già, và chết; là người đã tách ly khỏi sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; là người đã tách ly khỏi sự khổ, ta nói vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây chính là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người thánh đệ tử đã được chỉ dạy và người phàm chưa được chỉ dạy.”

Người trí hiền, có học hiểu, thì không cảm nhận

Cảm-giác sướng hay khổ [ở tâm].

Đây là sự khác biệt lớn

Giữa người có trí và người phàm phu.

Bởi có học hiểu thì thấu hiểu Giáo Pháp,

Người đó nhìn thấy rõ thế giới này và thế giới sau,

Những thứ sướng (ngon, đẹp ...) không kích động người đó.

Những thứ khổ (dở, xấu ...) người đó không ác cảm

Đối với người đó sự sợ hãi dẫn hay bực bội không còn;

Cả tham và sân đó đều đã bị dập tắt, đã đưa đến chấm dứt.

Sau khi đã biết trạng thái không vô nhiễm vô ưu,

Người thoát khỏi sự hiện-hữu đó chánh ngộ.

(SN 36:06)

7 (7) Khu Người Bệnh (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn trú và đi tới khu người bệnh,²³⁷ ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên chờ tới lúc (chết) của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác). Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và buồn phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát *những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... pháp trong pháp* [pháp: những hiện-tượng thuộc tâm, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp], nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn và phiền bực đối với thế giới. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo *thực hành sự rõ-biết* (tinh giác)? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người hành động với sự rõ-biết khi đang đi tới, đang đi lui; đang nhìn thẳng, đang nhìn ngang; đang duỗi tay chân, đang co tay chân; đang mặc y phục, đang mang bình bát và cà sa; đang ăn, đang uống, đang nhai, đang nếm; đang đại tiện, đang tiểu tiện; đang đi, đang đứng, đang nằm, đang ngồi, đang nằm ngủ, đang thức dậy, đang nói, đang im lặng. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo luôn thực hành sự rõ-biết. (tức: luôn tinh giác).

(*) “Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc (chết) của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.

(a) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo an trú như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác sướng* (lạc thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác sướng. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào chính thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi). Vậy khi cái cảm-giác sướng khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều-kiện và khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ (nhân vô thường thì quả cũng vô thường). Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác sướng đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chắm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác sướng đó).²³⁸ Khi người đó an trú như vậy, thì

‘khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) tạo ra **tham** đối với thân và đối với cảm-giác sướng’ được loại bỏ bởi người đó.

(b) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo an trú như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một *cảm-giác khổ* (khổ thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác khổ. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều-kiện và khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác khổ khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều-kiện và khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác khổ đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chám-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác khổ đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra **sân** đối với thân và đối với cảm-giác khổ’ được loại bỏ bởi người đó.

(c) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo an trú như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó một *cảm-giác trung tính* (vô ký thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác trung tính. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào thân này. Nhưng thân này là vô thường, có điều-kiện và khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác trung tính khởi sinh là tùy thuộc vào thân là thứ vô thường, có điều-kiện, và khởi sinh tùy thuộc, thì làm sao nó lại là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác trung tính; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chám-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác trung tính đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra **si** đối với thân và đối với cảm-giác trung tính’ được loại bỏ bởi người đó.

i- “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng (lạc thọ),²³⁹ người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không nắm giữ (dính theo) nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’. Nếu người đó cảm nhận một

cảm-giác khổ (khổ thọ), người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’. Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính (vô ký thọ), người đó hiểu: ‘Không nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không ưa thích nó’.

ii- “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận nó tách-ly (cảm nhận nó là nó, không dính líu gì mình); nếu người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận nó tách-ly; nếu người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận nó tách-ly.

iii- “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc) cùng với thân, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng-sống, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng-sống.’ Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng-sống, tất cả (mọi thứ) đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ nguội tắt ngay tại đây.’

“Này các Tỳ kheo, giống như một ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ tắt ngấm do không còn nhiên liệu. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân ... đang kết liễu cùng với mạng-sống ... Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt của mạng-sống, tất cả đều được cảm nhận, (nhưng) không còn được thích thú, sẽ trở nên nguội tắt ngay tại đây.’”

(SN 36:07)

8 (8) Khu Người Bệnh (2)

[Giống kinh kể trên cho tới:]

(*) “Một Tỳ kheo nên chờ tới lúc của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.

(a) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo an trú như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác sướng* (lạc thọ) người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác sướng. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều-kiện (hữu vi) và khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi). Vậy khi cái cảm-giác sướng khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều-kiện và khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác sướng đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác sướng đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra *tham* đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác sướng’ được loại bỏ bởi người đó.

(b) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo an trú như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác khổ* (khổ thọ), người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác khổ. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô thường, có điều-kiện và khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác khổ khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều-kiện và khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác khổ đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác khổ đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra *sân* đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác khổ’ được loại bỏ bởi người đó.

(c) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo sống như vậy, có chánh-niệm và rõ-biết, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, nếu khởi sinh trong người đó *cảm-giác trung tính*, người đó hiểu: ‘Đã khởi sinh trong ta một cảm-giác trung tính. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập mà có. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc. Nhưng sự tiếp-xúc này là vô

thường, có điều-kiện, khởi-sinh tùy thuộc. Vậy khi cái cảm-giác trung tính khởi sinh là tùy thuộc vào sự tiếp-xúc là thứ vô thường, có điều-kiện và khởi-sinh tùy thuộc, thì làm sao nó là thường hằng cho được?’ Người đó an trú quán sát sự vô thường trong thân và cảm-giác trung tính đó; người đó quán sát sự phai-biến, quán sát sự chán-bỏ, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ (đối với thân và cảm-giác trung tính đó). Khi người đó an trú như vậy, thì ‘khuyh-hướng tiềm ẩn tạo ra *sân* đối với sự tiếp-xúc và đối với cảm-giác trung tính’ được loại bỏ bởi người đó..

i- “Nếu người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’ ... [*y hết các đoạn (i-, ii-, iii-) trong kinh kể trên, cho tới:*] ... Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, kế tiếp là sự hết-mạng (thân hoại, mạng chung), thì mọi thứ được cảm nhận, nhưng không còn được thích thú, sẽ trở thành nguội-tắt ngay tại đây’.

(SN 36:08)

9 (9) Vô Thường

“Này các Tỳ kheo, ba cảm-giác này là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), và khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi), sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị biến mất, sẽ bị phai biến, sẽ bị chấm dứt. Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này là vô thường, có điều-kiện, và khởi-sinh tùy thuộc, sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị biến mất, sẽ bị phai biến, sẽ bị chấm dứt.”

(SN 36:09)

10 (10) Từ Sự Tiếp Xúc

“Này các Tỳ kheo, ba cảm-giác này được sinh ra từ sự tiếp-xúc, bắt rễ từ sự tiếp-xúc, có sự tiếp-xúc là nguồn-gốc và điều-kiện (nhân duyên). Ba đó là gì? Cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính.

(a) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng (dễ chịu) nên khởi sinh một cảm-giác sướng. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng đó thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác sướng khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng đó—cũng chấm dứt và lắng lặn. (nhân diệt thì quả diệt, xúc diệt thì thọ diệt)

(b) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ (khó chịu) nên khởi sinh một cảm-giác khổ. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác khổ khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đó—cũng chấm dứt và lắng lặn.

(c) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính (không khổ không sướng), nên khởi sinh một cảm-giác trung tính. Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính thì cảm-giác tương ứng—cảm-giác trung tính khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là trung tính đó—cũng chấm dứt và lắng lặn.

“Này các Tỳ kheo, giống như nhiệt nóng được tạo ra và lửa được sinh ra từ sự tiếp-xúc và cọ-sát của hai cây mồi lửa, nhưng khi tách rời hai cây đó thì nhiệt nóng cũng chấm dứt và lắng lặn.²⁴⁰ Cũng giống như vậy, ba cảm-giác này được sinh ra từ sự tiếp-xúc, bắt rễ từ sự tiếp-xúc, với sự tiếp-xúc là nguồn-gốc và điều-kiện của chúng. Tùy thuộc vào những sự tiếp-xúc, nên khởi sinh những cảm-giác tương ứng; khi chấm dứt những tiếp-xúc đó thì chấm dứt những cảm-giác tương ứng.”

(SN 36:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘MỘT MÌNH’

(*Rahogata-vagga*)

11 (1) Một Mình

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây khi con đang trú một mình, một sự suy xét (quán chiếu) đã khởi sinh trong con như vậy: ‘Ba cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này đã được nói bởi đức Thế Tôn. Nhưng đức Thế Tôn đã tuyên thuyết: “Mọi thứ được cảm nhận đều nằm trong sự khổ.” Bây giờ, thưa Thế Tôn, chiếu theo cái gì mà câu này đã được nói bởi đức Thế Tôn như vậy?’”

(i) “Tốt, tốt, này Tỳ kheo! “Ba cảm-giác” này đã được nói bởi ta: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Ba cảm-giác này đã được nói bởi ta. Và ta đã nói: ‘Mọi thứ được cảm nhận đều nằm trong sự khổ.’ Điều đó được nói bởi ta là chiếu theo sự vô-thường của những sự tạo-tác (các hành). Điều đó được nói bởi ta là chiếu theo những sự tạo-tác (có bản chất) phải bị hủy hoại ... những sự tạo tác phải bị biến đi ... những sự tạo-tác phải bị phai biến ... những sự tạo-tác phải bị chấm dứt ... những sự tạo-tác phải bị biến đổi.²⁴¹

(ii) “Rồi, này Tỳ kheo, ta cũng dạy về “*sự chấm-dứt lần lượt (tiến dần) của những sự tạo-tác*”.²⁴² (1) Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất thì *lời-nói* đã chấm dứt. (2) Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai thì *ý-nghĩ (tâm)* và *sự soi-xét (tứ)* đã chấm dứt. (3) Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba thì *sự hoan-hỷ (hỷ)* đã chấm dứt. (4) Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư thì ‘*sự thở-vào và thở-ra*’ đã chấm dứt. (5) Với người đã chứng đắc không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không gian] thì *nhận-thức về thể sắc (sắc giới)* đã chấm dứt. (6)

Với người đã chứng đắc thức vô biên xứ [cảnh xứ của thức vô biên] thì *nhận-thức về thuộc không vô biên xứ* đã chấm dứt. Với người đã chứng đắc vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì] thì *nhận-thức thuộc thức vô biên xứ* đã chấm dứt. (7) Với người đã chứng đắc phi tướng phi phi tướng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức] thì *nhận-thức thuộc vô sở hữu xứ* đã chấm dứt. (8) Với người đã chứng đắc (trạng thái) diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức] thì *cảm-giác và nhận-thức* đã chấm dứt. (9) Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì *tham* đã chấm dứt, *sân* đã chấm dứt, *si* đã chấm dứt.

(iii) “Rồi, này Tỳ kheo, ta cũng dạy về “*sự liên tiếp lắng-lặng của những sự tạo-tác*”. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất thì *lời-nói* đã lắng lặn ... Với người đã chứng đắc (trạng thái) diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức] thì *cảm-giác và nhận-thức* đã lắng lặn. Với một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì *tham* đã lắng lặn, *sân* đã lắng lặn, *si* đã lắng lặn.

(iv) “Này Tỳ kheo, có sáu “*sự làm tĩnh-lặng*” này. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất thì *lời-nói* đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai thì *ý-nghĩ* (tâm) và *sự soi-xét* (tứ) đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba thì *sự hoan-hỷ* (hỷ) đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư thì “*sự thờ-vào và thờ-ra*” đã được làm tĩnh lặng. Với người đã chứng đắc (trạng thái) diệt thọ tưởng thì *cảm-giác và nhận-thức* đã được làm tĩnh lặng. Với một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm thì *tham* đã được làm tĩnh lặng, *sân* đã được làm tĩnh lặng, *si* đã được làm tĩnh lặng.”

(SN 36:11)

12 (2) Trong Bầu Trời (1)

“Này các Tỳ kheo, như nhiều thứ gió thổi trong bầu trời: gió từ phía nam, gió từ phía bắc, gió từ phía tây, gió từ phía nam, gió bụi và gió

không bụi, gió lạnh và gió nóng, gió nhẹ và gió mạnh. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nhiều thứ cảm-giác khởi sinh trong thân này: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính khởi sinh.”

Giống như nhiều loại gió
Thổi xuôi thổi ngược trên trời,
Gió đông và gió tây,
Gió nam và gió bắc,
Gió bụi và gió sạch,
Lúc lạnh và lúc nóng,
Lúc mạnh và lúc nhẹ—
Nhiều loại gió thổi khác nhau;

Cũng vậy trong thân này
Nhiều thứ cảm-giác khởi sinh,
Dễ chịu có, khổ đau có,
Trung tính có.

Khi một Tỳ kheo nhiệt thành,²⁴³
Không bỏ lơ sự rõ-biết (tức: luôn tỉnh-giác),
Thì bậc trí đó hoàn-toàn hiểu
Những cảm-giác một cách toàn diện.

Sau khi đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) những cảm-giác,
Người đó hết ô-nhiễm (hết lậu hoặc) ngay trong kiếp sống này.
Đang đứng trong Giáo Pháp: nên khi thân tan rã,
Bậc trí sư đó không còn có thể được ước tính.
(vì không còn là chúng sinh nào nữa, vì đã Niết-bàn).

(SN 36:12)

13 (3) Trong Bầu Trời (2)

[Giống hạt kinh kể trên, nhưng không có phần thi kệ.]

(SN 36:13)

14 (4) Nhà Khách

“Này các Tỳ kheo, ví dụ có một nhà khách. Có những người từ phía đông, tây, nam, bắc đến và trọ ở đó; những người giai cấp chiến-sĩ, những người giai cấp bà-la-môn, những người giai cấp nông-thương, những người giai cấp bần-lao đến và trọ ở đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nhiều thứ cảm-giác khởi sinh trong thân này: (a) cảm-giác lạc, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính khởi sinh; (b) cảm-giác lạc thuộc thể xác (thuộc thân), cảm-giác khổ thuộc thể xác, cảm-giác trung tính thuộc thể xác; (c) cảm-giác lạc thuộc tâm linh (thuộc tâm); cảm-giác khổ thuộc tâm linh; cảm-giác trung tính thuộc tâm linh.”²⁴⁴

(SN 36:14)

15 (5) Với Ānanda (I)

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn-gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm-dứt của cảm-giác? Cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự thoát-khỏi?”

“Này Ānanda, có ba loại cảm-giác này—cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính—được gọi là cảm-giác. Do có [khởi sinh] sự tiếp-xúc (xúc) nên có [khởi sinh] cảm-giác (thọ). Khi chấm dứt sự tiếp-xúc (xúc diệt) thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt). Con đường Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

“Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Nhưng cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại

bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với cảm-giác: đây chính là sự thoát-khỏi cảm-giác.

“Rồi, này Ānanda, ta cũng dạy về “*sự chấm-dứt lần lượt (tiến dần) của những sự tạo-tác*” ... [giống đoạn (ii) trong kinh 36:11 ở trên] ... Với một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm thì *tham* đã được làm tĩnh lặng, *sân* đã được làm tĩnh lặng, *si* đã được làm tĩnh lặng.”

(SN 36:15)

16 (6) Với Ānanda (2)

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda khi thầy đang ngồi một bên:

“Này Ānanda, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn-gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm-dứt của cảm-giác? Cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói, này Ānanda.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này::

“Này Ānanda, này là ba cảm-giác—cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính—được gọi là ba cảm-giác ...”

[Phân còn lại giống kinh kể trên]

(SN 36:16)

17 (7) – 18 (8) Một Số Tỳ kheo

[Hai kinh này lần lượt giống kinh 36:15 và 36:16 kể trên, chỉ khác người nghe là “một số Tỳ kheo” thay vì thầy “Ānanda”.]

(SN 36:17–18)

19 (9) Pañcakaṅga

Lúc đó có người thợ mộc tên Pañcakaṅga đến gặp Ngài Udāyī, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy Udāyī, có bao nhiêu loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn?”²⁴⁵

“Này anh thợ mộc, có ba loại cảm-giác được nói bởi đức Thế Tôn: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Đây là ba loại cảm-giác đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

Khi điều này được nói ra, người thợ mộc nói với thầy Udāyī:

“Đức Thế Tôn đã không nói về ba loại cảm-giác, thưa thầy Udāyī. Đức Thế Tôn chỉ nói về hai loại cảm-giác: cảm-giác sướng và cảm-giác khổ. Còn đối với loại cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], thưa thầy, đức Thế Tôn nói nó thuộc dạng ‘sự lạc bình an và siêu phàm.’”
(nghĩa của câu cuối này: coi chú thích ở cuối đoạn (4) kinh này)

Lần thứ hai và lần thứ ba thầy Udāyī vẫn giữ nguyên ý mình; và lần thứ hai và lần thứ ba người thợ mộc Pañcakaṅga vẫn giữ nguyên ý mình, nhưng thầy Udāyī không thể thuyết phục Pañcakaṅga, và Pañcakaṅga cũng không thể thuyết phục thầy Udāyī.

Ngài Ānanda nghe được lời đối thoại của thầy Udāyī và người thợ mộc Pañcakaṅga. Rồi thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đối thoại đó. [Đức Thế Tôn nói:]

- “Này Ānanda, lời giảng giải của Tỳ kheo Udāyī là đúng, tuy không được người thợ mộc Pañcakaṅga đồng ý, và lời giải thích của Pañcakaṅga cũng đúng, tuy không được Tỳ kheo Udāyī đồng ý. Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác, ta đã nói về năm loại cảm-giác ... sáu loại cảm-giác ... mười tám loại cảm-giác ... ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám loại cảm-giác. Như vậy, này Ānanda, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy bằng nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau].²⁴⁶

- “Khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: có những người không thừa nhận, tán thành, hay đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ tranh luận, cãi vã, và dính vào tranh chấp, và sẽ liên tục đâm chọt nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ. Nhưng mặt khác, khi Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau] thì có thể thấy trước rằng: cũng có những người sẽ thừa nhận, tán thành, và đồng ý với những điều đã được khéo giảng bằng nhiều cách như vậy thì họ sẽ sống hòa đồng, hòa thuận, không tranh cãi, và hiền hòa với nhau như sữa và nước, và nhìn nhau bằng ánh mắt hiền từ.

- “Này Ānanda, có năm dây dục-lạc (khoái-lạc giác quan). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Đó là năm dây dục-lạc. Sự lạc (sướng) và hỷ (vui) khởi sinh tùy thuộc vào năm dây dục-lạc: đây được gọi là dục-lạc.

(1) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự lạc và hỷ cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc đó. Và cái gì

là loại lạc khác? Ở đây, này Ānanda: (i) [‘Tách-ly khỏi những dục-lạc, Tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’]. Đây là loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc trước.

(2) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự lạc và hỷ cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc đó. Và cái gì là loại lạc khác? Ở đây, này Ānanda: (ii) [‘Với sự lắng lặn của ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm hết tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có niềm tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’]. Đây là loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc trước.

(3) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự lạc và hỷ cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc đó. Và cái gì là loại lạc khác? Ở đây, này Ānanda: (iii) [‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, có chánh-niệm, và rõ-biết, người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”’]. Đây là loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc trước.

(4) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự lạc và hỷ cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc đó. Và cái gì là loại lạc khác? Ở đây, này Ānanda: (iv) [‘Với sự dẹp bỏ sự sừng và sự khổ (hết lạc hết khổ), và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn (hết hỷ hết ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định

thứ tư (Tứ thiên), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.']. Đây là loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc trước.²⁴⁷

(5) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự lạc và hỷ cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc đó. Và cái gì là loại lạc khác? Ở đây, này Ānanda: (v) [‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể sắc (sắc giới); với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (sự khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ.']. Đây là loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc trước.

(6) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự lạc và hỷ cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc đó. Và cái gì là loại lạc khác? Ở đây, này Ānanda: (vi) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ.']. Đây là loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc trước.

(7) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự lạc và hỷ cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc đó. Và cái gì là loại lạc khác? Ở đây, này Ānanda: (vii) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ.']. Đây là loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc trước.

(8) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự lạc và hỷ cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc đó. Và cái gì là loại lạc khác? Ở đây, này Ānanda: (viii) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tướng phi phi

tưởng xứ.']. Đây là loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc trước.

(9) “Cho dù có ai nói: ‘Đây là sự lạc và hỷ cao nhất mà chúng sinh trải nghiệm được’, ta không thừa nhận điều đó với họ. Vì sao vậy? Bởi vì có một loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc đó. Và cái gì là loại lạc khác? Ở đây, này Ānanda: (ix) [‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng (sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác).’]. Đây là loại lạc khác siêu phàm hơn và tuyệt vời hơn loại lạc trước.”²⁴⁸

- “Này Ānanda, giờ các du sĩ khác đạo có thể nói như vậy: ‘Sa-môn Cồ-đàm nói về trạng thái diệt thọ tưởng và ông ta khẳng khăng nó nằm trong sự lạc. Như vậy là gì? Như vậy là sao?’. Này Ānanda, nếu các du sĩ đó có hỏi như vậy, các thầy nên nói với họ rằng: ‘Này các bạn, đức Thế Tôn mô tả một trạng thái nằm trong sự lạc không chỉ là những cảm-giác sừng (lạc thọ). Nhưng thay vì vậy, Như Lai mô tả mọi sự lạc, cho dù được thấy có ở đâu hay theo cách nào, là đều nằm trong sự lạc.’”²⁴⁹

(SN 36:19)

20 (10) Các Tỳ kheo

“Này các Tỳ kheo, theo cách giảng giải này ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác ta đã nói về năm loại cảm-giác ... Như vậy, này Ānanda, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua nhiều phương pháp giảng giải [khác nhau] ...”

[*Phần còn lại giống y kinh kể trên; và trong kinh này người nghe là “các Tỳ kheo”.*]

(SN 36:20)

NHÓM 3

NHÓM ‘CHỦ ĐỀ MỘT TRĂM LẼ TÁM’

(*Aṭṭhasatapariyāya-vagga*)

21 (1) *Sīvaka*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có một du sĩ tên Moliyasīvaka (Sīvaka Tóc Búi) đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn.²⁵⁰ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cò-đàm, có mấy tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’.²⁵¹ Thầy Cò-đàm nói sao về điều này?”

- “Này Sīvaka, một số cảm-giác ở đây khởi sinh (i) từ những rối loạn từ *túi mật* (trong bụng): đó là những cảm-giác khởi sinh từ rối loạn túi mật: một người có thể tự mình biết, và điều đó được coi là đúng trong thế gian. Giờ các tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’ là coi như họ đã bỏ qua điều một người tự mình biết và họ bỏ qua điều đã được coi là đúng trong thế gian. Do vậy ta nói (quan-điểm) đó là sai về phần các tu sĩ và bà-la-môn đó.²⁵²

- “Này Sīvaka, một số cảm-giác ở đây khởi sinh (ii) từ rối loạn *đờm* ... (iii) từ rối loạn *gió* ... (iv) từ *sự mất cân bằng* [của ba thứ đó] ... (v) do *thay đổi thời tiết* ... (vi) do *hành vi bất cẩn* ... (vii) do *bị đả thương* ... (viii) do *nghiệp-quả*: đó là những cảm-giác ở đây khởi sinh từ rối loạn đờm ... do nghiệp-quả: một người có thể tự mình biết, và điều đó được coi là đúng trong thế gian.²⁵³ Do vậy ta nói (quan-điểm) đó là sai về phần các tu sĩ và bà-la-môn đó.

- “Giờ các tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: ‘Người ta trải nghiệm gì, dù là sướng hay khổ hay trung tính, tất cả đều do nghiệp quá khứ’ là coi như họ đã bỏ qua điều một người tự mình biết và họ bỏ qua điều đã được coi là đúng trong thế gian. Do vậy ta nói (quan điểm) đó là sai về phần các tu sĩ và bà-la-môn đó.”

Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Moliyasīvaka đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

Do mật, đờm, và gió,
Do mất cân bằng và do thời tiết thay đổi,
Do sự bất cẩn và do bị đả thương,
Do nghiệp quả là nguyên nhân thứ tám.

(SN 36:21)

22 (2) *Chủ Đề ‘Một Trăm Lẻ Tám’*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘một trăm lẻ tám’. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘một trăm lẻ tám’? Theo cách giảng giải này, ta đã nói về hai loại cảm-giác; theo cách giảng giải kia, ta đã nói về ba loại cảm-giác; theo cách giảng giải khác, ta đã nói về năm loại cảm-giác ... sáu loại cảm-giác ... mười tám loại cảm-giác ... ba mươi sáu loại cảm-giác; và theo cách giảng giải khác, ta đã nói về một trăm lẻ tám loại cảm-giác. Như vậy, này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy thông qua những phương pháp giảng giải [khác nhau].

1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hai (2) loại cảm-giác? Cảm-giác ở thân và cảm-giác ở tâm. Đây được gọi là hai loại cảm-giác.

2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba (3) loại cảm-giác? Cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), cảm-giác trung tính (không khổ không sướng). Đây được gọi là ba loại cảm-giác.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm (5) loại cảm-giác? Căn sướng (lạc), căn khổ (khổ), căn vui (hỷ), căn buồn (ưu), căn buông-xả (xả). Đây được gọi là năm loại cảm-giác.”²⁵⁴

4- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sáu (6) loại cảm-giác? Cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác sinh ra từ tiếp-xúc tâm. Đây được gọi là sáu loại cảm-giác.

5- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mười tám (18) loại cảm-giác? Sáu sự soi-xét (tứ) có kèm sự hoan-hỷ (hỷ), sáu sự soi-xét có kèm sự buồn-phiền (ưu), sáu sự soi-xét có kèm sự buông-xả (xả). Đây được gọi là mười tám loại cảm-giác.”²⁵⁵

6- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba mươi sáu (36) loại cảm-giác? Sáu loại cảm-giác hoan-hỷ (hỷ) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác hoan-hỷ thuộc đời sống xuất gia; sáu loại cảm-giác buồn-phiền (ưu) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác buồn-phiền thuộc đời sống xuất gia; sáu loại cảm-giác buông-xả (xả) thuộc đời sống tại gia, sáu loại cảm-giác buông-xả thuộc đời sống xuất gia. Đây được gọi là ba mươi sáu loại cảm-giác.”²⁵⁶

7. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một trăm lẻ tám (108) loại cảm-giác? Ba mươi sáu loại cảm-giác như vậy [như kể trên] trong thời quá khứ, trong thời tương lai, và trong thời hiện tại. Đây được gọi là một trăm lẻ tám loại cảm-giác.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về chủ đề ‘một trăm lẻ tám’.”

(SN 36:22)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn-gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm-dứt của cảm-giác? Cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

“Này Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này—cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính—được gọi là cảm-giác. Do có [khởi sinh] tiếp-xúc (xúc) nên có [sinh ra] cảm-giác (thọ). Khi chấm dứt tiếp-xúc (xúc diệt) thì chấm dứt cảm-giác (thọ diệt). Con đường Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

“Sự thích thú và vui sướng khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Nhưng cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ dục và tham đối với cảm-giác: đây chính là sự thoát-khỏi cảm-giác.

(SN 36:23)

24 (4) Trước Khi ...

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ [trước khi sự giác-ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: “Giờ cái gì là cảm-giác? Cái gì là nguồn-gốc của cảm-giác? Cái gì là sự chấm-dứt của cảm-giác? Cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Cái gì là sự thỏa-thích trong cảm-giác? Cái gì là sự nguy-hại? Cái gì là sự giải-thoát?”

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Có ba loại cảm-giác này: ... [*Tiếp tục như kinh kể trên*] ... đây chính là sự thoát-khỏi khỏi cảm-giác.’”

(SN 36:24)

25 (5) *Sự-Biết* ²⁵⁷

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là những cảm-giác’: như vậy, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là nguồn-gốc của cảm-giác’: như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết ... ánh-sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là con-đường dẫn đến sự khởi-sinh của cảm-giác’: như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết ... ánh-sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là sự chấm-dứt cảm-giác’: như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết ... ánh-sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác’: như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết ... ánh-sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘đây là sự thỏa-thích trong cảm-giác’ ... ‘Đây là sự nguy-hại trong cảm-giác’ ... ‘Đây là sự thoát-khỏi cảm-giác’: như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh sự-thấy, sự-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.

(SN 36:25)

26 (6) *Một Số Tỳ Kheo*

[Giống kinh 36:23 ở trên, chỉ khác là người nghe giờ là “một số Tỳ kheo” thay vì “một Tỳ kheo”.]

(SN 36:26)

27 (7) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này. Ba đó là gì? cảm-giác sợ hãi, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính.

(1) “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được đúng như chúng thực là *sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi* đối với [trong trường hợp] ba loại cảm-giác này,²⁵⁸ thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do không tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, cho nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ (sa-môn hạnh) hay mục tiêu của đời sống bà-la-môn (bà-la-môn hạnh).

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó, đúng như chúng thực là, thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu-sĩ và mục tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 36:27)

28 (8) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (2)

[Giống hai đoạn sau của kinh 36:27 kể trên, chỉ khác là 03 chữ “*sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*” được thay bằng 05 chữ “*sự khởi-sinh và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*”.]

(SN 36:28)

29 (9) Các Tu Sĩ & Bà-la-môn (3)

[Giống kinh kể trên, chỉ khác là 05 chữ “sự khởi-sinh và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi” được thay bằng 04 chữ “cảm-giác, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó”.]

(SN 36:29)

30 (10) Bản Kinh Ngẩn Gợn (đơn giản)

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác. Ba đó là gì? cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính.”²⁵⁹

(SN 36:30)

31 (11) Thuộc Tâm Linh

“Này các Tỳ kheo, (a) có sự hoan-hỷ (hỷ) về thể xác, có sự hoan-hỷ về tâm linh (phi thể xác), và có sự hoan-hỷ siêu tâm linh hơn sự hoan-hỷ về tâm linh đó. (b) Có sự hạnh-phúc (lạc) về thể xác, có sự hạnh-phúc về tâm linh, và có sự hạnh-phúc siêu tâm linh hơn sự hạnh-phúc về tâm linh đó. (c) Có sự buông-xả (xả) về thể xác, có sự buông-xả về tâm linh, và có sự buông-xả siêu tâm linh hơn sự buông-xả tâm linh đó. (d) Có sự giải-thoát về thể xác, có sự giải-thoát về tâm linh, và có sự giải-thoát siêu tâm linh hơn sự giải-thoát về tâm linh đó.

(a) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hoan-hỷ về thể xác*? Này các Tỳ kheo, có năm dây dục-lạc (khoái-lạc giác quan). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Đây là năm dây dục-lạc. Sự hoan-hỷ khởi sinh tùy thuộc vào năm dây dục-lạc: đây được gọi là sự hoan-hỷ về thể xác.

2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hoan-hỷ về tâm linh*? Ở đây: (i) ‘Tách-ly khỏi những dục-lạc, Tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền),

trạng thái có đi kèm bởi ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Rồi: **(ii) ‘Với sự lắng lặng của ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm hết tứ)**, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiên), trạng thái có sự tự-tin bên-trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ Đây được gọi là sự hoan-hỷ về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hoan-hỷ siêu tâm linh hơn sự hoan-hỷ về tâm linh* đó? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận) quán chiếu lại cái tâm đã được giải-thoát khỏi tham, sân, si, thì sự hoan-hỷ khởi sinh. Đây được gọi là sự hoan-hỷ siêu tâm linh hơn cả sự hoan-hỷ về tâm linh đó. (tức, siêu xuất hơn sự hoan-hỷ có trong Nhất thiên và Nhị thiên).²⁶⁰

(b) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hạnh-phúc về thể xác*? Này các Tỳ kheo, có năm dây dục-lạc. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Đây là năm dây dục-lạc. Sự hạnh-phúc khởi sinh tùy thuộc vào năm dây dục-lạc: đây được gọi là sự hạnh-phúc về thể xác.

2- “Và, này các Tỳ kheo cái gì là *sự hạnh-phúc về tâm linh*? Ở đây, này các Tỳ kheo: **(i)** ‘Tách-ly khỏi những dục-lạc ... một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên) ...’ **(ii)** ‘... tầng thiền định thứ hai (Nhị thiên) ...’ Rồi: **(iii)** ‘Với sự hoan-hỷ phai biến (hết hỷ), người đó an trú xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiên), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’ Đây được gọi là sự hạnh-phúc về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự hạnh-phúc siêu tâm linh hơn sự hạnh-phúc về tâm linh* đó? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận) quán chiếu lại cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì sự

hạnh-phúc khởi sinh. Đây được gọi là sự hạnh-phúc siêu tâm linh hơn cả sự hạnh-phúc về tâm linh đó. (tức, siêu xuất hơn sự hạnh-phúc trong Nhất thiên, Nhị thiên, Tam thiên)

(c) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự buông-xả về thể xác*? Này các Tỳ kheo, có năm dây dục-lạc. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng muốn, dễ thương, dễ chịu, sướng, gọi dục, gọi cảm. Đây là năm dây dục-lạc. Sự buông-xả khởi sinh tùy thuộc vào năm dây dục-lạc: đây được gọi là sự buông-xả về thể xác.

2- “Và, này các Tỳ kheo cái gì là *sự buông-xả về tâm linh*? (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng và sự khổ (hết sướng khổ), và với sự phai biến trước đó của vui và buồn (hết hỷ ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ tư (Tứ thiên), trạng thái không còn sướng và khổ, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố xả.’ Đây là sự buông-xả về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự buông-xả siêu tâm linh hơn sự buông-xả về tâm linh* đó? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận) quán chiếu lại cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì sự buông-xả khởi sinh. Đây được gọi là sự buông-xả siêu tâm linh hơn cả sự buông-xả về tâm linh đó. (tức, siêu xuất hơn sự buông-xả có trong Tứ thiên)

(d) 1- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự giải-thoát về thể xác*? Sự giải thoát nối kết (câu hữu, liên hữu) sắc giới (các tầng thiên định sắc giới) là sự giải-thoát về thể xác.²⁶¹

2- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự giải-thoát về tâm linh*? Sự giải thoát nối kết vô-sắc giới (các tầng chứng đắc vô-sắc giới) là sự giải-thoát về tâm linh.

3- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *sự giải-thoát siêu tâm linh hơn sự giải-thoát về tâm linh* đó? Khi một Tỳ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận) quán chiếu lại cái tâm đã được giải thoát khỏi tham, sân, si, thì sự

giải-thoát khỏi sinh. Đây được gọi là sự giải-thoát siêu tâm linh hơn cả sự giải-thoát về tâm linh đó.”

(SN 36:31)

Chương 37

Liên Kết PHỤ NỮ

(37 *Mātugāma-samyutta*)

(37 *Tương ưng Nữ Nhân*)

NHÓM 1

NHÓM ‘LẬP LẠI THỨ NHẤT’

(*Paṭhama Peyyāla-vagga*)

1 (1) *Đễ Ưa Và Khó Ưa (1)*

“Này các Tỳ kheo, khi một phụ nữ có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ khó ưa (không được thích) đối với đàn ông. Năm đó là gì? Cô ta không đẹp, không giàu, không đức hạnh; cô ta lười biếng; và cô ta không sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ khó ưa đối với đàn ông.

“Này các Tỳ kheo, khi một phụ nữ có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ dễ ưa (đáng thích) đối với đàn ông. Năm đó là gì? Cô ta đẹp, giàu, có đức hạnh; cô ta khôn khéo và siêng năng; và cô ta sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ dễ ưa đối với đàn ông.”

(SN 37:01)

2 (2) *Đễ Ưa Và Khó Ưa (2)*

“Này các Tỳ kheo, khi một đàn ông có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ khó ưa (không được thích) đối với phụ nữ. Năm đó là gì? Cô ta không đẹp, không giàu, không đức hạnh; cô ta lười biếng; và cô ta không sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ khó ưa đối với phụ nữ.

“Này các Tỳ kheo, khi một đàn ông có năm yếu-tố thì cô ta là cực kỳ dễ ưa (đáng thích) đối với phụ nữ. Năm đó là gì? Cô ta đẹp, giàu, có đức hạnh; cô ta khôn khéo và siêng năng; và cô ta sanh con cái. Khi một người phụ nữ có năm yếu tố này thì cô ta là cực kỳ dễ ưa đối với phụ nữ.”

[Tiếp tục nguyên kinh trên nói về một phụ nữ.]

(SN 37:02)

3 (3) Riêng Biệt

“Này các Tỳ kheo, có năm loại khổ riêng của phụ nữ,²⁶² chỉ phụ nữ phải chịu, đàn ông không phải chịu. Năm đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, ngay cả lúc còn trẻ, một người phụ nữ về sống với gia đình nhà chồng và đã bị chia cách khỏi người thân gia đình của mình. Đây là loại khổ thứ nhất của riêng nữ giới ...

“Thêm nữa, phụ nữ thì phải bị kinh nguyệt. Đây là loại khổ thứ hai của riêng nữ giới ...

“Thêm nữa, phụ nữ thì phải mang thai. Đây là loại khổ thứ ba của riêng nữ giới ...

“Thêm nữa, phụ nữ phải sinh đẻ. Đây là loại khổ thứ tư của riêng nữ giới ...

“Thêm nữa, phụ nữ (như) được tạo ra để phục vụ đàn ông. Đây là loại khổ thứ năm của riêng nữ giới ...

“Này các Tỳ kheo, đây là năm loại khổ riêng của phụ nữ, chỉ phụ nữ phải chịu, đàn ông không phải chịu.”

(SN 37:03)

4 (4) Ba Phẩm Chất

“Này các Tỳ kheo, khi một phụ nữ có ba phẩm chất này, thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta *hầu như* bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ba đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, buổi sáng cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính ích-kỷ; buổi trưa cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính ganh-tỵ; buổi tối cô ta ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi ô-nhiễm là tính nhục-dục. Khi một phụ nữ có ba phẩm chất đó ... hầu như sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục.”

(SN 37:04)

[A-Nậu-Lâu-Đà: (i) Mảng Tối]

5 (5) Tức Giận

Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa.²⁶³

“Ồ đây, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Thưa Thế Tôn, khi một người phụ nữ có mấy phẩm chất gì thì cô ta bị tái sinh như vậy?”

“Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Năm đó là gì?”

“Cô ta không có niềm-tin (tín) (vào Tam Bảo), không biết xấu-hổ lương tâm (không tà), biết sợ-hãi làm điều sai xấu (không quý), hay tức-giận, không có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục.”

(SN 37:05)

6 (6) — 13 (13) Hiểm Độc ...

“Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Năm đó là gì?”

“Cô ta không có lòng-tin (không tín), không biết xấu-hổ lương tâm (không tà), biết sợ-hãi làm điều sai xấu (không quý), hiểm độc {ghen ty ... keo kiệt ... lẳng lơ ... thiếu giới hạnh ... thiếu học hiểu ... lười biếng

... tâm mù rồi},²⁶⁴ không có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đọa đày ... trong địa ngục.”

[*Từ kinh 37:07–13 là mỗi chữ trong ngoặc {...} lần lượt thay chữ “hiểm độc” của kinh 37:06.*]

(SN 37:06–13)

14 (14) Năm

“Năm A-nậu-lâu-đa, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Năm đó là gì?

“Cô ta sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm, nói-dối nói láo, và uống rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một người phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa ... trong địa ngục.”

(SN 37:14)

NHÓM 2

NHÓM ‘LẬP LẠI THỨ HAI’

(*Dutiya Peyyāla-vagga*)

[A-Nậu-Lâu-Đà: (ii) Mảng Sáng]

15 (1) *Không Tức Giận*

Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

“Ồ đây, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Thưa Thế Tôn, khi một người phụ nữ có mấy phẩm chất gì thì có ta được tái sinh như vậy?”

“Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất, thì khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Năm đó là gì?

“Cô ta có lòng-tin (tín, vào Tam Bảo), biết xấu-hổ lương tâm (có tà), biết sợ-hãi việc làm sai trái (có quý), không tức-giận, có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

(SN 37:15)

16 (2) — 23 (9) *Không Hiểm Độc ...*

“Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Năm đó là gì?

“Cô ta có lòng-tin, biết xấu-hổ lương tâm, biết sợ-hãi việc làm sai trái, cô ta không hiểm độc {không ghen tỵ ... không keo kiệt ... không tà dâm tà dục ... có giới hạnh ... có học hiểu ... siêng năng ... có chánh niệm},²⁶⁵

có trí. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

[Từ kinh **37:17–23** là mỗi chữ trong ngoặc {...} lần lượt thay chữ “không hiểm độc” của kinh **37:15**.]

(SN 37:16–23)

24 (10) Năm Giới Hạnh

“Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì khi thân tan rã, sau khi chết, cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Năm đó là gì?

“Cô ta kiêng cữ sát-sinh, kiêng cữ gian-cấp, kiêng cữ tà-dâm, kiêng cữ nói-dối nói-láo, và kiêng cữ dùng rượu nhẹ, rượu nặng và các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một người phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

(SN 37:24)

NHÓM 3

NHÓM ‘NHỮNG SỨC MẠNH’

(*Bala-vagga*)

25 (1) *Tự Tin*

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh (lực) của một phụ nữ. Năm đó là gì? Sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của sự giàu có, sức mạnh của người thân thuộc, sức mạnh của các con [trai], sức mạnh của đức hạnh [giới hạnh]. Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ. Khi một phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà (một cách) tự-tin.”

(SN 37:25)

26 (2) *Thắng Thế Hơn*

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh của một phụ nữ ... [*tiếp tục như kinh kể trên*] ... Khi một phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà thắng thế hơn chồng.”²⁶⁶

(SN 37:26)

27 (3) *Dưới Sự Kiểm Soát*

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh của một phụ nữ ... [*tiếp tục như kinh kể trên*] ... Khi một phụ nữ có năm sức mạnh này, cô ta sống ở nhà với người chồng dưới sự kiểm soát của cô ta.”

(SN 37:27)

28 (4) *Một*

“Này các Tỳ kheo, khi một đàn ông có một sức mạnh, thì anh ta sống với một phụ nữ ở dưới sự kiểm soát của anh ta. Cái gì là một sức mạnh?

Đó là sức mạnh của quyền hành. Khi một phụ nữ bị khuất phục bởi sức mạnh của quyền hành (gia trưởng), thì sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh các con, hay sức mạnh của đức hạnh cũng không cứu giúp được cô ta.”

(SN 37:28)

29 (5) Về Mặt Đó

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một phụ nữ. Năm đó là gì? Sức mạnh của sắc đẹp, sức mạnh của giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, sức mạnh các con, sức mạnh của đức hạnh.

(a) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp nhưng không có sức mạnh giàu có, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó (tức về mặt giàu có). Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và cả sức mạnh giàu có, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

(b) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và giàu có nhưng không có sức mạnh của những người thân thuộc, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp và giàu có, và cả sức mạnh của những người thân thuộc, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

(c) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc nhưng không có sức mạnh của các con, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, sức mạnh của những người thân thuộc, và cả sức mạnh của các con, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

(d) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, của những người thân thuộc, và cả sức mạnh của những con nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì cô ta còn thiếu hụt về mặt đó. Nhưng nếu một phụ nữ có sức mạnh sắc đẹp, giàu có, sức mạnh của những người thân

thuộc, sức mạnh của những con, và cả sức mạnh của đức hạnh, thì cô ta đầy đủ về mặt đó.

“Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ.”

(SN 37:29)

30 (6) *Họ Đuổi Đi*

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một phụ nữ ... sức mạnh của đức hạnh.

(a) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.”²⁶⁷

(b) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp và giàu có, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

(c) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

(d) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của sắc đẹp, giàu có, và sức mạnh của những người thân thuộc, và sức mạnh của các con, nhưng không có sức mạnh của đức hạnh, thì họ sẽ đuổi cô ta đi; họ không cho ở trong gia đình.

(e) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của sắc đẹp, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.”²⁶⁸

(f) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của sự giàu có, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

(g) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của những người thân thuộc, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

(h) “Này các Tỳ kheo, nếu một phụ nữ có sức mạnh của đức hạnh, tuy không có sức mạnh của các con, họ vẫn cho cô ta ở trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.

“Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ.”

(SN 37:30)

31 (7) Nguyên Nhân

“Này các Tỳ kheo, có năm sức mạnh này của một phụ nữ ... sức mạnh của giới hạnh.

“Này các Tỳ kheo, không phải do có sức mạnh sắc đẹp, hay sức mạnh giàu có, hay sức mạnh của những người thân thuộc, hay sức mạnh của các con cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, một phụ nữ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Do có sức mạnh của đức hạnh cho nên một phụ nữ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

“Đây là năm sức mạnh của một phụ nữ.”

(SN 37:31)

32 (8) Những Hoàn Cảnh

(1) “Này các Tỳ kheo, có năm hoàn cảnh khó đạt được bởi một phụ nữ không làm việc công đức?

(a) “Cô ta cầu: ‘Cầu cho ta được sinh ra trong một gia đình phù hợp (đúng ý mình)!’ Đây là hoàn cảnh thứ nhất khó đạt được bởi một phụ nữ không làm việc công đức.

(b) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta được gả cưới trong một gia đình phù hợp!’ Đây là hoàn cảnh thứ hai ...

(c) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, và sau khi được gả cưới trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta sống trong nhà không có người đối nghịch!’ Đây là hoàn cảnh thứ ba ...²⁶⁹

(d) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp ... không có người đối nghịch, cầu cho ta sinh được con trai!’ Đây là hoàn cảnh thứ tư ...

(e) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp ... sinh được con trai, cầu cho ta sống ở nhà với người chồng ở dưới sự kiểm soát của ta!’ Đây là hoàn cảnh thứ năm ...

“Có năm hoàn cảnh khó đạt được bởi một phụ nữ chưa làm việc công đức nào.

(2) “Này các Tỳ kheo, có năm là hoàn cảnh dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức?

(a) “Cô ta cầu: ‘Cầu cho ta được sinh ra trong một gia đình phù hợp!’ Đây là hoàn cảnh thứ nhất dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức.

(b)-(e) “Cô ta cầu: ‘Sau khi được sinh ra trong một gia đình phù hợp, cầu cho ta được gả cưới trong một gia đình phù hợp ... sinh được con trai ... sống trong nhà không có người đối nghịch ... sống ở nhà với người chồng ở dưới sự kiểm soát của ta!’ Đây là hoàn cảnh thứ năm dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức.

“Có năm hoàn cảnh khó dễ đạt được bởi một phụ nữ đã làm việc công đức.

(SN 37:32)

33 (9) Tự Tin

“Này các Tỳ kheo, khi một phụ nữ có năm phẩm chất thì cô ta sống ở nhà (một cách) tự-tin. Năm đó là gì? Cô ta kiêng cử sát-sinh; kiêng cử gian-cấp; kiêng cử tà-dâm; kiêng cử nói-dối nói-láo; kiêng cử rượu nhẹ rượu nặng và các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Khi một phụ nữ có năm phẩm chất này, thì cô ta sống ở nhà tự-tin.”

(SN 37:33)

34 (10) Tăng Trưởng

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã tăng trưởng về năm phần tăng trưởng, thì một người nữ thánh đệ tử tăng trưởng với một sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó nhận lấy được phần cốt lõi, nhận lấy được phần tốt nhất, của sự hiện-hữu bằng thân này. Năm đó là gì? Cô ta tăng trưởng về niềm-tin, về giới-hạnh, về sự học-hiểu, về sự bố-thí, và về trí-tuệ.

“Ở đây khi tăng trưởng về niềm-tin và giới-hạnh,
Về trí-tuệ, về sự bố-thí, và về sự học-hiểu,
Nữ thánh đệ tử đó,
Thụ lãnh được phần tinh túy cho chính mình.”

(SN 37:34)

Chương 38

Liên Kết ‘NGƯỜI ĂN TÁO HỒNG’

(38 *Jambukhādakasa-samyutta*)

(38 *Tương ứng Jambukhādakasa*)

1 Câu Hỏi Về Niết-Bàn

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), ở làng Nālaka (Nālakagāma). Lúc đó có một du sĩ tên là Jambukhādaka (Người Ăn Táo Hồng) đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi với thầy.²⁷⁰ Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘Niết-bàn, Niết-bàn’. Giờ cái gì là Niết-bàn?”

“Này thiện hữu, sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là Niết-bàn.”²⁷¹

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chúng ngộ Niết-bàn?”

“Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để chúng ngộ Niết-bàn.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để chúng ngộ Niết-bàn?”

“Này thiện hữu, đó là con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để chúng ngộ Niết-bàn.”

- “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để chúng ngộ Niết-bàn! Và bấy nhiêu đó cũng đủ để chuyên-chú (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phất.

(SN 38:01)

2 Quả A-La-Hán

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘quả A-la-hán, quả A-la-hán’. Giờ cái gì là thánh quả A-la-hán?”

“Này thiện hữu, sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là thánh quả A-la-hán.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chúng ngộ thánh quả A-la-hán?”

“Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để chúng ngộ thánh quả A-la-hán.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để chúng ngộ thánh quả A-la-hán?”

“Này thiện hữu, đó là con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để chúng ngộ thánh quả A-la-hán.”

- “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để chúng ngộ thánh quả A-la-hán! Và bấy nhiêu đó cũng đủ để chuyên-chú (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phát.

(SN 38:02)

3 Những Người Theo Giáo Pháp

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phát, ai là những người ủng-hộ (theo, đề xướng, chủ trương, truyền bá) Giáo Pháp trong thế gian? Ai là những người đang tu-tập một cách thiện khéo trong thế gian? Ai là những bậc phúc-lành (bậc khéo đi, bậc thiện thệ) trong thế gian?”

“Này thiện hữu, những người chỉ dạy Giáo Pháp để trừ bỏ tham, để trừ bỏ sân, để trừ bỏ si: họ là những người ủng-hộ Giáo Pháp trong thế gian. Những người đang tu tập để trừ bỏ tham, để trừ bỏ sân, để trừ bỏ si: họ là những người đang tu-tập một cách thiện khéo trong thế gian. Những người đã dẹp bỏ tham, sân, si; đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai: họ là những bậc phúc-lành trong thế gian.”²⁷²

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để trừ bỏ tham, sân, si?”

“Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để trừ bỏ tham, sân, si.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để trừ bỏ tham, sân, si?”

“Này thiện hữu, đó là con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để trừ bỏ tham, sân, si.”

- “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để trừ bỏ tham, sân, si! Và bấy nhiêu đó cũng đủ để chuyên-chú (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phát.

(SN 38:03)

4 Vì Mục Đích Gì?

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phát, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (đi tu) dưới (theo) sa-môn Cồ-đàm?”

“Này thiện hữu, đó là để hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) sự khổ cho nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu sự khổ?”

“Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi ... đó là con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:04)

5 Sự Yên Ủi

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘người đã đạt được sự yên-ủi, người đã đạt được sự yên-ủi’ (sự an ủi, sự an bài). Này thiện hữu, theo cách nào một người đạt tới sự yên-ủi?”²⁷³

“Này thiện hữu, khi một Tỳ kheo hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sáu cơ-sở để tiếp xúc* (sáu căn) đúng như chúng thực là, thì theo cách này người đó đã đạt tới sự yên-ủi.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chúng ngộ sự yên-ủi này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh kể trên)*

(SN 38:05)

6 Sự Yên Ủi Tối Thượng

“Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘người đã đạt được sự yên-ủi tối thượng, người đã đạt được sự yên-ủi tối thượng’. Này thiện hữu, theo cách nào một người đạt tới sự yên-ủi tối thượng?”

“Này thiện hữu, sau khi hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *sáu cơ-sở để tiếp xúc* (sáu căn) đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn chấp-thủ (thủ diệt), thì theo cách này người đó đã đạt tới sự yên-ủi tối thượng.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để chúng ngộ sự yên-ủi tối thượng này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:06)

7 Cảm Giác

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘cảm-giác, cảm-giác’. Giờ cái gì là cảm-giác?”

“Này thiện hữu, có ba loại cảm-giác này: cảm-giác sướng, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Đây là ba loại cảm-giác.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) ba loại cảm-giác này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:07)

8 Những Ô Nhiễm

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘ô-nhiễm, ô-nhiễm’ Giờ cái gì là một ô-nhiễm (lậu hoặc)?

“Này thiện hữu, có ba loại ô-nhiễm này: ô-nhiễm do/là tham-dục (dục lậu), ô-nhiễm do/là sự hiện-hữu (hữu lậu), ô-nhiễm do/là vô minh (vô minh lậu). Đây là ba loại ô-nhiễm.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để trừ bỏ ba ô-nhiễm này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:08)

9 Vô Minh

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ cái gì là vô-minh?”

“Không biết sự khổ, không biết nguồn-gốc khổ, không biết sự chấm-dứt khổ, không biết con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ. Đây được gọi là vô-minh.” (tức không biết Tứ Diệu Đế)

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để trừ bỏ sự vô-minh này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:09)

10 Dục Vọng

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘dục-vọng, dục-vọng’. Giờ cái gì là dục-vọng (ái, tham ái)?”

“Này thiện hữu, có ba loại dục-vọng này: dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục-vọng vì/muốn diệt-vong (phi-hữu ái). Có ba loại dục-vọng này.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để trừ bỏ ba loại dục-vọng này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:10)

11 Dòng Lũ

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘dòng-lũ, dòng-lũ’. Giờ cái gì là dòng-lũ (bộc lưu)?”

“Này thiện hữu, có bốn dòng-lũ này: dòng-lũ của/là tham-dục, dòng-lũ của/là sự hiện-hữu, dòng-lũ của/là những quan-điểm này nọ (tà kiến), dòng-lũ của/là vô-minh. Có bốn dòng-lũ này.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để trừ bỏ bốn dòng-lũ này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:11)

12 Sự Chấp thủ

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự chấp-thủ, sự chấp-thủ’. Giờ cái gì là sự chấp-thủ (thủ)?”

“Này thiện hữu, có bốn loại sự chấp-thủ này: sự chấp-thủ theo khoái-lạc giác quan (dục thủ), sự chấp-thủ theo những quan-điểm này nọ (kiến thủ), sự chấp-thủ sai lạc mê tín theo những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ), sự chấp-thủ vào giáo thuyết có ‘cái-ta’ (ngã thuyết thủ). Có bốn loại sự chấp-thủ này.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để trừ bỏ bốn loại sự chấp-thủ này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:12)

13 Sự Hiện Hữu

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự hiện-hữu, sự hiện-hữu’. Giờ cái gì là sự hiện-hữu?”

“Này thiện hữu, có ba loại sự hiện-hữu này: sự hiện-hữu cõi dục giới (dục giới hữu), sự hiện-hữu cõi sắc giới (sắc giới hữu), sự hiện-hữu cõi vô-sắc giới (vô sắc giới hữu). Có ba loại sự hiện-hữu này.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để trừ bỏ ba loại sự hiện-hữu này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:13)

14 Khổ

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự khổ, sự khổ’. Giờ cái gì là sự khổ?”

“Này thiện hữu, có ba loại khổ này: khổ do đau khổ (khổ khổ), khổ do những sự tạo-tác (hành khổ), khổ do thay đổi (vô thường khổ, hoại khổ). Có ba loại khổ này.”²⁷⁴

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) ba loại sự khổ này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường ... con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) ...” *(như các kinh trên)*

(SN 38:14)

15 Danh Tính

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘danh tính, danh tính’. Giờ cái gì là danh tính?”

“Này thiện hữu, năm-uẩn dính chấp-thủ (năm thủ uẩn) này đã được đức Thế Tôn gọi là danh-tính; đó là: uẩn sắc-thân bị chấp-thủ (sắc uẩn), uẩn cảm-giác bị chấp-thủ (thọ uẩn), uẩn nhận-thức bị chấp-thủ (tưởng uẩn), uẩn những sự tạo-tác bị chấp-thủ (hành uẩn), uẩn thức bị chấp-thủ (thức uẩn). Năm-uẩn dính chấp-thủ này được đức Thế Tôn gọi là danh-tính.”

- “Nhưng, này thiện hữu, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) về danh-tính này?”

“Này thiện hữu, có một con-đường, có một đường-đi để hoàn-toàn hiểu về danh-tính này.”

- “Và, này thiện hữu, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để hoàn-toàn hiểu danh-tính này?”

“Này thiện hữu, đó là con-đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Này thiện hữu, đây là con-đường, đây là đường-đi để hoàn-toàn hiểu danh-tính này.”

- “Thật hay là con-đường này, này thiện hữu, thật hay là đường-đi này để hoàn-toàn hiểu danh-tính này! Và bấy nhiêu cũng đủ để chuyên-chú (tu tập), này thiện hữu Xá-lợi-phát.”

(SN 38:15)

16 *Khó Làm*

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phát, cái gì là khó làm trong Giáo Pháp và Giới Luật này?”

“Này thiện hữu, sự xuất-gia là khó làm trong Giáo Pháp và Giới Luật này.”

- “Này thiện hữu, cái gì là khó làm bởi một người đã xuất-gia?”

“Này thiện hữu, tìm thấy niềm vui-thích (vui lòng với đời sống tu hành) là khó làm bởi một người đã xuất-gia.”

- “Này thiện hữu, cái gì là khó làm bởi một người đã tìm thấy niềm vui-thích?”

“Này thiện hữu, sự tu-tập cho đúng theo Giáo Pháp là khó làm bởi một người đã tìm thấy niềm vui-thích.”

- “Nhưng, này thiện hữu, nếu một Tỷ kheo đang tu-tập đúng theo Giáo Pháp, thì có phải rất lâu người đó mới trở thành một A-la-hán?”

“Không lâu, này thiện hữu.”²⁷⁵

(SN 38:16)

Chương 39

Liên Kết SĀMAṄḌAKA

(39 *Sāmaṅḍaka-samyutta*)

(39 *Tương ứng Sāmaṅḍaka*)

1 — 16 Câu Hỏi về Niết-Bàn ...

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa xứ dân Vajji (Bạt-kỳ), ở vùng Ukkacelā. Lúc đó có một du sĩ tên là Sāmaṇḍaka đến gặp thầy Xá-lợi-phất và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngò xuống một bên và nói với thầy Xá-lợi-phất:

- “Này thiện hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘Niết-bàn, Niết-bàn’. Giờ cái gì là Niết-bàn?”

*[Phần còn lại, và các kinh tiếp theo, lần lượt giống hệt **Chương 38** kể trên, chỉ khác là người hỏi giờ đổi thành du sĩ Sāmaṇḍaka] ...*

- “Nhưng, này thiện hữu, nếu một Tỳ kheo đang tu-tập đúng theo Giáo Pháp, thì có phải rất lâu người đó mới trở thành một A-la-hán?”

“Không lâu, này thiện hữu.”

(SN 39:01—16)

Chương 40

Liên Kết MỤC-KIÊN-LIÊN

(40 *Moggallāna-samyutta*)

(40 *Tương ưng Mục-kiên-liên*)

1 Tầng Thiên Định Thứ Nhất

Trong một lần Ngài Đại Mục-kiên-liên đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó thầy Đại Mục-kiên-liên đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”²⁷⁶

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Mục-kiên-liên nói điều này:

(a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly (ẩn dật), một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiên định thứ nhất, tầng thiên định thứ nhất”. Giờ cái gì là tầng thiên định thứ nhất?’

(b) Rồi, này các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, Tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, Tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Đây được gọi là tầng thiên định thứ nhất.’

(c) “Rồi, này các Tỳ kheo (*thực hiện*): ‘Tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, Tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất ... Trong khi tôi an trú trong đó thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn *dính tham-dục* đã tấn công tôi.”²⁷⁷

“Lúc đó, này các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông (năng lực tâm linh) và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiên định thứ nhất. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiên định thứ nhất, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiên định thứ nhất, hãy định-tâm trong tầng thiên định thứ nhất.’ Rồi, này các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, Tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi

chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất, trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc).’

“Này các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp²⁷⁸ với sự trợ giúp của Vị Thầy (Phật)’, thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.”

(SN 40:01)

2 Tầng Thiền Định Thứ Hai

... (a) “Ồ đây, này các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ hai, tầng thiền định thứ hai”. Giờ cái gì là tầng thiền định thứ hai?’²⁷⁹

(b) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ồ đây, với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có đi kèm sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Đây là tầng thiền định thứ hai.’

(c) “Rồi, này các Tỳ kheo, (*thực hiện*): ‘Với sự lắng lặn của ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm hết tứ), tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai ... Khi tôi an trú trong trạng thái đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn dính ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ) đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ hai. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ hai, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ hai, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ hai.’ Rồi, này các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét

(tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái có đi kèm sự tự-tin bên-trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.

“Này các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy (Phật)’, thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.”

(SN 40:02)

3 Tầng Thiền Định Thứ Ba

... (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ ba, tầng thiền định thứ ba”. Giờ cái gì là tầng thiền định thứ ba?’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả (xả), có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc) bằng thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”. Đây được gọi là tầng thiền định thứ ba.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, (*thực hiện*): Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ) ... tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba ... Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn *dính sự hoan-hỷ (hỷ)* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ ba. Hãy

ôn-định tâm trong tầng thiền định thứ ba, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ ba, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ ba.’ Rồi, này các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hết hỷ), tôi an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết, tôi trải nghiệm sự sượng bằng thân (thân lạc); tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba, trạng thái mà các bậc thánh nhân nói là: “Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc)”.’

“Này các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy (Phật)’, thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.”

(SN 40:03)

4 Tầng Thiền Định Thứ Tư

... (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “tầng thiền định thứ tư, tầng thiền định thứ tư.” Giờ cái gì là tầng thiền định thứ tư?’

(b) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự dẹp bỏ sự sượng và sự khổ và với sự phai biến trước đó của sự vui (hết hỷ) và sự buồn (hết ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn khổ hay sượng, và có sự chánh-niệm đã được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả (xả). Đây là tầng thiền định thứ tư.’

(c) “Rồi, này các Tỳ kheo, (*thực hiện*): ‘Với sự dẹp bỏ sự sượng và sự khổ ... tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư ... Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn *dính yếu tố hạnh-phúc (lạc)* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thân thông và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lo-tâm xao lãng đối với tầng thiền định thứ tư. Hãy ổn-định tâm trong tầng thiền định thứ tư, hãy hợp-nhất tâm trong tầng thiền định thứ tư, hãy định-tâm trong tầng thiền định thứ tư.’ Rồi, này các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và sự khổ và với sự phai biến trước đó của sự vui (hết hỷ) và sự buồn (hết ưu), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư, trạng thái không còn khổ hay sợ hãi, và có sự chánh-niệm đã được thanh lọc tinh khiết nhờ yếu tố buông-xả (xả).

“Này các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy’ (Phật), thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.”

(SN 40:04)

5 Không Vô Biên Xứ

... (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (*ván đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “không vô biên xứ, không vô biên xứ”. Giờ cái gì là không vô biên xứ?’

(b) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về chạm-xúc giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự khác-biệt (đa dạng) này nọ, chỉ ý thức rằng “không gian là vô biên”, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú không vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của không gian].’

(c) “Rồi, này các Tỳ kheo (*thực hiện*): Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc ... tôi chứng nhập và an trú trong không vô

biên xứ. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn *dính thể sắc* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với không vô biên xứ. Hãy ổn-định tâm trong không vô biên xứ, hãy hợp-nhất tâm trong không vô biên xứ, hãy định tâm trong không vô biên xứ.’ Rồi, này các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc, với sự phai biến những nhận-thức về chạm-xúc giác quan, với sự không còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự khác-biệt này nọ, chỉ ý thức rằng “không gian là vô biên”, tôi đã chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ.’

“Này các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy (Phật)’, thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.”

(SN 40:05)

6 Thức Vô Biên Xứ

... (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “thức vô biên xứ, thức vô biên xứ”. Giờ cái gì là thức vô biên xứ?’

(b) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, chỉ ý thức rằng “thức là vô biên”, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức].’

(c) “Rồi, này các Tỳ kheo (*thực hiện*): ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, chỉ ý thức rằng “thức là vô biên”, tôi chứng nhập và an

trú trong thức vô biên xứ. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn *dính không vô biên xứ* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với thức vô biên xứ. Hãy ổn-định tâm trong thức vô biên xứ, hãy hợp-nhất tâm trong thức vô biên xứ, hãy định-tâm trong thức vô biên xứ.’ Rồi, này các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, chỉ ý thức rằng “thức là vô biên”, tôi đã chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ.’

“Này các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy (Phật)’, thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.”

(SN 40:06)

7 Vô Sở Hữu Xứ

... (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi tôi ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “vô sở hữu xứ, vô sở hữu xứ”. Giờ cái gì là vô sở hữu xứ?’

(b) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, chỉ ý thức sự “không-có-gì”, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’

“Rồi, này các Tỳ kheo (*thực hiện*): Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, chỉ ý thức sự “không-có-gì”, tôi chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn *dính thức vô biên xứ* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên, này bà-la-môn, đừng lo-tâm xao lãng đối với vô sở hữu xứ. Hãy ổn-định tâm trong vô sở hữu xứ, hãy hợp-nhất tâm trong vô sở hữu xứ, hãy định-tâm trong vô sở hữu xứ.’ Rồi, này các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, chỉ ý thức sự “không-có-gì”, tôi đã chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ.’

“Này các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy’ (Phật), thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.”

(SN 40:07)

8 Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

... (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “phi tưởng phi phi tưởng xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ”. Giờ cái gì là phi tưởng phi phi tưởng xứ?’

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’

“Rồi, này các Tỳ kheo (*thực hiện*): ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, tôi chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ. Trong khi tôi an trú trong đó, thì nhận-thức (tưởng) và sự chú-tâm (tác ý) còn *dính vô sở hữu xứ* đã tấn công tôi.

“Lúc đó, này các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên,

này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với phi tướng phi phi tướng xứ. Hãy ổn-định tâm trong phi tướng phi phi tướng xứ, hãy hợp-nhất tâm trong phi tướng phi phi tướng xứ, hãy định-tâm trong phi tướng phi phi tướng xứ.’ Rồi, này các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, tôi đã chứng nhập và an trú trong phi tướng phi phi tướng xứ.’

“Này các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy (Phật)’, thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.”

(SN 40:08)

9 Vô Dấu Hiệu

... (a) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi tôi đang ở một mình trong sự tách-ly, một sự quán chiếu (*vấn đề*) đã khởi lên trong tâm tôi như vậy: ‘Thường nghe nói “sự định-tâm vô dấu-hiệu, sự định-tâm vô dấu-hiệu”. Giờ cái gì là sự định-tâm vô dấu-hiệu?’²⁸⁰

(b) “Rồi, này các Tỳ kheo, điều này (*giải đáp*) đã xảy đến với tôi: ‘Ở đây, bằng cách không còn chú-tâm (tác ý) tới tất cả những dấu-hiệu (các tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu. Đây được gọi là sự định-tâm vô dấu-hiệu.’ (vô tướng định)

(c) “Rồi, này các Tỳ kheo (*thực hiện*): Bằng sự không còn chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu, tôi chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu. Trong khi tôi an trú trong đó, thức của tôi *vẫn còn đi kèm bởi những dấu-hiệu này nọ*.²⁸¹

“Lúc đó, này các Tỳ kheo, đức Thế Tôn đã đến với tôi thông qua phương tiện thần thông và nói điều này: ‘Mục-kiên-liên, Mục-kiên-liên, này bà-la-môn, đừng lơ-tâm xao lãng đối với sự định-tâm vô dấu-hiệu. Hãy ổn-định tâm trong sự định-tâm vô dấu-hiệu, hãy hợp-nhất tâm trong

sự định-tâm vô dấu-hiệu, hãy định-tâm trong sự định-tâm vô dấu-hiệu.’ Rồi, này các Tỳ kheo, trong lần sau đó: ‘Bằng sự không còn chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu, tôi chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu.

“Này các Tỳ kheo, người nói một cách đúng đắn mà nói về ai rằng: ‘Vị đó là một đệ tử đã đạt tới sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp với sự trợ giúp của Vị Thầy (Phật)’, thì đó là về tôi người đó có thể nói điều đó một cách đúng đắn.”

(SN 40:09)

10 Đê-Thích

[I]

Trong một lần Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh đuổi hay co cánh tay, thầy Đại Mục-kiền-liên biến mất khỏi Khu Vườn Jeta và hiện ra ở chỗ những thiên thần của cõi trời Tāvātimsa (cõi trời Đao-lợi, cõi trời 33).

Rồi có Đê-thích (Sakka), vua của các thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với ông:

[I] “Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Phật, cho nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Giáo Pháp. Bởi nhờ quy y nương tựa vào Giáo Pháp, cho nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ quy y nương tựa

vào Tăng Đoàn, cho nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.”

- *(Đế-thích lặp lại)* “Thưa Ngài Mục-kiên-liên, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ quy y nương tựa ... cho nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.”

Sau đó, Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần,²⁸² đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với ông:

[Thầy Mục-kiên-liên lặp lại lời [I] ở trên ...]

[II]

Lúc đó, Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với ông:

[2] “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được (sở hữu) niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.] Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy, cho nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.²⁸³

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến

đề thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.’ Có hiệu quả tức thì, mời người đến đề thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.] Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, cho nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác tín vào Tăng Đoàn như vậy: [Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).] Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, cho nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được [những giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh, không bị sút mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị đốm xấu, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị chấp thủ, dẫn tới đạt định.] Bởi nhờ có-được những giới-hạnh như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

- (*Đề-thích lặp lại*) “Thưa Ngài Đại Mục-kiền-liên, lành thay sự có-được (sở hữu) niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy ... có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy ... có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy ... có-được [những giới-hạnh được quý trọng bởi những bậc thánh, không bị sút mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị đốm xấu, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị chấp thủ, dẫn tới đạt định.] Bởi nhờ có-được những giới-hạnh như vậy, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

Sau đó Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị vua trời:

[*Thầy Mục-kiên-liên lặp lại lời [2] ở trên ...*]

[III]

Lúc đó, Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với ông:

[3] “Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh-phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay việc quy y nương tựa vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

- (*Đế-thích lặp lại*) “Thưa Ngài Mục-kiên-liên, lành thay việc quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Bởi nhờ sự quy y nương tựa vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... vượt qua những thiên thần khác về mười mặt ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

Rồi Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị vua trời:

[*Thầy Mục-kiền-liên lặp lại lời [3] ở trên ...*]

[IV]

Lúc đó, Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với năm trăm thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với ông:

[4] “Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [*Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán ... bậc Giác-ngộ, bậc Thế Tôn.*] Bởi nhờ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên một số chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: về tuổi thọ ở cõi trời, về sắc đẹp cõi trời, về hạnh-phúc cõi trời, về danh tiếng cõi trời, về quyền hạn cõi trời, và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.

“Này vua của các thiên thần, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ... có-được [*những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng—không bị siết mẻ ... dẫn tới đạt định.*] Bởi nhờ có-được những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng ... họ vượt qua những thiên thần khác về mười mặt: ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

- (*Đế-thích lặp lại*) “Thưa Ngài Mục-kiền-liên, lành thay sự có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ... có-được [*những giới-hạnh được những thánh nhân quý trọng—*

không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.] Bởi nhờ có-được những giới-hạn được những thánh nhân quý trọng ... họ vượt qua những thiên thần khác về mùi mắt: ... những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, những đối-tượng chạm xúc thuộc cõi trời.”

Rồi Đế-thích, vua của các thiên thần, cùng với sáu trăm thiên thần ... bảy trăm thiên thần ... tám trăm thiên thần ... tám mươi ngàn thiên thần, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vua trời kính lễ thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị vua trời:

[Thầy Mục-kiên-liên lặp lại lời **[4]** ở trên ...]

(SN 40:10)

11 Candana ...

Rồi có Candana, một thiên thần trẻ ...

Rồi có Suyāma, một thiên thần trẻ ...

Rồi có Santusita, một thiên thần trẻ ...

Rồi có Sunimmita, một thiên thần trẻ ...

Rồi có Vasavatti, một thiên thần trẻ, đã đến gặp thầy Đại Mục-kiên-liên. Sau khi gặp mặt, vị tiên đó kính lễ thầy Đại Mục-kiên-liên và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiên-liên mới nói với vị đó:

[Tiếp tục giống toàn bộ nội dung kinh **40:10** kể trên.]²⁸⁴

(SN 40:11)

Chương 41

Liên Kết GIA CHỦ CITTA

(41 Citta-samyutta)

(41 Tương ứng Citta)

1 *Gông Cùm*

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang (rẫy xoài).

Bấy giờ, lúc đó, sau khi các Tỳ kheo trưởng lão trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ tụ tập trong nhà hội họp và khi đang ngồi với nhau thì khởi sinh sự đàm đạo này:

“Này các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ (trói buộc mình): hai thứ này khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ, hay chúng chỉ là một và chỉ khác nhau về chữ?”

Có mấy Tỳ kheo trưởng lão trả lời như vậy: “Này các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ khác nhau về nghĩa và khác nhau về chữ.” Nhưng có mấy Tỳ kheo trưởng lão khác trả lời như vậy: “Này các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ.”

Bấy giờ, lúc đó có gia chủ tên là Citta mới đến làng Migapathaka vì một số công việc.²⁸⁵ Rồi gia chủ Citta nghe được: “Có một số các Tỳ kheo trưởng lão trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ tụ tập trong nhà hội họp và khi đang ngồi với nhau thì khởi sinh sự đàm đạo này ...” Rồi gia chủ Citta đã đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với họ:

- “Thưa quý thầy, con đã nghe rằng khi các vị Tỳ kheo trưởng lão đang ngồi với nhau thì khởi sinh sự đàm đạo rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’: hai thứ này khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ, hay chúng là một về nghĩa và chỉ khác nhau về chữ?’”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Thưa quý thầy, ‘gông-cùm’ và ‘những thứ gông cùm’ là khác nhau về nghĩa và cũng khác nhau về chữ. Con xin đưa ra ví dụ về điều này, bởi những người có trí ở đây hiểu được một điều nhờ phương tiện ví dụ.

- “Thưa quý thầy, ví dụ có con bò đen và con bò trắng được gông với nhau bằng một cái gông hay cái ách.²⁸⁶ Ai là người nói một cách đúng đắn có thể nói như vậy không: ‘Con bò đen là gông-cùm của con bò trắng; con bò trắng là gông-cùm của con bò đen?’”

“Không phải, này gia chủ. Con bò đen không phải là gông-cùm của con bò trắng, và con bò trắng cũng không phải là gông-cùm của con bò đen, mà chính là cái gông hay cái ách đã gông chúng lại với nhau: đó mới chính là gông-cùm.”

- “Cũng giống như vậy, thưa quý thầy, *mắt* không phải là gông-cùm của những hình-sắc, và *những hình-sắc* cũng không phải là gông-cùm của *mắt*, mà chính là *dục và tham* khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm. Tai không phải là gông-cùm của những âm-thanh ... Mũi không phải là gông-cùm của những mùi-hương ... Lưỡi không phải là gông-cùm của những mùi-vị ... Thân không phải là gông-cùm của những đối-tượng chạm xúc ... Tâm không phải là gông-cùm của những hiện-tượng thuộc tâm, và những hiện-tượng thuộc tâm cũng không phải là gông-cùm của tâm, mà chính là *dục và tham* khởi sinh tùy thuộc vào cả hai thứ đó: đó mới chính là gông-cùm.”

“Đó là ích lợi [sự đắc đạt] cho chú, này gia chủ; đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:01)

2 Ngài Isidatta (1)

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa chỗ con ngày mai.”

Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ ở của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

- “Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố’ (giới). Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại [đa dạng] yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?”²⁸⁷

Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng.²⁸⁸

Bấy giờ, có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó.²⁸⁹ Rồi thầy Isidatta mới thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta.”

“Trả lời đi, này Tỳ kheo Isidatta.”

“Giờ, này gia chủ, có phải chú đang hỏi câu như vậy không: ‘Thưa Trưởng Lão, thường nghe nói ‘nhiều loại yếu-tố, nhiều loại yếu-tố’. Thưa thầy, theo cách nào có nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn?’”

- “Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này gia chủ, nhiều loại yếu-tố này đã được nói bởi đức Thế Tôn như vậy: yếu-tố mắt, yếu-tố hình sắc, yếu-tố thức-mắt yếu-tố tâm, yếu-tố hiện-tượng thuộc tâm, yếu-tố thức-tâm. Theo cách như vậy, này gia chủ, nhiều loại yếu-tố đã được nói bởi đức Thế Tôn.”

Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Isidatta, bằng chính hai tay mình đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi các Tỳ kheo

trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát,²⁹⁰ họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi, vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta:

“Này Tỳ kheo Isidatta, thật tốt lành rằng câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với tôi. Bởi vậy, này Tỳ kheo Isidatta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy.”²⁹¹

(SN 41:02)

3 Ngài Isidatta (2)

[*Mở đầu như kinh kể trên, cho tới:*]

Rồi gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

- “Thưa Trưởng Lão, có nhiều quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không phải bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là hữu hạn’ hay ‘Thế giới là vô hạn’; hoặc ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn một thứ và thể xác là thứ khác’; hoặc ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’— những quan-điểm này cũng như sáu mươi hai quan-điểm đã được nói trong kinh *Lưới Trời (Brahmajāla, kinh Phạm Võng)*.²⁹² Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan-điểm này? Khi không có cái gì thì không xảy ra những quan-điểm này?”

Khi điều này được nói ra, vị trưởng lão đứng đầu chỉ im lặng. Lần thứ hai và lần thứ ba gia chủ Citta hỏi lại câu hỏi đó, vị trưởng lão đứng đầu vẫn im lặng.

Bấy giờ, có Ngài Isidatta khi đó là Tỳ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Isidatta mới thưa với vị trưởng lão đứng đầu:

“Thưa trưởng lão, cho phép con trả lời câu hỏi của gia chủ Citta.”

“Trả lời đi, này Tỳ kheo Isidatta.”

“Giờ, này gia chủ, có phải chú đang hỏi câu như vậy không: ‘Thưa thầy, có nhiều quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới không phải bất diệt’ ... cũng như sáu mươi hai quan-điểm đã được nói trong kinh Lưới Trời. Giờ, khi có cái gì thì xảy ra những quan-điểm này? Khi không có cái gì thì không xảy ra những quan-điểm này?’”

- “Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này gia chủ, đối với những quan-điểm khác nhau khởi lên trong thế gian rằng: ‘Thế giới là bất diệt’ ... cũng như sáu mươi hai quan-điểm được nói trong kinh Lưới Trời thì: khi có quan-điểm (cách nhìn) có danh-tính (thân kiến), thì có những quan-điểm này xảy ra; khi không có quan-điểm có danh-tính, thì không có những quan-điểm này xảy ra.”

- (1) “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào có quan-điểm có danh-tính xảy ra?”

“Ồ đây, này gia chủ, người phạm chưa được chỉ dạy, là người không coi trọng những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương (rèn luyện, huấn luyện) trong Giáo Pháp của họ; là người không coi trọng những thiện nhân, và không thiện khéo và không được kỷ cương trong Giáo Pháp của họ; là người *cứ* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong sắc-thân. Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách như vậy nên mới xảy ra quan-điểm có danh-tính.”

- (2) “Nhưng, thưa thầy, theo cách nào không có quan-điểm có danh-tính xảy ra?”

“Ở đây, này gia chủ, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy, là người coi trọng những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được kỹ cương trong Giáo Pháp của họ; là người coi trọng những thiện nhân, và thiện khéo và được kỹ cương trong Giáo Pháp của họ; là người *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hoặc sắc-thân nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ nằm trong sắc-thân. Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức nằm trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Chính theo cách như vậy nên không xảy ra quan-điểm có danh-tính.”

- “Xin phép hỏi thầy, Sư Thầy Isidatta đến từ đâu vậy?”

“Tôi đến từ vùng Avantī, này gia chủ.”

- “Thưa thầy, có một người họ tộc cũng đến từ vùng Avantī cũng tên là Isidatta, là một người bạn ‘chưa từng gặp’ của chúng con trước kia, người đó đã xuất gia. Thầy có bao giờ gặp người đó chưa?”

“Đã gặp rồi, này gia chủ.”

- “Thầy ấy hiện đang ở đâu, thưa thầy?” Khi câu hỏi này được nói ra, thầy Isidatta chỉ im lặng.

- “Vậy đây chính là Sư Thầy Isidatta?”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Vậy mong Sư Thầy Isidatta hãy vui sống trong khu Vườn Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Isidatta y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.”

Rồi gia chủ Citta, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời của thầy Isidatta, bằng chính hai tay mình đã phục vụ và làm vui lòng các Tỷ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi các Tỷ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi, vị Tỳ kheo trưởng lão đứng đầu đã nói với thầy Isidatta:

“Này Tỳ kheo Isidatta, thật tốt lành câu trả lời cho câu hỏi đó đã xảy đến với thầy. Nó không xảy đến với tôi. Bởi vậy, này Tỳ kheo Isidatta, lúc khác có ai đặt câu hỏi tương tự như vậy, thầy cứ làm rõ nó như vậy.”

Rồi, thầy Isidatta đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó.²⁹³

(SN 41:03)

4 Thân Thông của Ngài Mahaka

Trong một lần có một số vị Tỳ kheo trưởng lão đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão, kính lễ các thầy, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa quý thầy, mong các bậc trưởng lão nhận lời mời tới dùng cơm trưa ở chỗ trại bò sữa của con ngày mai.”

Các Tỳ kheo trưởng lão đồng ý trong im lặng. Rồi gia chủ Citta, sau khi hiểu được các trưởng lão đã đồng ý, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ các vị, giữ họ ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi khi đêm đã qua, vào buổi sáng, các Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới chỗ trại bò sữa của gia chủ Citta. Ở đó họ ngồi xuống các chỗ ngồi đã dọn sẵn.

Rồi gia chủ Citta, bằng chính hai tay mình đã phục vụ và làm vui lòng các Tỳ kheo trưởng lão với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã ăn xong và đã dẹp bình bát, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

Rồi gia chủ Citta, sau khi nói với người của mình “Hãy đem phân phát hết chỗ thức ăn còn lại”, ông đi theo sát các Tỳ kheo trưởng lão. Lúc bấy giờ, lúc đó trời đang cực kỳ nóng bức,²⁹⁴ và các trưởng lão bước đi giống như thân họ đang tan chảy cùng với những thức ăn họ mới vừa ăn.

Bây giờ, có Ngài Mahaka là một Tỷ kheo trẻ nhất trong đoàn Tăng đó. Rồi thầy Mahaka đã thưa với vị Tỷ kheo trưởng lão đứng đầu:

“Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu giờ có luồng gió mát thổi qua, một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn.”

“Được vậy sẽ tốt, này đạo hữu.”

Rồi thầy Mahaka đã thực hiện một chiêu thức thần thông làm gió mát thổi qua, và một tán mây tụ thành, và trời mưa phùn.

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với gia chủ Citta: “Sức mạnh và năng lực thần thông như vậy mà lại có-được bởi một Tỷ kheo trẻ nhất đoàn Tăng ở đây như vậy!”

Rồi, sau khi thầy Mahaka về đến tịnh xá, thầy ấy thưa với vị Tỷ kheo trưởng lão đứng đầu: “Như vậy có đủ không, thưa Trưởng Lão?”

“Như vậy là đủ rồi, này đạo hữu Mahaka. Vừa rồi là đã đủ, này đạo hữu Mahaka, sự cúng dường như vậy là đầy đủ rồi.”

Rồi các Tỷ kheo trưởng lão đi về chỗ ở và thầy Mahaka cũng đi về chỗ trú ở của mình.

Rồi gia chủ Citta đến gặp thầy Mahaka, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

- “Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu Thầy Mahaka cho con thấy một phép màu siêu phàm của thần thông.”

“Vậy thì, này gia chủ, hãy cởi áo choàng của chú phủ lên hiên và rải một nắm cỏ lên đó.”

- “Dạ, thưa thầy”, gia chủ Citta đáp lại, và ông cởi áo choàng của mình phủ lên hiên và rải một nắm cỏ lên đó.

Rồi, thầy Mahaka đi vào trong thất và khóa cửa lại, rồi thầy biểu diễn màn thần thông phun lửa ra lỗ khóa và khe cửa, đốt cháy hết cỏ, nhưng không cháy áo choàng.²⁹⁵ Gia chủ Citta giữ áo choàng và đứng sang một bên, sững sờ và hoảng sợ.

Rồi thầy Mahaka bước ra khỏi thất và nói với gia chủ Citta: “Như vậy đủ chưa, này gia chủ?”

- “Như vậy là đủ rồi, thầy Mahaka. Vừa rồi là đã đủ, thừa thầy, sự ban tặng như vậy là đầy đủ rồi. Vậy mong Sư Thầy Mahaka hãy vui sống trong khu Vườn Xoài Hoang đáng thích ở vùng Macchikāsaṇḍa này. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho Thầy Mahaka y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang.”

“Lời nói thật hảo tâm, này gia chủ.”

Rồi, thầy Mahaka đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, thầy ấy rời khỏi vùng Macchikāsaṇḍa. Sau khi đi khỏi Macchikāsaṇḍa, thầy ấy đã rời đi mãi mãi và chưa bao giờ quay lại nơi đó.

(SN 41:04)

5 Ngài Kāmabhū (1)

Trong một lần Ngài Kāmabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Kāmabhū, kính lễ thầy ấy, và ngồi xuống một bên. Thầy Kāmabhū mới nói với ông rằng: “Này gia chủ, điều này đã được nói:

‘Với bánh xe hoàn-hảo và một mái che trắng,
Chiếc xe bánh một-cắm cứ lăn đi.
Nhìn xem người đang đến, không còn phiền-não,
Dòng chảy đã cắt, không còn sự trói-buộc.’²⁹⁶

Này gia chủ, theo cách nào ý nghĩa của lời ngắn gọn này được hiểu một cách chi tiết?”

- “Thưa thầy, đó là lời của đức Thế Tôn phải không?”

“Đúng vậy, này gia chủ.”

- “Thưa thầy, vậy hãy chờ con một chút trong khi con xem xét ý nghĩa của nó.”

Rồi sau một chút im lặng, gia chủ Citta đã nói với thầy Kāmabhū:

- “Thưa thầy, ‘Hoàn-hảo’ [không lỗi, không tì vết]: đây là một cách để chỉ những giới-hạnh. ‘Mái che trắng’: đây là một cách để chỉ sự giải-thoát. ‘Một cãm’: đây là một cách để chỉ sự chánh-niệm. ‘Lăn’: đây là một cách để chỉ sự đi-tới và đi-lại. ‘Chiếc xe’: đây là một cách để chỉ thân này gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) vô thường, phải bị chà xát và bị đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã.

- “Thưa thầy, những ‘phiền-não’ chính là tham, sân, si. Đối với một Tỷ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỷ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không còn phiền-não”. ‘Người đang đến’ là một cách để chỉ bậc A-la-hán.

- “Thưa thầy, ‘dòng-chảy’: đây là một cách để chỉ dục-vọng (ái). Đối với một Tỷ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì dục-vọng đó đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỷ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “người đã cắt đứt dòng-chảy.”

- “Thưa thầy, ‘sự trói-buộc’ cũng chính là tham, sân, si. Đối với một Tỷ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm, thì chúng (tham, sân, si) đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết của cây cọ, đã bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỷ kheo đã tiêu diệt những ô-nhiễm thì được gọi là “không còn sự trói-buộc.”

“Như vậy, thưa thầy, khi đức Thế Tôn nói như vậy:

‘Với bánh xe hoàn-hảo và một mái che trắng,

Chiếc xe bánh một-cãm cứ lăn đi.

Nhìn xem người đang đến, không còn phiền-não,

Dòng chảy đã cắt, không còn sự trói-buộc.’

, thì con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn như vậy.”

“Đó là ích lợi [sự đắc đạt] cho chú, này gia chủ; đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:05)

6 Ngài Kāmabhū (2)

Trong một lần Ngài Kāmabhū đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Kāmabhū, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa:

- (1) “Thưa thầy, có mấy loại sự tạo-tác (hành)?”²⁹⁷

“Này gia chủ, có ba loại sự tạo-tác: *sự tạo-tác thuộc thân* (thân hành), *sự tạo-tác lời-nói* (khẩu hành), và *sự tạo-tác thuộc tâm* (tâm hành).”²⁹⁸

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói. Rồi sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông hỏi thêm:

(2) “Nhưng, thưa thầy, cái gì là sự tạo-tác thuộc thân? Cái gì là sự tạo-tác lời-nói? Cái gì là sự tạo-tác thuộc tâm?”

“Này gia chủ, *sự thờ-vào và thờ-ra* là sự tạo-tác thuộc thân; *ý-nghĩ và sự soi-xét* (tâm và tứ) là sự tạo-tác lời-nói; *nhận-thức và cảm-giác* (tưởng và thọ) là sự tạo-tác thuộc tâm.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(3) “Nhưng, thưa thầy, tại sao *sự thờ-vào và thờ-ra* là sự tạo-tác thuộc thân? Tại sao *ý-nghĩ* (tâm) và *sự soi-xét* (tứ) là sự tạo-tác lời-nói? Tại sao *nhận-thức* (tưởng) và *cảm-giác* (thọ) là sự tạo-tác thuộc tâm.”

“Này gia chủ, *sự thờ-vào và thờ-ra* là *thuộc thân*, những sự này tùy thuộc vào thân (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao *sự thờ-vào và thờ-ra* là sự tạo-tác thuộc thân. Trước tiên người ta *nghĩ*, rồi *xem xét*, sau đó

chuyên thành *lời-nói*; đó là lý do tại sao *ý-nghĩ* (tâm) và sự soi-xét (tứ) là sự tạo-tác *lời-nói*. *Nhận-thức* và *cảm-giác* là *thuộc tâm*, những thứ này tùy thuộc vào tâm (mà sinh và diệt); đó là lý do tại sao *nhận-thức* và *cảm-giác* là sự tạo-tác *thuộc tâm*.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(4) “Thưa thầy, theo cách nào thì có sự chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng [sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác]?”²⁹⁹

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng, thì điều [ý] này: ‘Ta sẽ chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng’ hay ‘Ta đang chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng’ hay ‘Ta đã chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng’ không còn xảy đến trong người đó; thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách (nó tự nhiên) dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy.”³⁰⁰

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(5) “Thưa thầy, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng, thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó chấm dứt trước bên trong vị ấy?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng, thì sự tạo-tác *lời-nói* (khẩu hành) chấm dứt trước, sau đó là sự tạo-tác *thuộc thân* (thân hành), và sau đó là sự tạo-tác *thuộc tâm* (tâm hành).”³⁰¹

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(6) “Thưa thầy, cái gì là sự khác nhau của một người đã chết so với một Tỳ kheo đã chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng?”

“Này gia chủ, trong trường hợp người đã chết, người đã kết thúc thời mạng, thì những sự tạo-tác *thuộc thân* (thân hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác *lời-nói* (khẩu hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác *thuộc tâm* (tâm hành) đã chấm dứt và lắng lặn; sức-sống của người đó đã tận kiệt, nhiệt của người đó đã tiêu tan, và các căn của người

đó đã hoàn toàn tan rã. Trong trường hợp một Tỳ kheo đã chứng nhập trong trạng thái diệt thọ tưởng thì những sự tạo-tác thuộc thân (thân hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác lời-nói (khẩu hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác thuộc tâm (tâm hành) đã chấm dứt và lắng lặn; nhưng sức-sống của vị ấy không cạn kiệt, nhiệt của người đó không tiêu tan, và các căn của vị ấy trở nên cực kỳ sáng trong.³⁰² Đây là sự khác nhau giữa người đã chết, người đã kết thúc thời mạng so với một Tỳ kheo đã chứng nhập trong trạng thái diệt thọ tưởng.”

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(7) “Thưa thầy, theo cách nào có sự thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng thì điều [ý] này: ‘Ta sẽ thoát ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng’, hay ‘Ta đang thoát ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng’ không còn xảy đến trong người đó; nhưng thay vì vậy, tâm của vị ấy đã được tu tập trước đó theo một cách (nó tự nhiên) dẫn vị ấy tới trạng thái như vậy.”³⁰³

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(8) “Thưa thầy, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng thì sự tạo-tác nào trong ba sự tạo-tác đó khởi sinh trở lại trước?”

“Này gia chủ, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng thì sự tạo-tác thuộc tâm khởi sinh trước, sau đó là sự tạo-tác thuộc thân, và sau đó là sự tạo-tác lời-nói.”³⁰⁴

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông hỏi thêm:

(9) “Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng, có bao nhiêu loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó?”

“Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng, có ba loại tiếp-xúc tiếp xúc người đó: sự tiếp-xúc trống-không, sự tiếp-xúc vô dấu-hiệu, sự tiếp-xúc vô định-hướng.”³⁰⁵

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói ... ông ta hỏi thêm:

(10) “Thưa thầy, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tướng, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về cái gì?”

“Này gia chủ, sau khi một Tỳ kheo đã thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tướng, tâm vị đó nghiêng về, hướng về, và ngã về sự tách-ly.”³⁰⁶

- “Lành thay, thưa thầy”, gia chủ Citta nói. Rồi sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Kāmabhū, ông hỏi thêm:

(11) “Thưa thầy, có bao nhiêu điều hữu ích đối với sự chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng?”

“Này gia chủ, thực ra chú đang hỏi câu hỏi lẽ ra nên được hỏi đầu tiên; nhưng dù vậy tôi vẫn trả lời luôn cho chú. Đối với sự chứng đắc trạng thái diệt thọ tướng, có hai điều hữu ích: sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ).”³⁰⁷

(SN 41:06)

7 Ngài Godatta

Trong một lần Ngài Godatta đang sống ở Macchikāsaṇḍa, trong khu Vườn Xoài Hoang. Lúc đó có gia chủ Citta đến gặp thầy Godatta, kính lễ thầy ấy, ngồi xuống một bên. Rồi thầy Godatta mới nói với ông khi ông đang ngồi một bên:³⁰⁸

“Này gia chủ, (i) ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’, (ii) ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’, (iii) ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không’, và (iv) ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’: những trạng thái này khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi, hay chúng đều giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi?”

- “Thưa thầy, (1) có một cách (phương pháp, phương diện, góc nhìn) theo đó (cho thấy) những trạng thái đó là khác nhau về nghĩa và khác nhau

về tên gọi; và (2) có một cách theo đó những trạng thái đó giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi.

(1) “Và, thưa thầy, theo cách nào những trạng thái đó là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi?”

(i) “Thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’? Ở đây, một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [phóng đại, khuếch đại, mở rộng, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý.

“Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý.

“Đây được gọi là ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’.”³⁰⁹

(ii) “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’? Ở đây: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ [cảnh xứ vô biên của thức], ý thức rằng ‘không có gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ trống-không].’ Đây được gọi là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’.”³¹⁰

(iii) “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không’? Ở đây, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng hay đến một góc hay một chòi trống, quán chiếu như vậy: “Đây là sự không-có [trống vắng] cái ‘Ta’ (vô ngã) hoặc cái thuộc về cái ‘Ta’ (vô ngã sở).” Đây là ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không’.”³¹¹

(iv) “Và, thưa thầy, cái gì là ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’? Ở đây, với sự không chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu (các tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng định) của tâm. Đây được gọi là ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’.³¹²

- “Thưa thầy, đây là cách theo đó những trạng thái này là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi.³¹³

(2) Và, thưa thầy, theo cách nào những trạng thái này là giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi?

(a) “Tham là một tác giả (tạo ra, làm nên) của sự đo lường, sân là một tác giả của sự đo lường, si là một tác giả của sự đo lường. Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại của ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’, thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất (bậc nhất).³¹⁴ Bây giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si.

(b) “Tham là một thứ, sân là một thứ, si là một thứ.³¹⁵ Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại ‘sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì’, thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất. Bây giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si.

(d) “Tham là một tác giả (tạo ra, làm nên) của những dấu-hiệu (các tướng), sân là tác giả của những dấu-hiệu, si là tác giả của những dấu-hiệu.³¹⁶ Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’, thì ‘sự

giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất. Bây giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si.

- “Đây là cách theo đó những trạng thái đó là giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi.”³¹⁷ (giống nhau ở chỗ đều là trạng thái trống rỗng tham, sân, si của tâm)

“Đó là ích lợi [sự đắc đạt] cho chú, này gia chủ; đó thực sự là ích lợi cho chú [nó khéo đạt được bởi chú], này gia chủ, trong đó chú có con mắt trí-tuệ nhìn thấu Lời Nói thâm sâu của Đức Phật.”

(SN 41:07)

8 Ni-Kiền-Tử Nātaputta

Bây giờ, lúc đó có ông Ni-kiền-tử Nātaputta (Nigaṇṭha Nātaputa) đã đến vùng Macchikāsaṇḍa cùng với một đoàn lớn những ni-kiền-tử [môn đệ theo giáo phái của Ni-kiền-tử Nātaputa].³¹⁸ Gia chủ Citta nghe được tin này và đã cùng với một nhóm cư sĩ đến gặp Ni-kiền-tử Nātaputta.³¹⁹ Ông chào hỏi với Ni-kiền-tử Nātaputta, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Ni-kiền-tử Nātaputta mới nói với gia chủ:

“Này gia chủ, ông có niềm-tin hay không vào sa-môn Cò-đàm khi ông ta nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ [tâm] và sự soi-xét [tứ]; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét?’”³²⁰ (tức trạng thái tầng thiền định thứ hai)

- “Thưa ngài, về vấn đề này tôi không có niềm-tin vào đức Thế Tôn³²¹ khi đức Thế Tôn nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét.’”

Khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Nātaputta ngửa mặt lên một cách tự hào,³²² nhìn các môn đệ của ông và nói: “Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cởi mở! Ai cho rằng ý-nghĩ và sự soi-xét có thể bị chặn thì chẳng khác nào tưởng

tượng mình có thể bắt được gió bằng lưới hay bắt giữ dòng nước sông Hằng bằng nắm tay của mình.”

- “Thưa ngài, ngài nghĩ sao, cái nào cao hơn: sự-biết (trí) hay niềm-tin (tín)?”, gia chủ Citta hỏi.

“Này gia chủ, sự-biết là cao hơn niềm-tin.”

- “Đúng vậy, thưa ngài, tùy theo tôi muốn: (i) ‘Tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, Tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó’. Rồi, tùy theo tôi muốn: (ii) ‘Với sự lặn mất của ý-nghĩ và sự soi-xét, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) ...’ Rồi, tùy theo tôi muốn: (iii) ‘Với sự phai biến luôn của yếu tố hoan-hỷ ... tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) ...’ Rồi, tùy theo tôi muốn: (iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sừng và sự khổ ... tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền)’.

- “Thưa ngài, tôi đã tự biết và thấy như vậy, vậy tại sao tôi cần phải đặt niềm-tin vào lời một sa-môn hay bà-la-môn khác nói rằng: ‘Có một sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét; có sự chấm dứt ý-nghĩ và sự soi-xét?’”

Khi điều này được nói ra, Ni-kiền-tử Nātaputta với ánh mắt ngờ vực, nhìn qua các môn đệ của mình và nói: “Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa lọc!”

- “Thưa ngài, mới đây chúng tôi hiểu ngài nói: ‘Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật thẳng thắn! Gia chủ Citta này thật trung thực và cõi mở!’— giờ chúng tôi lại hiểu ngài nói: ‘Thấy chưa, các ngài! Gia chủ Citta này thật lươn lẹo! Gia chủ Citta này thật xảo trá và lừa bịp!’. Thưa ngài, nếu câu nói đầu của ngài là đúng thì câu nói sau của ngài là sai; hoặc nếu câu nói đầu là sai thì câu nói sau là đúng.

- “Thêm nữa, thưa ngài, có mười câu hỏi hữu lý này được đưa ra. Khi ngài hiểu được ý nghĩa của chúng, thì ngài có thể trả lời lại cho tôi, cùng với đoàn môn đệ của ngài.³²³ ‘Một câu hỏi, một tóm tắt, một trả lời. Hai câu hỏi, hai tóm tắt, hai trả lời. Ba ... bốn ... năm ... sáu ... bảy ... tám ... chín ... mười câu hỏi, mười tóm tắt, mười trả lời.’”

Rồi gia chủ Citta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi luôn chứ không hỏi Ni-kiền-tử Nātaputta mười câu hỏi hữu lý đó.³²⁴

(SN 41:08)

9 Tu Sĩ Lõa Thê Tên Ca-diếp

Bây giờ, lúc đó có khổ sĩ lõa thê tên Ca-diếp (Kassapa) mới đến vùng Macchikāsaṇḍa; thời ông còn tại gia ông từng là một người bạn của gia chủ Citta. Gia chủ Citta nghe được điều này và đã đến gặp tu sĩ lõa thê Ca-diếp. Ông chào hỏi với khổ sĩ đó, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên và nói với tu sĩ Ca-diếp:

- “Này ngài Ca-diếp, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ngài xuất gia?”

“Này gia chủ, đã ba mươi năm rồi, từ lúc tôi xuất gia.”

- “Thưa ngài, trong ba mươi năm đó, ngài có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy (tri và kiến, trí biết và tầm nhìn) của hàng thánh nhân hay không,³²⁵ có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?”

“Này gia chủ, trong ba mươi năm từ lúc tôi xuất gia, tôi không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ cái sự lõa thê, và cái đầu trọc, và cái bàn chải lông gà để phủi quét cho chỗ ngồi (trước khi ngồi) của tôi”.³²⁶

Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với ông Ca-diếp:

- “Thật sự kỳ diệu, thưa ngài! Thật sự tuyệt vời, thưa ngài! Rằng Giáo Pháp đã được giảng bày một cách hay khéo,³²⁷ trong đó, sau ba mươi năm, ngài không chứng đắc được sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy, cũng không sống trong sự thư thái an nhiên nào, ngoại trừ sự lỏa thể, và cái đầu trọc, và cái bàn chải lông gà để phủi quét cho chỗ ngồi của mình.”

“Nhưng, này gia chủ, đã bao lâu rồi, kể từ lúc ông trở thành một đệ tử tại gia?”

- “Thưa ngài, trường hợp tôi cũng giống vậy, cũng đã ba mươi năm rồi.”

“Này gia chủ, trong ba mươi năm đó, ông có chứng đắc sự khác-biệt siêu phàm nào về sự-biết và sự-thấy của hàng thánh nhân hay không, có sống trong sự thư thái an nhiên hay không?”

- “Sao tôi lại không thể, thưa ngài?³²⁸ Bởi, bất cứ khi nào, tùy theo tôi muốn: (i) ‘Tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ... *[như nguyên đoạn này trong kinh kể trên cho đến]* ... tôi chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư. Thêm nữa, nếu tôi có chết trước đức Thế Tôn, thì cũng không lấy gì ngạc nhiên nếu đức Thế Tôn tuyên bố về tôi là: ‘Không còn công-cùm nào trôi buộc gia chủ Citta quay lại thế gian này nữa.’”³²⁹

Sau khi điều này được nói ra, tu sĩ lỏa thể Ca-diếp đã nói với gia chủ Citta:

“Thật sự kỳ diệu, này gia chủ! Thật sự tuyệt vời, này gia chủ! Rằng Giáo Pháp đã được giảng bày một cách hay khéo, trong đó, một người tại gia mặc đồ trắng có thể chứng đắc một sự khác-biệt siêu phàm về sự-biết và sự-thấy của hàng thánh nhân, một sự sống thư thái an nhiên. Tôi có thể xin được thụ giới xuất gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này không; tôi có thể xin thụ giới cao hơn (toàn-bộ giới, cụ túc giới) hay không?”

Rồi gia chủ Citta đã dẫn tu sĩ lỏa thể Ca-diếp đến gặp các Tỷ kheo trưởng lão, và thưa với họ:

- “Thưa quý thầy, tu sĩ lỏa thể Ca-diếp này là một người bạn cũ của con thời ông còn sống tại gia. Mong các vị trưởng lão ban cho ông sự thụ giới xuất gia, mong các thầy ban cho ông sự thụ giới cao hơn. Con sẽ nhiệt tình chu cấp cho ông y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men.”

Rồi khổ sĩ lỏa thể Ca-diếp đã thụ giới xuất gia trong Giáo Pháp và Giới Luật này (thành sa-di); rồi thụ giới cao hơn (toàn-bộ giới, cụ túc giới, thành Tỳ kheo). Và không lâu sau khi thầy Ca-diếp thụ giới cao hơn, thầy đã ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định; rồi ấy, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã chân chính từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn (tái sinh) trở lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

Và thầy Ca-diếp đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 41:09)

10 Thăm Người Bệnh

Bấy giờ, lúc đó gia chủ Citta bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết. Có một số thiên thần điền viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần sống trong cây dược thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề tựu đến và nói với gia chủ Citta: “Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương)’!”

Khi điều này được nói ra, gia chủ Citta đã nói với các thiên thần: “Đó cũng là vô thượng; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.”

Khi điều này được nói ra, những bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của gia chủ Citta đã nói với ông rằng: “Này gia chủ, hãy thiết lập sự chánh-niệm. Đừng nói làm nhảm gì nữa.”

- “Này, tôi đã nói gì khiến các người nói với tôi như vậy.”

“Ông mới nói với chúng tôi: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’

- “Tôi nói vậy là vì mới có các thiên thần điền viên, thiên thần rừng, thiên thần cây, và thiên thần sống trong cây dược thảo và sống trong cây đại thụ trong rừng, họ đã tề tựu ở đây, và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyên bánh xe!’ Cho nên tôi mới nói với họ rằng: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng là bất ổn; người ta nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’”

“Thưa gia chủ, do nhìn thấy lợi ích gì mà các thiên thần đã nói với gia chủ như vậy?”

- “Các thiên thần có ý nghĩ như vậy: ‘Gia chủ Citta này là có giới-hạnh, tính nết tốt thiện. Nếu ông ấy ước: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyên bánh xe!’—thì vì ông ấy có giới-hạnh nên ước-nguyện này sẽ thành nhờ sự thanh tịnh của nó. Một vị vua chân chính của sự chân chính (chánh chánh vương) sẽ chu cấp những sự cúng dường chân chính.’³³⁰ Sau khi nhìn thấy sự ích lợi này, các thiên thần đã tề tựu đến đây và nói với tôi: ‘Này gia chủ, hãy ước nguyện như vậy: ‘Cầu cho tôi sau này trở thành một vị vua quay chuyên bánh xe!’ Và tôi mới nói với họ rằng: ‘Đó cũng là vô thường; đó cũng không bền vững; một người nên dẹp bỏ luôn ước muốn đó để ra đi.’”

“Vậy thì, này gia chủ, giờ hãy khởi xướng (chỉ giáo) cho chúng tôi luôn.”

- “Vì vậy, các người nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: [Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành

(thiện thế), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tôi thượng của những người cần được thuần hóa (điều ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]”

“Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: [Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, có thể được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.]”

“Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: [‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, tu tập cách thức chánh trực, tu tập cách thức đích thực, tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại (bậc) người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng vật, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời).]”

“Trong gia đình chúng ta có bất cứ thứ gì có thể cho đi, chúng ta có thể chia sẻ tất cả những thứ đó [một cách không tiếc giữ] cho những người có giới-hạnh và tính nết tốt thiện.’ Chính theo cách như vậy các người nên tu tập bản thân.”

Rồi, sau khi đã tạo cảm hứng về niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng cho những bạn bè và đồng sự, những người thân và họ hàng của mình, và sau khi đã khởi xướng cho họ về sự rộng lòng bố-thí như vậy,³³¹ gia chủ Citta đã qua đời.

(SN 41:10)

Chương 42

Liên Kết TRƯỜNG THÔN

(42 *Gāmaṇisa-samyutta*)

(42 *Tương ưng Thôn Trưởng*)

1 Trường Thôn Caṇḍa

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một trường thôn (biệt danh) là Caṇḍa Hung Dữ³³² đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao một số người ở đây được quy là hung dữ? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ?”³³³

“Ở đây, này trường thôn, có người chưa đẹp bỏ tham. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ tham, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa đẹp bỏ sân. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ sân, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ. Người đó chưa đẹp bỏ si. Bởi vì người đó chưa đẹp bỏ si, nên người khác kích chọc. Do bị người khác kích chọc, nên người đó thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hung dữ.

“Này trường thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hung dữ.

“Ở đây, này trường thôn, có người đã đẹp bỏ tham. Bởi vì người đó đã đẹp bỏ tham, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu có gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. Người đó đã đẹp bỏ sân, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu có gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ. Người đã đẹp bỏ si, nên người khác không kích chọc. Do không bị người khác kích chọc, nên người đó đâu có gì thể hiện sự kích động phần nộ: nên người đó được quy là người hiền từ.

“Này trường thôn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao có người ở đây được quy là hiền từ.

Khi điều này được nói ra, trưởng thôn Caṇḍa đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Kể từ nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:01)

2 Trưởng Đoàn Talaputa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Lúc đó có ông Talaputa là trưởng đoàn kịch³³⁴ đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư kịch sư thời trước giờ nói rằng: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất (điệu bộ, biểu cảm, lời nói ...) thật và giả,³³⁵ thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!”

Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Talaputa lại thưa: “Thưa đức Thế Tôn, con nghe ... Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông thông hiểu³³⁶ khi ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!’. Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết tham, là những người bị trói buộc bởi sự trói-buộc của tham, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khêu khích

(cảm xúc) thì càng kích thích họ tham mạnh hơn. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết sân, là những người bị trói buộc bởi sự trói-buộc của sân, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khéo khích thì càng kích thích họ sân mạnh hơn. Trong nhà hát hay hội hát, giữa những chúng sinh chưa hết si, là những người bị trói buộc bởi sự trói-buộc của si, một diễn viên làm vui họ bằng những diễn xuất khéo khích thì càng kích thích họ si mạnh hơn.

“Nhu vậy, tự mình bị say sưa và lơ tâm phóng dật, sau đó còn làm cho người khác say sưa và lơ tâm phóng dật, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong ‘Địa Ngục Cười’.”³³⁷ Nhưng nếu ai cứ chấp theo quan-điểm là: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười’—thì đó là một quan-điểm sai lầm của người đó. Đối với một người có quan-điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi-đến, đó là: địa ngục hoặc cảnh súc sinh.”³³⁸

Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Talaputa đã òa khóc với nước mắt hai hàng. [Đức Thế Tôn nói:] “Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: ‘Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!’”

“Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư kịch sư trước giờ họ đã luôn nói: ‘Nếu một diễn viên trong nhà hát hay hội hát làm vui và giải trí mọi người bằng những diễn xuất thật và giả, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cười.’

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đã dựng đứng lại những thứ đã bị chúi đầu, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa

theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn. Thưa Thế Tôn, con xin được thụ giới xuất gia dưới đức Thế Tôn, con xin được thụ giới cao hơn (toàn-bộ giới, cụ túc giới) có được không?”

Rồi trưởng đoàn kịch Talaputa đã thụ nhận giới xuất gia dưới đức Thế Tôn (thành sa-di), ông ta cũng thụ giới cao-hơn (thành Tỳ kheo). Và không lâu sau khi thầy Talaputa thụ giới cao hơn, thầy ấy ở một mình (độc trú), thu mình (thu thúc), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định ...

Và thầy Talaputa đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 42:02)

3 Trưởng Đoàn Yodhājīva

Lúc đó có một trưởng đoàn lính đánh thuê (biệt danh) là ‘Yodhājīva Giết Thuê’³³⁹ đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con nghe những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ nói rằng: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ.’³⁴⁰ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!”

Lần thứ hai và lần thứ ba ông trưởng đoàn Yodhājīva lại thưa: “Thưa Thế Tôn, con nghe những người đánh thuê giết thuê ... được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này ông trưởng đoàn, chắc ta vẫn chưa làm ông thông hiểu khi ta nói ‘Đủ rồi, ông trưởng đoàn, cứ vậy đi! Đừng hỏi ta về điều đó!’ Nhưng dù vậy ta vẫn trả lời cho ông. Này ông trưởng đoàn, một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, tâm trí của người đó đã là thấp kém, đòi bại, bị ý nghĩ tà đạo dẫn dắt: ‘Cầu cho lũ chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị hủy diệt, bị tiêu diệt, hay bị diệt vong.’ Nếu người khác giết

anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta sẽ bị tái sinh trong ‘Địa Ngục Tử Trận’.³⁴¹ Nhưng ai cứ chấp theo quan-điểm là: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ’—thì đó là quan-điểm sai lầm của người đó. Đối với ai có quan-điểm sai lầm (tà kiến), ta nói, thì chỉ có một trong hai nơi-đến, đó là: địa ngục hay cảnh súc sinh.”

Khi điều này được nói ra, ông trưởng đoàn kịch Yodhājīva đã òa khóc với nước mắt hai hàng. [Đức Thế Tôn nói:] “Chính vậy ta đã không nói thẳng với ông khi ta nói: ‘Đủ rồi, này trưởng đoàn. Cứ để vậy! Đừng hỏi ta điều đó!’”

“Thưa Thế Tôn, không phải con đang khóc vì điều Thế Tôn mới nói với con, mà bởi vì con đã bị gài, bị gạt và bị lừa từ lâu bởi những tổ sư chiến sư đánh giết thuê thời trước giờ đã luôn nói: ‘Khi một người đánh giết thuê là người nỗ lực xông pha trong trận chiến, nếu người khác giết anh ta và kết liễu anh ta, thì khi thân tan rã, sau khi chết, anh ta được tái sinh trong số những thiên thần liệt sĩ.’

“Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo, thưa Thế Tôn ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:03)

4 Trưởng Đoàn Hatthāroha

Lúc đó có ông Hatthāroha là trưởng đoàn Tượng Binh (chiến binh dùng voi) ... [*Lời kinh gốc bị lược bỏ, và kết thúc bằng câu cuối như kinh kể trên*]: “... là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:04)

5 Trưởng Đoàn Assāroha

Lúc đó có ông Assāroha là trưởng đoàn Kỵ Binh (chiến binh dùng ngựa) đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa:

[Phần còn lại giống hệt kinh 42:03 ở trên, chỉ khác ‘chiến binh đánh giết thuê’ được thay bằng ‘kỵ binh’.]

(SN 42:05)

6 Trưởng Thôn Asibandhakaputta

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa:

“Thưa Thế Tôn, những bà-la-môn ở miền tây—là những người luôn mang theo bình nước, mang vòng hoa làm từ cây cỏ dưới nước (cây thủy sinh), đắm mình trong nước, và thờ lửa thiêng—họ được cho là có khả năng dẫn người chết hướng thượng, dẫn dắt người đó theo đó, và đưa người đó lên thiên đàng.³⁴² Nhưng đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì có khả năng làm cho (những người trong) toàn thế gian này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

(1) “Ra vậy, này trưởng thôn, vậy ta sẽ hỏi ông về điều này. Cứ trả lời ta nếu thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví dụ có người ở đây sát-sinh, gian-cấp (trộm, cướp, lừa, gian, lận, tham những, hối lộ ...), tà-dâm, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông nạt nộ, nói tầm-phào tán dóc, là người thèm-khát, đầy ác-ý, và chấp giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến). Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh (đi nhiều quanh) và khấn vái như vậy: ‘Cầu cho người này khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn, do nhờ có đám đông người đến

và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi quanh, và khăn vái như vậy, cho nên ông ta sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn”

“Này trưởng thôn, ví dụ một người quăng một tảng đá to xuống một ao nước sâu. Rồi có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khăn vái như vậy: ‘Hãy nổi lên, này tảng đá! Hãy trôi lên, này tảng đá! Hãy nhảy lên bờ cao, này tảng đá!’ Ông nghĩ sao này gia chủ? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khăn vái như vậy, cho nên tảng đá sẽ nổi lên, trôi lên, và nhảy lên bờ cao, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn”

“Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống sát-sinh ... và chấp giữ cách-nhìn sai trái, thì dù có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khăn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

(2) “Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Ví dụ có người ở đây sống kiêng cử sát-sinh, kiêng cử gian-cấp, kiêng cử tà-dâm, kiêng cử nói-dối nói láo, kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, kiêng cử nói lời gắt-gông nạt nộ, kiêng cử nói tầm-phào tán dúc; là người không thèm-khát, không ác-ý, nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Rồi có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu nguyện vì ông ta, tán tụng vì ông ta, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khăn vái như vậy: ‘Cầu mong cho người này, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn, do có đám đông người đến và bu quanh ông ta, rồi họ cầu

nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục, phải không ?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn.”

“Này trưởng thôn, ví dụ một người nhấn chìm một hũ bơ hay một hũ dầu xuống một ao nước sâu, sau đó lấy đồ đập bể hũ ra. Những miếng bẻ và mảnh vỡ đều chìm xuống dưới, nhưng bơ hay dầu đều nổi lên trên. Rồi lại có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện vì nó, tán tụng vì nó, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy: ‘Hãy ngoan ngoãn chìm xuống, này bơ này dầu! Hãy lặn xuống, này bơ này dầu! Hãy lặn xuống, này bơ này dầu!’ Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Do nhờ có đám đông người đến và bu quanh nó, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, cho nên bơ hay dầu đó sẽ chìm xuống, lặn xuống, và lặn xuống, phải không?”

“Không đâu, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này trưởng thôn, nếu một người sống kiêng cử sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, thì dù có đám đông người đến và bu quanh người đó, rồi họ cầu nguyện, tán tụng, và chấp tay kính cẩn đi vòng quanh và khấn vái như vậy, thì người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.”

Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:06)

7 Ví Dụ Miếng Ruộng

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā, trong khu Vườn Xoài của ông Pāvārika. Rồi ông trưởng thôn tên Asibandhakaputta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có phải bậc Thế Tôn sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh, đúng không?”

“Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh.”

“Thưa Thế Tôn, vậy tại sao Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp một cách thấu suốt cho một số người, nhưng không chỉ dạy thấu suốt cho những người khác?”

“Ra vậy, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông điều này. Cứ trả lời nếu ông thấy được. Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ví dụ một nông dân ở đây có ba miếng ruộng: một miếng rất tốt, một miếng trung bình, và một miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo ở đâu trước: trên miếng tốt, miếng trung bình, hay miếng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người nông dân đó muốn gieo hạt, ông ta sẽ gieo trên miếng tốt trước tiên. Sau khi gieo hạt xong ở đó, có thể ông ta sẽ gieo hạt trên miếng trung bình. Sau khi gieo hạt ở đó, ông có thể gieo hoặc không gieo trên miếng đất xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thế đất tệ. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít số hạt đó còn có thể dùng làm thức ăn cho gia súc.” (vì có gieo trên miếng ruộng xấu đó cũng toàn vô ích)

“Này trưởng thôn, miếng ruộng tốt giống như những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đối với ta. Ta chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho (họ) thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, miếng ruộng trung bình giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, miếng ruộng xấu—toàn đất cằn, bị nhiễm mặn, thể đất tệ—thì giống như những tu sĩ, bà-la-môn, và các du sĩ giáo phái khác đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nếu họ chỉ hiểu được một câu ta nói, thì điều đó cũng dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.

“Này trưởng thôn, ví dụ một người có ba bình nước: (a) một bình không bị nứt, không để nước rỉ ra và thất thoát; (b) một bình (thứ hai) không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát; và (c) một bình (thứ ba) bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát. Ông nghĩ sao, này trưởng thôn? Nếu một người muốn trữ nước, ông ta sẽ để nước trong bình nào trước: (a) trong bình không bị nứt, không để nước rỉ ra và thất thoát; (b) trong bình không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát; hay (c) trong bình bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát?”

“Thưa Thế Tôn, nếu người đó muốn trữ nước, ông ta sẽ trữ nước trong (a) bình không bị nứt, nó không để nước rỉ ra và thất thoát. Sau khi trữ nước ở đó, ông ta có thể trữ nước trong (b) bình không bị nứt, nhưng nó để nước rỉ ra và thất thoát. Sau khi trữ nước ở đó, có thể ông ta trữ hoặc không trữ nước trong (c) bình bị nứt, nó để nước rỉ ra và thất thoát. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nước còn có thể được dùng để rửa chén bát dơ.” (vì có để nước trong bình bị nứt cũng bị chảy mất hết thôi)

“Này trưởng thôn, (a) bình nước không bị nứt và không để nước rỉ ra và thất thoát cũng giống như các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni đối với ta. Ta chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và

ý nghĩa đúng đắn; ta cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, (b) bình nước không bị nứt nhưng nó để rỉ nước ra và thất thoát giống như những đệ tử tại gia nam và nữ đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì họ sống có ta là hòn đảo của họ, có ta là nơi trú ẩn của họ, có ta là người bảo hộ của họ, có ta là nơi nương tựa của họ.

“Rồi, này trưởng thôn, (c) bình nước bị nứt và nó để nước rỉ ra và thất thoát giống như những tu sĩ, bà-la-môn, và các du sĩ giáo phái khác đối với ta. Đối với họ ta cũng chỉ dạy Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa và tốt ở cuối, bằng câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; ta cũng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết. Vì lý do gì? Bởi vì chỉ ít nếu họ chỉ hiểu được một câu ta nói, thì điều đó cũng dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ.”

Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:07)

8 Người Thôi Kèn Vô Ốc

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở vùng Nālandā, trong khu Vườn Xoài của gia chủ Pāvārika. Lúc đó có ông trưởng thôn Asibandhakaputta, một đệ tử tại gia của những người Ni-kiền-tử (nigaṇṭha),³⁴³ đã đến gặp đức Thế Tôn ... Rồi đức Thế Tôn mới nói với ông khi ông đang ngồi một bên:

(1) “Này ông trưởng thôn, theo cách nào ông Ni-kiền-tử (Nigantha) Nātaputta chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình?”

“Thưa ngài, Ni-kiền-tử Nātaputta chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử như vậy: ‘Ai sát-sinh ... Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm ... Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục. Mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình *thường xuyên* sống’. Thưa ngài, Ni-kiền-tử chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử mình theo cách như vậy.”

- “Này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình *thường xuyên* sống, thì theo như lời của Ni-kiền-tử Nātaputta, sẽ không có ai bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục. Ông trưởng thôn, ông nghĩ sao? Như trong trường hợp người sát-sinh, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì cái nào là *thường xuyên* hơn: thời gian khi người đó đang sát-sinh, hay thời gian người đó không sát-sinh?”

“Thưa ngài, như trong trường hợp người sát-sinh, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì thời gian người đó sát-sinh là ít *thường xuyên*, thời gian người đó không sát-sinh là *thường xuyên* hơn.”

- “Như vậy, này trưởng thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình *thường xuyên* sống, thì theo như lời của Ni-kiền-tử Nātaputta, sẽ không có ai bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục.

- Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Như trong trường hợp người gian-cấp ... người tà-dâm ... người nói-dối nói láo, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì cái nào là *thường xuyên* hơn: thời gian khi người đó đang gian-cấp ... đang tà-dâm ... đang nói-dối nói láo, hay thời gian người đó không làm những điều đó?”

“Thưa ngài, như trong trường hợp người gian-cấp ... người tà-dâm ... người nói-dối nói láo, nếu so sánh thời gian, dù là ban ngày hay ban đêm, thì thời gian người đó đang lấy trộm lấy cắp ... đang tà-dâm ... đang nói-

dối nói láo là ít thường xuyên, thời gian người đó không làm những điều đó là thường xuyên hơn.”

- “Nhu vậy, này trường thôn, nếu đúng là mỗi người bị dẫn dắt [tái sinh] tùy theo cách mình thường xuyên sống, thì theo như lời của Ni-kiền-tử Nātaputta, sẽ không có ai bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục.

(2) “Ở đây, này trường thôn, có đạo sư nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: ‘Ai sát-sinh ... Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm ... Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.’ Rồi có đệ tử có toàn niềm-tin vào vị đạo sư. Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Sư thầy của ta nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: “Ai sát-sinh thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng sát-sinh, vậy ta ắt sẽ bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục.’ Đệ tử đó cứ khăng khăng một quan-điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khăng khăng đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan-điểm đó, thì đáng theo điều người đó cứ chấp, người đó sẽ rớt trong địa ngục, như thể bị tống xuống đó.³⁴⁴

- “Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Sư thầy của ta nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: “Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm ... Ai nói-dối nói láo thì bị rớt vào cảnh giới khổ đau, bị rớt vào địa ngục.” Giờ ta đã từng tà-dâm ... từng lấy trộm lấy cắp ... từng nói-dối nói láo, vậy ta ắt sẽ bị rớt trong cảnh giới đầy đọa, bị rớt trong địa ngục.’ Người đệ tử cứ khăng khăng một quan-điểm như vậy. Nếu người đó không dẹp bỏ sự khăng khăng đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không từ bỏ quan-điểm đó, thì đáng theo những gì người đó chấp, người đó sẽ rớt trong địa ngục, như thể bị tống xuống đó.

(3) “Nhưng, này trường thôn, ở đây một Như Lai khởi sinh trong thế gian, là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu đầy đủ trí-biết đích thực và phẩm-hạnh (minh hạnh túc), là bậc phúc-lành (thiện thệ), bậc hiểu-biết những thế giới (thế gian giải), người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa (điều

ngự trượng phu), thầy của những thiên thần và loài người (thiên nhân sư), bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn. Theo nhiều cách Như Lai chê trách và phê phán việc sát-sinh và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử sát-sinh’. Như Lai chê trách và phê phán việc gian-cấp và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử gian-cấp’. Như Lai chê trách và phê phán việc tà-dâm và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử việc tà-dâm’. Như Lai chê trách và phê phán việc nói-dối nói láo và Như Lai nói: ‘Hãy kiêng cử nói-dối nói láo’.

(i) “Rồi một đệ tử có đầy đủ niềm-tin vào Vị Thầy. Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc sát-sinh và đức Thế Tôn nói: “Hãy kiêng cử sát-sinh”. Giờ ta đã từng sát-sinh như vậy và như vậy. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới mức nào thì việc làm xấu ác (tà nghiệp) đó cũng đâu thể nào rút lại (hoàn tác, xí xóa) được.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc sát-sinh, và người đó kiêng cử mọi sự sát-sinh trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ việc làm xấu ác đó;³⁴⁵ như vậy là có sự chuyển hóa vượt khỏi việc làm xấu ác đó.

- “Người đệ tử đó nghĩ rằng: ‘Theo nhiều cách đức Thế Tôn chê trách và phê phán việc gian-cấp ... việc tà-dâm ... việc nói-dối nói láo và đức Thế Tôn nói: “Hãy kiêng cử gian-cấp” ... “Hãy kiêng cử tà-dâm” ... “Hãy kiêng cử nói-dối nói láo”. Giờ ta đã từng gian-cấp ... đã từng tà-dâm ... đã từng nói-dối nói láo. Điều đó là không đúng; điều đó là bất thiện. Nhưng cho dù ta có hối tiếc tới mức nào, thì việc làm xấu ác đó cũng đâu thể nào rút lại được.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đệ tử dẹp bỏ việc gian-cấp ... dẹp bỏ tà-dâm ... dẹp bỏ nói-dối nói láo, và người đó kiêng cử những việc xấu ác đó trong tương lai. Như vậy là có sự dẹp bỏ những việc làm xấu ác đó; như vậy là có sự chuyển hóa những việc làm xấu ác đó.

(ii) “Sau khi đã dẹp bỏ việc sát-sinh, người đó kiêng cử việc sát-sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc gian-cấp, người đó kiêng cử gian-cấp. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà-dâm, người đó kiêng cử tà-dâm. Sau khi đã dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cử sự nói-dối nói láo. Sau khi đã dẹp bỏ lời nói

gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ. Sau khi đã dẹp bỏ lời nói gắt-gông nạt nộ, người đó kiêng cử lời nói gắt-gông nộ. Sau khi đã dẹp bỏ sự nói chuyện tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cử sự nói chuyện tầm-phào tán dóc. Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát [tham], người đó không còn thèm-khát [hết tham]. Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét [sân], người đó có một cái tâm không còn sự ác-ý và thù-ghét [hết sân]. Sau khi đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc [tà kiến], người đó thành người có cách-nhìn đúng đắn [chánh kiến].

(iii) “Vậy đó, này trường thôn, vị thánh đệ tử đó—là người đã không còn thèm-khát [hết tham], không còn sự ác-ý và thù-ghét [hết sân], không còn sự ngu-mờ [hết si], có sự rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự từ-ái (tâm từ), cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy bên trên, bên dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thắm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vợi], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vô ốc (kèn tù và) thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn phương hướng; cũng giống như vậy, khi ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’ mà được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa.”³⁴⁶

- Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thắm đẫm sự tùy-hỷ vì người khác (tâm hỷ) ... với một cái tâm thắm đẫm sự buông-xả (tâm xả), cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy bên trên, bên dưới, dọc ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thắm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác ý. Giống như một người giỏi thổi kèn vô ốc thì có thể dễ dàng gửi tín hiệu của mình (tiếng kèn) khắp bốn

phương hướng; cũng giống như vậy, khi ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi’ ... tâm-hỷ’ ... tâm-xả’ mà được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì mọi nghiệp giới hạn đã từng làm sẽ không còn nữa, không còn có nữa.”

Sau khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Asibandhakaputta đã thưa với đức Thế Tôn: : “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:08)

9 Những Gia Đình

Trong một lần đức Thế Tôn, khi đang du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn nhiều Tỳ kheo, lúc đó đến Nālandā. Đức Thế Tôn ở Nālandā, chỗ khu Vườn Xoài của ông Pāvārika.

Bấy giờ, lúc đó vùng Nālandā đang gặp nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng. Vào dịp đó ông Ni-kiền-tử Nātaputta (giáo chủ) cũng đang ở Nālandā với một đoàn lớn nhiều đệ tử của ông. Rồi ông trưởng thôn Asibandhakaputta, một đệ tử tại gia của phái Ni-kiền-tử, đã đến gặp Ni-kiền-tử Nātaputta, kính lễ ông, và ngồi xuống một bên. Rồi Ni-kiền-tử Nātaputta đã nói với ông ta:

“Này ông trưởng thôn, hãy đi bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm. Rồi tin đồn tốt về ông sẽ lan truyền như vậy: ‘Trưởng thôn Asibandhakaputta đã bác bỏ được giáo lý của sa-môn Cồ-đàm, một người thật uy lực và uy dũng.’”

“Nhưng, thưa ngài, làm sao tôi có thể bác bỏ giáo lý của sa-môn Cồ-đàm, một người thật uy lực và uy dũng?”

“Này trưởng thôn, hãy đến gặp sa-môn Cồ-đàm và hỏi ông ta: ‘Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình?’ Khi ông ta được hỏi như vậy, nếu ông ta trả lời như vậy: ‘Đúng

vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với các gia đình, sự bảo vệ đối với các gia đình, lòng bi mẫn đối với các gia đình’, thì ông hỏi tiếp ông ta như vậy: ‘Thưa ngài, vậy thì tại sao bậc Thế Tôn lại đi du hành với một đoàn lớn nhiều Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, đang lúc khan kiệt, với mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng?³⁴⁷ Đức Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì sự khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao.’ Rồi khi sa-môn Cồ-đàm bị ông đưa vào thế kẹt này, thì ông ta sẽ ngậm bồ hòn đáng chứ không thể nuốt nó xuống hay nhổ nó ra.”

“Dạ, thưa ngài”, trưởng thôn Asibandhakaputta đáp lại. Rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ Ni-kiền-tử Nātaputta, giữ ông ta hướng bên phải mình, và đi ra; và ông đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: “Thưa ngài, có phải bậc Thế Tôn bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi mẫn đối với những gia đình?”

- “Đúng vậy, này trưởng thôn, Như Lai bằng nhiều cách đề cao sự cảm thông đối với những gia đình, sự bảo hộ đối với những gia đình, sự bi mẫn đối với những gia đình.”

“Vậy thì, thưa ngài, tại sao bậc Thế Tôn lại đang đi du hành cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo vào lúc đang có nạn đói, vào lúc khan kiệt, mùa màng đã bị hư hại thành đồng rạ trắng? Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì sự khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình hay sao.”

- “Này trưởng thôn, ta nhớ lại trong chín mươi một đại kiếp trước, nhưng không thấy có gia đình nào bị tàn hoại chỉ vì cúng dường thức ăn đã nấu. Mặt khác, những gia đình nào giàu có, có nhiều tài sản và của cải, có nhiều vàng và bạc, có nhiều thứ sở hữu và phương tiện sinh sống, dồi dào tiền của và lúa gạo, thì tất cả họ có được như vậy là nhờ sự bố-thí, nhờ sự chân-thật, và nhờ sự tự-chủ.³⁴⁸

- “Này trưởng thôn, có tám nguyên-nhân và điều-kiện dẫn tới sự tàn hoại của các gia đình. Các gia đình đi đến sự tàn hoại do (i) bị vua chúa (áp bức, tịch thu), hoặc (ii) bị trộm cướp, hoặc (iii) bị hỏa hoạn, hoặc (iv) bị lũ lụt; hoặc (v) do tiền của dành dụm bị biến mất;³⁴⁹ (vi) hoặc do công việc làm ăn thất bại vì không tự mình nỗ lực đúng đắn; (vii) hoặc trong gia đình có kẻ hư hỏng phung phí, làm tiêu tán và làm tiêu tan tiền của; và (viii) sự vô-thường là thứ tám. Đó là tám nguyên-nhân và điều-kiện dẫn tới sự tàn hoại những gia đình. Nhưng trong khi có tồn tại tám nguyên nhân dẫn tới sự tàn hoại của những gia đình, nếu ai nói về ta như vậy: ‘Thế Tôn đang thực hành vì sự hủy hoại của các gia đình, vì sự khổ nạn của các gia đình, vì sự tàn hoại của các gia đình’, nếu người đó không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó, và nếu người đó không dẹp bỏ quan-điểm đó, thì người đó sẽ bị đọa xuống địa ngục.”

Sau khi điều này được nói ra, trưởng thôn Asibandhakaputta đã nói với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:09)

10 Trưởng Đoàn Mañicūlaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), (địa điểm được gọi là) Chỗ Cho Sóc Ăn. Bấy giờ, lúc đó đoàn tùy tùng của nhà vua đang tề tụ trong cung điện và đang ngồi với nhau thì khởi sinh cuộc nói chuyện như sau: “Vàng bạc là có thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca (tức Phật); các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca chấp nhận vàng bạc.”

Bấy giờ, lúc đó có người trưởng đoàn tên Mañicūlaka cũng đang ngồi ở đó. Rồi ông Mañicūlaka mới nói với đoàn tùy tùng: “Đừng nói như vậy,

các thầy. Vàng bạc là không thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không chấp nhận vàng bạc.”³⁵⁰ Và ông Mañicūlaka đã có thể thuyết phục đoàn tùy tùng về điều này.

Rồi ông Mañicūlaka đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, ông kể lại chuyện đã xảy ra, và nói thêm rằng: “Thưa Thế Tôn, con hy vọng khi con trả lời họ như vậy là con đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không diễn dịch sai bằng điều gì trái với thực tế; rằng con đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị (họ) phê bình.”

- “Chắc chắn là vậy, này ông trưởng đoàn, khi ông trả lời họ như vậy là ông đã nói đúng điều đã được nói bởi ta và không diễn dịch sai bằng điều gì trái thực tế; rằng ông đã giải thích cho họ đúng theo Giáo Pháp, và không tạo ra cơ sở gì để bị (họ) phê bình. Bởi vì, này ông trưởng đoàn, vàng bạc là không thể được nhận đối với các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không đồng ý nhận vàng bạc; các tu sĩ tu theo người con của dân tộc Thích-ca không chấp nhận vàng bạc. Họ đã từ bỏ vàng bạc và châu báu; họ đã từ bỏ việc sử dụng vàng bạc. Khi vàng bạc được nhận bởi bất cứ ai, thì coi như năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục-lạc) được nhận bởi người đó. Nếu năm dây khoái-lạc giác quan được nhận bởi ai, thì chúng ta nhất định có thể coi người đó là người không có phẩm-chất của một sa-môn hay của người tu theo người con của dân tộc Thích-ca.

- “Thêm nữa, này ông trưởng đoàn, ta nói điều này: ‘Rạ có thể được tìm kiếm bởi người cần rạ; gỗ có thể được tìm kiếm bởi người cần gỗ; xe có thể được tìm kiếm bởi người cần xe; thợ có thể được tìm kiếm bởi người cần thuê thợ’. Nhưng ta không nói có phương pháp nào qua đó vàng bạc có thể được cho phép hay được tìm kiếm (bởi các Tỷ kheo).’”

(SN 42:10)

11 Trưởng Thôn Bhadraka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại một thị trấn tên là Uruvelakappa của những người dân Malla. Rồi có vị trưởng thôn tên Bhadraka đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thật tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ.”

- “Này ông trưởng thôn, nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ trong thời quá khứ, và nói ‘Điều đó đã xảy ra trong thời quá khứ’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Và nếu như ta dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ trong thời tương lai, và nói ‘Điều đó xảy ra trong tương lai’ thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Vậy nên, này ông trưởng thôn, trong khi ta đang ngồi ngay đây và ông đang ngồi ngay đây, ta sẽ dạy cho ông về nguồn-gốc và sự biến-qua của khổ. Hãy lắng nghe và ông tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Bhadraka đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này::

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chửi rủa mà vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

“Dạ có những người đó, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chửi rủa mà vì họ trong ông không khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?”³⁵¹

“Dạ cũng có những người đó, thưa Thế Tôn.”

- “Vì sao vậy, này ông trưởng thôn, vì sao có những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chửi rủa, vì họ trong ông khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt

vọng; trong khi có những người khác cũng bị như vậy thì trong ông không khởi sinh như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chửi rửa, vì họ trong con khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng—là vì con có dục (mong muốn) và dính-mắc (ràng-buộc) đối với những người đó. Nhưng những người khác ở Uruvelakappa khi họ bị vậy trong con không khởi sinh như vậy—là vì con không có dục và dính-mắc đối với những người đó.

- “Này trưởng thôn, bằng phương tiện là nguyên lý này mới được nhìn thấy, được hiểu ra, được chứng ngộ tức thì, được xác minh bởi ông, thì ông hãy ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho quá khứ và tương lai như vậy:³⁵² [‘Khổ nào đã khởi sinh trong quá khứ, tất cả đều do dục là gốc rễ, có dục là gốc rễ của nó; bởi vì dục là gốc rễ của sự khổ. Khổ nào sẽ khởi sinh trong tương lai, tất cả đều do dục là gốc rễ, có dục là gốc rễ của nó; bởi vì dục là gốc rễ của sự khổ.’]”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Thật hay khéo cách điều đó đã được khẳng định bởi đức Thế Tôn: [‘Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do dục là gốc rễ, có dục là gốc rễ của nó; bởi vì dục là gốc rễ của sự khổ.’]³⁵³ Thưa Thế Tôn, con có một người con trai tên Ciravāsi, sống ở chỗ khác. Sáng sớm con thức dậy, con gọi một người tới và nói: ‘Đi anh, đi coi Ciravāsi có khỏe mạnh an ổn không.’ Trong khi chờ tới khi người đó trở về, trong lòng con cứ buồn lo và nghĩ ngợi: ‘Cầu cho Ciravāsi không gặp sự khó khổ nào!’”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chửi rửa, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?”

“Thưa Thế Tôn, nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chửi rửa, thì làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

- “Cũng theo cách như vậy, này ông trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: [‘Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do dục là gốc rễ, có dục là gốc rễ của nó; bởi vì dục là gốc rễ của sự khổ.’]

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Khi chưa gặp vợ ông hoặc chưa nghe về cô ta, ông có dục, dính-mắc hay tình-cảm nào với cô ta không?”

“Không có, thưa Thế Tôn.”

- “Vậy thì, này trưởng thôn, chỉ khi ông gặp cô ta hoặc khi nghe nói về cô ta thì dục, dính-mắc hay tình-cảm đó mới khởi sinh trong chú, phải không?”

“Đạ đúng, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như vợ ông bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chửi rủa, vì điều đó trong ông có khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng, phải không?”

“Nếu như vợ con bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chửi rủa, thì đời con coi như chẳng còn gì, thì làm sao có thể trong con không khởi sinh sự buồn sâu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng?”

- “Cũng theo cách như vậy, này trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: [‘Khổ nào khởi sinh, tất cả đều do dục là gốc rễ, có dục là gốc rễ của nó; bởi vì dục là gốc rễ của sự khổ.’].”

(SN 42:11)

12 Trưởng Thôn Rāsiya

Lúc đó có ông trưởng thôn tên Rāsiya đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con nghe người ta nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm phê phán tất cả mọi sự hành xác khổ hạnh. Đặc biệt ông ta quả trách và phê phán những người tự hành xác là sống thô lỗ.’ Thưa Thế Tôn, có phải những người nói như vậy là đã nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không

diễn dịch sai ý đức Thế Tôn bằng điều gì trái với thực tế? Họ có giải thích đúng theo Giáo Pháp để không tạo ra cơ sở có lý nào để bị (người ta) phê bình, hay không?”

“Này trưởng thôn, những người nói như vậy là không nói đúng điều đã được ta nói mà diễn dịch sai ý ta bằng sự không đúng và sự sai.

(I)

“Này trưởng thôn, có hai cực đoan không nên tu dưỡng bởi người đã xuất gia tu hành, đó là: (i) sự theo đuổi hạnh-phúc nhục dục trong những khoái-lạc giác quan (dục-lạc), điều đó là thấp hèn, phạm tục, là cách sống của những người phạm tục, không thánh thiện, không lợi lạc; và (ii) sự theo đuổi sự hành xác khổ hạnh, đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không ngã theo cực đoan nào, Như Lai đã giác ngộ được con đường trung-đạo, nó giúp khởi sinh sự-thấy, nó giúp khởi sinh sự-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Và cái gì là con đường trung-đạo được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh sự-thấy ... dẫn tới Niết-bàn? Đó là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát thánh đạo); đó gồm (tám phần tu tập): chánh-kiến ... chánh-định. Đây là con đường trung-đạo đã được giác ngộ bởi Như Lai, nó giúp khởi sinh sự-thấy, nó giúp khởi sinh sự-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.³⁵⁴

(II)

“Này trưởng thôn, đây là ba loại người thụ hưởng dục-lạc [khoái-lạc giác quan] thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?³⁵⁵

(1)

“Ở đây, này trưởng thôn, có người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *phi pháp*, *bằng bạo lực*. Sau khi làm như vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công đức.

(2)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(3)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách phi pháp, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công đức.

(4)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó *không* làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(5)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *cả hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(6)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức.

(7)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách *hợp pháp, không bạo lực*. Sau khi làm vậy, người đó

không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *không* chia sẻ bổ thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(8)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng *không* chia sẻ bổ thí của-cải và không làm những việc công-đức.

(9)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ bổ thí của-cải và làm những việc công-đức—(tuy là tốt) Nhưng người này sử dụng tài sản trong khi *bị trói buộc vào nó*, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; *không* nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, *không* hiểu được sự thoát-khỏi nó.

(10)

“Rồi, này trưởng thôn, ở đây có người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải theo cách hợp pháp, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và *có* chia sẻ bổ thí của-cải và làm những việc công-đức—Và (còn tốt hơn nữa) người này biết sử dụng tài sản mà *không bị trói buộc vào nó*, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; *có* nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, *có* hiểu được sự thoát-khỏi nó.

(III)

(1)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ bổ thí của-cải và không làm những việc công-đức thì *có thể* bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa

trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(3)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách phi pháp, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(4)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(5)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a), (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen dựa trên 01 căn cứ này.

(6)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách hợp pháp và phi pháp, cả bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ gì người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(7)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng đục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) không chia sẻ bố thí của-cải và không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a). Và dựa trên dựa trên 02 căn cứ nào người đó bị chê trách?: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng đục-lạc có thể được khen dựa trên 01 căn cứ này và bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này.

(8)

“Trong đó, này trưởng thôn, người hưởng khoái-lạc giác quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ bố thí của-cải và

không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (c). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a) và (b). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen dựa trên 02 căn cứ này.

(9)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức, nhưng (d) người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 03 căn cứ, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (d). Và dựa trên 03 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 03 căn cứ này, nhưng vẫn có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này.

(10)

“Trong đó, này trưởng thôn, người thụ hưởng dục-lạc tìm kiếm của-cải (a) theo cách hợp pháp, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh-phúc và vui lòng, và (c) có chia sẻ bố thí của-cải và làm những việc công-đức, và (d) người này sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự thoát-khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 04 căn cứ. Dựa trên 04 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (a), (b), (c), (d). Đây là người thụ hưởng dục-lạc có thể được khen dựa trên 04 căn cứ này.

(IV)

“Này trưởng thôn, đây là ba loại tu sĩ sống thô lỗ này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1)

“Ở đây, này trường thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành với ý nghĩ như vậy: ‘Có lẽ ta sẽ thành tựu một trạng thái thiện lành; có lẽ ta sẽ chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân (siêu phàm, xuất chúng) của sự-biết và sự-thấy (trí biết và tầm nhìn) xứng đáng của bậc thánh.’ Người đó hành xác và hành khổ bản thân, nhưng *không* thành tựu một trạng thái thiện lành nào, và cũng *không* chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh.”³⁵⁶

(2)

“Rồi, này trường thôn, có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin ... Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và *có* thành tựu được một trạng thái thiện lành, nhưng *không* chứng ngộ sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh.

(3)

“Rồi, này trường thôn, cũng có tu sĩ sống thô lỗ đã vì niềm-tin ... Người đó hành xác và hành khổ bản thân, và *có* thành tựu được một trạng thái thiện lành, và cũng *có* chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh.

(V)

(1)

“Ở đây, này trường thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, nhưng (b) *không* thành tựu một trạng thái thiện lành nào, và (c) cũng *không* chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Dựa trên 03 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a), (b), (c). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2)

“Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và (b) có thành tựu một trạng thái thiện lành, nhưng (c) không chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân nào về sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a) và (c). Và dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ này và được khen ngợi dựa 01 căn cứ này.

(3)

“Ở đây, này trưởng thôn, có tu sĩ (a) sống thô lỗ hành xác và hành khổ bản thân, và (b) có thành tựu một trạng thái thiện lành, và có chứng ngộ một sự khác-biệt siêu nhân của sự-biết và sự-thấy xứng đáng của bậc thánh, thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Dựa trên 01 căn cứ nào người đó có thể bị chê trách?: (a). Và dựa trên 02 căn cứ nào người đó có thể được khen?: (b) và (c). Đây là tu sĩ sống thô lỗ có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ này và được khen ngợi dựa 02 căn cứ này.

(VI)

“Này trưởng thôn, có ba loại sự phai-mòn³⁵⁷ là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí. Ba đó là gì?

(1)

“Có người là tham dục (tham), và do có tham dục người đó ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Khi tham dục được dẹp bỏ, thì người đó không ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Sự phai-mòn (của tham) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.

(2)

“Có người là đây sự ghét (sân), và do có sự ghét người đó ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Khi sự ghét được dẹp bỏ, thì người đó không ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Sự phai-mòn (của sân) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.

(3)

“Có người là ngu mờ (si), và do bị ngu mờ người đó ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Khi sự ngu mờ được dẹp bỏ, thì người đó không ý định gây khổ đau mình, gây khổ đau người khác, gây khổ đau cả mình và người. Sự phai-mòn (của si) là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.

“Này trưởng thôn, đây là ba loại sự phai-mòn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi những người có trí.”

Sau khi điều này được nói ra, trưởng thôn Rāsiya đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:12)

13 Trưởng Thôn Pāṭaliya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những xứ dân Koliya (Câu-lợi) trong một thị trấn của họ có tên là Uttara. Lúc đó có ông trưởng thôn tên Pāṭaliya đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật’.³⁵⁸ Thưa Thế Tôn, con hy vọng những người nói như vậy là nói đúng điều đã được nói bởi Thế Tôn và không nói sai lời của đức Thế Tôn bằng điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo cơ sở có lý nào để bị phê bình. Bởi vì chúng con không muốn nói sai lời đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, những ai nói ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật’ là họ nói đúng điều đã được nói bởi ta và không nói sai lời của ta bằng điều gì không thật; là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không tạo cơ sở có lý nào để bị (người khác) phê bình.”

“Rồi nữa, thưa Thế Tôn, chúng con đã không tin sự thật đơn giản mà những tu sĩ và bà-la-môn đã khẳng định, rằng ‘Sa-môn Cồ-đàm biết bùa thuật.’ Đúng thực sa-môn Cồ-đàm là một nhà bùa thuật!”³⁵⁹

- “Này trưởng thôn, bộ hễ ai nói ‘tôi biết bùa thuật’ thì cũng đồng nghĩa ‘tôi là một nhà bùa thuật’ hay sao?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành!”

- “Vậy thì, này trưởng thôn, ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được.

(I)

(1)

“Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người Koliya (Câu-lợi) có những người cai làm thuê có búi tóc thòng xuống?”³⁶⁰

“Con có biết, thưa Thế Tôn.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Công việc của những người làm cai thuê có búi tóc thòng xuống đó là gì?”

“Thưa Thế Tôn, công việc của họ là canh bắt kẻ trộm cướp cho những người Koliya và đưa tin cho những người Koliya.”

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông có biết những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là đức hạnh hay vô đạo đức?”

“Thưa Thế Tôn, con biết những người đó là vô đạo đức, tính nét xấu xa. Họ nằm trong số những người vô đạo đức, tính nét xấu xa trong thế gian.”

- “Vậy có đúng khi nói rằng do ông Pāṭaliya biết những người làm cai thuê có búi tóc thông xuống đó là vô đạo đức, tính nét xấu xa, cho nên chắc ông Pāṭaliya cũng là vô đạo đức, tính nét xấu xa, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Con thì khác với những người cai thuê có búi tóc thông xuống đó; tính nét của con và của họ khác nhau.”

- “Như vậy, nếu ông có thể biết những người làm cai thuê đó là vô đạo đức trong khi ông không phải là vô đạo đức; thì một cách tương tự, Như Lai biết về bùa thuật đâu có nghĩa Như Lai là nhà bùa thuật, đúng vậy không? Ta hiểu về bùa thuật và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những nhà bùa thuật hành sự ra sao, cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

(2)

“Ta hiểu sự sát-sinh và hậu quả của nó. Và ta hiểu cách những người sát-sinh hành sự ra sao, cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ta hiểu sự gian-cấp ... sự tà dục tà-dâm ... sự nói-dối nói láo ... sự nói lời gây chia-rẽ ... sự nói lời gắt-gông nạt nộ ... sự nói chuyện tầm-phào tán dóc ... sự thèm-khát [tham] ... sự ác-ý và sự ghét-thù [sân] ... cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và hậu quả của sự gian-cấp hậu quả của cách-nhìn sai lạc. Và ta hiểu cách những người gian-cấp những người nắm giữ cách-nhìn sai lạc hành sự ra sao, cho nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.”

(II)

“Có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm này: ‘Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này. Ai gian-cấp ... Ai tà-dâm ... Ai nói-dối nói láo thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này.’

(1)

(a) “Nhưng chúng ta có thể thấy: có người, đeo vòng hoa và trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái-lạc nhục dục với những phụ nữ, giống như một ông vua. Ai thấy cũng muốn hỏi: ‘Thưa ông, ông đó đã làm gì?’ Và họ trả lời: ‘Thưa anh, ông ta đã tấn công và *giết* kẻ thù của nhà vua. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy. Cho nên ông ấy mới được đeo vòng hoa và trang điểm, tắm rửa sạch sẽ và xức dầu thơm, tóc và râu được chải chuốt, thụ hưởng khoái-lạc nhục dục với những phụ nữ, giống như một ông vua.’

(b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng bằng dây thừng chắc chắn. Đầu bị cạo và ông ta bị dẫn bước đi theo tiếng trống oái ăm từ đường này qua đường khác, từ khu này qua khu khác. Sau đó ông bị dẫn qua cửa thành phía nam, và họ chặt đầu ông ta ở phía nam khu thành. Ai thấy cũng muốn hỏi: ‘Thưa ông, ông ấy đã làm gì?’ Và họ trả lời: ‘Thưa anh, ông ta là kẻ thù của nhà vua, và ông ta mới *giết* một người.’ Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’

- “Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy chưa?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan-điểm rằng: ‘Ai sát-sinh thì nếm trải khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.”

- “Nhưng những ai nói lời vô căn cứ sai giả là đức hạnh hay vô đạo đức?”

“Vô đạo đức, thưa Thế Tôn.”

- “Và những ai là vô đạo đức, tính nết xấu xa, thì đang hành sự đúng đắn hay sai trái?”

“Họ đang hành sự sai trái, thưa Thế Tôn.”

- “Và những ai đang hành sự sai trái thì có quan-điểm đúng đắn hay sai lạc (chánh kiến hay tà kiến)?”

“Họ có quan-điểm sai lạc (tà kiến), thưa Thế Tôn.”

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không đúng, thưa Thế Tôn.”

(2)

(a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã tấn công kẻ thù của nhà vua và *cuộc đoạt* của quý châu báu của họ. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

(b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta *lấy cắp* đồ trong làng hay trong rừng. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai gian-cấp thì ném trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.” ... *(như đoạn (1) kể trên)* ...

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(3)

(a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã *tà-dâm* với những thê thiếp của một ông vua là kẻ thù của nhà vua này. Nhà vua này vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

(b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta đã *tà-dâm* với mấy phụ nữ và hầu nữ của những gia đình hoàng. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai tà dục tà-dâm thì ném trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’

“Họ sai, thưa Thế Tôn.” ...

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(4)

(a) “Chúng ta có thể thấy: có người, được đeo vòng hoa và trang điểm ... ‘Thưa anh, ông ta đã bày chuyện *nói dối, nói bịa, nói nịnh* để làm vui lòng nhà vua. Nhà vua vui lòng nên ban thưởng cho ông ta như vậy ...’

(b) “Và chúng ta có thể thấy: có người, với hai tay bị trói chặt sau lưng ... ‘Thưa anh, ông ta đã *nói dối nói lừa dụ dỗ* một con trai của một gia chủ để cho anh ta trở thành hư hỏng suy đồi. Cho nên những quan quân mới bắt ông ta và xử trảm như vậy.’ Nay trưởng thôn, ông nghĩ sao? Ông đã từng thấy hay nghe chuyện như vậy không?”

“Thưa Thế Tôn, chúng con đã từng thấy và nghe chuyện đó, và chúng con mới vừa nghe lại.”

- “Từ những chuyện như vậy, có thể nói những tu sĩ và bà-la-môn đó là đúng hay sai khi họ có quan điểm rằng: ‘Ai nói-dối nói láo thì ném trái khổ đau và ưu buồn ngay trong kiếp này?’”

“Họ sai, thưa Thế Tôn.” ...

- “Như vậy có đúng khi tin vào những người có quan-điểm sai lạc?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

(III)

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa đức Thế Tôn! Con có một nhà khách, ở đó có đủ giường chiếu, chỗ ngồi, bình nước, và đèn dầu. Khi nào có một tu sĩ hay bà-la-môn đến ở, con đều chia sẻ những gì tốt nhất con có được. Rồi có một lần, có bốn sư thầy khác nhau—nắm giữ những quan-điểm khác nhau, với những niềm-tin khác nhau, những thiên-kiến khác nhau—cùng đến ở trong nhà khách đó.

[1]

“Một sư thầy có giáo thuyết và quan-điểm như vậy:³⁶¹ (đối với ông ta) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

[2]

“Một sư thầy khác thì có giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố

thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thể giới (đời) này, có thể giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]

[3]

“Một sư thầy khác lại có giáo thuyết và quan-điểm như vậy:³⁶² (đối với ông ta) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, lệnh, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ; khi gây đau buồn hoặc khiến người khác gây đau buồn; khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức; khi đe dọa hoặc khiến người khác đe dọa, khi sát-sinh, gian-cấp đột nhập nhà cửa, trộm cướp của cải, cướp giựt, chặn cướp ngoài đường, dụ dỗ vợ người khác, nói-dối nói láo—người làm vậy là không gây tội ác gì. Nếu, với một bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đồng thịt, thành một núi thịt, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, cho dù làm vậy cũng không gây tội ác gì và không có ác quả gì. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.’]

[4] “Một sư thầy khác lại có giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối ông ta) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, lệnh, bắt, tác động, gài) người khác hành động; khi đánh đập hoặc khiến người khác đánh đập ... nói-dối nói láo—người làm vậy là gây tội ác. Nếu, với một

bánh xe có vành như lưỡi dao bén, một người làm chúng sinh trên trái đất này thành một đồng thịt, thành một núi thịt, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ nam sông Hằng giết và tàn sát, đánh đập và khiến người khác đánh đập, hành hạ và khiến người khác hành hạ, làm vậy là gây ra tội ác và có ác quả. Nếu một người đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí và khiến người khác bố thí, cúng dường và khiến người khác cúng dường, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả. Bằng sự bố-thí, bằng sự thuần-phục bản thân, bằng sự kiểm-ché, bằng sự nói lời sự-thật, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả.’]

“Thưa Thế Tôn, ở đây đã khởi sinh trong con sự bối rối và nghi-ngờ: ‘Trong số những tu sĩ và bà-la-môn đáng kính đó ai là nói đúng, ai là nói sai?’”

- “Này trưởng thôn, điều đó cũng hợp lý khi ông bị bối rối, cũng hợp lý khi ông có nghi ngờ. Sự nghi ngờ đã khởi sinh trong ông về một vấn đề còn gây bối rối đáng ngờ.”

“Con có niềm-tin vào đức Thế Tôn như vậy: ‘Đức Thế Tôn có khả năng chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo cách để con có thể dẹp bỏ được sự bối rối này.’”

(IV)

- “Này trưởng thôn, có ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.³⁶³ Và, này trưởng thôn, cái gì là sự định-tâm của Giáo Pháp?

(1)

“Ở đây, này trưởng thôn, sau khi đã dẹp bỏ việc sát-sinh, người thánh đệ tử kiêng cử hẳn sự sát-sinh. Sau khi đã dẹp bỏ việc gian-cấp, người thánh đệ tử kiêng cử hẳn việc gian-cấp. Sau khi đã dẹp bỏ việc tà-dâm, người thánh đệ tử kiêng cử hẳn sự tà-dâm. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người thánh đệ tử kiêng cử hẳn sự nói-dối nói láo. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gây chia-rẽ, người thánh đệ tử kiêng cử hẳn sự nói lời gây

chia-rẽ. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói lời gắt-gông nạt nộ, người thánh đệ tử kiêng cử hẳn sự nói lời gắt-gông nạt nộ. Sau khi đã dẹp bỏ việc nói chuyện tầm-phào tán dóc, người thánh đệ tử kiêng cử hẳn sự nói chuyện tầm-phào tán dóc. Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham), người đó hết thèm-muốn (hết tham). Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và sự ghét-thù (sân), người đó có một cái tâm không còn sự ác-ý (hết sân). Sau khi đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), người đó là có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). *[Tu tốt phần giới-hạnh]*

“Rồi, này trưởng thôn, người thánh đệ tử đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mò (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm (niệm)—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **từ-ái** [*tâm từ*]; và tương tự với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy phương trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như bản thân mình, người đó an trú bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, lớn rộng [quảng đại], bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vợi], vô lượng, không còn sự hung-dữ, không còn sự ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy [1] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí) ... không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]— Nếu lời nói của ông thầy [1] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi³⁶⁴ vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đấng nào tôi cũng nắm phần thắng (phần an toàn, phần lành):³⁶⁵ dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời-nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’— [Khi người đó quán xét như vậy] sự vui-mừng (vui) được sinh ra. Khi một người được vui-mừng, sự hoan-hỷ (hỷ) được sinh ra. Khi tâm được phần chấn bởi sự hoan-hỷ, thân trở nên tĩnh-

lặng (khinh an). Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc). Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định (định). *[Tu tốt phân thiên-định]*

“Này trường thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.

(2)

“Rồi, này trường thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-y (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm (niệm)—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **từ-ái** *[tâm từ]* ... không còn sự ác-y.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy [2] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí) ... có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]— Nếu lời nói của ông thầy [2] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đấng nào tôi cũng nắm phần thắng: dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’— [Khi người đó quán xét như vậy] sự vui-mừng (vui) được sinh ra. Khi một người được vui-mừng, sự hoan-hỷ (hỷ) được sinh ra. Khi tâm được phấn chấn bởi sự hoan-hỷ, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc). Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định (định). *[Tu tốt phân thiên-định]*

“Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.

(3)

“Rồi, này trưởng thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **từ-ái** [*tâm từ*] ... không còn sự ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy [3] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động ... —người làm vậy là không gây tội ác gì ... Bằng sự bố-thí, bằng sự thuận-phục bản thân, bằng sự kiềm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, cho dù làm vậy cũng không tạo phước đức gì và không có phước quả gì.’]— Nếu lời nói của ông thầy [3] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đằng nào tôi cũng nắm phần thắng: dù gì tôi cũng đã giới-hạn về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’— Khi người đó quán xét như vậy] sự vui-mừng (vui) được sinh ra. Khi một người được vui-mừng, sự hoan-hỷ (hỷ) được sinh ra. Khi tâm được phần chấn bởi sự hoan-hỷ, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an). Một người tĩnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc). Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định (định). [*Tu tốt phần thiên-định*]

“Này trưởng thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.

(4)

“Rồi, này trường thôn, người đệ tử thánh thiện đó—là người không còn sự thèm-khát (tham), không còn sự ác-ý (sân), không còn sự ngu-mờ (si), thường rõ-biết (tỉnh giác), có chánh-niệm—an trú bao trùm một phương với một cái tâm thâm đắm sự **từ-ái** [*tâm từ*] ... không còn sự ác-ý.

“Người đó quán xét như vậy: ‘Su thầy [4] này nắm giữ một giáo thuyết và quan-điểm như vậy: (đối với ông ta) [‘Khi một người hành động hoặc khiến (nói, xúi, bắt, tác động, gài) người khác hành động ... —người làm vậy là gây tội ác ... Bằng sự bố-thí, bằng sự thuận-phục bản thân, bằng sự kiểm-chế, bằng sự nói lời sự-thật, làm vậy là tạo phước đức và có phước quả.’]— Nếu lời nói của ông thầy [4] này là đúng, thì điều đó cũng đâu thể chuyển đổi gì đối với tôi vì tôi không làm hại chúng sinh mạnh hay yếu nào. Cho dù lời đó đúng hay sai thì đảng nào tôi cũng nắm phần thắng: dù gì tôi cũng đã giới-hạnh về thân, lời nói, và tâm, và dù gì, khi thân tan rã, sau khi chết, tôi cũng được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’— Khi người đó quán xét như vậy] sự vui-mừng (vui) được sinh ra. Khi một người được vui-mừng, sự hoan-hỷ (hỷ) được sinh ra. Khi tâm được phấn chấn bởi sự hoan-hỷ, thân trở nên tỉnh-lặng (khinh an). Một người tỉnh-lặng trong thân thì trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc). Tâm của một người hạnh-phúc trở nên đạt-định (định). [*Tu tốt phần thiên-định*]

“Này trường thôn, đây là ‘sự định-tâm của Giáo Pháp’. Nếu ông đạt được ‘sự định-tâm của tâm’ trong Giáo Pháp, thì ông có thể dẹp bỏ trạng thái bối rối này.

(V)

[Giống các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kể trên, chỉ khác “sự **từ-ái**” [*tâm từ*] được thay bằng “sự **bi-mẫn**” [*tâm bi*].]

(VI)

[Giống các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kể trên, chỉ khác “sự **từ-ái**” [*tâm từ*] được thay bằng “sự **tùy-hỷ**” [*tâm hỷ*].]

(VII)

[Giống các đoạn (IV) - (1), (2), (3), (4) kể trên, chỉ khác “sự **từ-ái**” [tâm từ] được thay bằng “sự **buông-xả**” [tâm xả].]

Khi điều này được nói ra, ông trưởng thôn Pāṭaliya đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! ... Kể từ hôm nay mong Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 42:13)

Chương 43

Liên Kết VÔ VI

(43 *Asaṅkhatasa-samyutta*)

(43 *Tương ứng Vô Vi*)

NHÓM 1

NHÓM ‘THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-vagga*)

1 (1) *Sự Chánh-Niệm Hướng Vào Thân*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi [không còn điều-kiện, không còn hữu-vi] không? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô-vi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’:³⁶⁶ đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử, mong muốn họ được phúc-lợi,, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy góc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 43:01)

2 (2) *Thiền Định và Thiền Quán*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô-vi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiền định [sự vắng lặng] và thiền quán [sự minh sát]: đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ... Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 43:02)

3 (3) Ý Nghĩ và Sự Soi Xét

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm có ý-nghĩ và sự soi-xét (có tâm, có tứ); sự định-tâm không có ý-nghĩ, chỉ có sự soi-xét (hết tâm, còn tứ); và sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tâm, hết tứ):³⁶⁷ đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...” (đây là chỉ tầng thiền định thứ nhất và thứ hai)

(SN 43:03)

4 (4) Sự Định Tâm Trống Không

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm trống-không (tánh-không định), sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô-tướng định), sự định-tâm vô định-hướng (vô-hướng định):³⁶⁸ đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

(SN 43:04)

5 (5) Các Nền Tầng Chánh Niệm³⁶⁹

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *bốn nền-tầng chánh-niệm* (tứ niệm xứ): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

(SN 43:05)

6 (6) Những Sự Chuyên Cần Tu Đúng Đắn

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn* (tứ chánh cần): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

(SN 43:06)

7 (7) Những Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *bốn cơ-sở năng-lực tâm-linh* (tứ thần túc, bốn cơ-sở tạo ra thần-thông): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

(SN 43:07)

8 (8) Những Căn Tâm Linh

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *năm căn tâm linh* (ngũ căn): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

(SN 43:08)

9 (9) Những Năng Lực

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *năm năng-lực* (ngũ lực): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

(SN 43:09)

10 (10) Các Chi Giác Ngộ

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là *bảy chi (giúp) giác-ngộ* (thất giác chi): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

(SN 43:10)

11 (11) Con Đường Tám Phần

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là con-đường tám phần thánh thiện (Bát Thánh Đạo): đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử, mong muốn họ được phúc-lợi,, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chồi trồng. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 43:10)

NHÓM 2

NHÓM ‘THỨ HAI’

(*Paṭhama-vagga*)

12 (1) Sự Vô Vi

[1. Thiên Định]

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới sự trạng thái vô-vi. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự vô-vi? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự vô-vi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiên-định [sự vắng-lặng]: đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử, mong muốn họ được phúc-lợi., thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy góc cây, kia có mấy chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiên tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

[2. Thiên Quán]

... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là thiên-quán [sự minh-sát]: đây là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

[3–8. Sự Định Tâm]

[3] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là (trạng thái) sự định-tâm có ý-nghĩ và sự soi-xét (có tâm và tứ): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...” (*chỉ tầng thiền định thứ nhất*)

[4] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm không có ý-nghĩ, chỉ có sự soi-xét (hết tầm, còn tứ): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...” (*chỉ tầng thiền định thứ hai*)

[5] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm không còn ý-nghĩ và sự soi-xét (hết tầm, hết tứ): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...” (*chỉ tầng thiền định thứ ba*)

[6] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm trống-không (tánh-không định): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[7] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô-tướng định): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[8] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Đó là sự định-tâm không định-hướng (vô-hướng định): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[9–12. Bốn Nền Tảng Chánh Niệm (Tứ niệm xứ)]

(*Thân, Thọ, Tâm, Pháp*)

[9] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát (i) *thân trong thân [Thân]*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự buồn phiền (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[10] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát (ii) *những cảm-giác như những cảm-giác [Thọ]*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự buồn phiền (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[11] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát (iii) *tâm như tâm [Tâm]*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự buồn phiền (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[12] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát (iv) *pháp trong pháp [những hiện tượng thuộc tâm, những đối-tượng thuộc tâm, những thứ thuộc tâm, những hiện-tượng, tâm pháp, các pháp, các giáo pháp]*, nhiệt thành, rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và sự buồn phiền (ưu) đối với thế giới: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[13–16. Bốn Sự Chuyên Cần Tu Đúng Đắn (Tứ chánh cần)]

[13] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (i) *không làm khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác* chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tính tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[14] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (ii) *dẹp bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác* đã khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tính tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần) ...”

[15] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (iii) *làm khởi sinh những trạng thái thiện lành* chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần) ...”

[16] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn (iv) *duy trì liên tục những trạng thái thiện lành* đã khởi sinh; mong muốn chúng không bị sa sút, được gia tăng, mở rộng và hoàn thiện nhờ sự tu-tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực tu (tinh tấn), áp dụng tâm, và chuyên-cần tu (tinh cần): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[17–20. Bốn Cơ Sở Năng Lực Tâm Linh (Tứ thần túc)]

[17] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ sở thần thông [năng lực tâm linh] *có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (dục) và *những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu* (tinh cần hành): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[18] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (ii) một Tỳ kheo tu tập cơ sở thần thông *có-được sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực tu* (tinh tấn) và *những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu* (tinh cần hành) ...”

[19] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (iii) một Tỳ kheo tu tập cơ sở thần thông *có-được sự định-tâm nhờ tâm* (tâm) và *những sự tạo-tác của sự chuyên-cần tu* (tinh cần hành) ...”

[20] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, (iv) một Tỳ kheo tu tập cơ sở thần thông *có-được sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và *những sự tạo-tác của*

sự chuyên-cần tu (tinh cần hành): đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[21–25. Năm Căn Tâm Linh (Ngũ căn)]

[21] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) *căn niềm-tin* (tín căn), dựa trên sự tách-ly (sự ẩn dật, lánh trần, ẩn tu, ẩn cư, sống tách-ly, cách-ly), sự chán-bỏ, và sự chắm-dứt, dần chín muồi tới sự thoát-ly: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[22-25] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (ii) *căn nỗ-lực tu* (tinh tấn căn) ... (iii) *căn chánh-niệm* (niệm căn) ... (iv) *căn định-tâm* (định căn) ... (v) *căn trí-tuệ* (tuệ căn), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chắm-dứt, dần chín muồi tới sự thoát-ly: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[26–30. Năm Năng Lực (Ngũ lực)]

[26] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) *năng lực niềm-tin* (tín lực), dựa trên sự tách-ly (ẩn dật), sự chán-bỏ, và sự chắm-dứt, dần chín muồi tới sự thoát-ly: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[27-30] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (ii) *năng lực nỗ-lực tu* (tinh tấn lực) ... (iii) *năng lực chánh-niệm* (niệm lực) ... (iv) *năng lực định-tâm* (định lực) ... (v) *năng lực trí-tuệ* (tuệ lực), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chắm-dứt, dần chín muồi tới sự thoát-ly: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[31–37. Bảy Chi Giác Ngộ (Thất giác chi)]

[31] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) chi giác-ngộ (giác chi) là *sự chánh-niệm* (niệm), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự thoát-ly: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[32-37] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (ii) chi giác-ngộ là *sự điều-tra* (*trạch-pháp*) ... (iii) chi giác-ngộ là *sự nỗ-lực tu* (*tinh tấn*) ... (iv) chi giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* (hỷ) ... (v) chi giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* (khinh an) ... (vi) chi giác-ngộ là *sự định-tâm* (định) ... (vii) chi giác-ngộ là *sự buông-xả* (xả), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự thoát-ly: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[38–45. Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo)]

[38] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (i) cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự thoát-ly: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi ...”

[39-45] ... “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (ii) ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... (iii) lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) ... (iv) hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) ... (v) sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) ... (vi) sự nỗ-lực tu đúng đắn (chánh tinh tấn) ... (vii) sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) ... (viii) sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự thoát-ly: đây được gọi là con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi.

“Nhu vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy sự vô-vi và con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử, mong muốn

họ được phúc-lợi,, thì ta đã làm xong cho các thầy. Nay các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chồi trồng. Nay các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

(SN 43:12)

13 (2) Sự Không Còn Ngã-Hướng³⁷⁰

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự không còn ngã-hướng (không còn khuynh-hướng nào) và con-đường dẫn tới trạng thái không còn ngã-hướng. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự không còn ngã-hướng? ...”

[*Tiếp tục bằng toàn bộ các mẫu kinh từ 43:01 đến 43:12 ở trên. Tức là: 12 kinh trên của Chương 43 nói về “sự vô-vi” và “con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi” giờ tất cả thay bằng “sự không còn ngã-hướng” và “con-đường dẫn tới trạng thái không còn ngã-hướng”. (Và tương tự đối với mỗi kinh của dãy kinh bên dưới).]*³⁷¹

(SN 43:13)

14 (3) — 43 (32) Sự Vô Nhiễm ...

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự vô-nhiễm (không ô-nhiễm, không ó-nhiễm) và con-đường dẫn tới sự vô-nhiễm. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự-thật và con-đường dẫn tới sự thật ...

“Ta sẽ dạy cho các thầy bờ bên-kia (bờ xa, bỉ ngạn) ... sự vi-tế ... sự rất-khó nhìn-thấy được ... sự không-già ... sự chắc-chắn (ổn định) ... sự không còn tan-rã (hết bị hoại diệt) ... sự không thể-hiện (không còn hiện thị, không còn hiện hữu) ... sự không bị tăng-phóng³⁷² ... sự bình-an ...

sự bất-tử ... sự siêu-phàm ... sự phước-lành ... sự an-ninh ... sự diệt-dục (tiêu-diệt dục-vọng) ... sự kỳ-diệu ... sự tuyệt vời ... sự vô-bệnh ... trạng thái vô-bệnh ... Niết-bàn ... sự không còn đau-khổ ... sự chán-bỏ ... sự thanh-khiết (thanh tịnh) ... sự tự-do ... sự không còn dính-líu ... hòn-đảo ... nơi trú-ẩn ... nơi tị-nạn ... nơi nương-tựa ...”

(SN 43:14–43)

44 (33) Đích Đến

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy đích-đến và con-đường dẫn tới đích-đến đó. Hãy lắng nghe điều đó ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đích-đến? Đó là sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là đích-đến.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới đích-đến đó? Đó là ‘sự chánh-niệm hướng vào thân’: đây là con-đường dẫn tới đích-đến đó.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy đích-đến và con-đường dẫn tới đích-đến đó. Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử, mong muốn họ được phúc-lợi,, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, đây có mấy gốc cây, kia có mấy chồi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng lơ tâm xao lãng, đừng để sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

[Tiếp tục bằng toàn bộ các mẫu kinh từ 43:01 đến 43:12 ở trên. Tức là: 12 kinh đó nói về “sự vô-vi” và “con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi”, giờ tất cả cũng thay bằng “đích-đến” và “con-đường dẫn tới đích-đến”.]

(SN 43:44)

Chương 44

Liên Kết KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ

(44 Abyākata-samyutta)

(44 Tương ung Không Thuyết)

1 *Khemā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có Tỳ kheo ni Khemā³⁷³ trong khi đang du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la), đã chọn nơi tạm trú ở Toraṇavatthu nằm giữa Sāvathī và Sāketa. Rồi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala, trong khi đang đi từ Sāketa đến Sāvathī, cũng đã chọn nơi tạm trú một đêm ở Toraṇavatthu nằm giữa Sāketa và Sāvathī. Lúc đó Vua Pasenadi của xứ Kosala đã nói với một người như vậy: “Này khanh, hãy đi tìm coi có tu-sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn nào đang ở Toraṇavatthu để ta có thể viếng thăm hôm nay.”

“Dạ, thưa đại vương”, người đó đáp lại. Ông ta thăm dò hết cả vùng Toraṇavatthu nhưng không thấy có tu sĩ hay bà-la-môn nào ở đó để Vua Pasenadi có thể đến thăm. Tuy nhiên ông ta thấy có Tỳ kheo ni Khemā đang trú ở Toraṇavatthu, nên ông về thưa với nhà vua:

“Thưa đại vương, không có tu sĩ và bà-la-môn nào có ở Toraṇavatthu để đại vương đến thăm. Nhưng, thưa đại vương, có Tỳ kheo ni tên là Khemā, một đệ tử của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hiện tin đồn tốt lành về vị nữ tu này đang được lan truyền như vậy: ‘Ni ấy là bậc trí, giỏi giẩn, thông minh, học rộng, là một người thuyết giảng hay khéo, có biện tài.’ Vậy đại vương có thể ghé thăm ni ấy.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp Tỳ kheo ni Khemā, kính lễ ni, ngồi xuống một bên và thưa với ni ấy:

(1) “Thưa đức ni, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”³⁷⁴

- “Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

(2) “Vậy là, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết.’”

(3) “Vậy là sao, thưa đức ni, Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.’”

(4) “Vậy thì, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là sao, thưa đức ni? Khi được hỏi: ‘Thưa đức ni, là sao, Như Lai hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa đức ni, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’—trong mỗi trường hợp ni đều nói: ‘Này đại vương, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này.’ + Bây giờ, thưa đức ni, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*)

- “Vậy thì, này đại vương, tôi sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số hạt cát của sông Hằng và nói như vậy: ‘Có rất nhiều hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều trăm hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều ngàn hạt cát’ hay ‘Có rất nhiều trăm ngàn hạt cát’, hay không?”

“Không, thưa đức ni.”

- “Vậy thì, này đại vương, ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào có thể đếm số nước của đại dương và nói như vậy: ‘Có rất nhiều gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều ngàn gàu nước’ hay ‘Có rất nhiều trăm ngàn gàu nước’, hay không?”

“Không, thưa đức ni. Vì lý do gì? Bởi vì đại dương là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước.”

- “Cũng giống như vậy,³⁷⁵ này đại vương, nếu ai mô tả Như Lai qua sắc-thân [sắc], thì sắc-thân đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm nó thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính (tính toán, ước tính, quy tính) về mặt sắc-thân; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia.³⁷⁶ Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng được.

- “Nếu ai mô tả Như Lai qua cảm-giác [thọ] ... qua nhận-thức [tưởng] ... qua những sự tạo-tác [hành] ... qua thức [thức], thì thức đó Như Lai đã dẹp bỏ, đã cắt bỏ tận gốc, đã làm nó thành như gốc chết của cây cọ, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Này đại vương, Như Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Như Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không trúng; nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không trúng.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni Khemā, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức ni, giữ ni ở hướng bên phải mình, và đi ra.

Rồi, trong một dịp sau đó, Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên và thưa:

“Thưa Thế Tôn, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

[*Tiếp tục giống nội dung các câu trả lời của Khemā như ở trên, cho tới:*]

- “Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

“Vậy là sao, thưa Thế Tôn? Khi được hỏi ‘Thưa Thế Tôn, là sao, Nhu Lai có còn hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, thưa Thế Tôn, Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’—trong mỗi trường hợp Thế Tôn đều trả lời: ‘Này đại vương, ta đã không tuyên bố điều này.’ + Bây giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*)

- “Vậy thì, này đại vương, ta sẽ hỏi đại vương cũng về vấn đề này. Cứ trả lời nếu đại vương thấy được. Này đại vương, ngài nghĩ sao? Ngài có một người tính toán, hay một kẻ toán, hay một nhà toán học nào ... [*Tiếp tục giống nội dung mà Khemā đã nói ở trên, cho tới:*] Này đại vương, Nhu Lai được giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt thức; Nhu Lai là sâu thẳm, không thể đo lường, khó dò khó ước, giống như đại dương kia. Nếu nói ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ thì không đúng; nếu nói ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’ thì không đúng; nếu nói ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ thì không đúng; nếu nói ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’ thì cũng không đúng.”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của cả vị thầy (Phật) và đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính yếu.³⁷⁷ Thưa Thế Tôn, trong một lần trước con có đến gặp Tỳ kheo ni Khemā và đã hỏi ni ấy về vấn đề này. Đức ni đó cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như đức Thế Tôn mới dùng để giải thích. Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của cả vị thầy (Phật) và đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính yếu. Thưa Thế Tôn, bây giờ chúng con phải đi. Chúng con đang bận bịu và có nhiều việc phải làm.”

“Vậy thì, này đại vương, ngài cứ tùy tiện mà đi.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.

(SN 44:01)

2 A-Nậu-Lâu-Đà

[*Kinh này giống hết kinh SN 22:86 (Quyển 3).*]

(SN 44:02)

3 Xá-Lợi-Phát Và Câu-Hi-La (1)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phát và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahā-Koṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) và đến gặp thầy Xá-lợi-phát. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và hỏi thầy Xá-lợi-phát:

(1) “Là sao, này đạo hữu Xá-lợi-phát, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

[*Tiếp tục nội dung giống hỏi đáp (1)-(3) trong kinh 44:01 ở trên*] ...

(4) “Vậy thì, này đạo hữu Xá-lợi-phát, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này đạo hữu (Câu-hi-la), đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu.’”

“Vậy là sao, này đạo hữu (Xá-lợi-phát)? Khi được hỏi ‘Này đạo hữu Xá-lợi-phát, là sao, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?’ ... Và khi được hỏi ‘Vậy thì, này đạo hữu Xá-lợi-phát, Như Lai không hiện hữu

cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?’—trong mỗi trường hợp thầy đều nói: ‘Này đạo hữu, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này.’ + Bây giờ, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*)

- “Này đạo hữu (Câu-hi-la), nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: nói vậy là dính líu với sắc-thân (sắc).³⁷⁸ ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’: nói vậy là dính líu với sắc-thân. ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: nói vậy là dính líu với sắc-thân. ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’: nói vậy là dính líu với sắc-thân.

- “Nếu nói ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’: nói vậy là dính líu với cảm-giác (thọ) ... là dính líu với nhận-thức (tưởng) ... là dính líu với những sự tạo-tác (hành) ... là dính líu với thức (thức). Nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’: nói vậy là dính líu với cảm-giác ... là dính líu với thức. Nếu nói ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: nói vậy là dính líu với cảm-giác ... là dính líu với thức. Nếu nói ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’: nói vậy là dính líu với cảm-giác ... là dính líu với thức.

“Này đạo hữu (Câu-hi-la), đây là nguyên nhân và lý do điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

(SN 44:03)

4 Xá-Lợi-Phất Và Câu-Hi-La (2)

[Bắt đầu y hệt kinh 44:03, cho tới:]

+ Bây giờ, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*)

(1) “Này đạo hữu (Câu-hi-la), đó là những người không biết và không thấy sắc-thân (sắc) đúng như nó thực là, những người không biết và không thấy nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới

sự chấm dứt nó, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Đó là những người không biết và không thấy cảm-giác (thọ) đúng như nó thực là ... những người không biết và không thấy nhận-thức (tưởng) đúng như nó thực là ... những người không biết và không thấy những sự tạo-tác (hành) đúng như nó thực là ... những người không biết và không thấy thức (thức) đúng như nó thực là, những người không biết và không thấy nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), những ai biết và thấy sắc-thân ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác ... thức đúng như nó thực là, những ai biết và nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì họ không nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Câu-hi-la), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

(SN 44:04)

5 Xá-Lợi-Phát Và Câu-Hi-La (3)

[Bắt đầu y hết kinh 44:03, cho tới:]

+ Bây giờ, này đạo hữu (Xá-lợi-phát), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*)

(1) “Này đạo hữu (Câu-hi-la), đó là những người không hết tham đối với sắc-thân (sắc), những người không hết dục, cảm-tình (luyến ái), sự

thèm-khát, sự mê-đắm, và dục-vọng (ái) đối với sắc-thân, cho nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Đó là những người không hết tham đối với cảm-giác (thọ) ... những người không hết tham đối với nhận-thức (tưởng) ... những người không hết tham đối với những sự tạo-tác (hành) ... những người không hết tham đối với thức (thức), những người không hết dục, cảm-tình, sự thèm-khát, sự mê-đắm, và dục-vọng (ái) đối với cảm-giác ... thức, cho nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu Câu-hi-la, những ai không còn tham đối với sắc-thân ... những ai không còn tham đối với cảm-giác ... những ai không còn tham đối với nhận-thức ... những ai không còn tham đối với những sự tạo-tác ... những ai không còn tham đối với thức, những ai không còn dục, cảm-tình, sự thèm-khát, sự mê-đắm, và dục-vọng (ái) đối với sắc-thân ... thức, thì họ không nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Câu-hi-la), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

(SN 44:05)

6 Xá-Lợi-Phát Và Câu-Hi-La (4)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phát và Ngài Câu-hi-la đang sống ở Bārāṇasī trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phát ra khỏi sự tách-ly (ẩn dật, thiền trú) và đến gặp thầy Đại Câu-hi-la. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và hỏi thầy Đại Câu-hi-la: *(lần này thì thầy Xá-lợi-phát hỏi, thầy Câu-hi-la trả lời)*

(1) “Là sao, này đạo hữu Câu-hi-la, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

[*Tiếp tục đoạn hỏi đáp y hết kinh 44:03 kể trên, cho tới:*]

+ “Bây giờ, này đạo hữu (Câu-hi-la), cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?” (*)

[i. Ưa Thích Năm-Uẩn]

(1) “Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đó là những người ưa thích sắc-thân (sắc), những người thích thú sắc-thân, những người vui thích sắc-thân, và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của sắc-thân (sắc diệt) đúng như nó thực là, cho nên họ mới nghĩ rằng: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

- “Đó là những người ưa thích cảm-giác (thọ) ... và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của cảm-giác (thọ diệt) ...

- Những người ưa thích nhận-thức (tưởng) ... và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của nhận-thức (tưởng diệt) ...

- Những người ưa thích những sự tạo-tác (hành) ... và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của những sự tạo-tác (hành diệt) ...

- Những người ưa thích thức (thức), những người thích thú thức, những người vui thích thức, và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của thức (thức diệt), nên họ mới nghĩ rằng: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu Xá-lợi-phất, những ai không ưa thích sắc-thân ... những ai không ưa thích cảm-giác ... những ai không ưa thích nhận-thức ... những ai không ưa thích những sự tạo-tác ... những ai không ưa thích thức, không thích thú thức, không vui thích thức, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của thức (thức diệt), thì họ không nghĩ: ‘Như

Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[ii. Ưa Thích Sự Hiện-Hữu]

“Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

(1) “Có, này đạo hữu (Xá-lợi-phất). Đó là những người ưa thích sự hiện-hữu (hữu), những người thích thú sự hiện-hữu, những người vui thích sự hiện-hữu, và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của sự hiện-hữu (hữu diệt) đúng như nó thực là, cho nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), những ai không ưa thích sự hiện-hữu, những ai không thích thú sự hiện-hữu, những ai không vui thích sự hiện-hữu, và những ai biết và thấy sự chấm-dứt của sự hiện-hữu (hữu diệt) đúng như nó thực là, thì họ không nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[iii. Ưa Thích Sự Chấp-thủ]

“Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

(1) “Có, này đạo hữu (Xá-lợi-phất). Đó là những người ưa thích sự chấp-thủ (thủ), những người thích thú sự chấp-thủ, những người vui thích sự chấp-thủ, và những người không biết và không thấy sự chấm-dứt của sự chấp-thủ (thủ diệt) đúng như nó thực là, cho nên họ mới nghĩ rằng:

‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), những ai *không* ưa thích sự chấp-thủ, những ai không thích thú sự chấp-thủ, những ai không vui thích sự chấp-thủ, và những ai biết và thấy sự chằm-dứt của sự chấp-thủ (thủ diệt) đúng như nó thực là, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[iv. Ưa Thích Dục-Vọng]

“Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

(1) “Có, này đạo hữu (Xá-lợi-phất). Đó là những người *ưa* thích dục-vọng (ái), những người thích thú dục-vọng, những người vui thích dục-vọng, và những người không biết và không thấy sự chằm-dứt của dục-vọng (ái diệt) đúng như nó thực là, cho nên họ mới nghĩ rằng: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Nhưng, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), những ai *không* ưa thích dục-vọng, những ai không thích thú dục-vọng, những ai không vui thích dục-vọng, và những ai biết và thấy sự chằm-dứt của dục-vọng (ái diệt) đúng như nó thực là, thì họ *không* nghĩ: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ ... hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’

“Này đạo hữu (Xá-lợi-phất), đây là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn.”

[v. Còn Phương Pháp Nào Khác?]

“Nhưng, này đạo hữu (Câu-hi-la), còn có phương pháp nào khác để giải thích tại sao điều này không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Ồ đây, này đạo hữu (Xá-lợi-phất), thầy còn muốn có thêm cách gì nữa (để giải thích) cho điều này? Này đạo hữu, khi một Tỷ kheo được giải-thoát bằng sự tiêu diệt dục-vọng (ái diệt), thì đâu còn vòng luân-hồi nào để mô tả về vị đó nữa.”³⁷⁹

(SN 44:06)

7 Mục-Kiền-Liên

Lúc đó có du sĩ tên Vacchagotta đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy Mục-kiền-liên:

(1) “Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là bất diệt?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là bất diệt.’”

(2) “Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là không bất diệt?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là không bất diệt.’”

(3) “Vậy là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là hữu hạn?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là hữu hạn.’”

(4) “Vậy thì, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là vô hạn?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là vô hạn.’”

(5) “Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, linh hồn và thân xác là một?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Linh hồn và thân xác là một.’”

(6) “Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Linh hồn là một thứ, thân xác là thứ khác.’”

(7) “Vậy, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết.’”

(8) “Vậy là, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết.’”

(9) “Vậy là sao, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn đã không tuyên bố điều này: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết.’”

(10) “Vậy thì, Thầy Mục-kiền-liên, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

+ “Bây giờ, Thầy Mục-kiền-liên, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao khi những du sĩ thuộc giáo phái khác được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ hoặc ‘Thế giới là không bất diệt’; hay ‘Thế giới là hữu hạn’ hoặc ‘Thế giới là vô hạn’; hay ‘Linh hồn và thân xác là một’ hoặc ‘Linh hồn và thân xác là khác nhau’; hay ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hoặc ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?” (*)

- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi *mắt* là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]. Họ cứ coi *tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm* là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]. Do vậy khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì coi *mắt* là như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]. Như Lai coi *tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm* là như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]. Do vậy, khi đức Thế Tôn [Như Lai] được hỏi những câu hỏi như vậy, đức Thế Tôn đã không đưa ra những câu trả lời như vậy.” (*)

Rồi du sĩ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và hỏi với đức Thế Tôn:

(1) “Là sao, thưa thiện Cồ-đàm, thế giới là bất diệt?”

- “Này Vaccha, ta đã không tuyên bố điều này: ‘Thế giới là bất diệt.’”

... [*Tiếp tục giống như đoạn hỏi đáp trên với thầy Mục-kiền-liên*] ...

(10) “Vậy thì, thưa thiện Cồ-đàm, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, ta cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

+ “Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi mắt ... tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là như vậy: [Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây ‘bản ngã của ta’]. Do vậy khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì coi mắt ... tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm là như vậy: [Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’]. Do vậy, khi ta [Như Lai] được hỏi những câu hỏi như vậy, ta đã không đưa ra những câu trả lời như vậy.” (*)

“Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của cả vị thầy (Phật) và đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính yếu. Thầy Cồ-đàm, vừa rồi tôi có đến gặp sa-môn Mục-kiền-liên và đã hỏi vị ấy về vấn đề này. Sa-môn Mục-kiền-liên cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như Thầy Cồ-đàm mới dùng để giải thích. “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của cả vị thầy (Phật) và đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính yếu.”

(SN 44:07)

8 *Vacchagotta*

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

[Tiếp tục 10 hỏi đáp như ở kinh 44:07 kể trên, cho đến câu (10):]

(10) “Vậy thì, thưa thiện Cồ-đàm, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’?”

- “Này Vaccha, ta cũng không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

+ “Thầy Cồ-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ hoặc ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi *sắc-thân* (sắc) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hay sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Họ cứ coi cảm-giác (thọ) là cái ‘ta’ ... nhận-thức (trưởng) là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác (hành) là cái ‘ta’ ... thức (thức) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hay thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ hoặc ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Nhu Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Nhu Lai *không* coi cảm-giác ... thức là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi ta [Nhu Lai] được hỏi những câu hỏi như vậy, ta đã không đưa ra những câu trả lời như vậy.” (*)

Rồi du sĩ Vacchagotta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, (ra về), và đi đến gặp Ngài Đại Mục-kiền-liên. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và hỏi thầy ấy:

(1) “Là sao, Thầy Mục-kiền-liên, thế giới là bất diệt?”

... [*Tiếp tục giống như đoạn hỏi đáp trên với Đức Phật*] ...

(10) “Vậy thì, Thầy Mục-kiền-liên, Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

+ “Thầy Mục-kiền-liên, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi những du sĩ thuộc giáo phái khác khi được hỏi những câu hỏi đó, họ đều có những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất tận’ hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, khi sa-môn Cồ-đàm khi được hỏi những câu hỏi đó, vị ấy không đưa ra câu trả lời nào?”

- “Này Vaccha, những du sĩ các giáo phái khác cứ coi sắc-thân là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu sắc-thân, hay sắc-thân là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Họ cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hay thức là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, khi những du sĩ các giáo phái khác được hỏi những câu hỏi như vậy, họ đưa ra những câu trả lời như: ‘Thế giới là bất diệt’ hoặc ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Nhưng, này Vaccha, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì *không* coi sắc-thân là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong sắc-thân. Như Lai *không* coi cảm-giác ... thức là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ ở trong thức. Do vậy, đức Thế Tôn [Như Lai] được hỏi những câu hỏi như vậy, đức Thế Tôn đã không đưa ra những câu trả lời như vậy.” (*)

“Thật kỳ diệu, Thầy Mục-kiền-liên! Thật tuyệt vời, Thầy Mục-kiền-liên! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của cả vị thầy và đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính yếu. Thầy Mục-kiền-liên, vừa rồi tôi có đến gặp sa-môn Cồ-đàm và đã hỏi vị ấy về vấn đề này. Sa-môn Cồ-đàm cũng đã giải thích vấn đề này bằng những từ ngữ và câu chữ y hệt như Thầy Mục-kiền-liên mới dùng để giải thích. Thật kỳ diệu, Thầy Mục-kiền-liên! Thật tuyệt vời, Thầy Mục-kiền-liên! Là cách mà ý nghĩa và câu chữ của cả vị thầy và đệ tử trùng hợp và giống nhau, và không khác biệt nhau về vấn đề chính yếu.”

(SN 44:08)

9 Hội Trường Tranh Luận

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, trong mấy ngày qua một số tu sĩ, các bà-la-môn, và những du sĩ các giáo phái khác đã tụ họp trong hội trường tranh luận [hội trường huyền ảo],³⁸⁰ và khi họ đang ngồi với nhau thì có cuộc đối thoại khởi sinh giữa họ như vậy:

‘Vị Pūraṇa Kassapa này—là người lãnh đạo một giáo đoàn, người dẫn dắt một hội đoàn, là đạo sư của giáo đoàn, là người thầy tâm linh có tiếng và có danh được nhiều người coi là bậc thánh hiền—khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người (chết) này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người (chết) nọ đã tái sinh ở cõi kia. Và khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, vị ấy cũng tuyên bố được vị này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc vị đó đã tái sinh ở cõi kia.’”

‘Vị Makkhali Gosāla này ... Vị Nigaṇṭha Nātaputta (Ni-kiền-tử) này ... Vị This Sañjaya Belaṭṭhiputta này ... Vị Pakudha Kaccāyana này ... Vị Ajita Kesakambalī (A-tư-đà) này ... khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người (chết) này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người (chết) nọ đã tái sinh ở cõi kia. Và khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự chứng ngộ cao siêu phàm mới chết, vị ấy cũng tuyên bố được vị này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc vị đó đã tái sinh ở cõi kia.’”

‘Vị sa-môn Cồ-đàm này—là người lãnh đạo một giáo đoàn, người dẫn dắt một hội đoàn, là đạo sư của giáo đoàn, là người thầy tâm linh nổi tiếng và nổi danh được nhiều người coi là bậc thánh hiền—khi có một đệ tử (bình thường) nào mới chết, vị này tuyên bố được người (chết) này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người (chết) nọ đã tái sinh ở cõi kia. Nhưng khi có một đệ tử, thuộc hàng cao nhất, một người siêu phàm, một người đã đạt tới sự

chúng ngộ cao siêu phạm mới chết, thì vị ấy *không* tuyên bố người này đã tái sinh ở cõi đó, hoặc người nọ đã tái sinh ở cõi kia. Thay vì vậy, vị ấy tuyên bố về sự tái-sinh của người đó như vậy: “Người đó đã cắt đứt dục-vọng, đã chặt đứt gông-cùm, và, bằng cách phá bỏ sự tự-ta (ngã mạn), người đó đã làm nên sự diệt-khổ.”

“Thầy Cồ-đàm, trong tôi có sự bối rối, có sự nghi ngờ rằng: ‘Giáo Pháp của sa-môn Cồ-đàm phải nên được hiểu theo cách nào?’”

- “Này Vaccha, ông bị bối rối là cũng phải thôi, ông nghi ngờ cũng hợp lý thôi. Bởi vì sự nghi ngờ đã khởi sinh trong ông về một vấn đề còn làm bối rối. Này Vaccha, ta tuyên bố sự tái-sinh là đối với người còn nhiên liệu, không phải đối với người không còn nhiên liệu. Giống như một ngọn lửa cháy bằng nhiên liệu, không phải không có nhiên liệu; cũng giống như vậy, này Vaccha, ta tuyên bố sự tái-sinh là đối với người còn nhiên liệu, không phải đối với người không còn nhiên liệu.”³⁸¹

“Thầy Cồ-đàm, khi một ngọn lửa bị gió thổi bay đi một khoảng cách, thì Thầy Cồ-đàm tuyên bố nhiên liệu của nó trong lúc đó là gì?”

- “Này Vaccha, khi một ngọn lửa bị gió thổi bay đi một khoảng cách, ta tuyên bố nó được tiếp nhiên liệu bởi gió. Vì trong lúc đó gió là nhiên liệu của nó.”

“Và, Thầy Cồ-đàm, khi một chúng sinh đã đặt xuống thân này nhưng vẫn chưa được tái sinh trong một thân khác, thì Thầy Cồ-đàm tuyên bố nhiên liệu của nó trong lúc đó là gì?”

- “Này Vaccha, khi một chúng sinh đã đặt xuống thân này nhưng chưa tái sinh trong một thân khác, ta tuyên bố nó được tiếp liệu bởi dục-vọng (ái). Vì trong lúc đó dục-vọng là nhiên liệu của nó.”³⁸²

(SN 44:09)

10 Ānanda [Có cái ‘ngã’ hay không?]

Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

(1) “Giờ thì, Thầy Cồ-đàm, có cái ‘ta’ (ngã, bản ngã) phải không?” Khi điều này được hỏi, đức Thế Tôn im lặng.

(2) “Thầy Cồ-đàm, vậy không có cái ‘ta’ phải không?”. Lần thứ hai đức Thế Tôn vẫn im lặng.

Rồi du sĩ Vacchagotta đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và bỏ đi. Không lâu sau khi du sĩ Vacchagotta bỏ đi, Ngài Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, vì sao như vậy, khi Thế Tôn được hỏi bởi du sĩ Vacchagotta mà Thế Tôn không trả lời?”

- “Này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Có cái ‘ta’ nào không?’ mà ta trả lời ‘Có cái ‘ta’’, thì coi như đồng tình với³⁸³ những tu sĩ và bà-la-môn theo thuyết bất-diệt (như kiểu có một ‘linh hồn’ chuyển kiếp; tư tưởng thường kiến). Và, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Không có cái ‘ta’ phải không?’ mà ta trả lời ‘Không có cái ‘ta’’, thì coi như đồng tình với những tu sĩ và bà-la-môn theo thuyết diệt-vong (như chết là hết; tư tưởng đoạn kiến).

- “Này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Có cái ‘ta’ phải không?’ mà ta trả lời ‘Có cái ‘ta’’, thì liệu về phần ta có nhất quán với với sự khởi sinh của sự-biết (của ta) rằng: ‘Tất cả những hiện-tượng đều là vô ngã’ (chư pháp vô ngã), hay không?”³⁸⁴

“Không (nhất quán), thưa Thế Tôn.”

- “Và, này Ānanda, nếu khi du sĩ Vacchagotta hỏi ta ‘Không có cái ‘ta’ phải không?’ mà ta trả lời ‘Không có cái ‘ta’’, thì, du sĩ đó, vốn đã bị rối trí, sẽ càng rớt vào sự rối trí hơn nữa khi ông ta nghĩ rằng ‘Đường như cái ‘ta’ mình có trước đây giờ hóa ra nó cũng không hề tồn tại.’”³⁸⁵

(SN 44:10)

11 Sabhiya Kaccāna

Trong một lần Ngài Sabhiya Kaccāna đang sống ở Nātika, trong Ngôi Nhà Gạch. Lúc đó có du sĩ Vacchagotta đến gặp thầy Sabhiya Kaccāna. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

(1) “Là sao, Thầy Kaccāna, Như Lai có còn hiện hữu sau khi chết?”

[*Tiếp tục đoạn 10 hỏi đáp như đầu kinh 44:01 cho đến câu (10):*]

(10) “Vậy thì, Thầy Kaccāna, Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết?”

- “Này Vaccha, đức Thế Tôn cũng không tuyên bố điều này: ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết.’”

+ “Bây giờ, Thầy Kaccāna, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao điều này đã không được tuyên bố bởi đức Thế Tôn?”

- “Này ông Vaccha, đối với những nhân và duyên (nguyên nhân và điều-kiện) để mô tả một người là ‘gồm có sắc-thân’ (sắc) hay ‘không có sắc-thân’ (vô sắc) hay ‘có nhận-thức’ (tưởng) hay ‘không có nhận-thức’ (phi tưởng) hay ‘không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức’ (phi tưởng phi phi tưởng): nếu những nhân và duyên đó chấm-dứt tất cả và toàn bộ không còn tàn dư, thì đâu lấy cách gì để người đó mô tả mình là ‘gồm có sắc-thân’ hay ‘không có sắc-thân’ hay ‘có nhận-thức’ hay ‘không có nhận-thức’ hay ‘không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức’, như vậy?” (*)

“Thầy Kaccāna, thầy xuất gia đi tu đã bao lâu rồi?”

“Không lâu, này thiện hữu. Ba năm.”

“Này thiện hữu, một người đạt được (trí biết) như vậy trong chừng ấy năm thì quả thực là (đạt được) nhiều lắm, nói chi tới người đã vượt trên (trình độ) này!”³⁸⁶

(SN 44:11)

— HẾT QUYỂN 4 —
(QUYỂN SÁU CƠ-SỞ CẢM-NHẬN)

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

Be: *phiên bản Miến Điện của SN*

Ee: *phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)*

Se: *phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN*

* **SN**= Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ứng Kinh Bộ)*

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).*

Spk-pt = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

SS = Sinhala-script: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala)*

CDB = Connected Discourses of Buddha: *bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề*

SC = trang SuttaCentral: *bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.*

► Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dựa theo bản dịch của TKBD, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỗ nào ghi **Spk (Be)** và **Spk (Se)** chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)*

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)*

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Patīs*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Papancaśūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vibh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bồ-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trường Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society: *Hội Kinh Điển Pali*

Skt = Sanskrit: *tiếng Phạn*

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

¹ [Chữ “*bên-trong*” (*ajjhattika* = *adhi* + *atta* + *ika*) là chỉ riêng “*sáu cơ-sở cảm-nhận*” (*sáu nội xứ*, tức *sáu giác-quan*, *sáu căn*), và ngược lại “*bên-ngoài*” (*bāhira*) là chỉ riêng *sáu đối-tượng ở bên ngoài* (*sáu ngoại xứ*, tức *sáu đối-tượng giác quan*, *sáu trần*) [mặc dù theo tạng *Vi Diệu Pháp* (*Abhidhamma*) thì chữ *dhammāyatana* (*pháp xứ*, *cơ-sở những hiện-tượng*) là chỉ những đối-tượng của tâm thức (*manoviññāna*, thức thuộc tâm) và những tùy-phái thuộc tâm (tâm sở) của tất cả thức (*viññāna*)].

- Cho dù giống nhau nhưng chữ kép *ajjhattika*–*bāhira* không phải đồng nghĩa với chữ kép *ajjhata*–*bahiddhā*; chữ sau chỉ sự khác nhau giữa ‘*thứ thuộc về mình*’ và ‘*thứ bên ngoài thuộc về người khác*’. Các căn cảm-nhận của chúng sinh khác là *ajjhattika* (bên trong) nhưng là *bahiddhā* (bên ngoài, của người ngoài, ngoại) trong khi màu da, giọng nói, mùi ... là *ajjhata* (bên ngoài, ở ngoài) nhưng là *bāhira* (thuộc bên trong, của mình, nội).] (1)

► (Bản dịch Việt dùng các chữ *sáu nội xứ [bên trong]* là đồng nghĩa *sáu giác-quan*, *sáu căn*, và *sáu ngoại xứ [bên ngoài]* là đồng nghĩa *sáu đối-tượng bên ngoài*, *sáu trần*, *sáu đối-tượng giác quan*.)

² [Các kinh từ **35:01–22** được kết tập theo những *khuôn-mẫu* kinh mà chúng ta đã từng gặp trước đây. Trong *Chương (liên-kết) 35* này, mỗi *khuôn-mẫu* được khởi tạo 02 lần: (i) là *sáu cơ-sở bên trong* (*sáu nội xứ*, *sáu giác-quan*), (ii) rồi tới *sáu cơ-sở bên ngoài* (*sáu ngoại xứ*, *sáu đối-tượng giác quan*).] (2)

³ [Spk phân biệt những loại “*mắt*” khác nhau đã được nói đến trong Kinh Tạng. Trước tiên “*mắt*” được phân thành hai dạng: (1) *mắt hiểu-biết* hay *trí nhãn* (*ñāṇacakkhu*) và (2) *mắt thường* hay *mắt thuộc thân* (*maṃsacakkhu*).

- (1) Loại *mắt hiểu-biết* có 05 loại: (i) *mắt Phật* hay *Phật nhãn* (*buddhacakkhu*), là trí-biết về những căn-cơ (tánh nết) và những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) của những chúng sinh, và trí-biết về những mức-độ chín muồi của các căn tâm linh của họ; (ii) *Mắt Giáo Pháp* hay *Pháp nhãn* (*dhammacakkhu*), là trí-biết về ba thánh đạo và thánh quả thấp hơn (dưới A-

la-hán); (iii) *mắt vũ trụ* hay *vũ trụ nhãn* (*samantacakkhu*), là trí-biết của Phật về vũ trụ; (iv) *mắt thiên thánh* hay *thiên nhãn* (*dibbacakkhu*), là trí-biết được khởi sinh bằng sự tràn ngập của ánh sáng [có thể nhìn thấy sự qua-đời và tái-sinh của những chúng sinh]; và (v) *mắt trí-tuệ* hay *tuệ nhãn* (*paññācakkhu*), là sự nhận thấy thấu suốt về *Bốn Diệu Đế*.

(2) Loại *mắt thường* có 02: (i) *mắt hợp-tổ* (*sasambhāracakkhu*), là trông mắt gồm nhiều yếu tố tạo thành; và (ii) *mắt cảm-nhận* (*pasādacakkhu*), giống như chất cảm-ứng trong những dụng cụ nhãn khoa, nhạy ứng với những hình-sắc [có lẽ đây là chỉ *võng-mạc* và *các dây thần kinh thị giác*].

- Ở đây đức Thế Tôn đang nói *mắt cảm-nhận* là “*cơ-sở mắt*” (nhãn xú, nhãn quan). *Tai, mũi, lưỡi* ... cũng nên được hiểu một cách tương tự. *Tâm* (*mano*) là tâm thuộc ba cõi, đó là trú xứ của sự khám phá bằng trí-tuệ (*tebhūmakas-ammāsanacāraccitta*).

- Về sự giảng giải về các loại “*mắt*” theo luận giảng, mời coi Thanh Tịnh Đạo, **Vism** 444–46 (**Ppn** 14:36–53).

- Học giả Hamilton đã phản bác cách xếp loại *05 cơ-sở cảm-nhận* đầu tiên là thuộc *sắc-uẩn* (*rūpakkhandha*), bà lập luận rằng từ “những định nghĩa tiêu chuẩn về *sắc-uẩn* trong các kinh” thì *sắc-uẩn* đâu có bao gồm những cơ-sở cảm-nhận này. Theo quan điểm của bà, các căn cảm-nhận là những năng lực của sự nhận thức tham gia vào cả những đặc tính thuộc vật chất và thuộc tâm, và do vậy không thể nào được xếp loại chúng chỉ nằm trong *sắc-uẩn* (*rūpa*) [coi quyển *Danh Tính và Trái Nghiệm*, trang 14–22]. Tuy nhiên cũng theo lý lẽ này có thể lập luận rằng *05 cơ-sở cảm-nhận bên ngoài* không nên được xếp vào *sắc-uẩn*, cũng bởi vì các kinh không xếp chúng trong tổ hợp *sắc-uẩn*. Sự thật trần trụi là: những liên hệ tương quan giữa *các uẩn*, *các xứ*, và *các giới* (*khandha*, *āyatana* và *dhātu*) là không hề được nói rõ rệt trong *Kinh Tạng* mà chỉ được phân biệt rõ trong *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma Piṭaka*); *Vi Diệu Pháp Tạng* đã xếp loại *05 cơ-sở cảm-nhận đầu tiên cả bên-trong và bên-ngoài* (05 nội xứ và 05 ngoại xứ đầu tiên) là thuộc *sắc-uẩn*. Còn *05 căn* và *04 đối-tượng giác quan* [không tính *đối-tượng chạm xúc*] thì được xếp loại là “*thể sắc phái sinh*” (*upādā rūpa*) [ví dụ: thể sắc phái sinh từ 04 yếu-tố tứ đại]; và *đối-tượng chạm xúc* thì được xếp thuộc 03 yếu-tố tứ đại: *đất* [thể cứng-mềm], *nhiệt* [thể nóng-lạnh], và *khí* [thể động-áp]. Bản thân các kinh

không liệt kê những loại *thể sắc phái sinh*, và *Vi Diệu Pháp* dường như đã làm thay việc này.] (3)

► (Ở cuối kinh, chữ “*đời sống tâm linh*” (*phạm hạnh*) tức = “*đời sống thánh thiêng*”, “*đời sống tu hành*”, “*đời sống xuất gia*”, “*đời tu sĩ*”).

⁴ [Spk: *Những hiện-tượng thuộc tâm* (các pháp) là những đối-tượng là những hiện-tượng của/thuộc tâm (*dhammā ti tebhūmakadhammārammaṇaṃ*) trong 03 cõi. Tôi dịch chữ *dhammā* ở đây là “*những hiện-tượng thuộc tâm*” (các pháp, tâm pháp) thay vì “*những đối-tượng thuộc/của tâm*”—vốn là cách dịch tiêu chuẩn—đúng theo tư tưởng [cũng được nhấn mạnh trong *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma*) và các luận giảng] rằng chữ *dhammāyatana* (pháp xứ, cơ-sở những hiện-tượng) không chỉ bao gồm các loại đối-tượng riêng của cơ-sở tâm (tâm xứ, *manāyatana*) mà cũng gồm tất cả *những hiện-tượng thuộc tâm* đi kèm với (nối kết, cùng có, cấu hữu) *thức* thuộc bất cứ loại nào, tức là, gồm cả *cảm-giác* đi kèm, *nhận-thức* đi kèm và *những sự tạo-tác* đi kèm. Coi thêm định nghĩa về *pháp xứ* (*dhammāyatana*) ở **Vibh** 72, và sự giảng giải trong *Thanh Tịnh Đạo* **Vism** 484 (**Ppn** 15:14).

- Trong 03 cõi (03 cõi giới hiện-hữu, tam giới) là dục-giới, sắc-giới, và vô-sắc-giới.] (4)

⁵ [Spk diễn dịch chỗ này rằng: Cái sự “*bên-trong*” của *các căn cảm-nhận* (nội xứ) nên được hiểu là xuất phát từ sức mạnh của *dục* và *tham* (*kāma-chanda-rāga*) đối với chúng. Đối với những người coi *sáu cơ-sở bên trong* (sáu nội xứ) như phần bên-trong một ngôi nhà thì *sáu cơ-sở bên ngoài* giống như phần xung quanh bên ngoài ngôi nhà đó. Giống như *dục* và *tham* của người ta là cực kỳ mạnh trong liên hệ tới những thứ bên-trong ngôi nhà thì họ không cho người lạ nào đi vào trong nhà, tương tự như vậy trong liên hệ tới *sáu cơ-sở bên trong* (sáu giác-quan). Nhưng giống như *dục* và *tham* của người ta là không mạnh lắm trong liên quan tới những thứ bên-ngoài nhà thì họ không cấm cản những người khác đi qua đi lại bên-ngoài ngôi nhà, tương tự như vậy trong liên quan tới *sáu cơ-sở bên ngoài* (những đối-tượng giác quan).] (5)

⁶ [Spk chú giải: *Tất-cả* (*sabba*) gồm có 04: (i) *tất-cả bao gồm tất cả* (*sab-basabba*), như: mọi thứ có thể biết, tất cả chúng đều đi vào tầm (phạm vi) của

trí-biết của Phật về thế giới (vũ trụ); (ii) *tất cả các cơ-sở cảm-nhận* (*āyat-anasabba*), tức: *những hiện-tượng thuộc 04 cảnh giới*; (iii) *tất cả của danh-tính cá thể* (*sakkāyasabba*), tức: *những hiện-tượng thuộc 03 cõi* (tam giới); và (iv) *tất cả từng-phần* (*padesasabba*), tức như: *05 đối-tượng cảm-nhận thuộc thân* (các nội xứ thuộc thân). Mỗi ‘*tất-cả*’ này, từ (i) đến (iv), lần lượt có tầm (phạm vi) hẹp hơn loại đứng trước. Bài kinh này là đang nói đến ‘*tất-cả các cơ-sở cảm nhận*’ (bên trong và bên ngoài; sáu nội xứ và sáu ngoại xứ).

- Chữ “*04 cảnh giới*” ở đây là gồm *03 cõi giới thế-tục* (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) [như chú thích số 4 kể trên] và *01 cảnh giới siêu-thế* [gồm: 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn.] (6)

⁷ [Nguyên văn câu này: *Tassa vācāvattthur ev’ assa. Spk* giải thích nghĩa là: Điều đó chỉ là lời hô hào mà thôi. Bởi vì, nếu một người bỏ qua *12 cơ-sở cảm-nhận* thì người đó đâu thể chỉ ra một *hiện-tượng thực* nào cho được] (7)

⁸ [Nguyên văn: *Yathā taṃ bhikkhave avisayasmiṃ. Spk*: Một người sẽ bị ưu-phiền khi họ ra khỏi trú-xứ (lãnh vực, lãnh địa, chuyên môn, tầm, phạm vi) của mình. Ra khỏi trú-xứ của mình cũng giống như người phải lội qua sông sâu khi đang đội một cung điện bằng đá trên đầu hoặc giống như cố sức kéo mặt trời và mặt trăng lệch khỏi hướng đi của chúng vậy; làm vậy (là ngoài khả năng của mình, là bất khả thi, ngoài tầm khả năng) chỉ mang lại sự ưu-phiền buồn bực mà thôi; giống như noi người đi ra khỏi trú-xứ của mình sẽ gặp phải sự ưu-phiền là vậy.] (8)

⁹ [Có vẻ như: bằng việc thêm vào những yếu tố trải-nghiệm vốn không được liệt kê trong số *12 cơ-sở cảm-nhận*—đó là thức, sự tiếp-xúc, và cảm-giác—Đức Phật đã vi phạm vào chính sự quy định của mình rằng “*tất-cả*” là gồm cả mọi thứ (?). Tuy nhiên những yếu tố được nói ra ở đây [và bên dưới] có thể được xếp loại trong số *12 cơ-sở* (12 xứ). 06 loại thức được gồm trong *cơ-sở tâm* (tâm xứ; *manāyatana*). *Tâm* (*mano*) là một yếu tố riêng biệt, là điều-kiện trợ giúp (trợ duyên) cho *thức-tâm*, rồi nó trở thành nhỏ hẹp hơn về quy mô hơn *cơ-sở tâm*; theo hệ thống các luận giảng, nó biểu thị cho *bhavāṅgacitta* hay “*sự liên-tục sự-sống thuộc tiềm thức*”.

- Trong số *những cơ-sở* (xứ) thì *sự tiếp-xúc* (xúc) và *cảm-giác* (thọ) được gồm trong *cơ-sở những hiện-tượng thuộc tâm* (pháp xứ; *dhammāyatana*),

cùng với những dạng đồng-sinh thuộc tâm khác và *dhammārammaṇa* (những đối-tượng của thức-tâm). Bản thân thức-tâm, theo **Spk**, gồm có loại thức hướng (phát) ra cửa-tâm (*manodvārāvajjanacitta*) và những *javana* (tốc hành thức?). Về những thuật ngữ này đã được giảng giải trong *Vi Diệu Pháp*, mời đọc thêm **CMA 3:8–11.**] (9)

¹⁰ [Nguyên văn: *Sabbam abhiññā pariññā pahānāya*. **Spk** giải nghĩa câu này là: *sabbam abhijānitvā parijānitvā pajahanatthāya*. (Chữ gốc là *abhiññā* và *pariññā*: trực-tiếp biết (liễu tri) và hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ). Về sự phân biệt giữa chữ *abhiññā* và *pariññā*, mời coi lại chú thích số 42 ở cuối kinh **SN 22:24** (Quyển 3).] (10)

¹¹ [**Spk**: Trong kinh này đang nói về 03 loại sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ): (i) sự hoàn-toàn hiểu về những điều đã biết (đã biết bởi nhiều người, hiển nhiên, phổ quát), (ii) sự hoàn-toàn hiểu nhờ sự suy-xét kỹ lưỡng, và (iii) sự hoàn-toàn hiểu (chính) là sự trừ-bỏ [sự dẹp-bỏ]. Về 03 sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ): mời đọc lại thêm chú thích số 36 ở thi kệ 47, kinh **1:20** (Quyển 1) và chú thích số 42 ở kinh **SN 22:24** (Quyển 3) về chữ này.] (11)

¹² [Nguyên văn cả câu này: *Cakkhaviññāṇaviññātabbā dhammā*. **Spk** đã đưa ra những sự giải thích thay phiên nhau để chỉ ra cách những thứ này khác với sắc (*rūpā*) ... nhưng theo tôi [TKBĐ] thì sự chú giải này có vẻ là tự nghĩ ra chứ không phải từ hàm ý lời kinh ...] (12)

¹³ [Kinh này thường được gọi là “*Kinh Lửa*”, là bài thuyết giảng thứ ba của Đức Phật sau khi giác-ngộ, như đã được ghi lại trong Luật Tạng, **Vin I 34–35**. Theo Luật Tạng, 1.000 Tỷ kheo này trước đó đã từng là những khổ sĩ để tóc búi (*jaṭila*) đi tu dưới sự dẫn dắt của 03 anh em nhà Ca-diếp (*Kassapa*). Phật đã chuyển hóa họ bằng một loạt những điều thần-diệu (bằng thần thông), sau đó giảng cho họ bài kinh này. Bài kinh này được gọi là “*kinh lửa*” vì những Tỷ kheo này trước kia từng là những khổ sĩ thờ thần lửa (nên Phật đã dùng hình ảnh “*lửa đốt cháy*” để thuyết giảng cho họ). Toàn bộ câu chuyện này cũng được ghi trong Luật Tạng, **Vin I 24–34**; mời đọc thêm quyển “*Cuộc Đời Của Đức Phật*” của nhà sư dịch giả Ñāṇamoli, trang 54–60, 64–69.

- **Spk** chú giải như vậy: Sau khi dẫn 1.000 Tỷ kheo đến (nơi được gọi là) *Đầu Của Gayā* (không rõ chữ ‘đầu’ ở đây là chỉ ‘thủ phủ của vùng Gayā’ hay là ‘đầu núi Gayā’?), đức Thế Tôn đã suy xét: “Loại thuyết Pháp nào sẽ thích hợp với họ?” Rồi đức Thế Tôn nhận ra trước kia họ đã từng thờ cúng thần lửa buổi sáng và buổi tối: “Vậy ta sẽ dạy họ 12 cơ-sở cảm-nhận (12 xứ) đang bốc cháy và đốt cháy. Theo cách như vậy họ sẽ có thể chứng quả A-la-hán.” Trong kinh này *sự đốt-cháy* là nói về đặc-tính “*sự khổ*”.] (13)

14 [Phiên bản **Se** và **Ee** ghi chữ *andhabhūtaṃ*, nhưng tôi chọn chữ ghi trong **Be** là *addhabhūtaṃ*: chữ này cũng được ủng hộ bởi **Spk** khi nó giải nghĩa là: *Addhabhūtan ti adhibhūtaṃ ajjhotthaṃ, upaddutan ti attho* (bị đè nặng: bị chinh phục, bị quá tải, nặng nề, nghĩa là bị áp bức). Về chữ “bị đè nặng”: mời đọc lại thêm thi kệ 203 ở kinh **1:61** (Quyển 1) và chú thích số 121 ở đó; kinh **22:01** (Quyển 3) và chú thích số 3 ở đó.

- Học giả Norman đã giải thích rằng chữ *addhabhūta* có lẽ đã được phát triển từ động từ thể quá khứ bất định (?) *addhabhavi* = *ajjhabhavi* (< **adhyabhavi*). Một khi nguồn gốc của động từ thể quá khứ bất định không còn được hiểu (?) thì động từ đã được cho là chữ *addhabhavati* với quá khứ phân từ là chữ *addhabhūta*; coi thêm **GD**, trang 356, chú thích 968.] (14)

15 [Nguyên văn câu này: *Sabbamaññitasamugghātasārappaṃ paṭipadaṃ*. (chữ “*sự nhìn-nhận*” là dịch chữ *maññita*). Chữ *maññita* là quá khứ phân từ của *maññanā*, là tiến trình ý-nghĩ (tu duy) *sai lệch* do bị chi phối bởi *dục-vọng, sự tự-ta* và *những quan-điểm này nọ* [ái, ngã mạn và tà kiến]; những quan-niệm hay ý-niệm khởi sinh từ những cách (lối, khuôn, kiểu) nghĩ như vậy cũng được gọi là những *sự nhìn-nhận*. Trong đó bao gồm cả những ý tưởng ‘*Ta là*’, ‘*Ta là này*’ (cái ‘*ta*’, ‘*đây là ta*’; ngã kiến, ngã chấp) và tất cả những quan niệm khác xuất phát từ những sai lầm gốc rễ này; coi thêm kinh **SN 35:248** (Quyển 4).

- Nhân tiện: một bài kinh khảo sát sâu rộng nhất về “*những sự nhìn-nhận*” này là kinh *Mulapariyāya Sutta* [**MN 01**]; coi thêm chuyên luận mang cùng tên kinh “*Bài Kinh Về Gốc Rễ Của Sự Hiện-Hữu*” bởi TKBD: gồm bản dịch bài kinh này và những giảng giải chi tiết của thầy về nó.] (15)

16 [Mẫu lời kinh “04 sự nhìn-nhận” cũng được hàm chứa trong kinh *Mūlapariyāya Sutta* (MN 1) mặc dù trong kinh đó đã không dùng khuôn-mẫu này một cách hiển thị rõ rệt đối với sáu cơ-sở cảm-nhận.

- **Spk** chú giải: (i) *Người đó không nhìn nhận mắt* (*cakkhum na maññati*) nghĩa là: Người đó không nhìn nhận “mắt là ‘ta’ hay ‘của-ta’ hay ‘ai’ hay ‘của-ai’ khác”. (ii) *Người đó không nhìn nhận trong mắt* (*cakkhusmiṃ namaññati*) nghĩa là: Người đó không nhìn nhận “Ta ở trong mắt, hay những phương tiện (thứ liên quan) của ta ở trong mắt; hay ‘ai ở trong mắt’ hay những phương tiện của ai ở trong mắt”. (iii) *Người đó không nhìn nhận từ mắt* (*cakkhuto na maññati*) nghĩa là: Người đó không nhìn nhận “Ta đã thoát ra từ mắt, hay những phương tiện của ta đã thoát ra từ mắt, hay ai đã thoát ra từ mắt, hay những phương tiện của ai đã thoát ra từ mắt”. (iv) Người đó thậm chí không phát khởi một sự nhìn-nhận nào của ái, ngã mạn hay tà kiến.] (16)

17 [(Đây là đoạn lời kinh mẫu nói về sự chứng ngộ A-la-hán được ghi giống nhau trong nhiều bài kinh). Mời coi lại chú thích số 376 ở kinh **6:01** (Quyển 1), và về chữ “không còn bị kích động”, coi chú thích số 137 ở kinh **12:51** (Quyển 2).

- **Spk** ghi rằng: Trong kinh này, sự minh-sát đạt đỉnh là thánh quả A-la-hán đã được thảo luận trong 44 trường hợp. Và **Spk-pt** đã bổ sung luận tính theo như vậy: Trong cửa-mắt có 07 thứ: mắt, những hình-sắc, thức-mắt, sự tiếp-xúc mắt, và cảm-giác sừng, khổ, trung tính. Tính cách tương tự đối với 05 cửa còn lại, tất cả thành 42 (06 cửa x 07 thứ]. Thêm đoạn nói về sự “không nhìn nhận tất-cả” là 43, và thêm cụm chữ “người đó không chấp-thủ gì trong thế giới” thành tổng số là 44.] (17)

18 [Nguyên văn: *Sabbamaññītasamugghātasappāyapaṭipadā.*] (18)

19 [Nguyên văn cả câu này: *Tato taṃ hoti aññathā; aññathābhāvī bhavasatto loko bhavam ev’ābhinandati.* (i) Ở đây hình như có sự chơi chữ xung quanh ý nghĩa “chúng sinh/sự đang trở thành khác đi”. Theo **Spk**, câu thứ nhất khẳng định rằng đối-tượng luôn có mặt theo kiểu khác (*aññen’ ākārena hoti*) với kiểu mà nó được nhìn nhận [**Spk-pt** bổ sung: đối-tượng được nhìn nhận theo kiểu là thường-hằng nhưng đích thực nó có mặt theo kiểu ‘vô-thường, khổ,

vô-ngã’]. (ii) Trong câu thứ hai, tôi dịch cụm chữ *aññathābhāvi* có nghĩa là “trải qua sự biến đổi, có mặt trong sự biến đổi, đang trong sự biến đổi”, tức là luôn đang trở thành khác với nó trước đó. Như **Spk** cũng giải thích là “Nó đang trở thành khác đi bằng sự đang bước tới sự biến đổi, đang tới sự thay đổi” (*aññathābhāvam vipariṇāmaṃ upagamanena aññathābhāvi hutvā*).

- Trong ngữ *bhavasatto*, thì chữ *satto* là quá khứ phân từ của *sajjati*, được giải nghĩa là = *laggo, laggito, palibuddho*. Nhân tiện coi lại sự kết nối này ở kinh **Ud** 32,29–32 [trong đó lời kinh nên được chỉnh lại là *bhavasatto*], và ở kinh **Sn** 756–757, và **MN** 113, mục 21, đoạn 2, và chú thích 1066 ở đó.

- Ở đây, chữ “thế giới” (*loko*) rõ ràng được nói ra với nghĩa là “thế giới của những chúng sinh” (*sattaloka*).] (19)

20 [**Spk**: Trong bài kinh này tuệ minh-sát có đỉnh cao là thánh quả A-la-hán được giảng giải với 48 trường hợp. **Spk-pt** nói rằng: Cụm chữ “thì nó không phải vậy” (tức là: là khác, đang khác đi, đang biến đổi) nên được đưa vào mỗi phân đoạn của bài kinh, tạo nên 08 thứ trong mỗi phân đoạn đó. Do vậy thành 48 trường hợp. [**Spk-pt** không giải thích tại sao đoạn nói về các uẩn, các yếu-tố (giới) ... được đưa vào và đoạn “người đó không chấp-thủ gì trong thế gian” lại không thể được đếm thêm thành 02 thứ để nâng tổng số lên thành 50 trường hợp, để cho nó giống tương tự như cách đếm của kinh kể trên.] (20)

21 [**Spk** nói: Vô-minh cũng được dẹp bỏ đối với một người biết và thấy theo cách nó là “khổ” và “vô ngã”, nhưng “vô-thường” được nói ra ở đây là do xem xét khuynh-hướng (căn cơ) của người đang được chỉ dạy. (?) (21)

22 [Về 10 gông-cùm (*saṃyojana*, kết sử), mời đọc lại các kinh **SN 45:179–80** (Quyển 5).] (22)

23 [Về 03 loại ô-nhiễm (*āsava*, lậu hoặc) chính [tham, sân, si], mời đọc lại các kinh **SN 38:08** (Quyển 4), **45:163** (Quyển 5); về 07 khuynh-hướng tiềm ẩn (*anusaya*, tùy miên), coi kinh **45:175** (Quyển 5).] (23)

24 [Về 04 loại sự chấp-thủ (*upādāna*, thủ), coi kinh **SN 12:02** (Quyển 2) và kinh **45:173** (Quyển 5); về 03 sự hoàn-toàn hiểu (*pariññā*; liễu ngộ): đã được

nói ở chú thích 11 ở kinh **35:26**. **Spk** giải nghĩa câu này là: “ ... để có sự hoàn-toàn hiểu về tất cả 04 loại sự chấp-thủ (thủ) bằng 03 loại sự hoàn-toàn hiểu.”] (24)

25 [Chữ ‘sự giải-thoát của nó’ ngay chỗ này là chữ ‘vimokkhā’– hiếm khi được dùng. Thường các kinh dùng chữ ‘vimuttiyā’ là danh từ trực tiếp liên hệ với động từ ‘vimuccati’.] (25)

26 [Tỳ kheo Migajāla chính là con trai của cô Visākhā, vị nữ thí chủ lớn nhất của Đức Phật và Tăng đoàn; đọc thêm kinh thi **Th 417-22** của thầy ấy.] (26)

27 [*Ekavihārī ekavihārī* (người trú một mình, người ở một mình, người độc trú). So sánh với kinh **SN 21:10** (Quyển 2) nói về vị Tỳ kheo có tên là “*Trưởng Lão*”.] (27)

28 [Chữ gốc là: *sadutiyaivihārī*. *Dutiya* nghĩa gốc là “thứ hai”, thường để chỉ vợ hay chồng, hay người cặp kê, sống chung với người đó.] (28)

29 [Mời đọc thêm các thi kệ ở kinh **SN 1:20**, **SN 4:22** (Quyển 1) của vị Tỳ kheo này.] (29)

30 [Nguyên văn câu này: *Māro vā assa mārapaññatti vā*. **Spk** giải nghĩa chữ *Māra*: (i) “*Ma Vương*” nghĩa là sự chết (*maraṇa*); (i) “sự mô tả về *Ma Vương*” là sự mô tả, tên gọi, biệt danh của “*Ma Vương*”. So sánh với các kinh có nói về danh từ và tính từ “*Ma Vương*” là kinh **SN 23:11–12** (Quyển 3).] (30)

31 [Thầy *Upasena* là em ruột của thầy Xá-lợi-phát; coi thêm thi kệ **Th 577-86** của thầy ấy. **Spk** giải thích hang đó được gọi là “*Hang Đầu Rắn*” (*sap-pasonḍikapabbhāra*) vì nó (có miệng hang dạng vòm) giống hình đầu rắn nên được gọi như vậy.] (31)

32 [**Spk** chú thích: Sau khi ăn trưa trưởng lão *Upasena* đã mang áo cà sa lớn của mình ra và ngồi khâu vá lại bên dưới mái vòm của hang. Nhằm lúc có hai con rắn độc đang đùa giỡn trên mái hang, một con rớt xuống trúng thầy ấy, nó cắn và nọc độc lập tức lan tỏa khắp thân thể. Do vậy thầy ấy đã nói với các Tỳ kheo như vậy, bởi vì thầy ấy không muốn để thân mình chết thối bên trong hang động.] (32)

³³ [**Có sự chơi** chữ trong trong đối thoại giữa thầy Xá-lợi-phất và thầy Upasena. Cách nói *indriyānaṃ aññathatta* (sự biến đổi của các căn) đôi lúc được dùng như một uyển ngữ có nghĩa bóng nhẹ là “bị khổ đau sâu nặng” hoặc “không ở trong cái tâm đúng của mình” (không đúng tâm trạng của mình?) [coi kinh **MNII 106,12** (?)]. Ở đây lời kinh ghi là *kāyassa vā aññathattaṃ indriyānaṃ vā vipariṇāmaṃ*, nhưng tôi nghĩ hàm ý là rất giống nhau. Lúc đó thầy Xá-lợi-phất thì đang nói theo nghĩa đen thẳng thắn, còn thầy Upasena thì có ý nói nghĩa hơi bóng hình, để nói nghĩa rằng: đối với một người không còn những ý-niệm về cái ‘ta’ (ngã) và cái ‘của-ta’ thì không có sự khổ đau sót não nào ngay cả khi đối diện với cái chết. Về sự không còn sự tạo-nên cái ‘ta’, ‘của-ta’ ... mời quý vị đọc thêm kinh **SN 21:02** (Quyển 2) và chú thích ở đoạn đầu của kinh **SN 18:21** (Quyển 2), chú thích 340 của nó.] (33)

³⁴ [*Sandiṭṭhiko dhammo* (Giáo Pháp có thể trực tiếp nhìn thấy được). Nội dung tiếp theo của bài kinh được coi là ‘*công thức tu tiêu chuẩn*’ (để mô tả về Phật Pháp và) để *thiền quán về Giáo Pháp*. Coi thêm chú thích số 33 ở knh **1:20** (Quyển 1). Upavāṇa là người hầu cận của Phật khi Phật đang bị bệnh do trúng gió, mời coi thêm kinh **SN 7:13** (Quyển 1).] (34)

³⁵ [**Spk** nói: phần (1) nói về sự suy xét (quán chiếu) của những học-nhân, và phần (2) nói về sự suy xét của những A-la-hán.] (35)

³⁶ [Nguyên văn chữ này: **Be** ghi là: *anassasaṃ*; **Se** và **Ee** ghi: *anassāsīṃ*. Đây là thể ‘bất định thời (?)’ thứ nhất của chữ *nassati*. **Spk** giải nghĩa chữ này là = *naṭṭho nāma ahaṃ*.] (36)

³⁷ [Nguyên văn cụm chữ cuối này là: *Āyatimapunabbhavāya*. **Spk**: Ở đây, “sự không tái hiện-hữu trong tương lai” là đồng nghĩa = *Niét-bàn*. Ý nghĩa là: “Nó sẽ được dẹp-bỏ bởi thầy để có/vì mục đích *Niét-bàn*”.] (37)

³⁸ [Cử động, cựa mình, muôn ngời dậy là để tỏ lòng kính trọng và chào đón khi có người (Phật) đến thăm mình; chú thích này và những câu tiếp theo cũng giống lời trong kinh Vakkali, **SN 22:87** (Quyển 3).] (38)

³⁹ [‘*Sự phai biến của tham-dục*’ (*rāgavirāgatthaṃ*). Nghĩa của chữ này thường được lặp lại rất nhiều (trong các kinh), vì bản thân chữ ‘*virāga*’ có

nghĩa là ‘*không-có rāga*’, tức ‘*không-có tham dục*’. Nhưng gốc chữ ‘*virāga*’ vốn có nghĩa đen là *sự loại bỏ màu sắc, sự làm phai màu*, và do vậy toàn bộ chữ ghép có thể dịch nghĩa như là “*sự phai biến*” của “*màu sắc*” bị nhuộm bởi ‘*tham-dục*’.] (39)

⁴⁰ [Sự khởi-sinh *tâm-nhìn của Giáo Pháp (dhammacakkhu)* có nghĩa là sự chứng-ngộ một trong 03 thánh quả thấp hơn A-la-hán (thường là Nhập-lưu). (*Khởi sinh tâm-nhìn* như nghĩa của sự thành tựu chánh-kiến hay kiến đắc, là một phẩm chất tối thiểu để chứng ngộ quả Nhập-lưu).] (40)

⁴¹ [Nguyên văn cụm chữ cuối là: *anupādāparinibbānattham*. Ở đây có sự là một chữ được hiểu theo 02 cách: đối với tiếng Pāli chữ *upādā* (hay *upādāna*: *sự chấp-thủ, sự chấp-thủ, thủ*) có 02 nghĩa là *sự chấp-thủ* và *niên-liệu*, do vậy mục tiêu của Giáo Pháp cũng có thể được hiểu là “*sự dập tắt [lửa] thông qua sự hết niên-liệu*” (như ngọn đèn tắt khi dầu cạn hay tim hết!). Dĩ nhiên lửa ở đây là tham, sân, si [coi “*Kinh Lửa*”, SN 35:28].

- **Ee** đã bỏ đi đoạn kế tiếp vì chi rằng nó giống hệt với phần tương ứng của kinh kế trước, và học giả Woodward đã làm y theo bản dịch **KS 4:25**. Tuy nhiên phiên bản **Be** và **Se** thì không làm giống vậy. Kinh kế trước chỉ đề cập *sáu cơ-sở bên trong* (sáu giác-quan, sáu nội xứ), nhưng kinh này thì liệt kê ra tất cả những hiện-tượng vốn khởi sinh thông qua mỗi *cơ-sở cảm-nhận* đó. Điều này có thể giải thích [ít nhất một phần] lý do tại sao vị Tỳ kheo trong kinh này chứng quả ‘A-la-hán’, còn Tỳ kheo trong kinh kế trước chỉ chứng đắc ‘*tâm-nhìn của Giáo Pháp*’.] (41)

⁴² [Chỗ này không phải do Đức Phật nói lấp hay nói theo kiểu ‘*huề không*’! Ý Phật muốn nhấn mạnh lại rằng: *vô-minh là nguyên nhân gốc rễ nhất của sự trôi-buộc* (với sự hiện-hữu, luân-hồi?), và nó phải được loại bỏ để loại bỏ (một phát) tất cả những dây trôi-buộc khác (chẳng hạn những *sự chấp-thủ, danh-sắc* ... của vòng nhân-duyên (?)).] (42)

⁴³ [Phần thứ nhất của bài giáo lý này: câu “*người đó hoàn-toàn hiểu mọi thứ*” được gồm có trong “*lời khuyên dạy ngắn gọn về sự giải-thoát thông qua sự dập tắt dục-vọng*” trong kinh **MN 37**, mục 3 và kinh **AN 7:61**, gần cuối kinh; chỉ khác nhau về thứ tự lời kinh. **Spk** giải nghĩa chỗ này rằng: “*Người đó nhìn thấy tất cả mọi hình-tướng [dấu-hiệu] một cách khác đi*” (*sabba-*

nimittāni aññato passati): là người đó nhìn thấy tất cả mọi hình-tướng của những sự tạo-tác (*saṅkhāranimittāni*) theo cách khác với cách của những người chưa hoàn-toàn hiểu những sự cố-chấp. Bởi vì những người (chưa hoàn-toàn hiểu) thì nhìn tất cả mọi hình-tướng là cái ‘ta’ (ngã), còn người đã hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) những sự cố-chấp thì nhìn chúng là “vô-ngã”, không phải là cái ‘ta’ nào cả. Như vậy trong kinh này là đang thảo luận về đặc tính “vô-ngã”.] (43)

⁴⁴ [(Ở kinh **SN 12:24** (Quyển 2) có chú thích số 72 về đoạn (*) này như sau: [Cách diễn đạt của đoạn (*) này được coi như đoạn kinh “mẫu” được dùng trong các bộ kinh *Nikāya*, thường có thể được lặp lại hơi khác nhau chút xíu tùy theo ngữ cảnh của mỗi bài kinh; chẳng hạn đoạn này đã được ghi trong các kinh **12:24**, **12:25**, **12:26** (Quyển 2), **22:02**, **22:86** (Quyển 3), **35:81**, **42:13**, **44:02** (Quyển 4), và **45:05** (Quyển 5), (và trong một số kinh thuộc bộ kinh AN) ...] (72).] (44)

⁴⁵ [Nguyên văn: *Lujjati ti kho bhikkhu tasmā loka ti vuccati*. Đây là một cách cố chơi chữ cho mục đích sư phạm, lấy chữ *loka* từ chữ *lujjati*: mời coi thêm chú thích 186, kinh **SN 22:94** (Quyển 3), đoạn (3). Còn về sáu cơ-sở cảm-nhận là ‘thế giới’, mời coi lại kinh **SN 35:116** ở trên. (Ý chỉ ‘thế giới’ được định nghĩa là gồm những tạo-tác, những thứ sinh diệt, những thứ hợp tan).] (45)

⁴⁶ [Spk giải thích chữ *chinnapapañca* (cắt đứt sự bội-tăng) là chỉ sự bội-tăng của dục-vọng (ái), và chữ *chinnavaṭuma* (cắt đứt đường-lún) là chỉ đường-lún hay vết-xe của dục-vọng (ái). Nghĩa câu hỏi ở đây dường như là: Có phải những vị Phật trong quá khứ, khi chứng yếu-tố niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y niết-bàn giới), thì họ có còn giữ nguyên sáu căn cảm-nhận hay không?] (46)

⁴⁷ [Nguyên văn: *Yaṃ kho Ānanda palokadhammaṃ ayaṃ vuccati ariyassa vinaye loko*. *Paloka* là xuất thân từ chữ *palujjati* (tan rã, phân rã, tan hoại), là một thể được tăng cường của chữ *lujjati* và không có liên hệ gì về mặt nguyên từ học với chữ *loka* (thế giới) cả; mời coi lại thêm kinh **35:82** trước kinh này.] (47)

⁴⁸ [Kinh này giống như **MN 144** có tên “*Lời Khuyên Dạy Channa*” (*Channo-vāda*). Thêm nữa, rõ ràng Channa trong kinh này *không phải* là Channa (từng là người lái xe ngựa của Phật khi còn là thái tử) trong kinh **SN 22:90** (Quyển 3).] (48)

⁴⁹ [Bắt đầu từ chỗ này trở xuống, cộng với *các ví dụ*: là đoạn kinh “mẫu” thường được dùng trong các kinh để diễn tả sự đau đớn không thể chịu đựng nổi của người bệnh nặng và đau đớn như sắp chết.] (49)

⁵⁰ [Nguyên văn: *Sattham āharissāmi*. Đây là một cách để diễn tả sự muốn tự sát ... để kết liễu thân bệnh hành hạ đau đớn.] (50)

⁵¹ [Nguyên văn câu cuối: *Anupavajjam Channo bhikkhu sattham āharissati*. Bằng câu này thầy ấy dường như ám chỉ mình đã là một A-la-hán. **Spk** giải nghĩa chữ “*một cách không tội lỗi*” (*anupavajjam, một cách không đáng chê trách*) là = “*không còn tiếp tục hiện-hữu, không còn tái sinh*” (*appavattikam appatisandhikam*).

- (Có thể hiểu thêm câu kể trên thầy Channa đã đề cập tới sự tôn kính Đức Phật: có lẽ ý thầy ấy muốn nói mình không làm điều sai hay trái với Giáo Pháp của Phật, ngay cả đó là sự tự sát cái thân bệnh của mình).] (51)

⁵² [Tới chỗ **(a)** này, theo **Spk** chủ giải thì: [Thầy Channa đã trả lời những câu hỏi của thầy Xá-lợi-phất theo cách mình đã là một A-la-hán, *nhưng* thầy Xá-lợi-phất chỉ im lặng mặc dù thầy Xá-lợi-phất biết thầy Channa vẫn còn là người phạm.] Tuy nhiên, tiếp theo, thầy Đại Cunda đã khởi xướng cho thầy Channa để thuyết phục thầy ấy (rằng thầy ấy chưa phải là A-la-hán).] (52)

⁵³ [“*Giáo lý này của đức Thế Tôn*” đã được ghi trong kinh **Ud 81,6–10**. **Spk** đã giải thích sự kết-nối giữa giáo lý này và tình trạng hiện tại như vậy: *Đối với người còn tùy-thuộc (nissitassa)*: nghĩa là “*còn tùy thuộc vào dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn) và những quan-điểm này nọ (tà kiến)*”; *có sự dao-động (calitam)*: là sự động vọng, kích động, thất thường. (Thầy Đại Cunda nghĩ rằng:) Khi thầy Channa là không thể chịu đựng được sự đau đớn đã khởi sinh, thì có nghĩa trong thầy ấy còn sự dao-động của một người chưa hết khỏi sự chấp-thủ (còn chấp-thủ) với ý nghĩ: ‘*Ta đang bị đau, sự đau đớn là của-ta*’. Với lời này là thầy Đại Cunda muốn nói với thầy Channa rằng: ‘Thầy

vẫn còn là một phàm phu, chưa phải A-la-hán'. *Không còn ngã-hướng (nati)*: là không còn ngã hướng này nọ theo/bởi dục-vọng (ái). *Không còn sự-đến và sự-đi*: không *sự-đến* bằng cách tái-sinh, *không sự-đi* bằng cách chết-đi. *Điều này chính là sự chấm-dứt khổ*: điều này chính là sự chấm dứt, sự kết thúc, sự tới hạn của *sự-khổ* vì *những ô-nhiễm* (lậu hoặc) và *sự-khổ* vì vòng *luân-hồi* (đây cũng được gọi là *còn những 'rào-cản'*).

- Ở đây, nếu có những người nghĩ rằng cụm chữ “*ở-giữa hai chỗ đó*” (*ubhayamantarena*) là hàm nghĩa một trạng thái trung-gian như một dạng thân trung-âm (*antarābhava*) thì điều họ nói là vô nghĩa, bởi vì *Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma)* đã bác bỏ sự tồn tại của một trạng thái trung-gian (thân trung âm). Bởi vậy, nghĩa ở đây chỉ đơn giản là: “*Không ở đây, không ở trên, cũng không ở giữa đó—mà là một trường hợp khác*” (chẳng hạn Niết-bàn).

- Mặc dù *Vi Diệu Pháp* của Trường Lão Bộ (*Theravāda Abhidhamma*) [coi thêm **Kvu** 362–66] và những luận giảng đã bác bỏ sự tồn tại của một *antarābhava* (thân trung-âm), nhưng vẫn có một số kinh dường như đã ủng hộ quan niệm này. Mời coi thêm chú thích 382 cuối kinh **SN 44:09** (cuối Quyển 3 này), và coi thêm chú thích số 65 gần cuối kinh **SN 46:03** (Quyển 5).] (53)

54 [Tới chỗ **(b)** này thì **Spk** chú giải rằng: Thầy Channa đã cắt tĩnh mạch cổ của mình, và lúc đó sự sợ-chết đã xâm nhập vào thầy ấy. Khi dấu-hiệu (hình tướng) của cảnh giới tái-sinh xuất hiện, thầy ấy mới nhận ra mình vẫn còn là một phàm và tâm thầy ấy trở nên bị kích động. Thầy ấy liền thiết lập sự minh-sát, nhận biết rõ *những sự tạo-tác* (các hành) , và thầy ấy đã chứng *bát-Niết-bàn* như một *sama-sīsī* (tức cùng lúc kết-thúc thân mạng).] (54)

- Coi chữ *sama-sīsī* (*đạt tới cùng lúc hai sự kết thúc, người chứng đắc cùng lúc hai sự kết thúc*. Chú thích 312 ở kinh **4:23** (Quyển 1) có ghi như vậy: - [Thầy ấy được gọi là một *sama-sīsī* (*người đồng thời đạt/chứng đắc hai sự kết thúc*): mời đọc **Pp** 13,25–27, cũng được luận giải ở **Pp-a** 186–187]. Thầy ấy là một *jīvita-samasīsī*: là *người cùng lúc chứng đắc cả hai điều* (i) sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) và sự chấm dứt mạng-sống (sinh tận). [Còn một loại *sama-sīsī* nữa là đồng thời chứng đắc (i) sự hết bệnh (bệnh đau biến mất) và/vào lúc (ii) chứng quả A-la-hán khi còn sống.]

55 [Đến chỗ (c) này thì **Spk** lại chú giải: [Mặc dù sự tuyên bố về sự “không tội lỗi” đã được nói ra khi thầy Channa vẫn còn là một người phạm, nhưng do sự chứng Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn) của thầy ấy xảy ra *lập tức* ngay sau đó, cho nên Phật đã trả lời bằng cách nhắc lại chính lời tuyên bố đó của thầy ấy.]

► Nên lưu ý rằng: sự diễn dịch như trên bởi luận giảng chỉ là sự gán ghép những thông tin từ ngoài vào đối với bài kinh; (không nhất thiết những chú giải là luôn đúng với nghĩa của kinh); vì đúng thực đó chỉ là những thông tin do diễn dịch từ bên ngoài chứ không phải lời kinh tự nói ra. Nếu chúng ta chỉ cần *bám kỹ* vào lời bài kinh thì có lẽ thầy Channa đã là một A-la-hán khi thầy ấy nói lời tuyên bố như vậy, và nếu đúng vậy thì đây thực sự lại là một ‘*cú sốc*’ khi cả 02 vị thánh sư huynh *đã không nhận ra* điều đó! Dĩ nhiên, ý nghĩa bài kinh đã kể là: sự đau đớn hành hạ tột cùng đó cũng khiến ngay cả một A-la-hán cũng muốn kết liễu thân mạng của chính mình—không phải do sân hận mà chỉ đơn giản là do một ý chí muốn được tự do khỏi sự đau đớn bất khả chịu đựng đó. (Giống trong kinh **SN 22:87** (Quyển 3) nói về sự kết liễu thân mình của A-la-hán Vakkali vậy; kinh **SN 4:23** (Quyển 1) cũng nói về sự kết liễu như vậy của A-la-hán Godhika). (55)

56 [Tên của ngôi làng được ghi chút khác nhau trong các phiên bản kinh; tôi ghi theo **Ee** ở đây. Tôi coi những chữ *mittakulāni suhajjakulāni upavajjakulāni*—được dùng để mô tả (03) những gia đình tại gia đã giúp đỡ (cúng dường, tiếp tế) cho thầy Channa—là những chữ đồng nghĩa. **Spk** giải nghĩa đó là *upasāṅkamitabbakulāni* (những gia đình được ghé đến, được đến gặp) [để thầy ấy được cúng dường những thứ nhu yếu như y-phục, thức-ăn, thuốc-men ... để nuôi thân tu hành.] (56)

57 [Khi Đức Phật nói về những điều-kiện (yếu tố, lý do) theo đó một người tu là có tội lỗi (*sa-upavajja*), chữ *upavajja* ở đây là đại diện chữ Phạn *upavadya*. Mặc dù ở trên **Spk** đã mới giải nghĩa chính xác chữ *upavajjakulāni* là gì (chú thích kê 56 kê trên), nhưng ở đây nhà luận giải **Spk** dường như không hay biết gì về sự ‘chơi chữ’ cho nên đã luận giải như thể thầy Channa đã thực sự dính tội lỗi vì đã giao lưu gần gũi thân mật với những người tại gia. Nhà luận giải **Spk** đã ghi rằng: “Trưởng lão Xá-lợi-phát, sau khi chỉ ra tội lỗi của thầy Channa vì có sự thân mật với những gia đình (*kulasaṃsaggadosa*) trong giai

đoạn tu tập ban đầu, và thầy Xá-lợi-phất đã hỏi đức Thế Tôn: ‘Khi một Tỳ kheo có những gia đình thân mật như vậy, liệu người đó có thể nào đã chứng được bát Niết-bàn hay không?’ Đức Thế Tôn đã trả lời chỉ ra rằng thầy Channa không có thân mật với những gia đình đó”. Về sự [quá] thân mật tình cảm với những gia đình được coi là một tội hay lỗi vi phạm của những Tỳ kheo: mời coi lại các kinh SN 9:07 (Quyển 1), 16:03, 16:04, 20:09, 20:10 (Quyển 2).] (57)

58 [Kinh này cũng giống kinh MN 145, có tên là *Puṇṇovāda Sutta* (Kinh Khuyên Dạy Phú-lâu-na), chỉ có các đoạn mở đề và đoạn kết thúc có hơi khác chút ít giữa 02 kinh. (Lưu ý: Phú-lâu-na (Puṇṇa) trong kinh này là khác với ngài Phú-lâu-na (Puṇṇa Mantāniputta) được nói trong kinh MN 24 nổi tiếng (và ngài Puṇṇa Mantāniputta là người đã được Phật tuyên bố trong kinh AN 1:196 là đệ nhất trong những đệ tử giỏi về thuyết pháp).

- Bối cảnh bài kinh là, theo Spk: Ngài Phú-lâu-na (Puṇṇa) trước kia đã từng là một thương nhân từ xứ/nước Sunāparanta được nói ra bên dưới, đã đến thành Sāvattthī (Xá-vệ) vì công việc làm ăn. Sau khi nghe được lời thuyết giảng của Phật, thầy đã quyết định trở thành một Tỳ kheo. Sau khi thụ giới thầy ấy thấy vùng xung quanh thành Sāvattthī không hợp cho sự thiền tập của mình, cho nên thầy ấy muốn trở lại quê hương để tiếp tục tu tập. Thầy ấy đã đến gặp Phật để xin Phật hướng dẫn trước khi đi.

- Những chi tiết về tiểu sử của thầy ấy, mời quý vị đọc thêm *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli*, DPPN 2:220–221. Xứ/nước Sunāparanta nằm ở phía bờ tây của Ấn Độ. Thủ đô của nó là Suppāraka, chính là thành phố Sopāra ngày nay, nằm trong quận Thāna gần thành phố Mumbai. (Xứ Sunāparanta ngày nay là bang Maharashtra, bang lớn và đông dân thứ nhì của Ấn Độ; còn Suppāraka/Sopāra vốn là thành phố cảng). (58)

59 [Về chuyện đã từng có những Tỳ kheo do hiểu lầm giáo lý của Đức Phật một cách cực đoan về “sự ô-úế đáng ghê tởm của thân” nên họ đã tìm nhờ người khác giết mình, mời đọc lại kinh SN 54:09 (Quyển 5).] (59)

60 [Câu cuối “Giờ ... cứ tùy tiện mà đi” = (Khi nào thấy thuận tiện cho mình thì cứ đi) này có chú thích số 650 ở kinh 11:18 (Quyển 1) như vậy: [Nguyên văn câu này: *Yassa dāni kālaṃ maññasi* (Giờ ngài cứ tùy tiện mà đi/đến) =

(*cứ đi khi nào thấy thuận tiện cho mình*). Đọc thêm Manné, bài viết “*On a Departure Formula and its Translation*”. Mẫu câu “*mời đi*” hoặc “*tiễn đưa*” này cũng có trong các kinh: ngay ở đây; trong kinh **35:243** (Quyển 4) cuối đoạn thứ ba và thứ năm; **44:01** (Quyển 4) cuối kinh, **54:09** (Quyển 5) cuối đoạn thứ chín, và **55:06** (Quyển 5) cuối đoạn thứ ba. Ở đây tôi đã biến tấu chút xíu về cách dịch cho phù hợp với ngữ cảnh của các kinh.] (60)

⁶¹ [**Ee** đã bỏ mất câu *ten’ ev’ antaravassena pañcamattāni upāsikāsatāni paṭipādesi*; trong **Be** và **Se** thì thấy có [nhưng **Be** và **Se** ghi động từ cuối là *paṭivedesi*]. Trong kinh **MN 145** ngay câu này thì ghi rằng thầy ấy *đã bát-Niết-bàn* (Niết-bàn cuối cùng và qua đời) “*vào một dịp [thời gian] sau đó*” (*aparena samayena*) chứ không xác định rõ là *ngay trong kỳ an cư Mùa Mưa đầu tiên đó* như trong kinh này.] (61)

⁶² [**Spk**: *Sự quấy động (ejā)* chính là đục-vọng (ái), do vậy mới nói (bị quấy động) theo nghĩa động chuyển (*calanattṭhena*) như vậy. Còn *anejā* (không còn bị quấy động, hết bị khích động) là cách mô tả chung về một A-la-hán.] (62)

⁶³ [Chỗ này coi lại chú thích số 16 của kinh **SN 35:30** ở trước.] (63)

⁶⁴ [Hãy so sánh chỗ đoạn (i)-(ii) này với đoạn (i)-(ii) tương ứng trong kinh **SN 35:31**, và đọc chú thích số 19 chỗ đó.] (64)

⁶⁵ [(*) (Vì nếu một người bỏ qua *12 cơ-sở cảm-nhận* thì người đó đâu thể chỉ ra hiện-tượng nào có thực). [Mời lại chú thích số 7, kinh **SN 35:23**.]

(**) (Nghĩa là: nếu ra ngoài trú xứ (lãnh vực, chuyên môn) của mình thì một người sẽ bị phiền-uru vì sẽ gặp phải khó khăn nan giải). [Mời coi lại chú thích số 8, **SN 35:23**.] (65)

⁶⁶ [Tôi đọc theo **Be** là: *calañ c’ eva byathañ ca*. **Se** và **Ee** ghi chữ *vyayañ* thay vì chữ *byathañ*, nhưng **Be** dường như cũng có sự ủng hộ của **Spk** và **Spk-pt**. **Spk** (của **Be**) khi ghi: *Calañ c’ eva byathañ cā ti attano sabhāvena asaṇṭha-hanato calati c’ eva byathati ca* = [*Đang chuyển động và đang lung lay: nó chuyển động và lung lay vì nó không giữ ổn định trong bản chất của nó*]. [**Spk** (của **Se**) cũng nói giống vậy nhưng ghi với cách ghi biến tấu là *asaṃvahanato*] còn **Spk-pt** thì chú giải: *Byathati ti jarāya maraṇena ca*

pavedhati [[*Nó*] lung lay: nó rung rẩy vì sự già và chết]. Coi thêm **MW**, mục từ *vyath*: rung rẩy, dao động, đi đến hư hỏng, thất bại.] (66)

67 [Nguyên văn cả câu này: *Phuṭṭho bhikkhave vedeti phuṭṭho ceteti phuṭṭho saññānāti*. Chỗ này chỉ ra 03 uẩn là cảm-giác, những sự tạo-tác, và nhận-thức (thọ, hành, tưởng) một cách tương ứng. (*)Như vậy đối với mỗi cơ-sở cảm-nhận thuộc thân thì tất cả 05 uẩn đều được đưa vào: cơ-sở cảm-nhận và đối-tượng của nó thuộc về sắc-uẩn; thức tương ứng thuộc về thức-uẩn; và 03 uẩn còn lại (cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác) khởi sinh từ sự tiếp-xúc. Còn trong trường hợp cơ-sở tâm thì cơ-sở thuộc thân của tâm (*vatthurūpa*) và [trong một số trường hợp] đối-tượng là sắc uẩn.

- (Riêng chú thích 67 này: từ chỗ (*) người dịch Việt dịch nguyên văn chú giải, nhưng không thực sự thông hiểu nghĩa của nó!).] (67)

68 [Tên kinh này ghi theo **Be**. Trong **Se** kinh này được gọi là *Cha phassāyatana* (Sáu Cơ-Sở (để) Tiếp-Xúc) và trong **Ee** kinh này và kinh kế tiếp được gọi là *Saṅgayaḥa* (Gồm Có) theo nghĩa gồm có phần thi kệ.] (68)

69 [Cụm chữ cuối là: *dukkhādhivāhā*. **Spk**: chúng là những thứ mang (*āvahanakā*) sự cực-khổ (khổ cùng cực, khổ cực kỳ, cực thống khổ = *adhidukkha*), được xếp loại như địa ngục ... vân vân.] (69)

70 [Chữ cuối là: *sukhādhivāhā*. **Spk**: chúng là những thứ mang (*āvahanakā*) sự cực-lạc (hạnh-phúc cực kỳ = *adhisukkhā*), được xếp loại như những trạng thái như các “tầng thiên định, thánh đạo, và thánh quả” vậy.] (70)

71 [Nguyên văn câu kệ (*pāda*) này là: *papañcasaññā itarītarā narā*, dựa vào đó **Spk** đã luận giải: luận giải rằng “Những chúng sinh phàm tục trở thành ‘sự nhận-thức được tăng phóng’ là do sự nhận-thức bị ô nhiễm (lậu tướng, *kilesasaññāya*).” Về cách mà “những nhận-thức và những ý-niệm bị tác động bởi sự tăng-phóng” khởi sinh và ám muội một người: mời coi lại kinh **MN 18**, từ mục 15.

- Chữ *papañca* được giải thích bởi các luận giảng như 03 nguồn-gốc: thông qua ái, ngã mạn, tà kiến (*taṇhā, māna, diṭṭhi*) trong khả năng của chúng gây ra sự điên-đảo của tâm và sự ám-muội của tâm.

- “*Sự nhận-thức bị tăng phóng*” có lẽ nên được dịch nghĩa là *sự nhận-thức bị điên đảo* cho rằng mọi sự là [thường, lạc, ngã, tịnh] so với thực tại đúng là [vô-thường, khổ, vô-ngã, bất tịnh]; [mời coi thêm cách xử lý và dịch nghĩa chữ *saññāvipallāsa* (*sự đảo-điên của nhận-thức*) trong kinh **AN 4:59**]. *Sự đảo-điên của nhận-thức* như vậy bị gây ra bởi những ô-nhiễm đang tăng phóng (lậu hoặc đang tăng bội).

- “*Trạng thái tâm*” là dịch chữ *manomaya*, là một tính từ có nghĩa “*do tâm tạo ra*”, với một danh từ được phẩm định ngầm hiểu. **Spk** giải nghĩa 02 câu cuối này là: “Sau khi đã xua tan mọi ý-nghĩ do tâm tạo ra (*manomayaṃ vitakkam*) liên hữu (dính lúu, câu hữu) với ‘đời sống tại gia’ của 05 dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục-lạc), một Tỷ kheo tu tốt bước đi trên [con đường] gắn liền với sự từ-bỏ.” Sự tương phản giữa sự hỷ lạc (vui sướng) của đời sống tại-gia phạm tục và sự hỷ lạc của đời xuất-gia đã được giải thích trong **MN 137**, mục 10, 11.] (71)

⁷² [Ngài *Mālunḅyaputta* cũng xuất hiện trong kinh **MN 63** và **MN 64**; và trong các thi kệ **Th 794–817**. Vị này cũng có mặt trong kinh **AN 4:257** trong đó thầy đã thỉnh cầu Giáo Pháp lúc tuổi đã già. **Spk** giải thích rằng thời trẻ thầy ấy đã lơ tâm phóng dật, say mê với những vui thú dục-lạc; giờ khi tuổi đã già thầy ấy muốn sống trong rừng và thiền tập.] (72)

⁷³ [**Spk** nói: Đức Thế Tôn nói như vậy như có ý quở trách thầy ấy đã không lo tu khi còn trẻ mà để tới già mới lo và đã không làm gương cho những Tỷ kheo trẻ.] (73)

⁷⁴ [**Spk** giải nghĩa chữ *adiṭṭhā* ở đây là “*đã không được nhìn thấy trong kiếp này*” và chữ *adiṭṭhapubbā* là “*chưa bao giờ được nhìn thấy trước đây*” trong quá khứ. Để minh họa cho những diễn đạt này, mời đọc kinh **42:11** (Quyển 4 này).] (74)

⁷⁵ [*Lời chỉ giáo* như vậy cũng đã được Đức Phật nói cho du sĩ *Bāhiya Dārucīriya* ở kinh **Ud 08**. Nghĩa ở đây được nén cực kỳ cô đọng, và ở một số chỗ lời đoạn kinh có vẻ thánh thức quy chuẩn văn phạm, chẳng hạn như nó coi các chữ *na tena* và *na tattha* như những thuộc từ chỉ danh.(?) - **Spk** chú giải rất dài chỗ này, tôi chỉ dịch tóm lược như sau:

- (i) Trong *cơ-sở sắc* (sắc xứ) [tức: *trong thứ được nhìn thấy bởi thức-mắt*], thì “*chỉ [sẽ] có thứ được nhìn thấy*”. Bởi vì thức-mắt chỉ nhìn thấy *sắc trong sắc* chứ không thấy bản thể nào là thường hằng ... vân vân. Cách giải thích tương tự vậy đối với các thức còn lại [**Spk-pt** bổ sung: chẳng hạn như các *thức tốc hành (javana)*], ở đây [sẽ] chỉ có thứ được nhìn thấy mà thôi. (ii) Hoặc cách chú giải khác: Cái được gọi là “*thứ được nhìn thấy trong thứ được nhìn thấy*” chính là thức-mắt, điều đó có nghĩa là sự nhận biết về sắc trong sắc. Chữ “*chỉ, chỉ có, chỉ là*” là biểu thị giới hạn (*mattā ti pamāṇam*). Nó chỉ có thứ được nhìn thấy; như vậy “*chỉ là thứ được nhìn thấy*”, [một thuộc-tính của] *tâm*. Nghĩa ở đây là: “Tâm của ta sẽ chỉ là một thức-mắt.” Nghĩa muốn nói ở đây là: Do thức-mắt không bị tác động bởi tham, sân, hay si trong liên hệ với một hình-sắc đã đi vào trong tầm (nhìn), cho nên *thức tốc hành (javana)* sẽ chỉ như *một thức-mắt* khi không có tham, sân, si. Tôi sẽ thiết lập *thức tốc hành (javana)* chỉ với *thức-mắt là giới hạn*. Tôi sẽ không vượt quá giới hạn để không cho phép tâm khởi sinh theo cách của tham, sân, si. Tương tự như vậy đối với *thứ được nghe thấy* và *thứ được cảm nhận*. Thứ “*được nhận biết*” là đối-tượng được nhận biết bởi sự hướng ra cửa-tâm (*manodvārāvajjana*). Trong thứ được nhận-biết, “*chỉ là thứ được nhận biết*” chính là sự hướng tới [thức] là giới hạn. Khi một người không trở thành có tham, sân, si [bằng sự hướng tới (giới hạn đó)], vậy thì tôi sẽ thiết lập tâm tôi với sự hướng tới giới hạn, không cho phép nó khởi sinh theo cách của tham, sân, si. *Thầy sẽ không là (bị tạo tác) “bởi-đó” (na tena)* nghĩa là: thầy sẽ không bị kích khởi bởi *sự tham đó* hay bị kích động bởi *sự sân đó* hay bị ngu mờ bởi *sự si đó*. *Vậy thì thầy sẽ không ở “trong-đó” (na tattha)* nghĩa là: Khi thầy không bị kích khởi bởi tham, không bị kích động bởi sân, không bị ngu mờ bởi si, thì “*thầy sẽ không ở trong-đó*”— không bị dính, dính lúu, dính mắc, không bị thiết lập trong *những thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, và được nhận biết*.

- (iii) **Spk** đã chú giải cụm chữ “*không ở bên-này hay bên-kia hay ở giữa hai-bên*” giống như nó đã giảng lược trong chú thích 53 ở kinh **35:87**—và một lần nữa luận giảng này đã đề nghị tránh bỏ việc thừa nhận có một trạng thái trung-gian (như thân trung ấm).

- (iv) Những thi kệ bên dưới là phân giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời Đức Phật đã nói ra một cách ngắn gọn. Đọc các thi kệ thấy dường như chúng

đã đi xa hơn cái sự “*chỉ là thứ được nhìn thấy*”, rằng thi kệ đã gán thêm “*dấu-hiệu dễ chịu*” (*piyanimitta*, tướng đẹp, tướng sướng)—là một thuộc-tính hấp dẫn, đáng thích—cho những đối-tượng được nhìn thấy, được nghe thấy ... vân vân, và sự này nên mới phát sinh những ô-nhiễm [sự hấp dẫn (tham) và sự khó chịu (sân)] là quả của nó.] (75)

76 [Nên đọc câu này là: *cittam ass’ ūpahaññati.*] (76)

77 [*Khīyati no pacīyati.* Câu này không ghi chủ từ là cái gì được tiêu tán ... nhưng **Spk** gợi ý đó có lẽ cả 02 thứ: “*sự khổ*” và “*những ô-nhiễm khác nhau*” được tiêu tán.] (77)

78 [Chữ gốc là: *parihānadhamma.*] (78)

79 [Nguyên văn: *Sarasāṅkappā saṃyojaniyā.* **Spk** coi *sara* là xuất thân từ chữ *saranti* (chạy) và giải nghĩa là *dhavanti*, nhưng tôi coi nó là một từ đồng âm có nghĩa là “*nhớ*” [*nhớ*” cũng là căn bản của danh từ *sati* gồm có cả 02 nghĩa là (i) *sự-nhớ* và (i) *sự chánh-niệm.*] (79)

80 [Nguyên văn: *cha abhibhāyatanāni (06 cơ-sở được làm-chủ)* (được chế ngự, được kiểm soát, được phòng hộ). **Spk** giải nghĩa là: *abhibhavitāni āyatanāni*. Tất cả 08 cơ-sở này là khác với 08 cơ-sở của sự làm-chủ (*aṭṭha abhibhāyatanāni*) đã được nói đến trong **DN 16**, mục 3.34; **MN 77**, mục 23, và chú thích 765 ở đó; vân vân.] (80)

81 [“*Bị lấp, bị lấp đất, bị phủ đất*”. **Spk**: chữ gốc: *byāsiñcati* có nghĩa gốc là rải lấp, rải đầy; hàm nghĩa ở đây là: *bị nhuộm màu bởi những ô-nhiễm.*] (81)

82 [Chỗ này đọc theo **Se** và **Ee** là *dukkhaṃ viharati*, khác với **Be** ghi là *dukkhaṃ hoti.*] (82)

83 [*Những hiện-tượng (các pháp) không thể hiện (dhammā na pātubhavanti).* (i) Theo **Spk** chú giải: đây là chỉ những trạng thái của thiền-định và minh-sát (*samatha-vipassanā dhammā*) không thể hiện; (ii) nhưng theo tôi [TKBĐ] nghĩ thì nghĩa ở đây là đang chỉ: *những cơ-sở bên trong* (nội xứ) và *những cơ-sở bên ngoài* (ngoại xứ) [được gọi chung ở đây là *các pháp (dhamma)*] không thể hiện đúng như thực là ‘*vô thường, khổ, vô ngã*’; coi thêm kinh **SN**

35:99 kể dưới kinh này. - (Nhân tiện, lời đoạn kinh giống trong kinh **55:41** (Quyển 5), ở đoạn (1).] (83)

84 [Kinh này **35:99** và kinh kế tiếp **35:100** là các kinh song hành tương ứng các kinh **22:05** và **22:06** (Quyển 3). Mời coi lại chú thích số 31 ở kinh **22:06** về *sự tách-ly về thân* (thân ăn dật, ăn tu).] (84)

85 [Kinh **35:101** này và kinh kế tiếp **35:102** là các kinh song hành tương ứng các kinh **22:33** và **22:34** (Quyển 3). Coi lại chú thích số 46 ở kinh **22:33.**] (85)

86 [Ông *Uddaka Rāmaputta* là vị thầy thứ hai của Phật về thiên-định vào thời trước khi Đức Phật giác-ngộ; thời đó Phật đã thấy cách tu đó không đưa đến sự giải-thoát rốt ráo, nên đã từ biệt ông. Coi **MN 26**, mục 15, 16.] (86)

87 [Đoạn mô tả về thân “*thân này gồm bốn yếu tố lớn ... phải bị chà xát và bị đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã*” là đoạn “mẫu” cũng có trong các kinh **SN 35:245** và **41:05**. **Spk** giải thích sự *chà-xát* (*ucchādana*) là dùng hương thom và dầu thom (xà bông) để chà xát loại bỏ những mùi hôi, và sự *đè-bóp* (*parimaddana*) là thoa bóp bằng nước để loại bỏ sự đau nhức của tay chân. Toàn bộ lời đoạn “mẫu” này mô tả này chỉ ra những giai đoạn *khởi-sinh, tăng-trưởng, sa-sút, và hủy-hoại* của thân.] (87)

88 [*Yogakkhemīpariyāyam: sự an-toàn khỏi (mọi) sự trói-buộc*. Về chữ diễn đạt này: tôi đã dịch hơi rườm rà nhiều chữ với chủ ý để “bắt” cho được nghĩa của sự chơi chữ nằm ẩn dưới phần thuyết giảng dưới đây [mời đọc chú thích kế dưới]. *Yogakkhema* thường là một chữ đồng nghĩa với thánh quả A-la-hán hay Niết-bàn, được chú giải bởi các nhà luận giảng là sự an-toàn hay sự thoát-ly khỏi *04 sự trói-buộc* (*yoga*) là tham-dục, sự hiện-hữu, vô-minh và những tà-kiến.] (88)

89 [Ở đây có sự chơi chữ [không thể nào bắt chước được] dựa trên một sự pháis sinh 02 lần của chữ *yogakkhemi*. Đúng hơn, chữ sau là một dạng của chữ trừu tượng *yogakkhema*, có nghĩa là ‘*người an-toàn khỏi sự trói-buộc*’. Tuy vậy, bên cạnh nghĩa *sự trói-buộc*, chữ *yoga* cũng có thể có nghĩa là *sự nỗ-lực* hay *sự cố-gắng*—đây là một nghĩa có liên hệ tới câu trước là: *tesañ ca pahānāya akkhāsi yogam*. Về mặt ngữ âm, câu này có lẽ nối kết động từ

akkhāsi [thông qua gốc từ *khā*] với chữ *khemī*, mặc dù chúng không có liên hệ gì với nhau về mặt từ nguyên. Như vậy chữ *yogakkhemī* có thể có nghĩa là “người an-toàn khỏi sự trôi-buộc” [nghĩa thực] hoặc “người tuyên bố về sự cố-gắng” [nghĩa do lời kinh cố tình chuyển tải bằng sự chơi chữ]. **Spk** nói rằng người được gọi là *yogakkhemī* không phải chỉ vì người đó ‘tuyên bố’ [về sự cố-gắng] mà cũng bởi vì người đó ‘đã dẹp-bỏ’ [dục và tham.] (89)

⁹⁰ [So sánh với kinh **SN 22:150** (Quyển 3), và coi lại chú thích 146 ở kinh **22:83** (Quyển 3) về chữ *upādāya* (do chấp-thủ, bởi do sự chấp-thủ).] (90)

⁹¹ [Đây là 03 dạng của “sự tự-ta” (ngã mạn, ta-đây, ta-là); coi thêm kinh **SN 22:49**.] (91)

⁹² [Kinh này **35:109** và kinh kế tiếp **35:110** là song hành tương ứng các kinh **22:120** và **22:121** (Quyển 3).] (92)

⁹³ [Kinh này **35:111** và kinh **35:112** kế là gần giống hệt kinh **35:26**.] (93)

⁹⁴ [Chỗ này thì **Be** ghi đúng chánh tả hơn là: *paṭimukk’ assa mārapāso* [và ngay bên dưới ghi là: *ummukk’ assa mārapāso*]. **Spk** giải thích là: cạm bẫy của Ma Vương (*Māra*) được siết chặt, được quán quanh cổ của người đó. So sánh với kinh **It 56,15–21**.] (94)

⁹⁵ [Lời trong ngoặc vuông [...] ở đây và bên dưới cũng có trong kinh kế trên, nhưng trong kinh này chỉ có trong phiên bản **Be**.] (95)

⁹⁶ [Coi thêm kinh **SN 2:26** (Quyển 1) [= kinh **AN 4:45**] với vị tiên trẻ Rōhitassa; kinh **35:116** này có thể được coi như một “luận giảng” cho 02 kinh đó vậy.] (96)

⁹⁷ [Toàn bộ phần lời kinh còn lại bên dưới cũng được tìm thấy tương tự có trong kinh **MN 18**, **MN 138**. **Spk** nói: Phật đã biết trước các Tỷ kheo sẽ đến gặp hỏi thầy Ānanda để thầy ấy sẽ giảng giải, và sự giảng giải của thầy ấy sẽ được khen ngợi. Rồi các Tỷ kheo đó sẽ kính trọng thầy Ānanda, và điều đó sẽ làm tăng thêm ích-lợi và hanh-phúc dài lâu cho họ.] (97)

⁹⁸ [Nguyên văn cả câu này: *Yena kho āvuso lokasmiṃ lokasaññi hoti lokamāni ayaṃ vuccati ariyassa vinaye loko*. Về hàm nghĩa của câu này, mời coi lại kinh SN 2:26 (Quyển 1) và chú thích 182 ở đó.] (98)

⁹⁹ [Về nghĩa “*sáu cơ-sở cảm-nhận [sáu xứ] là ‘thế giới’ theo nghĩa đang tan rã*”: mời coi lại kinh 35:82 ở trên. Ở đây chúng được gọi là ‘*thế giới*’ bởi vì chúng là những điều-kiện (duyên) để chúng sinh trở thành *người nhận-thức* và *người nhìn-nhận về thế giới*. Chúng ta có thể đoán rằng: 05 *cơ-sở cảm-nhận thuộc thân* là nổi trội trong việc tạo nên một “*người nhận-thức về thế giới*”; còn *cơ-sở tâm* thì tạo nên một “*người nhìn-nhận về thế giới*”. Tuy nhiên trong kinh không nói sự khác biệt gì về 02 loại người này. *Sáu cơ-sở cảm-nhận* ngay lập tức là một phần của thế giới [“*là thứ trong thế giới*”] và là phương tiện cho sự thể hiện của một thế giới [“*thứ thông qua đó*”]. Chỗ “*kết-thúc thế giới*” phải đạt tới được thì mới làm nên *sự kết-thúc đối với sự khổ*, đó là *Niết-bàn*: vốn được gọi [ngoài những cách gọi và định nghĩa khác] là = *sự chấm-dứt sáu cơ-sở cảm-nhận*.] (99)

¹⁰⁰ [Cụm chữ cuối là: *cetaso samphuṭṭhapubbā*, được giải nghĩa bởi Spk là *cittena anubhūtapubbā* (được trải nghiệm trước đó bởi tâm).

- **Spk** lần lượt chú giải rằng: (i) Khi nói *tâm của ta đã thường đi lạc (tatra me cittam bahulam gaccheyya)* là Đức Phật chỉ rằng: “*Trong nhiều lúc nó chuyển tới năm dây dục-lạc đã từng trải nghiệm trước đó lúc ta đang thụ hưởng sự xa xỉ trong 03 cung điện với 03 loại vũ nữ ... (khi còn là thái tử)*”. (ii) *Hoặc đi lạc tới năm dây dục-lạc có trong hiện tại (paccuppannesu vā)* là Đức Phật chỉ rằng: “*Suốt những năm tháng chuyên-cần tu (tinh cần tu khổ hạnh) thường có năm dây dục-lạc khởi sinh, như những đối-tượng giác quan đẹp, ví dụ như những vườn hoa, những đàn chim đẹp ...*”. (iii) *Hoặc ít nhiều chạy tới năm dây dục-lạc trong tương lai (appaṃ vā anāgatesu)* là Đức Phật chỉ rằng: “*Tâm có thể đôi chút khởi sinh tới tương lai, khi Phật nghĩ: ‘Metteyya (Di-lặc) sẽ là vị Phật (tương lai), Saṅkha sẽ là vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương tương lai), Ketumatī sẽ là kinh đô (tương lai)’*”
Rõ ràng **Spk** không thể nhìn nhận đó là ‘*những đối-tượng giác quan đẹp tương lai*’ mà nhìn nhận đó là một vị Phật tương lai ... (Chỗ này người dịch Việt cũng không hiểu tại sao những ‘*vị Phật, vua, thủ đô tương lai*’ lại là tương đương với ‘*những đối-tượng dục-lạc đẹp của tương lai!*’).] (100)

101 [Chữ cuối: *attarūpena*. **Spk** giải nghĩa là: *Attano hitakāmajātikena* (bởi người mong muốn được phúc lợi cho mình). Lời diễn đạt này cũng có trong các kinh **AN 4:95-99**. **Spk** giải thích sự chuyên-chú và sự chánh-niệm cần được thực hành vì mục đích để phòng-hộ cái tâm đối với năm dây khoái-lạc giác quan.] (101)

102 [**Be** và **Se** ghi là *se āyatane veditabbe*—được ủng hộ bởi **Spk** (của **Be** và **Se**)—khác với **Ee** ghi là *ye āyatane veditabbe*. Đây rõ ràng là một dạng chữ phương ngữ cổ miền Đông của từ chỉ danh trung tính mà vì lý do nào đó đã thoát khỏi sự chuyển đổi qua tiếng Pāli.

- **Spk**: “Bởi vì sự chuyên-chú và sự chánh-niệm nên được thực hành vì mục đích phòng hộ cái tâm, và do vậy, khi *cơ-sở đó* được hiểu thì không còn gì cần phải được làm thêm ‘bằng sự chuyên-chú và sự chánh-niệm’, do vậy mới nói ‘*cơ-sở đó cần nên được hiểu*’; tức là = ‘*nguyên nhân đó cần nên được biết*’ (*taṃ kāraṇaṃ jānitabbaṃ*).” Trong kinh **Ud 80,10-16**, Niết-bàn được mô tả như một *āyatana* (một cơ-sở, một xứ).] (102)

103 [Tôi đọc theo **Se** và **Ee** là: *yattha cakkhuñ ca nirujjhati rūpasaññā ca virajjati*. **Be** cũng đồng nhất có động từ thứ hai là *nirujjhati*, nhưng chữ biến thể trong **Se** và **Ee** có vẻ là nguyên thủy hơn.] (103)

104 [Nguyên văn cả câu này là: *Salāyatananirodhaṃ ... sandhāya bhāsitaṃ*. **Spk**: “*Chính Niết-bàn được gọi = sự chấm-dứt sáu cơ-sở cảm-nhận* (sáu xứ diệt), vì trong (trạng thái) *Niết-bàn mất, tai ... chấm dứt và những nhận-thức* (tưởng) *về những hình-sắc, những âm-thanh ... phai biến mất*.”

- Ở đây chúng ta để ý: mặc dù thầy Ānanda nói “*tôi hiểu một cách chi tiết*” nhưng thực ra câu trả lời của thầy vồn vện còn ngắn hơn cả câu Đức Phật đã nói ra.] (104)

105 [Câu cuối này là: *Sa-upādāno ... bhikkhu no parinibbāyati*. Nếu dịch theo nghĩa ẩn dụ, câu này cũng có thể dịch nghĩa là “*Một Tỳ kheo với (còn) nhiên liệu thì không thể được hoàn toàn dập tắt được*”. (Coi thêm đoạn cuối kinh **36:07**).] (105)

106 [Đề ý: Thiên thần *Pañcasikha* cũng xuất hiện trong kinh dài **DN 21** là một nhạc công và thi sĩ trên cõi trời.] (106)

107 [Mời coi phân tích chi tiết trong **Vism** 20-22 (**Ppn** 1:53-59).] (107)

108 [Mời coi **Vism** 31-33, (**Png** 1:89-94)] (108)

109 [Kinh này giống hết kinh **MN 147**.] (109)

110 [*Vimutti-paripācaniyā dhammā* (tạm dịch Việt): *những trạng thái (dần) chín muồi tới sự giải-thoát*. (1) **Spk** diễn dịch đây gồm 15 phẩm-chất (đề) thanh lọc 05 căn [căn niềm-tin, nỗ-lực, chánh-niệm, định-tâm, và trí-tuệ - (tín, tấn, niệm, định, tuệ)], được gọi là, đối với mỗi căn thì: (i) tránh những người thiếu hụt căn đó, (ii) giao lưu với người được phú căn đó, và (iii) suy xét về các kinh truyền cảm hứng sự chín-muồi của căn. (3x5=15).

- (2) **Spk** còn đưa ra một bộ 15 phẩm-chất khác, bao gồm: (i) 05 căn nói trên; (ii) 05 nhận-thức góp phần vào sự thâm-nhập [đó là: *nhận-thức về sự vô-thường, sự khổ, sự vô-ngã, sự trừ-bỏ, và sự chán-bỏ*; về 02 sự nhận-thức cuối, coi thêm các kinh **AN 10:56, 59, 60**]; và (iii) 05 phẩm-chất đã được dạy cho *Tỳ kheo Meghiya*, được gọi là: sự có đạo-hữu tốt, giới-hạnh đúng theo của *Giới Bản Tỳ kheo (Pātimokkha)*, sự đàm-đạo thích hợp, sự nỗ-lực tu (tinh tấn), và trí-tuệ [coi thêm kinh *Meghiya AN 9:03*; kinh **Ud 36,3-28**].] (110)

111 [**Spk** chú giải rằng: Những thiên thần đó là những người bạn của Rāhula trong kiếp trước, họ đã từng phát khởi tâm-nguyện [được giác-ngộ] cùng với Rāhula khi Rāhula đang phát tâm-nguyện [được trở thành con trai của một vị Phật] dưới chân của Phật Padumuttara (Bảo Liên Hoa). Họ đã tái sinh trong những cảnh giới khác nhau nhưng vào ngày này tất cả họ đang đến tụ họp ở đây trong Khu Vườn Người Mù.] (111)

112 [**Spk** giải thích rằng: Trong bài kinh này, chữ “*tầm-nhìn của Giáo Pháp*” (= sự thấy bằng Giáo Pháp, pháp nhãn) không phải chỉ dùng để chỉ riêng (phẩm-chất của) bậc Nhập-lưu không thôi, mà nó chỉ cả 04 thánh đạo và 04 thánh quả. Bởi vì những thiên thần trong số đó có sự chứng ngộ thấp nhất cũng là Nhập-lưu (đều là bậc thánh), nhưng có số đã chứng ngộ những thánh

đạo và thánh quả cao hơn như Nhất-lai, Bất-lai, và có cả A-la-hán. Số lượng thiên thần ở đây này là rất nhiều, không thể đếm được.]

- (Có sinh là có diệt; hữu sinh hữu diệt; mọi sự chỉ là sinh và diệt; sinh-diệt là bản chất của mọi thứ trong thế giới; mọi sự chỉ là sinh diệt, có mất, vô thường.) (112)

113 [Trong kinh **AN 1:253** gia chủ Ugga ở Vesālī được Đức Phật tuyên bố là đệ nhất trong các đệ tử tại gia nam về “sự cúng dường những thứ đáng thích nhất đúng đắn nhất”.] (113)

114 [Trong kinh **AN 1:254** gia chủ Ugga ở Hatthigāma được Đức Phật tuyên bố là đệ nhất trong các đệ tử tại gia nam về “sự phụng sự chăm lo cho Tăng Đoàn”.] (114)

115 [Về câu chuyện chuyển đạo của gia chủ Upāli, coi kinh **MN 56**.] (115)

116 [Trong kinh **AN 1:195** thầy Bhāradvāja được Phật tuyên bố là đệ nhất trong các đệ tử xuất gia là những người đã cất lên ‘tiếng gầm sư tử’ [tuyên bố đồng đạc quan trọng về điều gì]; thầy ấy tuyên bố thánh quả A-la-hán của mình trong kinh **SN 48:49** (Quyển 5); coi thêm Luật Tạng, **Vin II, 111-12**.] (116)

117 [Vua Udena là vua của xứ Kosambī; về chuyện cuộc đời ông, mời đọc thêm các luận giảng **Dhp-a I 161–227**; **BL 1:247–93**.] (117)

118 [Cụm chữ cuối: *addhānaṃ āpādentī*. **Spk** đã giải nghĩa là: *paveṇiṃ paṭipādentī*; *dīgharattaṃ anubandhāpentī* (họ kéo duy trì nó một cách liên tục; họ theo đuổi nó trong thời gian dài lâu”.] (118)

119 [Nguyên văn câu này: *Mātumattisu mātucittam upaṭṭhapetha*. (Nghĩa chữ hơi khó dịch Việt, nhưng có lẽ đại ý là): “Thiết lập một tâm về mẹ đối một đối-tượng như mẹ”; và tương tự các câu về chị em gái, con gái. **Spk** chú giải rằng mẹ, chị em gái và con gái là “03 đối-tượng được tôn trọng” (*garukā rammaṇa*) không thể bị xâm phạm. Thật thú vị là: câu nói này, mặc dù ở đây lời kinh đã gán cho Đức Phật đã nói ra như một lời khuyên dạy phổ biến, lại không được tìm thấy trong bất kỳ kinh nào trong toàn Kinh Tạng.] (119)

120 [Chỗ này (1) chính là *đề-mục thiền quán* (chủ-đề thiền) được gọi là “*sự nhận-thức về không hấp-dẫn (asubhasaññā) của thân*” [đã được nói trong các kinh, như kinh **AN 7:49**, đoạn (1)], hoặc (2) là “*Sự quán-niệm về thân*” (*kāyagatāsati*) đã được giảng giải chi tiết trong **Vism 239–66 (Ppn 8:42–144).**] (120)

121 [Chữ gốc là: *abhāvitakāyā: không tu thân. Spk* chú giải: không được tu tập về “thân” của năm cửa [giác-quan] (*abhāvitapañcadvārikakāyā*), tức là thiếu sự kiểm chế các giác-quan.] (121)

122 [Chữ gốc: *dhātunānatta*. Coi thêm các kinh **SN 14:01–10** (Quyển 2). Mỗi *thể thức cảm-nhận* (tức thông qua *mỗi căn* hay *mỗi nội xứ*; có 06 căn/xứ) có 03 yếu-tố (giới)—*căn cảm-nhận*, *đối-tượng*, và *thức*—do vậy tổng cộng là 18 yếu-tố (giới).] (122)

123 [**Spk**: *Tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là srong* (sự khởi-sinh tùy thuộc, duyên khởi): đó là, một *tiếp-xúc* hội với *thức-mắt* có chức năng là một điều-kiện (duyên) [với chức năng là *sự hỗ-trợ quyết định (upanissaya)*] đối với (tạo ra, sinh ra) một *cảm-giác* srong trong chặng *javana* (túc hành tâm) tùy thuộc vào *chỉ một tiếp-xúc*. Ứng dụng cách lý giải tương tự cho những đoạn kinh kế tiếp.] (123)

124 [Gia chủ này cũng xuất hiện trong các kinh **SN 22:03–04** (Quyển 3).] (124)

125 [Câu trích dẫn này cũng có trong kinh **SN 14:04** (Quyển 2).] (125)

126 [*Manāpaṃ itth’ etan ti pajānāti. Spk*: Tỳ kheo đó hiểu cái *hình-sắc srong* (dễ chịu, lạc) được nhìn thấy bởi mình như vậy: “*Nó chỉ là vậy*”, nghĩa là: “*Đó chỉ là một thứ srong*” (chỉ biết nó là vậy thôi! không có gì phải dính theo hay mê thích hay dính tâm theo nó).] (126)

127 [Tôi đọc theo **Be** và **Se** là: *Cakkhuvīññāṇaṃ sukhavedaniyañ ca phassaṃ paṭicca ...* có vẻ đáng chọn hơn cách ghi của **Ee** là: *Cakkhu- viññāṇaṃ sukhavedaniyaṃ. Sukhavedaniyaṃ phassaṃ paṭicca ...* Không rõ ở đây chữ *cakkhuvīññāṇaṃ* đang được ghi ra như *một yếu-tố thêm* hay chỉ đơn thuần là *một điều-kiện (duyên) cho cảm-giác*. Tôi dịch theo giải thích của **Spk** (coi nó

như một yếu-tố thêm) như vậy: “(Có) thức-mắt, và một tiếp-xúc là một điều-kiện (duyên) tạo ra cảm-giác sướng dưới cái danh nghĩa là sự hỗ trợ quyết định, sự gần gũi, sự tiếp giáp, sự liên kết [coi **Vism** 532–41; **Ppn** 17:66–100]. Tùy thuộc vào đó sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng, ở đó khởi sinh một cảm-giác sướng”.] (127)

128 [Đầu kinh **SN 22:01** (Quyển 3) có chú thích về gia chủ Nakulapitā.] (128)

129 [**Be** ghi: *seleyyakāni karonti*; **Se**: *selissakāni karontā*; **Ee**: *selissakāni karonti*. Sự giải thích của **Spk** cho thấy trò chơi này giống như trò chơi “nhảy cóc” của trẻ con, tức một người nhảy qua lưng của người khác đang khom xuống.] (129)

130 [Bốn danh từ này thuộc những “mẫu câu” của những bà-la-môn dùng để sỉ nhục những sa-môn. (Họ cho rằng những sa-môn là những người thấp hèn được sinh ra từ bàn chân của Trời Brahmā (Phạm thiên), còn những bà-la-môn thì được sinh ra từ miệng ...) “Những tín đồ hèn mọn”: ở đây **Spk** giải nghĩa chữ *bharataka* là = *kuṭumbikā* (những chủ đất), nhưng theo tôi thì nghĩa đây là chữ dùng để chửi những đệ tử thí chủ tại gia. (► Cụm chữ ‘bởi những tín đồ hèn mọn của họ’ theo bản dịch của nhà sư Sujato là: ‘bởi những kẻ giả tạo để thừa hưởng văn minh Vệ-đà’.) (130)

131 [**Spk** diễn dịch rằng: Giáo Pháp ở đây chỉ là *mười đường nghiệp thiện* (chứ chưa có toàn bộ Giáo Pháp của Phật sau này), và thiền định (*jhana*) là sự tu tập 08 tầng thiền-định (chứ chưa có thiền-quán (minh-sát, tuệ)).] (131)

132 [Câu này: *Katā kiñcikkhabhāvanā*. Nghĩa chính xác là không rõ, nhưng tôi dịch theo sự giải nghĩa của **Spk** là: *āmisakiñcikkhassa vaḍḍhanatthāya katan ti attho* (được làm vì mục đích để gia tăng những của cải vật chất cho họ).] (132)

133 [Có ý thích hay ham thích (*adhimuccati*) thứ gì theo cách của “tham”; từ chối hay kháng cự (*byāpajjati*) thứ gì theo cách của “sân” hay “ác-y”.] (133)

134 [Cụm chữ này là: *amhākaṃ ācariyabhariyāya*. Đây có lẽ muốn nói đó là “phu nhân của sư thầy của chúng tôi” (tức nữ bà-la-môn này là người góa chồng), nhưng coi CPD, mục từ *ācariyabhariyā*, thì nói liên quan lời kinh

chỗ này: “khi nói về một nữ sư thầy thì ý nghĩa trở thành: phu nhân là sư thầy của tôi. Như lời kinh ở trên, thiếu niên này được mô tả là một học trò (*ante-vāsī*) của nữ bà-la-môn này. Học giả người Đức Waldschmidt cũng đã xuất bản phiên bản tiếng Phạn của bài kinh này.] (134)

135 [Chữ ‘*dep bình bát*’ nghĩa là không ăn nữa. Hành động đầy đủ của một Tỷ kheo lúc đó là: mang bình bát ra và đổ nước vào, dùng tay phải rửa bình bát và rửa luôn bàn tay mình trong đó luôn (sau cùng có thể tráng nước bình bát và dội nước bàn tay lần cuối).] (135)

136 [Lý do chỗ này là: một Tỷ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho người nghe còn mang giày dép là phạm điều luật *Sekhiya 61*; cho người ngồi chỗ cao hơn là phạm điều luật *Sekhiya 69*; cho người trùm che đầu tóc là phạm điều luật *Sekhiya 67*. Ý nghĩa giới-luật: những trường hợp đó thể hiện sự không tôn trọng của người nghe]; (có lẽ do nữ bà-la-môn không phải người trong Tăng Đoàn nên không hề biết điều đó mà thôi, chứ không phải cô không tôn trọng các Tỷ kheo).] (136)

137 [Bởi do đọc sai phần lời thi kệ “*Tóm Tắt*” cho nên phiên bản **Ee** đã đặt tên sai cho kinh này là “*Devadahakhaṇa*” và kinh kế tiếp là “*Saṅgayha*”. Ghi đúng như **Be** và **Se** thì tên kinh này là “*Devadaha*” và kinh kế tiếp là “*Khaṇa*” và kinh thứ ba là “*Saṅgayha*”.] (137)

- (Nhân tiện ở đầu kinh: (*Sakya* (Thích-ca) là một xứ, một vương quốc, của dân tộc Thích-ca; dân Thích-ca có nhiều dòng tộc, họ tộc khác nhau, như dòng họ Cồ-đàm (Gothama) của Phật ...)

138 [*Chaphassāyatānikā*. **Spk** nói rằng: Thực ra không có địa ngục nào tên này; đây chỉ là cách Phật gọi [sáu xứ] để chỉ chung về 31 đại địa ngục; nếu chỉ cái tệ hại kinh khủng nhất trong số đó thì đó là *đại địa ngục A-tỳ* (*Avīci*), hoặc trong kinh **SN 56:43** (Quyển 5) có tả về một đại địa ngục khác là *Đại Hóa Ngục* (*mahāpariḷāha niraya*). (Người dịch nghĩ Phật gọi tên như vậy bởi vì Phật đang thuyết giảng về sáu xứ và sự tu tập sáu xứ rất hệ trọng, nếu tu tập tốt không sẽ bị rớt vào cảnh giới địa ngục ... vân vân).] (138)

139 [**Spk** chú giải rằng: “Đây là chỉ thiên thành cõi trời Dao-lợi (*Tāvātimsa*). Đức Phật đang muốn chỉ điều gì? (Đó là:) “Không thể nào tu [sống đời sống

tâm linh] theo đạo Phật nếu đang ở trong địa ngục vì ở đó toàn sự cực khổ (khổ đau cùng cực khủng khiếp), cũng không thể nào tu ở cõi trời vì ở đó toàn sự cực lạc (sung sướng cực kỳ) ai cũng lơ tâm phóng dật vì thụ hưởng liên tục những thú vui và sung sướng cõi trời. Nhưng cõi người là có khổ có sướng, vì vậy đây là ruộng đồng để thực hiện sự tu hành [sống đời sống tâm linh, phạm hạnh] theo đạo Phật. (Phật muốn nói) ‘tình trạng làm người đạt được bởi các Tỷ kheo là cơ hội, là thời cơ, là thời kiếp, để tu hành (và giải thoát)’.”] (139)

140 [Ee đã đặt tên sai cho kinh này là *Agayha*, và gộp luôn với kinh kế tiếp vào kinh này. Do vậy cho nên từ kinh **35:137** trở đi số kinh theo cách đếm của tôi vượt quá Ee bởi 1 số. Be thì đặt tên kinh **35:136** là *Paṭhamarūpārāma* và tên kinh **35:137** là *Dutiya-rūpārāma*, trong khi Se thì đặt tên chúng là *Sagayha* và *Gayha*. Cái tên cuối này có lẽ nên được sửa thành *Agayha*, để chỉ sự khác biệt giữa chúng là kinh trước (136) có phần thi kệ và kinh sau (137) không có.] (140)

141 [Các thi kệ bên dưới là = Sn 759–765. Nên sửa lại như sau cho đúng như vậy: trong Ee: câu kệ 5a ghi là: *Passa dhammaṃ durājānaṃ*; 02 câu 6cd: *santike na vijānanti, magā dhammass’ akovidā*; câu 8b: *buddhuṃ*. Còn ở câu 3b, Be và Ee ghi: *sakkāyassa nirodhanam*; Se ghi: *sakkāyass’ uparodhanam*; nghĩa giống nhau. Tôi đọc câu 3d theo Be và Se ghi chữ *passatam*, cho dù Ee ghi là *dassanam* vốn được ủng hộ bởi một số bản chép tay, và Spk có thể được ghi nghiêng về một trong hai cách ghi đó [mời coi chú thích kế tiếp để thấy.] (141)

142 [Spk: Cách-nhìn [chánh-kiến] này của bậc trí nhìn thấy rõ ràng (*idaṃ passantānaṃ paññitānaṃ dassanam*) là ngược lại (*paccaṇīkam*) với toàn bộ thế gian. Vì thế gian nhận lầm năm-uẩn là ‘thường, lạc, ngã, tịnh’, còn những bậc trí thì rõ thấy chúng đích thực là “vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh”.] (142)

143 [Spk chú giải: “Trạng thái đờ” = trạng thái Niết-bàn (*nibbānapadam*). “Đã hoàn toàn tắt ngấm [tịch tịnh]”: bậc vô-nhiễm đã hoàn toàn tắt ngấm [thối tắt, tịch tịnh] bởi sự tắt-ngấm của những ô-nhiễm [lậu hoặc] (*kilesaparinnibbānena parinnibbanti*). Hoặc nói cách khác, sau khi đã trở nên vô-nhiễm nhờ sự-biết đúng đắn (chánh tri), những bậc ấy hoàn toàn tắt ngấm nhờ sự tắt

ngắm của (khandhaparinibbānena parinibbanti). (Người dịch Việt nghĩ câu này đơn giản có nghĩa là: những bậc A-la-hán đã tắt ngắm = hết dục, vì (i) chữ tắt ngắm (thối tắt) thường được nói nhanh trong các kinh với chữ ‘ngọn đèn, lửa, dục, dục-vọng’, và vì (ii) chiếu theo chữ *tham-dục* của đoạn thi kệ kể trên.)] (143)

144 [Kinh này **35:138** và kinh kế tiếp **35:139** là các kinh song hành tương ứng các kinh **22:33** và **22:34** (Quyển 3), và là phiên bản rút gọn dựa trên các kinh **35:101** và **35:102**. Tên kinh ở đây tôi làm theo **Be; Se** đặt tên là *Palāsa*, **Ee** đặt là *Palāsinā*, cả hai đều có nghĩa là “cành lá”.] (144)

145 [Đề ý: các kinh **SN 35:140–45** là các kinh song hành với các kinh **SN 22:18–20** (Quyển 3).] (145)

146 [So sánh kinh **12:37** (Quyển 2). Chỗ này **Spk** đưa ra lời chú giải giống như chú thích số 111 trong kinh **12:37**, và nói thêm rằng kinh này thảo luận về ‘giai đoạn sơ khởi của minh-sát’ (*pubbabhāgavipassanā*)

- (Nhân tiện: “được tạo ra”: *abhisākhata*; “được chế tác (tác thành, tạo mẫu) bởi sự cố-ý (tư): *abhisāncetayita*; “thứ để được cảm nhận”: *vedaniya*.) (Còn ‘nghịệp cũ’ chỗ này là đang chỉ các cơ-sở cảm-nhận bên trong (sáu nội xứ = các giác-quan = sáu căn); kinh **SN 12:37** cũng có chú thích ‘nghịệp cũ’ y hệt như vậy, nhưng nó chỉ về phần thân).] (146)

147 [*Nibbānasappāyaṃ paṭipadaṃ (các đường-lối thích hợp để chứng ngộ Niết-bàn).* **Spk** chú giải: Là sự tu-tập (vốn là) hữu ích (*upakārapaṭipadā*), là thích hợp, cho (sự chứng ngộ) Niết-bàn.] (147)

148 [*Nguyên văn cả câu: Anantevāsikam idaṃ bhikkhave brahmacariyaṃ vussati anācariyakam.* Chỗ này rất khó dịch ra ngay, vì lời kinh như câu đó chuyển thành 02 cách chơi chữ. Một “học trò” (*antevāsī*) có nghĩa gốc là “người trú ở bên trong”, do vậy [như lời kinh kế tiếp bên dưới cũng giải thích] một người có những ô-nhiễm không trú ở bên-trong (*na antovasanti*) thì được gọi là “không có các học trò” (vì chữ ‘học trò’ = ‘người trú ở bên trong’, như vậy ‘không có các học trò’ = ‘không có người trú ở bên trong’). Chữ “thầy” (*ācariya*) ở đây được kết nối một cách chơi chữ với động từ “tấn công, đánh” (*samudācarati*); do vậy người không bị tấn công bởi những ô-

nhhiễm đưoc nói là “*không có thấy*” (= không có người không bị tấn công bởi những ô-nhiễm). **Spk** giải nghĩa *anantevāsikaṃ* là = *anto vasanakilesavirahitaṃ* (không có những ô-nhiễm trú ở bên trong), và chữ *anācariyakaṃ* là = *ācaraanakilesavirahitaṃ* (không có những ô-nhiễm ‘tấn công’).] (148)

149 [Về “*sự-nhớ*”, coi lại chú thích số 79 chỗ này ở đoạn (1), kinh **35:96** ở trên, là bao hàm hai nghĩa là sự-nhớ và chánh-niệm.] (149)

150 [Về lời đoạn kinh (i)-v) này: mời coi lại kinh **SN 12:68** (Quyển 2) và chú thích 198 ở đầu phần (I) của nó.] (150)

151 [So sánh kinh **SN 35:70**. **Spk** nói bài kinh này nói về *sự quán-chiếu lại* (*paccavekkhaṇā*) của một học-nhân (*sekha*) và về bậc A-la-hán.] (151)

152 [Được trang bị các căn: *indriyasampanno*. **Spk**: có nghĩa là: *hoàn thiện trong các căn* (*paripunṇindriyo*). Người đã chứng quả A-la-hán bằng cách khám phá sáu căn cảm-nhận bằng sự minh-sát thì được nói là “*hoàn thiện trong các căn*”, bởi vì người đó có-được các căn đã được thuận phục, hoặc bởi do người đó có-được các căn tâm linh như căn niềm-tin, căn trí-tuệ ... đã khởi sinh bằng cách khám phá sáu căn cảm-nhận bằng sự minh-sát, như căn mắt ... căn tâm. Để coi thêm về “*được trang bị các căn*”, mời coi lại kinh **48:19** (Quyển 5).] (152)

153 [Kinh này là song hành với kinh **12:16** (Quyển 2) và kinh **22:115** (Quyển 3)] (153)

154 [Kinh này **35:156** và kinh kế tiếp **35:157** là các kinh song hành của kinh **22:51** (Quyển 3), nhưng trong kinh **22:51** câu cuối đọc là *cittaṃ vimuttaṃ suvimuttan ti vuccati*, còn trong kinh này ghi là *cittaṃ suvimuttan ti vuccati*.] (154)

155 [Kinh này **35:158** và kinh kế tiếp **35:159** là các kinh song hành với kinh **22:52** (Quyển 3).] (155)

156 [Kinh này **35:160** và kinh kế tiếp **35:161** là các kinh song hành với các kinh **22:5** và **22: 06** (Quyển 3).] (156)

157 [Chữ *okkhāyati*: thể hiện (hiện thị, hiển lộ). **Spk** giải nghĩa *okkhāyati* là *paññāyati pākaṭaṃ hoti* (được nhận thấy, được thấy rõ, trở nên rõ ràng).

- (Và “*thể hiện đối với người đó đúng như chúng thực là*” có nghĩa là: *người đó thấy được các thứ đó rõ ràng đúng như chúng thực là*.) (157)

158 [Kinh này **35:162** và kinh kế tiếp **35:163** là các kinh song hành với các kinh **22:137**, **22:140**, và **22:143** (Quyển 3).] (158)

159 [Kinh này **35:165** và kinh kế tiếp **35:166** là các kinh song hành với các kinh **22:154** và **22:156** (Quyển 3).] (159)

160 [**Ee** gộp mỗi 03 kinh thành 01 kinh, cho nên số bài kinh cuối cùng của họ là 186; nhưng **Be** và **Se**, (và tôi cũng làm theo) thì đánh số mỗi kinh bằng mỗi số riêng, nên số kinh cuối cùng là 227.

- **Spk**: **60** bài kinh này được nói cho những căn-cơ (thiên hướng, tính khí) của những người nghe khác nhau để cho họ dễ giác ngộ; như vậy mỗi bài kinh được thuyết giảng riêng cho mỗi *căn-cơ của người nghe* (*puggala-ajjhāsayavasena*). Cuối cùng **60** Tỳ kheo đều chứng ngộ A-la-hán.] (160)

161 [**Spk** chú giải: Chữ “*đại dương đối với một người*”: ngụ ý **(i)** mênh mông khó lấp đầy, không thể làm thỏa mãn bằng mọi đối-tượng hình sắc ở cõi trần và cõi trời ... và **(ii)** (người) bị chìm ngim trong đại dương của những đối-tượng hình-sắc, đó là, khi mắt không được phòng hộ kiềm chế, thì nó sẽ đi theo đường sai bằng cách trở thành một nguyên nhân làm khởi sinh những ô-nhiễm. *Dòng chảy của nó gồm có những hình-sắc*: như đại dương có vô lượng cơn sóng, “*đại dương của mắt*” có vô lượng những đối-tượng nhìn thấy được hội tụ vào nó.] (161)

162 [Theo kinh **It 114, 15-18** thì giải nghĩa những hiểm-nguy đó như sau: “*sóng dữ*” (*ūmi*): sự sân giận và tuyệt vọng (*kodhūpāyāsa*); “*lốc xoáy*” (*āvatta*): năm dây dục-lạc; “*cá mập và quỷ dữ*” (*gāharakkhasa*): phụ nữ (sắc dục).

- (*Bà-la-môn ở đây* theo nghĩa là *bà-la-môn đích thực* (chỉ Phật, các thánh đệ tử) và *nền đất cao* là chỉ chỗ an toàn, sự an toàn, sự giải-thoát, Niết-bàn.) (162)

163 [*Samunna* (bị chìm nghiêm) được **Spk** giải nghĩa là: *kilinna tinta nimugga* (bị ô nhiễm, bị dính nhiễm, bị chìm ngập). Trong tiếng Phạn chữ *samunna* là quá khứ phân từ của động từ *samunatti*, từ đó có danh từ là *samudra* (Pāli: *samudda*): đại dương; coi thêm **MW**, mục chữ *samud*. **Spk** nói: “hầu hết” (*yebhuyyena*) nghĩa là: hầu như tất cả trừ những bậc thánh. Dãy chữ mô tả kế tiếp [*nư cuộn chỉ rồi ... vòng luân-hồi*] cũng được ghi giống như trong kinh **SN 12:60** (Quyển 2), cuối đoạn thứ ba.] (163)

164 [**Ee** đã sai khi ghi đoạn thi kệ đầu bên dưới là văn xuôi và biến nó thành đoạn thứ nhất của kinh kế tiếp. Học giả Woodward, trong bản dịch **KS 4:99**, cũng bị lạc theo sự phân chia này. Phần thi kệ này cũng có trong kinh **It 57–58.**] (164)

165 [Ở đây dịch theo **Be** và **Se** ghi là *pahāsi dukkhaṃ*, khác với chữ ghi trong **Ee** là *pahāya dukkhaṃ*. **It 58** cũng có ghi chữ *pahāsi.*] (165)

166 [Ở đây dịch theo **Be** ghi chữ *vadhāya*, **Se** và **Ee** ghi *vyābādhāya.*] (166)

167 [Nguyên văn tên 04 cây này: *assattha, banyan [= nigrodha], pilakkha* và *udumbara*. Cả bốn cây đều thuộc họ cây fig [họ cây đa đề]; coi thêm kinh **SN 46:39** (Quyển 5) về ví dụ các loại cây này.] (167)

168 [(Nghĩa là: nếu không có dục và tham là gốc rễ của sự khổ đau thì sự tu hành để tiêu diệt dục và tham đâu có nghĩa lý gì). Bởi vì, chừng nào người còn sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu nội xứ, sáu căn) thì người còn luôn bị gông cùm đối với sáu đối-tượng giác quan (sáu ngoại xứ, sáu trần) và do vậy chưa thể có sự giải-thoát.] (168)

169 [Giống ví dụ trong kinh **SN 22:95** (Quyển 3) (và nhiều kinh khác).] (169)

170 [Lời đoạn này cũng được trích dẫn vào trong **Vism 36,24–27** (**Ppn 1:100**). **Spk** chú giải như vậy: “Một người “*nắm giữ hình-tướng* (tướng, tướng chung) *thông qua những đặc-điểm* (nét, tướng riêng)” (*anubyañjanaso nimittaggāho*) nghĩ rằng: “Tay là đẹp, chân là đẹp ...”. *Sự nắm giữ hình-tướng* (tướng) là sự nắm giữ cái kết-hợp; *sự nắm giữ những đặc-điểm* (nét) diễn ra bằng sự có phân-tách. *Sự nắm giữ hình-tướng* (tướng) là nắm giữ mọi thứ một lần, như con cá sáu (nuốt nguyên thân); *sự nắm giữ những đặc-điểm*

(nét) là nắm lấy những chi tiết riêng, giống như tay riêng và chân riêng, như con đĩa (hút máu từng chỗ khác nhau). 02 sự nắm-giữ này còn được thấy có trong thậm chí chỉ trong *một của tiến trình javana* (tốc hành tâm), nói chi trong nhiều tiến trình *javana* khác nhau.”] (170)

171 [Sự cố ý gây chia rẽ trong Tăng Đoàn là phạm vào một trong *05 đại trọng tội* sẽ bị hình phạt hay nghiệp báo ngay lập tức (*ānantarikakamma*), sẽ bị tái sinh trong địa ngục ngay kiếp sau; coi thêm các kinh **It 10–11** và Luật Tạng **Vin II 198, 204–5**. Tôi đọc câu cuối theo **Se** là: *imaṃ khvāhaṃ bhikkhave ādinavaṃdisvā evaṃvadāmi*. **Be** và **Ee** [ghi theo một phiên bản Miến Điện] ghi là *imaṃ khvāhaṃ bhikkhave vañjaṃ jvitānaṃ ādinavaṃ disvā*, cách ghi này có lẽ không đúng và khó hiểu.] (171)

172 [**Spk** nói: kinh này **35:236** và kinh kế tiếp **35:237** là nói về vòng *luân-hồi hiện-hữu* và *sự chấm-dứt luân-hồi* bằng cách chỉ ra: những sự sướng và khổ là do quả của nghiệp.] (172)

173 [**Spk** chú giải rằng kinh này đã được nói cho các Tỳ kheo đang tu tập thiền sử dụng đặc tính *khổ* là chủ-đề thiền quán của họ. **Spk** đã coi 04 rắn độc (*cattāro āsivisā*) này là chỉ 04 loài rắn độc, chứ không phải chỉ 04 con rắn độc. 04 loài đó là: (i) loài có miệng bằng gỗ (*kaṭṭhamukha*), sau khi cắn thân nạn nhân sẽ thành cứng đơ như cây khô; (ii) loài có miệng thối (*pūtimukha*), sau khi cắn thân nạn nhân bị thối rữa và hôi thúi như trái cây bị ung thúi; (iii) loài có miệng lửa (*aggimukha*), sau khi cắn thân nạn nhân nóng cháy và tan rã ra như tro hay nắm trấu rạ; [coi thêm kinh **35:69 nói về thân của ngài** Upasena đã tan rã thành một nắm trấu rạ sau khi bị rắn độc cắn chết]; và (iv) loài có miệng như phi đao (*satthamukha*), sau khi cắn thân nạn nhân bị xé ra như một cây cọc bị sét đánh.

- Từ nguyên học của chữ *āsivisa* là không biết chắc. **Spk** đã đưa ra 03 khả năng nguồn gốc của chữ này nhưng không khả năng nào có tính thuyết phục cả. **Sp I 220,13** thì chú giải chữ này rằng: *āsu sīghaṃ etassa viṣaṃ āgacchatu ti āsiviso* (chính là rắn độc bởi vì nọc độc của nó đến chóng). Có 04 loài rắn (*āsivisa*) cũng được nói trong kinh **AN 4:110.**] (173)

174 [Chữ này **Be** và **Se** ghi: *saṃvesetabbā* (**Ee** ghi: *pavesetabbā*). **Spk** giải nghĩa cụm chữ này là *nipajjāpetabbā* (được làm cho nằm xuống). **Spk** đã đưa

bối cảnh chi li về chuyện kinh này, làm cho điều này trở thành như một hình phạt được ấn định bởi nhà vua dành cho một người (phạm tội vậy).] (174)

175 [Nguyên văn câu này: *Chaṭṭho antaracaro vadhako*. **Spk** chú giải: Nhà vua nói với các quan thần như vậy: “Trước tiên khi người đó bị rượt đuổi bởi mấy rắn độc, hấn trốn chạy khắp nơi, lừa tránh rắn. Giờ khi bị rượt đuổi bởi năm kẻ thù hấn càng chạy nhay hơn. Chúng ta không thể bắt hấn, nhưng dùng mưu thì có thể. Hãy gửi đến kẻ sát nhân một người bạn tri kỷ của hấn từ thời trẻ thơ, người bạn đã từng ăn chung uống chung với hấn.” Rồi các quan thần tìm ra một người bạn thân của hấn và cử người đến gặp hấn và giết được hấn.] (175)

176 [Động từ này **Be** ghi là: *pivisanti*; **Se** và **Ee** ghi là: *vadhissanti*.] (176)

177 [Coi thêm ví dụ cái bè nổi tiếng trong kinh **MN 22**, mục 13.] (177)

178 [Lời câu cuối này giống như được ghi ở cuối các đoạn thứ hai và ba của kinh **35:228** ở trên.] (178)

179 [04 *yếu-tố* (tứ đại; đất, nước, lửa, gió). **Spk** đã liên hệ so sánh mỗi yếu-tố với mỗi loài rắn độc: (i) đất với loài rắn có miệng như gổ; (ii) nước với loài rắn có miệng hôi thối; (iii) lửa với loài rắn có miệng như lửa; và (iv) khí với loài rắn có miệng như phi đao. Mời đọc thêm chỗ **Vism** 367–68 (**Ppn** 11:102). **Spk** đã dành tới 03 trang để chú giải chi li về 04 sự so sánh này.] (179)

180 [Mời coi lại ví dụ người hầu cận là kẻ sát nhân được ghi trong đoạn (7) ở kinh **22:85** (Quyển 3). Về sự các *uẩn* giống như những kẻ sát nhân: Ở đây **Spk** chú giải hầu như giống hệt cách nó đã chú giải về chữ *vadhako* trong kinh **22:95** (Quyển 3), câu kệ *c* của đoạn thi kệ thứ năm (*Nó được dạy là một kẻ sát hại*), như trong chú thích **196**.] (180)

181 [Nguyên văn chữ này: *nandirāga*. **Spk** đã diễn dịch rằng: *Khoái-lạc* (sự vui thích, thích thú) và *tham-dục* giống như kẻ sát nhân với kiếm đã tuốt sẵn trong tay theo 02 nghĩa: (i) bởi vì sự tham lam khởi sinh đối với một đối-tượng nào đó sẽ rớt trúng đầu người đó, được gọi là đầu của trí-tuệ; và (ii)

bởi vì nó đưa đến sự tái sinh trong bào thai, và tất cả sự sợ-hãi và quả-báo đều bắt nguồn từ sự tái sinh.] (181)

182 [Nguyên văn: *sakkāya (danh tính)*. **Spk** chú giải: “*Danh-tính*” = *danh-tính cá thể*, là *năm-uẩn* thuộc về 03 cõi hiện-hữu. Giống như bờ bên này với nhiều rắn độc ... “*danh-tính*” là nguy hiểm và đáng sợ hãi bởi vì 04 yếu-tố lớn (tứ đại) và ... vân vân.] (182)

183 [Câu chõ này là: *Yoni c’ assa āraddhā hoti*. **Spk** giải nghĩa là: *Kāraṇaṇ c’ assa paripuṇṇaṃ hoti* (và cái nguyên nhân để nó được viên thành). Coi thêm chú thích số 54 ở Quyển 3. So sánh với kinh **AN 3:16** cũng nói về 03 sự tu-tập này là “*đã đặt xong nền-móng cho sự tiêu diệt ô-nhiễm*”. (Nhân tiện, lời 02 bài kinh giống nhau, chỉ khác câu mở đầu và kinh **SN** thì có thêm ví dụ). Trong đoạn dưới, ví dụ người lái xe ngựa cũng có ghi trong kinh **MN 119**, mục 31.] (183)

184 [Lời kinh ở đây dùng cả hai chữ chỉ rùa là *kummo kacchapo*. Về những chữ chỉ loài rùa sống dưới nước và rùa trên bờ, mời coi lại chú thích số 317 trong Quyển 2.] (184)

185 [Nguyên văn câu này: *Apposukko tuṇḥibhūto saṅkasāyati*. Câu này giống cách diễn tả vị Tỳ kheo chỉ ở yên (không làm gì) và im lặng thin thít trong kinh **21:04** (Quyển 2). Mời đọc thêm lại toàn bộ chú thích số **54** ở thi kệ 72 kinh **1:28** (Quyển 1) nói về chữ “*apposukka*” diễn đạt sự ở yên, giữ yên, sự sống an nhàn và im lặng, không tham gia, không làm gì.] (185)

186 [Thi kệ này giống thi kệ 34 ở kinh **1:17** (Quyển 1), coi thêm chú thích 27 ở đó. - Không như các kinh khác đều ghi rõ câu: “*Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy nói thêm như vậy: ...*” ngay trước phần thi kệ. Như vậy có thể phần thi kệ này chỉ là do những người biên tập về sau gán thêm, dựa theo ví dụ con rùa.] (186)

187 [Giống lời kinh trong **SN 22:03** (Quyển 3), đoạn (5), (6).] (187)

188 [Đoạn lời mô tả về “*một người vô đạo đức ...*” này cũng có trong các kinh **AN 8:19**, phần (II), đoạn (3); **AN 8:20**, đoạn giữa; **AN 7:72**, đoạn (1), và các kinh **Ud 52,13–16**, **55,10–13**.

- Về chữ *saṅkassarasamācāro* (có hành-vi đáng ngờ), **Spk** nói rằng: “(i) Hành-vi của người đó được những người khác nhớ lại với sự nghi ngờ (*saṅkāya saritabbasamācāro*) như vậy ‘Đường như thầy đó đã làm điều này và điều nọ’; hoặc là (ii) người đó nhớ lại hành-vi của những người khác với sự nghi ngờ (*saṅkāya paresaṃ samācāraṃ sarati*), khi người đó nhìn thấy vài người nói chuyện với nhau, người đó nghĩ rằng: ‘Chắc họ đang nói về tội lỗi của ta’. **Spk** giải nghĩa chữ *kasambujāto* như vậy: *rāgādhi kilesehi kacavarajāto* (giống đồ rác rưởi do dính những ô-nhiễm như tham, sân, si).”] (188)

189 [Tôi hiểu chữ *upagacchāmi* chỗ này là thực sự thể tương lai, phù hợp với những điều tương lai được nói kế tiếp.] (189)

190 [Nguyên văn câu này: *Aññataraṃ saṅkiliṭṭhaṃ āpattiṃ āpanno hoti*. **Spk** nói rằng không có tội nào [tức một tội vi phạm các điều-luật của *Giới Bốn Tỳ Kheo*] mà được gọi là tội “không ô nhiễm” từ lúc nó đã được “lộ ra” [chẳng hạn trước đó thì chưa được thú tội bởi một Tỳ kheo để được xá tội hay xá mồi]. Tuy nhiên, trong kinh này tôi coi lời kinh muốn chỉ một tội nặng nghiêm trọng, một tội thuộc loại tội *Pārājika* (Ba-la-di) hoặc tội *Saṅghādisesa* (Tăng-tàn); tội Ba-la-di thì bị trục xuất khỏi Tăng đoàn, còn tội Tăng-tàn thì phải bị trải qua một tiến trình đặc biệt để phục hồi.

- Cụm chữ tiếp theo được ghi khác nhau trong các phiên bản, cả kinh và luận giảng. Tôi làm theo **Be** ghi là: *yathārūpāya āpattiyā na vuṭṭhānaṃ paññāyati*, mà theo đó **Spk** đã chú giải rằng: “Sự phục hồi không được nhìn thấy (*na dissati*) bằng phương tiện *parivāsa*, *mānatta* và *abbhāna*”—đây là 03 giai đoạn phục hồi từ một tội Tăng-tàn. **Se** và **Ee** không ghi chữ phủ định *na* trong cả lời kinh và lời luận giảng. Vậy là, theo phiên bản **Be** thì tuyên bố ở đây đang chỉ một Tỳ kheo phạm tội Ba-la-di (*Pārājika*), trong khi trong **Se** và **Ee** thì nói là phạm tội Tăng-tàn (*Saṅghādisesa*). Tôi làm theo **Be** với giả định rằng “*sự suy đồi bên trong*” (sự thối nát ở bên trong) này giống như hàm nghĩa trong đoạn tương ứng của kinh kế trước, theo đó Tỳ kheo đó không phải là một Tỳ kheo thật (không phải tu sĩ thật). Ở kinh **20:10** thì cụm chữ *saṅkiliṭṭhā āpatti* rõ ràng là chỉ một tội Tăng-tàn (*Saṅghādisesa*), vì sự phạm tội này được mô tả là làm “*khổ đau như chết*” tương phản với “*cái chết tâm*”

linh” (cái chết đời tu, sự kết liễu đời sống phạm hạnh) [là hệ quả của một tội nặng Ba-la-di (Pārājika).] (190)

191 [Lời thỉnh mời này phản ánh niềm-tin phổ biến trong tín ngưỡng ở các xứ Nam Á, rằng sẽ phúc lành nếu thỉnh mời một bậc thánh thiêng (bậc thánh, bậc chân tu) đến ở đêm đầu tiên ở một nơi-ở (nhà, hội trường) mới được xây xong trước khi những người tại gia đến đó hoặc ở đó. Đây là một niềm vinh dự dành cho những người Thích-Ca là những người cùng dân tộc với Phật. Lời kinh trong 02 đoạn kế tiếp mô tả các bước (chuẩn bị, tiếp đón, phục vụ, và ngồi lắng nghe Phật chỉ dạy Giáo Pháp) cũng được nói trong các kinh **MN 53**, mục 2 và kinh **DN 16**, mục 1.20-22 (= **Ud 85–86**).] (191)

192 [Cò-đàm (*Gotama*): Phật gọi như vậy vì nhóm người này cũng thuộc dòng họ Cò-đàm giống như Phật]. (*Gotama* (Cò-đàm) là một dòng họ thuộc dân tộc Thích-Ca (*Sakya*) ở vương quốc Thích-Ca.) (192)

193 [**Spk** chú giải: Trong suốt 06 năm tu khổ hạnh hành xác, Phật đã nếm trải những đau đớn về thân. Do vậy đến lúc tuổi già, Phật bị trúng gió lưng [*piṭṭhivāta*, là bệnh thấp khớp?]. Hoặc nói cách khác, Phật nằm xuống bởi vì Phật muốn sử dụng hội trường trong tất cả các tư thế, sau khi đã đi, đứng, ngồi trong đó.] (193)

194 [Nguyên văn cụm chữ này: *Avassutapariyāya, anavassutapariyāya*. Chữ *avassuta* có nghĩa gốc là “đã chảy vào” hoặc bị thấm rĩ, hàm nghĩa một cái tâm bị thấm nhiễm bởi những ô-nhiễm (nhiễm lậu, nhiễm dục lậu, bị ô-nhiễm). Những danh từ *avassuta* và *āsava*, và những động từ *anvāssavati* và *anu(s)savati*, đều dựa trên một gốc từ *su* (chảy). Học giả Waldschmidt cũng có ấn hành một phiên bản bằng tiếng Phạn của ‘*Bài thuyết giảng bởi Mục-kiền-liên*’ này (coi thư mục cuối bản dịch của TKBD).] (194)

195 [Lời kinh này giống trong kinh **35:132** (Quyển 4), đoạn (1), (2).] (195)

196 [Toàn bộ câu dài này một dạng phức tạp bất thường thái quá trong tiếng Pāli, như theo cách dịch của tôi phải cần tách ra đến 03 chủ-đề. Cú pháp có vẻ rất bất thường, vì chữ liên hệ khởi đầu là *yato* không được hoàn thành bằng chữ minh họa tương ứng là *tato*. Ở đây tôi đọc chữ cuối cùng là *nānu(s)savanti* theo **Se** và **Ee**, khác với **Be** ghi là *nānuseti*.

- (Người dịch Việt đánh số **(i)**, **(ii)**, **(iii)** để làm rõ từng vấn đề trong phần mở bài phức hợp; cú pháp lời kinh này là bất thường, không đơn giản như lời dạy trong các kinh của Phật (!)] (196)

197 [**Spk** giải thích chữ *dukkhadhammā* (những pháp khổ; những trạng thái khổ đau) là *dukkhasambhavaddhammā* (những trạng thái từ đó khổ phát sinh ra). Bởi vì do có năm-uẩn nên từ đó có thể phát sinh ra nhiều loại khổ như bị thương, bị giết, bị bắt tù ... (trong kiếp luân hồi)] (197)

198 [Ví dụ hồ than giống trong kinh **SN 12:63** (Quyển 2), chỉ khác một chút về lời.] (198)

199 [Trong các chỗ **Ee** ghi là *yato ca*, tôi đọc theo cách ghi của **Be** và **Se** là *sato va*.] (199)

200 [Tôi đọc theo **Se** ở đây ghi là: ... *ayaṃ vuccati ariyassa vinaye kaṇṭako. Taṃkaṇṭako ti iti viditvā saṃvaro ca asaṃvaro ca veditabbo*. Kinh **35:247** (Quyển 4) cũng ủng hộ theo cách ghi này; coi thêm chú thích 219 ở kinh **35:247** bên dưới.] (200)

201 [Ví dụ những giọt nước rớt trên đĩa sắt cũng có ghi trong kinh **MN 66**, mục 16 và kinh **MN 152**, mục 9.

- **Spk** chú giải như vậy: Giống như, sự khởi sinh của sự chánh-niệm là chậm, nhưng ngay khi nó đã khởi sinh thì những ô-nhiễm bị áp đảo và không thể tồn tại. Bởi vì khi tham, sân, hay si đã khởi sinh trong cửa-mắt, thì bằng tiến trình *javana* thứ hai người tu biết rằng những ô-nhiễm đã khởi sinh và tiến trình *javana* thứ ba xảy ra với sự kiềm-chế. Một điều không có gì làm ngạc nhiên rằng một người thiền minh-sát có thể áp đảo không chế những ô-nhiễm bằng tiến trình *javana* thứ ba; bởi khi một đối-tượng đáng thích đi vào tầm-mắt và một tiến trình *javana* bị ô nhiễm sắp xảy ra, một người thiền minh-sát có thể chặn đứng nó và phát khởi một tiến trình *javana* thiện lành. Đây là một lợi thế đối với những người thiền minh-sát khi họ được thiết lập khéo léo trong sự thiền và sự quán-xét.] (201)

202 [Sự ‘*thanh lọc tâm-nhìn*’ (*dasaana*) thường có nghĩa là = *chứng ngộ Nhập-lưu* = đã đạt tới ‘*tâm-nhìn của Giáo Pháp*’ (*dhammacakkhu*); tuy nhiên

ở đây có chữ phẩm định là ‘*được thanh lọc một cách hay khéo*’ (*suvisuddham*) thì có lẽ đang ngụ ý về vấn đề liên quan đến chặng thánh đạo dẫn tới quả A-la-hán.] (202)

203 [**Spk** nói rằng tất cả những Tỳ kheo trả lời đều là những A-la-hán; họ trả lời đúng theo cách mà mỗi người đã tu tập. Người hỏi không hài lòng bởi vì nó chỉ đề cập tới *những sự tạo-tác* (các hành) chỉ một phần (*padesasankhāresu thatvā*); người đó cũng không hài lòng bởi vì những câu trả lời khác đều khác lẫn nhau; (bởi vì người hỏi thường chỉ tin nếu một câu trả lời có hai hay nhiều người cùng nói như vậy).] (203)

204 [Chữ *kimśuka* có nghĩa gốc là “*nó là gì?*”. Tên này có thể bắt nguồn từ câu đố dân gian cổ Ấn Độ. Chữ *kimśuka* cũng được biết trong văn ngữ tiếng Phạn [coi **MW**, mục chữ *kim*]. (Câu này được suy dịch thành nhiều loại cây khác nhau, và dựa theo những giai thoại khác nhau!.)] (204)

205 [Chữ gốc: ‘*sirīsa*’ (= cây *acacia*), cây này chính là *Cây Giác-Ngộ [Bồ-Đề]* của Đức Phật Kakusandha (Câu-luu-tôn), như đã được ghi trong kinh dài **DN 14**, mục 1.8. (Nhân tiện, trong đoạn kinh 1.8 này: Đức Phật Vipassī chứng toàn-giác dưới gốc cây hoa loa kèn; Đức Phật Sikkhī dưới gốc cây xoài trắng; Đức Phật Vessabhu dưới gốc cây sa-la (cây sal, long thọ); Đức Phật Kakusandha dưới gốc cây *acacia*; Đức Phật Konagamana dưới gốc cây đa; Đức Phật Thích-Ca dưới gốc cây bồ-đề (*assattha*).] (205)

206 [**Spk**: Giống như 04 người đã mô tả cây *kimśuka* theo cách họ đã nhìn thấy nó; tương tự vậy, 04 vị Tỳ kheo [đã chứng A-la-hán bằng sự thanh lọc tâm-nhìn của họ] đã mô tả về Niết-bàn [là thứ thanh lọc tâm-nhìn] đúng theo thánh đạo mà họ đã chứng ngộ nó. **Spk** đã chỉ ra nghĩa song hành là 04 cách thể hiện của cây *kimśuka* đối với 04 người đó giống như 04 cách tiếp cận của thiên-quán mà những Tỳ kheo đó đã dùng để chứng A-la-hán.] (206)

207 [**Spk** chú giải: Vì sao đưa vào ví dụ này? Nếu Tỳ kheo đó đã hiểu được [ý nghĩa được chuyển tải bằng ví dụ cây *kimśuka*] thì ví dụ này được đưa thêm vào để chỉ dạy Giáo Pháp cho thầy ấy. Nếu người đó không hiểu thì ví dụ thành đô này được đưa vào để giải thích và làm rõ ý nghĩa.

- Thêm nữa, **Spk** đã đưa ra phiên bản ví dụ chi li hơn và cách dụng ý nghĩa

của nó. Tóm lược: Vị chủ thành là một hoàng tử, là con trai của một vị đế vương đức hạnh, hoàng tử được vua cha cử đi cai quản một trong những tỉnh lỵ vùng xa. Do bị ảnh hưởng bởi bạn bè xấu, hoàng tử trở nên trụy lạc và suốt ngày chỉ lo uống rượu, thưởng thức đàn ca nhạc múa. Nhà vua đã cử 02 sứ giả đến để khuyên bảo hoàng tử dẹp bỏ lối sống lơ tâm phóng dật và quay lại thực thi bổn phận của mình. Một sứ giả là một chiến binh dũng cảm [được ví như đề-mục đề thiên định (*samatha*)], sứ giả kia là một quan thần khôn khéo [được ví như đề-mục thiên quán (*vipassanā*)]. (i) Chiến binh dũng cảm nắm lấy đầu của vị hoàng tử ngang bướng và dọa sẽ chặt đầu nếu hoàng tử không thay đổi các lối sống: điều này giống như thời tâm được nắm giữ và làm cho bất-động bởi sự định-tâm đã khởi sinh thông qua tầng thiên định thứ nhất. (ii) Sự trốn chạy của những bạn bè trụy lạc của hoàng tử giống như sự biến mất của năm chướng-ngại (năm triền cái) khi tầng thiên định thứ nhất đã khởi sinh. (iii) Khi hoàng tử đồng ý làm theo mệnh lệnh của vua cha, điều này giống như thời người thiên đã thoát ra khỏi trạng thái tầng thiên định. (iv) Khi vị quan thần truyền mệnh lệnh của vua cha, điều này giống như thời người thiên tu tập thiên minh-sát (quán), với cái tâm đã được làm cho nhu nhuyễn mềm dẻo thông qua sự định-tâm (định). (v) Khi 02 sứ giả dương cao lọng trắng che đầu vị hoàng tử sau khi hoàng tử được đăng quang, điều này giống như thời chiếc lọng trắng là sự giải-thoát được dương cao che phủ người thiên sau khi người đó đã chứng quả A-la-hán bằng phương tiện là sự vắng-lặng (thiên định) và sự minh-sát (thiên quán, thiên tuệ).] (207)

208 [*Bị chà xát và đè bóp*: nghĩa bóng là bị tác động và tác hại, bị hư biến đủ kiểu; cả câu này chỉ các giai đoạn ‘sinh, trưởng, hoại, diệt’ của thân; **Spk** giải thích y hệt như chú thích 87 ở kinh **SN 35:103** ở trên.] (208)

209 [**Spk** suy luận ‘người chủ thành’ là cái tâm minh-sát (*vipassanācitta*), đó là vị hoàng tử được đăng quang với ‘sự đăng quang’ là quả A-la-hán bởi 02 sứ giả–sự tĩnh-lặng (định) và minh-sát (tuệ). Sự diễn dịch này theo tôi là quá bó hẹp. Tôi nghĩ đơn giản ý chỗ này có nghĩa: “*thức*” là trung tâm của mọi trải nghiệm cá nhân.] (209)

210 [**Spk**: Niết-bàn được gọi là “*tin hiện-thực*” (*yathābhūtaṃ vacanaṃ*) bởi vì trong bản chất thực của nó nó là bất động và bất biến (*yathābhūtasabhāvaṃ akuppaṃ avikāri*).] (210)

211 [Ngoài *Chương 5 (SN 5)* của *Quyển 1*, trong bộ kinh **SN** này hiếm khi thấy đề cập tới các Tỳ kheo ni; Tỳ kheo ni chỉ được đề cập thêm một lần nữa ở kinh **SN 35:246** và kinh **SN 35:231** ở trên. (Phật cũng có ít có hội nói trực tiếp cho các Tỳ kheo ni).

- *05 sự ô-nhiễm* (lậu hoặc) cũng được nói trong kinh **MN 151**, mục 3-8. **Spk** chú giải: *Dục (chanda)* là dạng *dục-vọng (taṇhā, ái)* yếu mới khởi sinh; còn *tham (rāga)* là *dục-vọng mạnh* đã khởi sinh liên tục. Một cách tương tự, *sân (dosa; ghét, sân giận)* là dạng *sân-giận (kodha)* yếu mới khởi sinh; còn *sự ác-cảm (paṭigha; thù ghét, sân hận)* là *sự tức-giận mạnh* đã khởi sinh liên tục.

- *05 sự ô-nhiễm* này kết hợp lại thành *03 gốc-rễ bất thiện* (03 căn bất thiện) và khi có những sự này thì tất cả những ô-nhiễm phụ thuộc cũng có theo. *05 sự ô-nhiễm* này cũng hàm chứa *12 tâm bất thiện (citta)* [theo *Vi Diệu Pháp Tạng*—coi **CMA 1:4–7.**] (211)

212 [‘*Cần cạn khan hiếm*’ là tạm dịch chữ gốc “*duhitika*”: nghĩa đen là ‘không có gì để ăn uống, nghỉ ngơi ... nên không thể đi qua được’; nghĩa bóng: là con đường ô-nhiễm phàm tục như ‘*con đường duhitika*’, không thể đưa đến sự tu tiến hay sự thanh lọc ...

- **Spk** phân tách chữ này là: *du-ihiti-ka*; *ihiti* có nghĩa là đồng nghĩa với *iri-yanā* (di chuyển, đi qua): *Ettha ihiti ti iriyanā; dukkhā ihiti etthā ti duhitiko* (phân tích về động từ). Dọc theo đường không có thức ăn hay chỗ nghỉ như gốc cây và trái cây, thì sự đi qua được là khó khăn; một người không thể đi qua bằng cách đi dọc theo con đường đầy ô-nhiễm, do vậy con đường đầy ô-nhiễm là *duhitika*.

- Gốc gác đúng của chữ *duhitika* rõ ràng là từ *du-hita*, chắc đã bị mất dấu vào thời các luận sư. Coi thêm thảo luận trong chú thích số 347 bên dưới, và cũng coi thêm **MW**, mục từ *dur-hita*, và chữ phản nghĩa của nó là *su-hita*.] (212)

213 [**Spk**: Giống như người chủ ruộng không chịu thu hoạch lúa, rồi do người chăn bò lơ lãng, con bò vô ruộng ăn lúa; cũng giống như vậy, khi tâm bị xa lìa khỏi sự chánh-niệm là người canh gác sáu cửa giác-quan (sáu căn), thì tâm sẽ lo thụ hưởng năm dây khoái-lạc giác quan (dục-lạc); rồi, vì những phẩm

chất thiện lành bị hủy diệt, Tỳ kheo đó không chứng đắc được những kết-quả của đời sống sa-môn (đời tu hành, phạm hạnh).] (213)

214 [Nguyên văn câu này **Be** ghi: *udujitaṃ hoti sudujitaṃ*; **Se**: *udujitaṃ hoti sudujitaṃ*; **Ee**: *ujujātaṃ hoti saṃmujujātaṃ*. **Spk** giải nghĩa câu này là = *taj-jitaṃ, sutajjitaṃ*, và nói rằng nghĩa nó là *sujitaṃ* (đã được chế ngự một cách hay khéo); *udu* và *sudu* chỉ là những chữ không thể suy biến (*nipātamatta*).

- Có lẽ tất cả lời kinh đã bị hư chỗ này. **Spk** nói rằng tại điểm này Đức Phật đã thảo luận về *sự phòng-hộ của định [sự vắng lặng]* và *giới-hạnh của sự kiềm-chế các căn (samathānurakkhaṇaindriyasamvara-sīla)*.] (214)

215 [Nguyên chữ Pāli các bộ phận của cây đòn tỳ bà (*viṇā*) là: *camma, doṇi, daṇḍa, upaviṇā, tanti, koṇa*. Ví dụ này cũng có trong kinh **Mil 53**, bao gồm cả danh sách này [được dẫn đầu bởi chữ *patta (dây đeo)*]. Cách dịch những bộ phận của đòn tỳ bà tôi làm theo bản dịch của nữ tiến sĩ Horner, trong tập *Milinda Ván Đáp, 1:74*, cô đã dịch dựa theo cách diễn dịch theo bài viết có tên “*Những Bộ Phần Của Một Đòn Tỳ Bà (Viṇā)*” bởi học giả A.K. Coomaraswamy, được đăng trên tạp chí *Journal of the American Oriental Society, 50:3*.] (215)

216 [Tôi đọc theo **Be** là: *Asati kir’ āyaṃ bho viṇā nāma, yath’ evaṃ yaṃ kiñci viṇā nāma, ettha ca pan’ āyaṃ jano ativelaṃ pamatto palāḷito*. **Se** chỉ khác chỗ ghi là *palāḷito*, nhưng **Ee** thì khác nhiều hơn. Nghĩa chính xác ở đây không rõ lắm! **Spk** thì giải nghĩa chữ *asati* là = *lāmikā* và diễn giải rằng: “Nó không chỉ là đòn là một thứ tồi, mà giống như ‘thứ được-gọi-là đòn’, chỉ như mọi thứ khác được căng dây mà thôi—tất cả chỉ là một thứ tồi tệ.”] (216)

217 [**Spk**: Ở đây *năm-uẩn* được ví như đòn tỳ bà; *người thiên* là nhà vua. Nhà vua không thấy âm thanh nào nằm trong cây đòn ngay cả khi đã đập bẻ nó ra để tìm, do vậy nhà vua không còn quan tâm gì đến cây đòn nữa. Cũng giống như vậy, người thiên sau khi khám phá *năm-uẩn* đích thực là gì thì không còn thấy có cái ‘*Ta*’ hay ‘*của-ta*’ nào đáng nắm giữ nữa, và do vậy không còn quan tâm tới *năm-uẩn* nữa.

- Các chữ cái ‘*Ta*’ hay ‘*của-ta*’ hay ‘*ta là*’ này nọ đối với thân-sắc, cảm-giác ... vân vân, tương ứng là *03 sự nắm-giữ của tà-kiến, ái, ngã-mạn*. {Nói cách

khác: 03 cái *chấp lớn* của con người là (i) cái ‘*ta*’: thân kiến (như ngã kiến; là *tà-kiến*); (ii) ‘*của-ta*’: dục-vọng (như ngã chấp, *ái*); (iii) ‘*ta-là*’ này nọ (như *ngã mạn*).} Những kiến chấp này không còn trong những A-la-hán.

- Có sự khác nhau quan trọng giữa *ông vua* và *người thiền* nhưng đã không được chuyển tải trong lời kinh và luận giảng: Trong ví dụ, nhà vua đã tìm kiếm âm thanh bằng cách đập bể cây đờn có vẻ trở thành kẻ ngu ngốc; trong khi đó người thiền phân tách năm-uẩn để xua tan sự ngu-mờ (si) cho rằng có một cái ‘*ta*’ như bản ngã, thì trở thành người có trí.

- **Spk** đã kết thúc phần chú giải về bài kinh bằng cách trích từ quyển *Đại Luận Giảng (Mahā-aṭṭhakathā)* [ngày nay quyển này đã biến mất], thi kệ này:

“Lúc đầu là thảo luận về giới-hạnh,
Lúc giữa là sự tu tập sự định-tâm,
Và lúc cuối là Niết-bàn:
Ví dụ Đòn Tỳ-Bà đã được viết ra như vậy.”] (217)

218 [*Saravanam* tạm dịch là *cây gai nhọn*. **Spk (Se)** giải nghĩa là *kaṇṭa-kavanam*. Chữ *sara*, theo **PED**, là *cây lau sậy*. *Saccharum sara*, được dùng làm mũi tên để bắn.] (218)

219 [**Spk** giải thích ý nghĩa là Tỳ kheo thiếu đức-hạnh (thất đức, thiếu giới-hạnh) thì như cái gai thúi làm thương tổn những người dân làng. Còn **Spk-pt** thì nói: những Tỳ kheo thiếu đức-hạnh thì giống như người ép uổng dân làng phải cúng dường, mặc dù những ‘đại đức thúi’ đó là không đáng được cúng dường hay kính trọng ...] (219)

- (Nhân tiện, lời kinh bên dưới nói về *sự không kiểm-chế* và *sự biết kiểm-chế* cũng giống như trong các kinh **SN 35:132** ở trên, phần (1), (2), và trong kinh **35:243**, phần (1), (2) ở trên được nói bởi Ngài Mục-kiền-liên, và một số kinh khác cũng có những đoạn giống tương tự.)

220 [Cụm chữ này: *byābhaṅgihatthā*. **Spk** giải nghĩa là *kājahatthā*; **Spk-pt** giải nghĩa là *daṇḍahatthā*.] (220)

221 *Āyatim punabbhavāya ceteti (đã thiết lập cái tâm theo hướng tái hiện-hữu trong tương lai).* **Spk:** Những chúng sinh đó, hoàn toàn bị đánh đập bởi những ô-nhiễm [bất rỗi] từ tâm nguyện muốn được hiện-hữu nếm trải sự khổ đau bất rỗi từ sự hiện-hữu (*bhavamūlakam dukkham*).] (221)

222 [Sự xung đột và đánh nhau giữa các thiên thần và những quỷ thần (a-tu-la) được nói nhiều lần trong các kinh; mời coi lại đây kinh **SN 11:01–11:06** (Quyển 1). Đoạn kinh mô tả tiếp dưới đây là song hành tương ứng với đoạn đầu của **SN 11:04** (Quyển 1).] (222)

223 [Ý lời kinh này của Đức Phật cũng được nói trong kinh **22:64** (Quyển 3). **Spk** giải nghĩa: đó là: “Trong sự nhìn-nhận (suy tưởng) năm-uẩn theo cách của dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn) và những quan-điểm này nọ (tà kiến)”.] (223)

224 [*Sự nhìn-nhận (maññita).* **Spk** chú giải: “*Ta-là*” (*asmi*) là một sự nhìn-nhận thông qua dục-vọng (ái); “*ta là này*” (*ayam aham asmi*) là một sự nhìn-nhận thông qua những quan-điểm này nọ (tà kiến); “*ta sẽ là*” là một sự nhìn-nhận thông qua quan-điểm bất diệt, tức có một cái ‘ta’ hằng hữu (thường kiến); “*ta sẽ không là*” là một sự nhìn-nhận thông qua quan-điểm diệt-vong, tức sau khi chết là hết, sẽ không còn là gì (đoạn kiến). Những cái còn lại là những loại đặc trưng của quan-điểm bất diệt.

- **Spk** đã kết nối cái ‘*ta-là*’ với *dục-vọng* (ái) là bất thường, vì ý niệm của sự ‘*ta-là*’ (*asmi*) thường được gán cho sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn) trong các kinh và luận giảng; tuy nhiên, trong kinh **SN 22:89** (Quyển 3) có ghi câu “*asmī ti chando*” theo lời của Ngài Khemaka) và có thể nhà luận giải đã có ý này trong đầu. “*Ta là này*” dính líu với quan-điểm có danh-tính (thân kiến), trong đó một người thiết lập một ‘danh-tính’ của mình bằng cách nhận một hay các *uẩn* là cái ‘*ta*’ (ngã).

- Có 09 *sự nhìn-nhận* cũng được nói trong kinh **SN 22:47** (Quyển 3); cũng được nói trong kinh **MN 140**, mục 31.] (224)

225 [03 thuật ngữ của 03 đoạn kế tiếp này lần lượt là *iñjita*, *phandita*, và *pañcīta*. **Spk** chú giải rằng: “Điều này cho thấy rằng do có *những ô-nhiễm* [như *dục-vọng* ...] cho nên chúng sinh động-chuyển (động vọng), chao-đảo

(phát phơ), và tăng-phóng (phóng tâm).” Chữ *papañca* thường được giải nghĩa trong các luận giảng là *pamāḍakarā dhammā* (những thứ/ những yếu tố chịu trách nhiệm gây ra sự lơ-tâm hay sự tăng-phóng).] (225)

226 [Chữ cuối là: *mānagata*. **Spk**: bản thân sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn) là một sự dính-líu với sự ‘*tự-ta*’ rồi. Trong đoạn này, sự ‘*ta-là*’ (tự ngã) được nói ra theo cách của sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn) kết nối với *dục-vọng* (ái); “*Ta là này*” thì theo cách của những quan-điểm (tà-kiến) này nọ. Mặc dù sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn) không khởi sinh trong sự liên kết lập tức với những tà-kiến này nọ [theo như sự phân tích của *Vi Diệu Pháp* về những khoảng-khắc tâm (*sát-na tâm*) thì chúng là riêng nhau], những tà-kiến xảy ra là do sự ‘*tự-ta*’ chưa được dẹp bỏ. Vì vậy nên điều này được nói ra với sự đề cập tới những tà-kiến bắt rễ từ sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn).] (226)

227 [TKBĐ: Phần thi kệ [*trong kinh này và các kinh sau*] không được đề trong ngoặc kép “ ...” vì do chúng có vẻ không phải lời của Đức Phật; có thể những người kết tập ngày xưa đã lấy từ chỗ nọ chỗ kia trong các kinh rồi gắn vào các bài kinh này. Trong kinh này, phần thi kệ được nói theo khuôn-mẫu ‘*Tứ Diệu Đế*’, với ‘*sự khổ*’ được thay bằng ‘*cảm-giác*’ với ý nghĩa rằng: *mọi cảm-giác đều nằm trong sự khổ*, bởi *cảm-giác cũng là một trong năm khổ uẩn*. **Spk** giải thích ‘*có đạt-định*’ và ‘*thấu-suốt rõ ràng*’ là *định* và *tuệ minh-sát*; [còn **Spk-pt** thì giải nghĩa 02 chữ là = *samāhito* và *sampajāno* (*người đạt-định* và *tỉnh-giác*)]; phần còn lại là *Bốn Diệu Đế*. **Spt-pt** thì giải thích: ‘*hết đói khát*’ (*nicchāto*): là hết *dục-vọng* (ái tận); ‘*hoàn toàn tắt ngấm*’ (*parinibbuto*) hàm nghĩa là *sự hoàn toàn tắt bật của những ô-nhiễm*. Như vậy, bài kệ là bao gồm *tất-cả* những trạng-thái trong 04 cõi [coi lại chú thích số 6 ở kinh **SN 35:23** ở trên].] (227)

228 [Tôi dịch chữ *mosadhammaṃ* trong câu kệ *c* đúng theo cách mà **Spk** đã giải nghĩa là *nassanadhammaṃ* (*phải bị tiêu hủy, phải bị hủy hoại*), dựa vào nghĩa này **Spk-pt** đã bổ sung thêm nghĩa là: “*Không có gì được nhìn thấy sau sự tan biến của nó do tính chất nhất thời có mất của nó*.” Chữ này có thể liên quan chữ *musā*, từ một gốc động từ nhưng tích thêm nghĩa “*sai, giả*”. Như vậy chữ *mosadhamma* có thể đã được dịch là “*có bản chất sai giả*” hoặc “*đánh lừa*”. Nghĩa này dường như được chuyển tải trong phần gần cuối kinh **MN 140**, và có lẽ trong câu kệ **Sn 757d**, mặc dù cũng có thể rằng trong tất cả

những lời kinh đều có hàm chứa cả 02 nghĩa này. **Spk** giải nghĩa câu *phussa phussa vayam passam* là: *ñāṇena phusitvā phusitvā vayam passanto* (sau khi nhìn thấy sự suy biến của nó, sau khi đã liên tục tiếp-xúc nó [chạm vào nó] bằng sự-biết). **Spk-pt** coi chữ *virajjati* là một chữ ám chỉ con-đường (đạo) (*maggavirāgena virajjati*).] (228)

229 (Tức là: *sưóng không tham, khổ không sân, trơ không si mà phải biết rõ về nó*). [03 *khuyñh-huóng tiềm ần* (tùy miên) này trong tiếng Pāli là *rāgānusaya, paṭighānusaya, avijjānusaya*. Trong số 07 *khuyñh-huóng tiềm ần* (*anusaya*) [đọc lại kinh **45:175** (Quyển 5)] thì riêng 03 loại này liên quan tới những cảm-giác; coi thêm kinh **MN 148**, mục 28-34.] (229)

230 [Chỗ này tôi đọc theo **Be** ghi là *niranusayo*, khác với **Ce** và **Ee** ghi là *pahīnarāgānusayo*.] (230)

231 [Cụm chữ cuối: *mānābhisamayā*. **Spk** nói: *sự phá tan sự tự-ta* (ngã mạn) là bằng cách *nhìn-thấy nó* (*dassanābhisamayā*) và bằng cách *trừ-bỏ nó* (*pahānābhisamayā*). Mời đọc lại chú thích chi tiết ở kinh **12:02** (Quyển 2), phần [I. Khởi sinh], đoạn (1), chú thích 13 ở đó.] (231)

232 [Chữ gốc là: *pātālo*. Cũng có ghi trong Quyển 1, các câu kệ 147d, 517b, 759c. Ở đây **Spk** coi trích xuất chữ này từ câu *pātassa alam pariyatto* (*đủ, sự đủ đầy của sự rút xuống*) và nói rằng chữ này chỉ một nơi không có đáy (*natthi ettha patiṭṭhā*). “*Cảm-giác khổ của thân*” (khổ thân) ở đây là dịch cụm chữ *sāririkā dukkhā vedanā*.] (232)

233 [**Spk**: bởi vì nó bị thay đổi, phải thay đổi, phải luôn biến đổi, có rồi mất, sướng rồi khổ, vui rồi chán.] (233)

234 [Tôi chọn đọc theo cách ghi của **Se** là: *tam enaṃ dutiyena sallena anuvedhaṃ vijjheyyaṃ*. **Be** chỉ khác ở chỗ nó có một động từ số ít. **Spk** chú giải: *vết thương thứ hai* (*anugatavedhaṃ*) chỉ cách vết đầu một vài phân. Người bị thương như vậy, cảm-giác tiếp theo sẽ tồi tệ và đau đớn nặng đô hơn vết đầu.] (234)

235 [**Spk** chú giải: *Sự thoát-khỏi* ở đây = *sự định-tâm, đạo và quả*. Người phàm phu không biết sự tu-tập là giải pháp; họ nghĩ sự thoát-khỏi khổ đau chỉ

bằng những khoái-lạc giác quan (dục-lạc sung sướng) mà thôi; (cho nên mỗi khi bị khổ đau, họ tìm tới dục-lạc, như người nghiện bị đau đớn thì tìm tới ma túy vậy; nhưng đó chỉ là giải pháp tạm bợ, ngắn ngủi, phù du, và sự tái khổ cứ liên tục).] (235)

- (Ví dụ: nhân loại luôn tìm kiếm sự vui sướng của dục-lạc trong đủ loại phương tiện như: tiền của, tiện nghi, ái tình, tính dục, ăn uống, rượu chè, hút chích, trò chơi, trò giải trí, ca hát, tiệc tùng, tụ tập ...)

236 [Spk nói rằng trong số những thánh đệ tử, ở đây nhấn mạnh là A-la-hán, mặc dù bậc Bất-lai thì cũng hợp lý. Theo hệ thống các luận giảng, cả hai bậc thánh này đều đã trừ bỏ *sân* (*paṭigha*, *dosa*) và do vậy không còn phải bị bức-tức hay phiền-uru (*domanassa*), không còn cảm-giác khổ của tâm (chỉ bị khổ thân chứ không còn bị khổ tâm). Mọi người có thân, ngay cả Phật, cũng đều bị cảm-giác đau khổ về thân (ở đây là *kāyikā dukkhā vedanā*).] (236)

237 [Spk: Đức Phật đến thăm những người bệnh để cho các Tỷ kheo cũng thấy noi theo cũng đến thăm và chăm sóc cho những đồng đạo bị bệnh. Phật cũng đến đó để giảng giải về một chủ-đề thiền cho những người cần có nó để thiền quán khi bị bệnh.] (237)

- (Nhân tiện: Câu bên dưới và (*) dịch nguyên văn là: “*Một Tỷ kheo nên chờ tới lúc của mình một cách có chánh-niệm và thường rõ-biết (luôn tỉnh-giác)*”. Câu này có thể được hiểu là: “*Người tu nên sống có chánh-niệm và tỉnh-giác cho đến lúc chết*”; hoặc: “*Trong khi chờ đến lúc chết, người tu nên luôn thực hành sự chánh-niệm và sự rõ-biết*”; hoặc: “*Chừng nào còn sống, người tu phải luôn có chánh-niệm và tỉnh-giác*”. Bối cảnh lúc này là Phật đang nói với những người bệnh ở khu người bệnh).

238 [Spk chú giải: Tới điểm này, điều gì đã được chỉ ra? Đó là cách đạt-đến của vị Tỷ kheo này [Spk-pt: là *sự tu tập sơ cấp* (*pubbabhā gapaṭipadā*) là nhân (dẫn đến quả là) sự đạt đến thánh đạo]. Vì *những sự thiết-lập* (nền tảng, xứ) của *chánh-niệm* mới chỉ là sơ cấp, và đối với *sự rõ-biết* (tỉnh giác) thì những sự ‘*quán sát về sự vô-thường, sự biến-đi, sự phai-biến*’ cũng chỉ là sơ cấp. Còn 02 sự—‘*quán sát về sự chấm-dứt* và *quán sát về sự từ-bỏ*’—là hỗn hợp [Spk-pt: tức vừa thế tục vừa siêu thế]. Tới điểm này là chỉ ra *lúc* có sự phát triển của Tỷ kheo đó [trong thiền tập].] (238)

239 [Lời đoạn kinh mẫu từ chỗ này cho đến hết bài kinh cũng có trong kinh **12:51** (Quyển 2) chỉ khác ví dụ; kinh **22:88** (Quyển 3) và **54:08** (Quyển 5) với cùng ví dụ; và cũng có trong kinh **MN 140**, mục 23-24 với cùng ví dụ.

- (Đoạn **i-**: lời kinh gốc ghi theo nghĩa thụ động: ‘*người đó hiểu*: ‘*Nó không được nắm giữ (đính theo)*’; *người đó hiểu*: ‘*Nó không được ưa thích*’, nhưng người dịch Việt đã dịch theo nghĩa chủ động cho dễ hiểu: ‘*người đó hiểu*: ‘*Không nắm giữ (đính theo) nó*’; *người đó hiểu*: ‘*Không ưa thích nó*’).] (239)

240 [Ví dụ này cũng có trong kinh **12:62** (Quyển 2).] (240)

241 [**Spk** chú giải: *Sự vô-thường của những sự tạo-tác* (các hành) chính nó là *sự vô-thường của những cảm-giác* (thọ), và sự vô-thường này là cái chết. Không sự khổ đau nào tệ hơn cái chết: với chủ ý này nên mới nói “Tất cả cảm-giác là khổ.”

- “*Mọi thứ được cảm nhận đều nằm trong sự khổ*”: về câu châm ngôn này của Đức Phật, mời lại kinh **12:32** (Quyển 2), gần cuối phần **[i]** và trong kinh **MN 136**, mục 6 do thầy Samiddhi đã nhắc lại. Chỗ này sự chú giải của **Spk** là không hợp lý cho lắm. Lý do thực sự “*tất cả cảm-giác là khổ*” là bởi vì tất cả cảm-giác là vô-thường và do vậy không cung cấp sự hạnh-phúc và sự an-toàn ổn định dài lâu có được (mọi cảm-giác đều có rồi mất, sướng rồi khổ, này rồi nọ).] (241)

{ ▶ (Nhân tiện: *Những sự tạo-tác* (*saṅkhārā*, hành) là chỉ: những hành vi cố ý, hành động cố ý, sự làm có chủ ý; sự tạo thành, sự tạo ra, sự tạo nên, sự gây ra, sự tác động có cố ý; sự tạo nghiệp; sự chủ động làm, sự cố ý làm (bằng thân và lời-nói); ý-nghĩ thực ra cũng là sự tạo-tác vì ý-nghĩ là có sự cố-ý của tâm (tâm tư) vì sự cố-ý (tư) về bản chất cũng là sự tạo-tác của tâm, là gốc của hành-vi tạo nghiệp, gốc của nghiệp (*kamma*). Riêng chữ *tạo-tác* trong tiếng Việt đã hàm nghĩa có ý, có cố ý, có tâm ý, có chủ ý, có ý nghĩ rồi, vì vậy người dịch hiệu đính năm 2024 đã sửa lại trong tất cả bản dịch trước đây thành “*sự tạo-tác*” cho gọn).

▶ (Lý do: Trong tất cả bản dịch trước 2024 người dịch đã dịch chính xác theo TKBD là “*những sự tạo-tác cố ý*” (có cố ý, có tư), như TKBD đã nói lý do ở

cuối chú thích 7 kinh SN 22:12 (Quyển 2). Tuy nhiên, để đối lấy sự ngắn gọn cho lời kinh chỉ ghi “*những sự tạo-tác*” trong lần hiệu đính lần này, chúng ta chỉ cần lưu ý không nhầm lẫn bộ 03-hành đã được nói trong kinh SN 41:06 (Quyển 4), chú thích 298 và kinh MN 44, mục 13-29; bộ 03-hành trong 02 kinh đó được nói liên quan tới trạng thái định “*diệt thọ tướng*” (sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác) và không liên quan gì *lý duyên-khởi* hay *vòng nhân-duyên*!

- Bộ 03-hành trong 02 kinh đó có thân hành và tâm hành là 02 hành có nghĩa thụ-động: là sự tạo-tác được tạo ra thông qua thân và tâm, và khẩu hành là sự tạo-tác tạo ra lời-nói, là loại hành có nghĩa chủ-động.) ND. }

242 [Nguyên văn cụm chữ này: *anupubbasaṅkhārānaṃ nirodho*. Spk chú giải: Câu này được nói ra để chỉ ra rằng: “*Ta không chỉ mô tả sự chấm-dứt của những cảm-giác (thọ diệt), mà cũng mô tả sự chấm-dứt của những trạng thái khác như vậy.*” Bên dưới, chữ “*sự lắng lặn*” (*vūpasama*) và “*sự làm tĩnh lặng*” (*passaddhi*) được nói ra cho phù hợp tùy theo những khuynh-hướng (tính khí, căn cơ) của những người cần được khai ngộ bằng giáo lý này.] (242)

243 [Trong Be và Se, 02 đoạn thi kệ cuối cùng này giống hệt như trong kinh 36:03, nhưng Ee đọc là (câu thứ hai) *sampajāno nirūpadhi* (không lơ-tâm, luôn tỉnh-giác) thay vì là *sampajāññaṃ no riñcati*.] (243)

244 [Spk: *Cảm-giác lạc [sướng, dễ chịu] thuộc thể xác (sāmisā)* (thuộc thân) là cảm-giác kết nối với cảm nhận thể xác, cảm giác thân thể; *cảm-giác lạc thuộc tâm linh (nirāmisā)* (thuộc tinh thần, thuộc tâm) là cảm-giác khởi sinh trong tầng thiền định thứ nhất ... thứ hai ... (thiền định) hay bằng sự minh-sát (thiền tuệ, thiền quán), hay bằng sự quán-niệm [về Đức Phật ...]. *Cảm-giác khổ thuộc thể xác* là cảm-giác thể xác khởi sinh thông qua cảm nhận giác quan của thể xác [Spk-pt bổ sung: đó là cảm-giác khổ đau của những người đang chịu đựng đau khổ do cảm nhận giác quan]; *cảm-giác khổ thuộc tâm linh* là cảm-giác ưu tư (*domanassa*) khởi sinh từ khát vọng muốn đạt tới những sự giải-thoát vô thượng [Spk-pt bổ sung: là khao khát đạt tới quả A-la-hán] mà mình chưa đạt được. *Cảm-giác trung tính thuộc thể xác* là cảm-giác thuộc thể xác khởi sinh thông qua cảm nhận giác quan của thân thể; *cảm-giác trung tính thuộc tâm linh* là cảm-giác trung tính (không khổ không

sướng) khởi sinh bằng (trong trạng thái) tầng thiền định thứ tư (trạng thái không còn sướng khổ; xả thọ). Coi thêm kinh **36:31** ở dưới kinh này.] (244)

245 [(*Pañcakaṅga* có nghĩa là Năm Công Cụ, Năm Đồ Nghè). Kinh này là giống kinh **MN 59**, “*Nhiều Loại Cảm Giác*” [*Bahuvedanīya Sutta*].] (245)

246 [108 loại cảm-giác đã được giảng giải trong kinh **36:22** bên dưới.] (246)

247 [Kể từ tầng thiền định thứ tư trở lên, do không còn sự sướng (lạc) và sự khổ (khổ) cho nên sự lạc ở đây được coi là thuộc dạng “*một sự lạc [hạnh phúc] bình an và siêu phàm*”; thường được gọi là sự “*an trú hạnh phúc*” hay sự “*lạc trú*”, theo nghĩa nó là “*bình an và siêu phàm*”.] (247)

248 [*Sự chấm-dứt* (diệt) được gọi là sự lạc [hạnh-phúc] theo nghĩa nó là ‘*sự lạc [sướng, hạnh-phúc] không được cảm nhận*’ (*avedayasukha*) (bởi giác quan).’ Còn ‘*sự lạc [sướng, hạnh-phúc] được cảm nhận*’ (*vedayasukha*) (bởi giác quan) thì khởi sinh theo cách của năm dây khoái lạc-giác-quan (dục-lạc) và 08 tầng thiền nói trên; trong khi đó *sự chấm-dứt* (diệt) thì được gọi là ‘*sự lạc [sướng, hạnh-phúc] không được cảm nhận*’. Cho dù được hay không được cảm nhận chẳng nữa, nó được gọi là sự toàn lạc theo cái nghĩa nó là *sự lạc trong sự vắng bật khổ*; được gọi là *sự an trú vô-khổ* (*niddukkha-bhāva*). (Sự lạc này là sự lạc do không còn khổ, chứ không phải là những sự lạc do khoái-lạc giác quan hay có được do những nhân khác được nói trong các tầng thiền định nói trên)] (248)

249 [Tôi đọc nguyên văn câu cuối là: *Yattha yattha āvuso sukhaṃ upalabbhati yamhi yamhi, taṃ taṃtathāgato sukhasmimpaññāpeti*. **Spk** giải nghĩa: Cho dù là sự lạc [sướng, hạnh phúc] được cảm nhận hay sự lạc không được cảm nhận, thì Như Lai chỉ mô tả rằng: *thứ gì không còn khổ là lạc!*.

- (Người dịch nghĩ ý nghĩa của lời kinh đơn giản đã rõ như đã được nói ra: (i) Không phải chỉ có những cảm-giác sướng (lạc thọ) mới được gọi là sự lạc, (ii) mọi sự lạc dù có được ở đâu hay bằng cách nào (ví dụ bằng dục-lạc, hay bằng cách chứng đắc các tầng thiền định, hay bằng sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tướng), hay bằng cách Niết-bàn) đều thuộc dạng là sự lạc. (iii) Chủ ý của của bài kinh là Đức Phật muốn chỉ ra sự lạc nào là tốt hơn, cao thượng hơn, đáng quý hơn, tuyệt vời hơn và siêu phàm hơn theo thứ tự chứng

đắc tiến dần trên con-đường tu-tập từ phàm cho tới những trạng thái *lạc tạm thời*; rồi đến *sự toàn lạc* = sự vắng khổ; rồi tới *sự lạc rốt ráo* = sự diệt khổ = sự giải-thoát = Niết-bàn.)] (249)

250 [**Spk**: tên ông ta là Sīvaka, nhưng vì ông ta có búi tóc trên đỉnh đầu (*cūḷā*) nên ông được gọi là Moḷiyasīvaka, nghĩa là ông Sīvaka Tóc Búi (*moḷi* hay *moli* là một chữ khác có nghĩa là búi tóc trên đỉnh đầu).] (250)

251 [Quan-điểm này thường được nói giống như thuyết *pubbakatahetuvāda* (thuyết nghiệp tiền kiếp). Trong kinh **MN 101**, mục 2, 5, 13, 22 (1), (6), và 45 (1), (6), trong đó thuyết này được gán cho những người đạo Jain (Ni-kiền-tử), Đức Phật đã chỉ trích thuyết đó từ một góc độ, và trong kinh **AN 3:61** thì Đức Phật đã chỉ trích theo một góc độ khác.] (251)

252 [Theo luận điểm này thì chữ *vedanā* (cảm-giác) đang được dùng theo nghĩa hẹp chỉ riêng *cảm-giác khổ đau* mà thôi. *Mật* (*pitta*), *đờm* (*semha*), và *gió* (*vāta*) là 03 khí chất của thân (*dosa*) theo y học Ayurveda cổ ở Ấn Độ. Ở đây nên để ý Đức Phật đã nhắc tới (i) *sự trải nghiệm cá nhân* (người tự mình cảm nhận cảm-giác trong bụng ...) và (ii) *điều công nhận trong dân gian* (điều được cho là đúng trong thế gian) là 02 góc độ để bác bỏ quan-điểm cho rằng ‘*tất cả cảm-giác đều do nghiệp quá khứ*’ theo nghĩa là nghiệp quá khứ là *nguyên nhân duy nhất và đầy đủ* tạo ra mọi cảm-giác trong hiện tại. Tuy nhiên, lời của Phật cũng hàm ý *không* từ chối những nghiệp (ác) quá khứ có thể kết quả thành bệnh tật ... (dẫn tới những sự đau đớn, đau khổ ... trong hiện tại); vì mức độ nhân-quả này không thể được nhận biết ngay bởi người thiếu các căn nhận biết siêu thường. Như vậy nghiệp vẫn có thể là một nhân gián tiếp gây ra những cảm-giác đau khổ được trực tiếp gây ra bởi 07 nguyên nhân đầu tiên. [Quan-điểm này chỉ đủ đúng trong trường hợp thứ tám (viii), mặc dù muốn đủ nhân tiền nghiệp này cũng cần sự liên kết với những điều-kiện (duyên) khác nhau khác.] (252)

253 [Tôi đã dịch các chữ *sannipātikāni*, *visamaparihārajāni*, và *opakkamikāni* đúng theo cách giải thích của **Spk**. Về cụm chữ *kammavipākajāni vedayitāni*, **Spk** nói những cảm-giác này được tạo ra bởi *duy nhất* (*kevalam*) nghiệp quả. Nhưng những cảm-giác đã khởi sinh trực tiếp từ 04 nguyên nhân đầu đều không phải là ‘những cảm-giác được tạo ra bởi nghiệp’, cho dù nghiệp có thể có chức năng là nguyên nhân nằm bên dưới sự bệnh tật, đau bệnh ... vốn là

những tình trạng trực tiếp gây ra những cảm-giác đau đớn. Theo *Vi Diệu Pháp* (*Abhidhamma*), tất cả mọi cảm-giác đau khổ thuộc thân đều là quả của nghiệp (*kamma-vipāka*), nhưng điều này không nhất thiết chỉ được tạo bởi (duy nhất) nghiệp; nghiệp thường hoạt động thông qua nhiều mạng lưới nhân duyên hữu hình hơn để quả của nó.

- **Spk** nói rằng kinh này được nói từ quan-điểm của quy ước thế tục (*lo-kavohāra*), dựa vào đó **Spk-pt** luận thêm: “Bởi vì thế gian nói chung đều chấp nhận rằng [những cảm-giác] khởi sinh từ mật, đờm ... Mặc nhiên cho rằng những cảm-giác dựa trên thân thể thực sự được tạo ra bởi nghiệp, nhưng quy ước thế tục có được theo cách của điều-kiện (duyên) hiện tại (*paccuppannapaccayavasena*). Sau khi chấp nhận điều đã được nói, giáo thuyết này của người ngoại đạo đã bị bác bỏ. Khi chấp nhận điều này là vậy thì thuyết “duy nhất nghiệp” của người ngoại đạo bị bác bỏ.”] (253)

254 [Các *căn* này được nói rõ trong các kinh **SN 48:31–40** (Quyển 5), tức nguyên **NHÓM 4** của Chương 48. Mời quý vị đọc thêm ở đó.] (254)

255 [Có 18 loại cảm-giác cũng được nói trong kinh **MN 137**, mục 3-8: Ở đó mỗi 01 loại trở thành 06 loại bằng cách khởi sinh liên quan tới mỗi của 06 đối-tượng giác quan—như những hình-sắc, những âm-thanh ...] (255)

256 [Có 36 loại cảm-giác cũng được nói trong kinh **MN 137**, mục 9-15: Ở đó có 18 loại thuộc đời sống tại gia và 18 loại thuộc đời sống xuất gia, thành 36 loại khác nhau.] (256)

257 [Trong phiên bản **Ee**, kinh này được coi là phần tiếp tục của kinh kể trên. Ở đây tôi đã làm theo **Be** và **Se**: coi đây là một kinh riêng.] (257)

258 [Trong tất cả 03 phiên bản, lời của kinh này cũng có luôn 02 chữ *samudayañ ca atthaṅgamañ ca* (*sự khởi-sinh và sự biến-qua*), và lời trong kinh kế tiếp cũng có đủ 05 chữ giống vậy. Điều này hơi vô lý, vì nếu mà đúng như vậy thì đâu cần phải có 02 kinh riêng biệt như vậy. Từ đó chúng ta có thể suy ra chắc chắn rằng kinh **36:27** nguyên thủy chỉ có 03 chữ *assāda, ādinava, nissaraṇa* (*sự thỏa-thích, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi*), còn kinh **36:28** kế tiếp thì có tất cả 05 chữ. Tôi đã dịch dựa trên giả thiết này, nó cũng

được ủng hộ từ các kinh song hành là: **14:37–38** (Quyển 2), **22:107–8** và **22:129–34** (Quyển 3).] (258)

259 [Trong **Ee** thì bài kinh ngắn cùn này được ghi như đoạn mở đầu cho kinh kế sau, nhưng trong **Be** và **Se** nó được tính là một kinh riêng, và tôi làm theo **Be** và **Se** như vậy.] (259)

260 [*Nirāmisā nirāmisatarā pīti. Spk* giải nghĩa rằng: đây còn tâm linh hơn sự hỷ tâm linh của các tầng thiền định. (tức là, niềm hoan-hỷ từ sự giải-thoát là siêu tâm linh hơn cả sự hoan-hỷ trong các tầng thiền định).] (260)

261 [Sau khi đã hỏi sự hỷ, sự lạc ... của các tầng thiền định (*jhāna*) là sự hỷ, sự lạc thuộc tâm linh [nghĩa chữ là “*phi thể xác*”] thì dường như lời kinh ở đây là mâu thuẫn khi nói rằng sự giải-thoát sắc giới là thuộc thể xác. **Spk** giải thích rằng sự giải-thoát sắc giới được gọi là thuộc thể xác bởi vì đối-tượng của nó là sắc thân thuộc thể xác (*rūpāmisavasen’ eva sāmiso nāma*).] (261)

262 [Nguyên văn câu này: *Mātugāmassa āveṇikāni dukkhāni. Spk* giải nghĩa: Đây là những loại khổ riêng biệt, chỉ có [đối với phụ nữ]; đàn ông không có không bị.] (262)

263 [(i) Tôi làm theo sự sắp xếp của **Be**, là gồm có câu mở đầu này trong kinh thứ năm [5. (5)] của NHÓM 1 này và được ghi cho tất cả các kinh **37:5–24** như đã chỉ được nói cho người nghe là thầy A-nậu-lâu-đà. (ii) **Ee** thì chỉ đặt câu mở đầu này ở đây [và trong phần “*Mảng Sáng*”] trước kinh thứ nhất của mỗi dãy kinh. Về mặt này, **Se** làm tương ứng như **Be**. (iii) Tuy nhiên, trong **Se** chỉ có kinh thứ nhất của mỗi dãy kinh [*Mảng Tối* và *Mảng Sáng*] là được nói cho thầy A-nậu-lâu-đà. Rồi **Se** lặp lại chính kinh thứ nhất đó nhưng đổi thành được nói cho “*các Tỳ kheo*”, và đổi luôn các kinh tiếp theo còn lại trong mỗi dãy kinh là chỉ được nói cho “*các Tỳ kheo*”. Vì lý do này nên **Se** tăng 02 số kinh so với **Be** và **Ee** trong NHÓM 1 này, coi như nó thêm 02 kinh thứ nhất được nói cho chỉ thầy A-nậu-lâu-đà vậy. Nhưng những kinh này ghi thiếu chữ *yebhuyyena* (hầu như [bị tái sinh]) được thấy có trong kinh dẫn trước là kinh **4. (4)**.

- Ngài Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) là siêu xuất về ‘thiên nhãn minh’, có thể nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh; và dường như thầy ấy cũng hay gặp phải những phụ nữ, cả trong cõi trần và cõi trời; mời coi thêm kinh **SN 9:06** (Quyển 1).] (263)

264 [Như giải thích trong câu ở cuối kinh.] (264)

265 [Như giải thích trong câu cuối kinh.] (265)

266 [Nguyên văn câu cuối: *Sāmikam pasayha agāraṃ ajjhāvasati*. **Spk** giải nghĩa chữ *pasayha* là = *abhibhavitvā*, và trong kinh kế tiếp giải nghĩa cụm chữ *abhibhuyya vattati* là = *abhibhavati ajjhottharati*. Theo cách này thì cả hai thành như chỉ đơn giản là những biến tấu của cùng một nghĩa muốn nói mà thôi. (Cũng giống những tập tục nghi luật trong xã hội cận đại và cổ đại ở các nước đông Á như Việt Nam, Trung Quốc...)] (266)

267 [Nguyên văn câu này: *Nāsent’ eva naṃ, kule na vāsenti*. **Spk** đã cung cấp cho chúng ta một cái nhìn thoáng qua về những tập tục xã hội và gia đình hủ lậu trong thời cổ xưa ở Ấn Độ khi nó diễn dịch lời kinh rằng: “Sau khi họ nói ‘Đồ thiếu đức hạnh, đồ dâm phụ lãng loàng’, họ nắm cổ và tống cô ta ra khỏi nhà; họ không chứa cô ta trong gia đình đó nữa.”] (267)

268 [Nguyên văn câu này: *Vāsenti’ eva naṃ kule, na nāsenti*. **Spk** diễn dịch rằng: “Sau khi họ suy xét ‘Sắc đẹp hay sự giàu có ... đâu là còn là vấn đề gì khi cô ta là đức hạnh và liêm trực?’ thì họ dung chứa cô ta trong gia đình; họ không xua đuổi cô ta.” (Kinh này và kinh kế dưới đề cao phần ‘đức hạnh’ của phụ nữ hơn những phần khác họ có; cũng giống trong xã hội các nước đông Á).] (268)

269 [‘Người đối nghịch’ (*asapattī*) ở đây là chỉ những vợ thứ, vợ lẽ, thê thiếp mà chồng có thể cưới thêm. Không có gì lạ đàn ông thời xưa, nhất là đàn ông giàu có hay quyền lực thường cưới thêm vợ thứ, vợ lẽ hay nhiều thê thiếp, đặc biệt là khi vợ chính hiếm khó sinh đẻ. Mời đọc thêm quyển *Đời Sống Miền Đông Bắc Ấn Cổ Xưa (Life in North-Eastern India)* của học giả Singh, trang 38–41.] (269)

270 [Spk: Thực ra du sĩ này là người cháu ruột của Ngài Xá-lợi-phất, tên của ông, *Jambukhādaka*, có nghĩa: ‘người ăn táo hồng’.] (270)

271 [Spk đã phản đối cái ý tưởng cho rằng *Niết-bàn chỉ là sự tiêu diệt ô-nhiễm* (*kilesakkhayamattam nibbānam*), và cho rằng Niết-bàn được gọi là sự tiêu diệt những ô-nhiễm như tham, sân, si theo cái nghĩa tham, sân, si được tiêu diệt tùy thuộc vào (chỉ khi có) Niết-bàn (*yam āgamma rāgādayo khīyanti, tam nibbānam*). Để đọc đầy đủ về sự biện luận này, mời coi thêm **Vism** 507–9 (**Ppn** 16:67–74). Điểm mấu chốt trong quan-điểm của luận giảng **Spk** là: Niết-bàn là yếu tố không còn điều-kiện (vô vi giới) được thấu ngộ cùng với sự chứng đắc thánh đạo siêu thế. Bởi vì sự trải nghiệm của trạng thái vô vi này tác động tạo ra sự tiêu diệt những ô-nhiễm (lậu tận), vì vậy cho nên Niết-bàn mới đi đến được gọi là sự tiêu diệt tham, sân, si, nhưng Niết-bàn không thể và không nên bị thu hẹp nghĩa chỉ là = sự tiêu diệt tham, sân, si.] (271)

272 [Chữ “*sugata*” (*bậc khéo đi, bậc thiện thế*, [TKBD dịch là:] *bậc phúc-lành*) thường là chữ biểu tượng cho Đức Phật, nhưng ở đây, ở dạng số nhiều, thì nó dùng để chỉ chung những bậc A-la-hán.] (272)

273 [Người đạt tới sự yên-ủi (*assāsapatta*). Câu trả lời kinh này là công thức tiêu chuẩn đối với bậc học nhân (*sekha*). Kinh kế tiếp, người đạt tới sự yên-ủi tối thượng (*paramassāsapatta*) là chỉ bậc vô học nhân (*asekha*), tức A-la-hán.] (273)

274 [Ba loại khổ được giải thích trong **Vism** 499,14–21 (**Ppn** 16:34–35). Nói ngắn gọn: *Khổ do đau khổ* (*dukkha-dukkhatā*; khổ khổ) là cảm-giác khổ về thân và khổ về tâm; *khổ do những sự tạo-tác* (*saṅkhāradukkhatā*; hành khổ) là tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi) trong 03 cõi hiện-hữu, bởi vì chúng bị áp bức bởi sự lên và xuống, bị sinh và diệt; và *khổ vì sự thay đổi* (*vipariṇāmadukkhatā*; hoại khổ, vô thường khổ) là cảm-giác sướng sẽ đưa đến khổ khi nó không còn, có rồi hết (hết sướng là khổ, khổ vì không còn sướng).] (274)

275 [Spk chú giải bằng cách trích thẳng câu trong kinh **MN 85**, cuối mục 59: “... sau khi được chỉ dẫn trong buổi tối, người đó có thể đạt tới sự khác-biệt [sự giác-ngộ] vào sáng mai; sau khi được chỉ dẫn vào buổi sáng, người đó có thể đạt tới sự khác-biệt vào buổi chiều.” - (Mời đọc lại cả mục 59 của **MN 85**

này về thời gian một người tu có thể chứng đắc tới mục tiêu giác-ngộ, như Đức Phật đã nói cho hoàng tử Bồ-Đề.)] (275)

276 [09 kinh đầu của *Chương 39* này kể lại những trải-nghiệm của thầy Mục-kiền-liên khi thầy đang tinh-cần tu hết mục (thiền tập) để chứng thánh quả A-la-hán trong suốt 01 tuần lễ đầu tiên ngay sau khi mới thụ giới thành Tỷ kheo. Những câu chuyện khác về sự tu hành của vị thánh tăng này, mời đọc thêm quyển “*Mục-kiền-liên: Bậc Thầy Thần Thông*” của học giả Hecker, và quyển “*Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật*” bởi nhà sư trưởng lão Nyanaponika và Hecker.] (276)

277 [Nguyên văn câu này: *Kāmasahagatā saññā manasikārā samudācaranti*. **Spk** giải nghĩa đó là: còn bị dính bởi năm chướng-ngại (ngũ cái).] (277)

278 [*Mahābhiññatam patto: đạt tới sự lớn lao của trí-biết trực tiếp*, có nghĩa là thầy Mục-kiền-liên rất siêu xuất về những năng-lực siêu thường, tức thần-thông (*iddhividha*); mời coi thêm các kinh **SN 51:14, 51:31** (Quyển 5).] (278)

279 [So sánh kinh **SN 21:01** (Quyển 2) trong đó trải nghiệm tầng thiền định thứ hai cũng được diễn tả bằng chữ “*sự im-lặng thánh thiện*” (*ariya tuṇhibhāva*), một thuật ngữ tiêu chuẩn để diễn tả tầng thiền định thứ hai này.] (279)

280 [Nguyên văn: *animitta cetosamādhī: sự/trạng thái định-tâm vô dấu-hiệu* (vô tướng định). **Spk** chú giải rằng: chữ này là chỉ *sự định-tâm của minh-sát* (*vipassanā-samādhī*), xảy ra khi người thiền đã dẹp bỏ 03 dấu-hiệu (03 đặc điếm, tam tướng = vô thường, khổ, vô ngã).

- ‘*Sự định-tâm vô dấu-hiệu của tâm*’ đã không được định nghĩa thêm trong các bộ kinh *Nikāya*, nhưng sự đặt vị trí của nó sau tầng chứng đắc vô-sắc thứ tám (phi tướng phi phi tướng xứ) cho thấy nó là một trạng thái định-tâm (*samādhī*) về mặt định tính là khác với những trạng thái định đạt được trong thiền-định (*samatha*). Trong các kinh bên dưới có nói về ‘*sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm*’ (*animittā cetovimutti*; ở kinh **41:07**). Trong kinh **43:04** thì ‘*sự định-tâm vô dấu-hiệu*’ (*animitta samādhī*) được gọi là *con-đường dẫn tới trạng thái vô-vi* (không còn điều-kiện, không còn hữu vi). Để có thêm cách

nhìn bao quát về *sự thiên vô dấu-hiệu* (vô tướng), mời coi thêm quyển “*Thiên Định Vô Dấu-Hiệu trong Phật giáo Pālī*” của học giả Harvey. Mời đọc thêm các chú thích số 312 ở đoạn (1), (iv) của kinh **41:07** về ‘*sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm*’, và chú thích số 368 trong kinh **43:04** về ‘*sự định-tâm vô dấu-hiệu*’.] (280)

281 [Nguyên văn cụm chữ này: *nimittānusāri viññāṇaṃ hoti*. **Spk**: Điều này đã xảy ra trong khi *sự-biết của minh-sát* (quán tri) đang chảy dọc một cách sắc xảo và mạnh mẽ khi thầy ấy an trú trong sự định-tâm của minh sát (quán định). Giống như, khi một người đang chặt hạ cây bằng một rìu sắc bén, nếu anh ta cứ lo nhìn ngắm lưỡi rìu thì anh ta không chặt và không hoàn thành chức năng chặt hạ cây. Tương tự vậy, vị trưởng lão cứ tăng sự ưa-thích (*ni-kanti*) đối với sự minh-sát (quán) thì do vậy thầy ấy không hoàn thành chức năng mục tiêu của nó.] (281)

282 [Dịch theo **Be** và **Se** ghi là: *asitiyā devatāsahasseehi saddhiṃ*. Riêng **Ee** ghi: *asitiyā devatāsatehi saddhiṃ (tám mươi trăm)*.] (282)

283 [Đây là loại ‘*niềm-tin*’ (tín) của một thánh đệ tử, tối thiểu là bậc Nhập-lưu, vì ‘*niềm-tin*’ trong *bốn yếu-tố (để chứng ngộ thánh quả) Nhập-lưu*; mời đọc lại kinh **12:41**, chú thích 120 (Quyển 2). Vua trời Đế-thích được thấy đã là một bậc thánh Nhập-lưu ở cuối kinh **DN 21**, cuối mục 2.10.] (283)

284 (Về bài kinh dài **SN 40:10** kể trên, tóm tắt như vậy để dễ nhớ: **[I]** Quy y (Tam Bảo): được tái sinh cõi trời. **[II]** Có được niềm-tin vào Tam Bảo và có được những giới-hạnh (như năm giới, tám giới) mà những bậc thánh quý trọng: được tái sinh cõi trời. **[III]** Quy y (Tam Bảo): được tái sinh cõi trời + ưu trội hơn những thiên thần khác về 10 mặt. **[IV]** Có được niềm-tin xác thực vào Tam Bảo và có được những giới-hạnh mà những bậc thánh quý trọng: được tái sinh cõi trời + ưu trội hơn những thiên thần khác về 10 mặt.)

- [Về vị thiên thần *Candana* trong kinh này: mời coi thi kệ kinh **SN 2:05** (Quyển 1); còn 04 thiên thần kia là đang trị vì những thiên thần của 04 cõi dục giới thuộc cõi trời 33 (Đao-lợi).] (284)

285 [Trong kinh **AN 1:250** gia chủ Citta được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số đệ tử tại gia nam giới về thuyết giảng Giáo Pháp (*etadaggaṃ dhamma-*

kathikā nam); coi thêm kinh **SN 17:23** (Quyển 3). Về tiêu sử của vị gia chủ này, mời đọc thêm “*Những Cái Chết Trẻ của Những Vị Đệ Tử*” của học giả Hecker, và “*Những Vị Đại Đệ tử Của Đức Phật*” của nhà sư Nyanaponika và Hecker, trang 365–732.

- Theo **Spk**, làng *Migapathaka* là ngôi làng huê lợi (tức nộp huê lợi cho gia chủ; *bhogagāma*) của gia chủ Citta, nó nằm ngay sau khu Vườn Xoài Hoang.] (285)

286 [Giống ví dụ ở kinh **SN 35:232** ở trên của Quyển 4 này.] (286)

287 [Vấn đề này cũng được đặt ra trong đoạn đầu của kinh **35:129** (Quyển này), nhưng ở đây lời giải đáp bên dưới thì được nói ra giống như trong kinh **14:01** (Quyển 2).] (287)

288 [**Spk** nói rằng: Vị trưởng lão đó biết câu trả lời, nhưng do thầy ấy không phải là một người thuyết pháp một cách tự tin. Sự chú giải này không mấy thuyết phục, vì lúc sau chúng ta sẽ đọc lời thú nhận của vị trưởng lão ở cuối kinh rằng câu trả lời đã không xảy đến (không khởi sinh) với thầy ấy vào lúc đó.] (288)

289 [Thi kệ **Th 120** (*Trưởng Lão Kê*) được cho là của Thầy Isidatta. Isidatta khi còn tại gia đã nhận được lá thư từ người bạn “chưa biết mặt” là cư sĩ Citta [coi kinh kế tiếp] đề cao về Phật, Pháp, Tăng. Nhờ đó Isidatta đã có niềm-tin vào Tam Bảo và đã thụ giới xuất gia theo Ngài Đại Ca-chiên-diên, và đã nhanh chóng chứng ngộ A-la-hán với sáu loại trí-biết trực tiếp (tam thông tam minh).] (289)

290 [Nguyên văn cụm chữ này: *Onitapattapāṇino*. Ở đây **Spk** giảng rộng là: “Sau khi đã dẹp các bình bát khỏi tay và sau khi rửa sạch chúng (*pāṇito apanitapattā dhovivā*), sau khi đã bỏ các bình bát vào các bao đeo, [họ rời đi] với các bình bát được treo trên vai.” Sự giảng giải này đã đi xa hơn những sự giảng giải thông thường của các luận giảng, trong đó chỉ đơn giản dịch lời kinh là Tỳ kheo đó đã dẹp bình bát qua một bên mà thôi; mời đọc lại chú thích **135** ở kinh **35:133** ở trên của Quyển này. Về chữ *osāpeti* (*đặt, đặt xuống, bỏ vào, ký thác*), mời đọc lại chú thích **223** ở kinh (Quyển 1).] (290)

291 [Trong câu cuối này, tôi đã dịch cái thành ngữ lọng cọng này một cách tự do cho đúng theo nghĩa tự nhiên của nó.] (291)

292 [*Brahmajāla Sutta* (kinh Phạm Võng), tức kinh **DN 1.**] (292)

293 [Cả luận giảng **Spk** và **Spk-pt** đều không chú giải gì về sự bỏ đi đột ngột này của thầy Isidatta. Thầy ấy có lẽ đã nhìn thấy sự nguy-hại trong sự “*lợi, vinh, cung kính*” (mà gia chủ Citta đã tôn kính dành cho mình; tức bậc chân tu sợ bị dính danh và làm hư cái tâm) và muốn chọn sống trong sự ẩn dật ẩn danh hoàn toàn. (Như Phật đã lặp lại rất nhiều lần trong *Chương 17* (Quyển 2): “*Lợi, danh, cung kính*” là tai hại (*chết chóc*), *đắng cay, tệ bạc* (nghiệt ngã), *cản trở sự đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’*—Tỳ kheo Isidatta này (và Tỳ kheo Mahaka trong kinh kế tiếp) có lẽ là một tấm gương cho những tu sĩ (ở Việt Nam và những xứ khác) nên noi theo!)] (293)

294 [**Se** và **Ee** ghi là *kuṭṭhitam*, **Spk** (của **Se**) giải nghĩa là *kuthitam*; **Be** ghi là *kuthitam*, được giải nghĩa là *kudhitam*. **SS** ghi là *kikitam* hoặc *kikitam* được chọn bởi học giả Woodward. **Spk** gọi chữ này là chữ “*chỉ xảy ra 1 lần duy nhất trong toàn bộ kinh Phật được bảo tồn trong Tam Tạng*” (*Tipiṭaka*) (*tepiṭike buddhavacane asambhinnapadam*) và giải nghĩa nó là “*cực kỳ kịch liệt*” (*atitikkhiṇam*), bởi do cát nóng dưới chân và nắng nóng trên đầu.] (294)

295 [Đoạn này cũng có ghi trong **Vism** 393–394 (**Ppn** 12:85).] (295)

296 [Coi kinh **Ud 76**, 26–27, được nói liên quan tới A-la-hán *Lakuṇṭaka Bhaddiya* [coi thêm kinh **21:06** (Quyển 1)]. Tất cả các chữ về nghĩa đen là nói về chiếc xe và về nghĩa bóng là nói về một A-la-hán. Chìa khóa trả lời cho câu đố này được nói ra tiếp theo trong bài kinh; có sự giảng nghĩa đầy đủ hơn trong luận giảng Ud-a 370–71; coi thêm bản dịch trong quyển “*Luận Giảng tập kinh Udāna*” của học giả Masefield, chỗ 2:959–61.

- Tóm tắt lời luận giảng như sau: [Chữ *ela* là *lỗi* (*dosa*); người mà không tội lỗi là *nela*. Chiếc xe được mô tả là *nelaṅga* bởi vì bánh xe của nó (*aṅga*) [chữ này tôi làm theo Masefield, và mời đọc thêm **MW**, mục chữ *rathāṅga*]—là bộ phận quan trọng nhất—là không bị lỗi. Khi dụng ví dụ này thì chữ này thể hiện *giới-hạnh* liên hữu thánh quả A-la-hán. “*Mái che*” là tấm vải len được phủ trên đầu chiếc xe; *mái che trắng* (*setapachāda*) biểu thị cho sự giải-thoát

liên hữu với thánh quả A-la-hán, nó về bản chất là thấu suốt và hoàn toàn tinh khiết. “*Không còn phiền-não*” (*anigha*) có nghĩa là không còn *sự khích-động* (*parikhobha*) của những ô-nhiễm (lậu hoặc), giống như một chiếc xe *không có sự xóc nảy* (*khobha*). “*Dòng chảy đã bị cắt*” (*chinnasota*): một chiếc xe bình thường có một dòng dầu liên tục được bôi lên đầu trục và đùm trong, nhưng cỗ xe này thì có “*dòng chảy bị cắt*” bởi vì 36 *dòng chảy* [của dục-vọng (ái)] đã hoàn toàn được trừ bỏ. “*Không có sự ràng-buộc*” (*abandhana*): một chiếc xe bình thường có cả mớ cấu kết ràng buộc để giữ cho khung xe không bị lỏng lẻo lắc lư khỏi trục bánh xe ... vân vân, nhưng cỗ xe này thì *tất cả mọi sự trôi-buộc*—được gọi là *những công-cùm* (kiết sử)—đã được hủy bỏ hoàn toàn; và do vậy là “*không còn sự trôi-buộc*”].] (296)

297 (Nội dung từ mục 13-21 trong kinh MN 44 là gần giống tương tự nội dung của toàn bộ kinh SN 41:06 này; chỉ hơn thiếu nhau một vài chỗ vấn-đáp.)

- [Nội dung những phần vấn đáp trong kinh này là tương ứng với các đoạn kinh trong MN 44, mục 13-21. Tuy nhiên *câu hỏi và trả lời cuối cùng* (11) trong kinh này không thấy có trong các kinh MN 43 và MN 44.

- Spk chú giải rằng gia chủ Citta đã từng an trú trong *sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức* (diệt thọ tướng) [Spk-pt: là sự an trú của bậc thánh Bất-lai (gia chủ Citta là một bậc Bất-lai)] và do vậy ông mới đặt câu hỏi về *những sự tạo-tác* (hành) vốn là *cơ sở* cho sự chấm-dứt (diệt định). Coi thêm chú thích 299 bên dưới kinh này.] (297)

298 [Ở đây 03 chữ *sự tạo-tác thuộc thân, sự tạo-tác lời-nói, sự tạo-tác thuộc tâm* [thân hành, khẩu hành, tâm hành] tiếng Pāli là: *kāyasaṅkhāra, vacīsaṅkhāra, cittasaṅkhāra*—đều ghi giống hệt với *những sự-tạo-tác [saṅkhāra]* là yếu-tố duyên khởi của vòng Nhân Duyên [như được ghi trong kinh SN 12:02 (Quyển 2), chú thích 7]. Nhưng trong ngữ cảnh kinh SN 41:06 này thì ý nghĩa của bộ 03-hành này là khác, lý do được nói dưới đây.

- Ở đây, trong kinh này, 02 chữ ghép *kāyasaṅkhāra* (thân hành) và *cittasaṅkhāra* (tâm hành) rõ ràng có nghĩa thụ-động: là thứ *được tạo tác* hay *được tạo ra* (*saṅkharīyati*) tùy thuộc thân và tâm. Còn trường hợp chữ *vacīsaṅkhāra* (khẩu hành) là nghĩa chủ-động: là thứ *tạo tác* hay *tạo ra* (*saṅkharoti*) lời-nói.] (298)

- ► (Nói cách khác: 03 loại *sự tạo-tác* hay bộ *03-hành* này không nên bị nhầm lẫn với bộ *03-hành* được nói đến trong kinh **SN 12:03**. (i) Bộ *03-hành* trong kinh đó gồm 03 hành chủ-động, có *cổ-ý* (tư, tư hành), và được nói ra khi nói về *vòng nhân-duyên* trong đó *những sự tạo-tác (hành)* là 01 yếu-tố trong *12 yếu-tố nhân duyên*. (ii) Còn bộ *03-hành* trong kinh **SN 41:06** này [và kinh **MN 44**, mục 13-29] có thân hành và tâm hành là 02 hành thụ-động, không có *cổ-ý* (vô tư, vô tư hành) và khẩu hành là 01 hành chủ-động, và được nói ra liên quan tới trạng thái định *chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác* (diệt thọ tướng)—Mời quý vị đọc lại đoạn (11) của kinh **SN 12:03** và chú thích số 7 ở đó.

299 [Câu hỏi này nói về trạng thái *diệt thọ tướng [chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức]* (*saññāvedayitanirodha*) (tầng chứng định thứ 9) cũng thường được gọi là trạng thái *diệt-định (nirodhasamāpatti)*: sự chứng đắc sự chấm-dứt (diệt)—đây là một trạng thái trong đó tâm và mọi chức-năng thuộc tâm (tâm sở) đều ngừng diệt. Trạng thái này được cho là *chỉ có thể đạt tới bởi những bậc Bất-lai và A-la-hán*, họ là những bậc đã làm chủ (thiện tạo) 08 tầng chứng đắc thiên định. Để đọc thêm chi tiết theo cách của luận giảng, mời coi **Vism 702–9 (Ppn 23:16–52)**.

- **Spk** cho rằng gia chủ Citta hỏi câu này là để coi vị Tỷ kheo đó đã quen thuộc với tầng chứng định đó chưa.] (299)

300 [**Spk**: Điều này có nghĩa là trước khi chứng đắc *sự chấm-dứt* (diệt thọ tướng) người tu đã phân định thời gian chứng-đắc là bao lâu, quyết định trước rằng: “*Ta sẽ ‘không-còn tâm’ (acittaka, vô tâm) trong khoảng thời gian như vậy. (acittaka: không có tâm, vô tâm, không còn khởi tâm, trạng thái không có tâm này tâm nọ nữa.)*”] (300)

301 [*Sự tạo-tác lời-nói* (khẩu hành) (= *tâm* và *tứ* (ý-nghĩ và sự soi-xét)) thì chấm dứt trong tầng thiên định thứ hai; *sự tạo-tác thuộc thân* (thân hành) (= *sự thờ-vô thờ-ra*) thì chấm dứt trong tầng thiên định thứ tư; *sự tạo-tác thuộc tâm* (tâm hành) (= *thọ và tướng* (cảm-giác và nhận-thức)) thì chấm dứt khi chứng nhập trong trạng thái ‘*chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác*’ (diệt thọ tướng định) đó.] (301)

302 [Nguyên văn cụm chữ này: *Indriyāni vipphasannāni*. **Spk** chú giải rằng: Các căn cảm-nhận bị mê mờ khi hoạt động xảy ra và những đối-tượng bên ngoài tác động vào các giác-quan. Chúng bị phiền khổ, bị phủ bụi đất, như một tấm gương đặt ở ngã tư đường bị bụi đất hắt vào bởi gió. Nhưng, giống như một cái gương được đặt trong hộp kín và được chiếu sáng bên trong, năm căn của một Tỷ kheo đã chứng nhập *sự chấm-dứt* (diệt định) thì chiếu sáng bên trong (trạng thái) *sự chấm-dứt* đó vậy.] (302)

303 [**Spk** giải thích: Trước khi chứng nhập trạng thái *sự chấm-dứt* (diệt định), vào lúc ấn định thời gian nhập định, người tu nhất quyết rằng: “*Ta sẽ ‘không-có tâm’ trong khoảng thời gian (nhập định) đó và sau đó ta sẽ trở lại ‘có chú-tâm’.*”] (303)

304 [**Spk**: Sau khi người thiền thoát-ra khỏi trạng thái *sự chấm-dứt* (diệt định) đó, *tâm chứng quả* khởi sinh trước. Do chiếu theo *nhận-thức* và *cảm-giác* gắn liền với *tâm* nên mới nói “*sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước*”. Sau đó, vào lúc *bhavaṅga* (phần cơ-sở để hiện-hữu (hữu phần) = vô thức, tiềm thức), *sự tạo-tác của thân* [sự thở] sẽ khởi sinh trở lại, và rồi sau cùng, vào lúc hoạt động (của thân) bình thường trở lại, *sự tạo-tác lời-nói* khởi sinh trở lại, được gọi là *ý-nghĩ* (tâm) và *sự soi-xét* (tứ) có thể làm phát sinh *lời-nói* trở lại.] (304)

305 [Nguyên văn 03 *sự tiếp-xúc* đó lần lượt là: *suññataphassa, animittaphassa, appaṇihitaphassa*. **Spk**: Những trạng thái này có thể được giải thích *theo cách tính-chất* (*saguna*) của chúng, hoặc *theo cách đối-tượng* (*ārammaṇa*) của chúng. (a) *Theo cách tính-chất của chúng*: sự chứng quả (*phalas-amāpatti*) được gọi là trống không, và sự tiếp-xúc đi kèm được gọi là sự tiếp-xúc trống-không; tương tự cách giải thích cho hai chữ còn lại. (b) *Theo cách đối-tượng của chúng*: Niết-bàn được gọi là trống-không bởi nó trống rỗng tham, sân, si; được gọi là vô dấu-hiệu (vô tướng) bởi không có những dấu-hiệu của tham, sân, si; và vô định-hướng bởi nó không còn bị định hướng theo/tới tham, sân, si. Sự tiếp-xúc của sự chứng quả đã khởi sinh, (sự chứng quả đó) lấy sự trống-không [Niết-bàn] làm đối-tượng, thì được gọi là sự tiếp-xúc trống-không; phương pháp tương tự đối với hai chữ còn lại.

- Sự chứng quả là sự chứng đắc thiên định đặc biệt trong đó tâm trực-tiếp trải nghiệm niềm chân phúc của Niết-bàn. Nó được nói là có 04 mức độ, tương

ứng với 04 mức độ giác-ngộ = (sự chứng quả Nhập-lưu, sự chứng quả Nhất-lai ...). Coi **Vism** 698–702 (**Ppn** 23:3–15).] (305)

306 [**Spk**: chính Niết-bàn được gọi là sự tách-ly (*viveka*). Tâm người đó nghiênng về, đổ về, ngã về Niết-bàn.] (306)

307 [Điều này được nói ra như vậy bởi vì: *sự chấm-dứt* (diệt định, diệt thọ tướng) được chứng đắc bằng cách *trước tiên* chứng nhập trong mỗi tầng thiền định sắc giới (*jhāna*) và mỗi tầng chứng đắc vô sắc giới, và rồi sau đó quán-sát nó bằng sự minh-sát theo cách nhìn thấy 03 đặc tính ‘*vô-thường, khổ, vô-ngã*’. Trình tự các bước này để đạt tới *sự chấm-dứt* (diệt định) đã được giảng giải trong **Vism** 705–707 (**Ppn** 23:31–43).] (307)

308 [Thi kệ **Th 659-672** là của thầy Godatta. Những lời vấn-đáp tiếp theo cũng có trong **MN 43**, mục 26-33, trong đó thầy Xá-lợi-phất và Đại Ca-chiên-diên là hai người đối thoại.] (308)

309 [(i) **Spk**: có 12 ‘*sự giải-thoát vô lượng của tâm*’, đó gồm: 04 cảnh giới cõi trời (bốn phạm trú), và 04 thánh đạo và 04 thánh quả.] (309)

310 [(ii) **Spk**: có 09 ‘*sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì*’, đó gồm: vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì], và 04 thánh đạo và 04 thánh quả.] (310)

311 [**Spk** không chú giải gì chỗ này; nhưng dường như cách diễn tả “*sự giải-thoát bằng sự trống-không hay tánh-không*” (*suññatā cetovimutti*) thường được dùng để chỉ (a) *sự định-tâm* dựa trên *minh-sát* (thiền quán) nhìn thấu bản chất *vô-ngã* của những hiện-tượng và cũng để chỉ (b) các thánh đạo và thánh quả siêu thế.] (311)

312 [(iii) **Spk**: Có 13 ‘*sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm*’, gồm: sự minh-sát—[bởi vì minh-sát tuệ loại bỏ những dấu-hiệu (tướng) giả là ‘thường, lạc, ngã, tịnh’]; 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới—[bởi chúng không còn dấu-hiệu của hình-sắc của sắc giới]; 04 thánh quả, và 04 thánh đạo—[bởi vì những dấu-hiệu của những ô-nhiễm (vốn là những ‘tác giả’ tạo nên những dấu-hiệu) không còn có trong đó].] (312)

313 [Theo cách diễn dịch này: (i) *sự giải-thoát vô lượng của tâm* là 04 cõi trời (04 phạm trú, tứ vô lượng tâm); (ii) *sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-*

gì là tầng chứng đắc vô sắc giới thứ ba (vô sở hữu xứ); và (iii) *sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không (tánh không)* là *sự định-tâm* dựa trên sự minh-sát nhìn thấu bản chất *vô-ngã* của mọi hiện-tượng. Còn (iv) *sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm* thì khó được chỉ ra hoặc quy theo một phạm vi hay tiêu chuẩn giáo lý nào. **Spk** chỉ xếp nó thuộc (thánh quả) siêu thế với Niết-bàn là đối-tượng của nó.] (313)

314 [Chữ này: *akuppā cetovimutti*. **Spk**: Được gọi là ‘tốt nhất, bậc nhất’ bởi vì đây là sự giải-thoát của tâm gồm có thánh quả A-la-hán.] (314)

315 [**Spk** đã chú giải chữ *kiñcana* như thể nó phái sinh từ động từ là *kiñcati* được giải nghĩa là = *maddati palibundhati* (đề bẹp, nghiền nát; ngăn cản, cản trở) và do vậy coi nó có nghĩa là sự cản-trở hay trở-ngại. Tuy nhiên, sự phái sinh đúng của nó là từ chữ *kiṃ + cana*—đơn thuần có nghĩa là “*thứ, thứ gì đó*”; mời coi thêm **MW**, mục chữ (2) *ka, kas, ka, kim*. Chữ này đã được dùng một cách thành ngữ trong tiếng Pāli có nghĩa là một ‘*sự sở-hữu*’ được coi như là một cản-trở; coi thêm chú thích số 454 ở kinh **MN 43**, mục 36, về nghĩa của chữ *kiñcana* này. Cái nghĩa (ghép *kiṃ + cana*) này của nó có lẽ đã được chế ra cho mục đích sư phạm (để chỉ dạy). Coi thêm **PED** để tham khảo thêm mấy chỗ khác mà ở đó nghĩa này đã được thấy rõ.] (315)

316 [**Spk** nói: bởi vì những ô-nhiễm đó đánh dấu một người là tham, hay sân, hay si. Có lẽ câu này có nghĩa: *tham* là nhân của ‘dấu hiệu đẹp’ (tướng đẹp), *sân* là nhân của ‘dấu hiệu xấu’ (tướng xấu), còn *si* là nhân của những ‘dấu-hiệu (mê tín) về sự thường, lạc, hữu ngã’.] (316)

317 [Mặc dù về phương diện “*giống nhau về ý nghĩa*” này trong kinh gia chủ Citta đã *không đề cập* tới loại giải-thoát thứ ba [(iii) ‘*sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không hay tánh-không*’] nhưng bản thân trạng thái này *theo tên gọi của nó* đã cho thấy tính chất “*trống-không*” rồi, và do vậy theo cách này nó đã giống 03 loại kia về sự “*trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si*”. Vì vậy nên gia chủ đã không đề cập lại.] (317)

318 [Ni-kiền-tử Nātaputta chính là ông Mahāvīra (Đại Thiên), là ông tổ sáng lập của đạo Jain (nên còn được gọi là ‘giáo phái Ni-kiền-tử’). Mặc dù ông có xuất hiện vài lần trong Tam Tạng Pāli (đặc biệt coi kinh **MN 56**, nhưng không có kinh nào cho thấy ông ta đã từng gặp Đức Phật lần nào. Những đệ

tử của ông được gọi là những *nigaṇṭha* (ni-kiền-tử), nghĩa gốc chữ này là: những “người không búi tóc”.] (318)

319 [**Spk** chú giải: vì sao gia chủ Citta phải tới gặp ông khổ sĩ trần truồng đó? Vì muốn xóa bỏ ý nghĩ của những người Ni-kiền-tử cho rằng những người theo đạo Phật không thân thiện với mọi người. Ngoài ra gia chủ Citta cũng muốn đến để chỉ ra những điều không đúng trong giáo lý của ông Ni-kiền-tử.] (319)

320 [Nguyên văn cả câu này: *Atthi avitakko avicāro samādhi, atthi vitakka-vicārānaṃ nirodho*. Như lời kinh sẽ cho thấy, đây là đề cập tới trạng thái tầng thiền định thứ hai (dựa theo định nghĩa tiêu chuẩn về nó).] (320)

321 [Nguyên văn cả câu này: *Na khvāhaṃ ettha bhante bhagavato saddhāya gacchāmi*. Gia chủ Citta đang lập cái bẫy ngôn từ, ông Ni-kiền-tử sẽ bị sập bẫy ngay câu bên dưới.] (321)

322 [Tất cả 03 phiên bản đều ghi chữ *ulloketa* ở đây, mặc dù **SS** thì ghi là *apaloketa*, và **Spk (Se)** thì ghi là *oloketa*. **Spk** diễn tả về ông Ni-kiền-tử chỗ này là: “Ông ta nở ngực, hóp bụng, rướn căng cổ về phía trước, quan sát khắp mọi phía, và rồi ngược nhìn lên”, cách diễn giải này của **Spk** đã ủng hộ chữ *ulloketa*. Tôi dịch theo cách ghi của **Be** và **Ee** là *apaloketa* [còn **Se** thì lặp lại chữ *ulloketa*], chữ này cung cấp sự tương phản có ý nghĩa hơn, rằng: “Ông ta nhìn một cách ngờ vực bởi vì ông ta cũng thấy gương (vì bị hớ) khi nhìn vào mắt những đệ tử khác của ông đang ở đó.” (Tức là tất cả họ đều bất ngờ với câu trả lời đầu của gia chủ Citta).] (322)

323 [Câu này có thể có nghĩa là: (a) ‘Hãy trả lời lại cho tôi trước mặt các môn đệ của ngài’, hoặc (b) ‘Ngài cùng các môn đệ của ngài có thể trả lời hoặc bác bỏ tôi’.] (323)

324 [Chỗ này tôi dịch theo **Ee** ghi là *pañhe apucchitvā*. Cả **Be** và **Se** đều ghi là *pañhe āpucchitvā* có vẻ là trực trặc, vì động từ sau thường có nghĩa là “rời đi, đi khỏi” và nó khó thể được dùng với nghĩa liên quan tới sự “đặt những câu hỏi”. Ở đây có lẽ ông Ni-kiền-tử đã làm ngờ không chấp nhận lời thách hỏi của gia chủ Citta, cho nên gia chủ Citta đã đứng dậy ra về, chứ gia chủ Citta thật sự không hỏi 10 câu hỏi đó.] (324)

325 [Ở đây đọc câu này theo **Be** và **Se** là: *koci uttari manussadhammā alamariyañānadassanaviseso*. **Ee** nên sửa lại như vậy cho đúng. Lời diễn đạt này thường có trong các kinh như một thuật ngữ tiêu chuẩn để chỉ tất cả những tầng chứng đắc thiên-định và những giai đoạn giác-ngộ ... **Spk** giải nghĩa chữ *manussadhamma* là “điều bình thường của con người” chính là = 10 đường nghiệp thiện. Và những điều vượt cao hơn đó (*tato manussadhammato uttari*) là những điều “siêu nhân”. *Alamariyañānadassanavisesa* được giải nghĩa là = “sự khác-biệt của sự-biết và sự-thấy có khả năng tạo nên trạng thái của một thánh nhân.” (325)

326 [Nguyên văn cụm chữ này: *pāvaḷanipphoṭṭanā*. Theo **Spk**, đây là loại chổi lông được làm từ lông con công, dùng để quét phủ bụi đất chỗ ngồi trước khi ngồi.] (326)

327 [TKBD: Tôi không hiểu chỗ này gia chủ Citta nói lời đề cao Giáo Pháp hay chỉ mượn câu này để pha một ý nghĩa ngậm ngùi tha thương đối với người bạn cũ khác đạo của mình?] (327)

328 [Tôi đọc câu này theo cách ghi của **Se** là: *kim hi no siyā bhante (sao tôi là không thể, thua ngài).*] (328)

329 [TKBD: Lời này chúng tỏ gia chủ Citta đã là một bậc thánh Bất-lai, người đã phá bỏ năm gông-cùm đầu tiên (hạ phần kiết sử) trói buộc chúng sinh (tái sinh) trong cảnh dục giới.] (329)

330 [Riêng **Se** có cách ghi đúng ở đây là: *dhammiko dhammarājā dhammikaṃ balim anuppadassati*. Những thiên thần đó muốn vị gia chủ trở thành vị vua quay chuyển bánh xe (chuyên pháp luân vương) để họ chắc chắn sẽ nhận được những thứ cúng dường dành cho họ. Tôi dịch chữ *dhammarājā* là “vị vua của sự chân-chánh” (chánh vương) chứ không dịch đúng như chữ là “vị vua của Giáo Pháp” (Pháp vương), bởi vì *Pháp Vương* là chữ thường được dùng để biểu thị cho Đức Phật.] (330)

331 [Chỗ này có lẽ **Ee** có cách ghi tốt nhất: *sanghe ca pasādetvā cāge ca samādapetvā*.] (331)

332 [**Spk**: chữ ‘*Caṇḍa*’: nghĩa là hung dữ, bạo tàn; tên này do những người kết tập kinh đặt ra.] (332)

333 [*Hiền từ, nhẹ nhàng* là tạm dịch chữ *sorata* [**Ee**: *sūrata*]. Coi thêm chú thích 256 ở kinh **3:24** thi kệ 435 và chú thích 462 ở kinh **7:11** thi kệ 664 (Quyển 1).] (333)

334 [Tên ông có nghĩa là “hộp cây thốt nốt”. **Spk** chú giải ông được gọi như vậy bởi vì da mặt của ông có màu của trái thốt nốt chín mới rụng khỏi cành. Ông là ông bầu chủ quản một đoàn kịch gồm rất nhiều diễn viên và ông trở thành rất nổi tiếng khắp Ấn Độ. Các thi kệ **Th 1091-1145** nói về sự đề cao sự nhiệt-thành nghiêm túc về mặt lương tâm là của ông (sau là một Tỳ kheo).] (334)

335 [Cụm chữ gốc là: *saccālikena*. Học giả Woodward dịch nghĩa là “*bằng cách (diễn xuất) của mình làm giả sự thật*” (**KS** 4:214), nhưng tôi làm theo **Spk** giải nghĩa chữ này là chữ ghép đồng đẳng (*dvanda*): *saccena ca alikena ca*.] (335)

336 [Ở đây chỗ này đòi hỏi thời hiện tại, chúng ta nên đọc theo **Be** và **Se** là *na labhāmi*, và bên dưới là chỗ đòi hỏi thời quá khứ bất định, nên đọc là *nālat-tham*. **Ee** thì ghi chữ sau trong cả 02 chỗ.] (336)

337 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *Pahāso nāma nirayo*. **Spk**: Thực ra không có riêng một địa ngục nào tên này. Đúng hơn đó là một chỗ trong đại địa ngục A-tỳ (Avīci) ở đó các cư dân bị tra tấn trong các trang phục hóa trang của những diễn viên đang ca hát và múa nhảy ...] (337)

338 [Coi kinh **MN 57**, từ mục 2-5, là những đoạn hỏi đáp với ý nghĩa song hành như đoạn này (mặc dù ở đó nói về những quan-điểm tái sinh thành chỗ khác).] (338)

339 [**Spk**: Tên của ông có nghĩa ‘*người kiếm sống bằng nghề chiến tranh*’; tên này do những người kết tập kinh đặt ra; TKBD chọn dịch là ‘*người giết thuê*’ hay ‘*lính đánh thuê chuyên nghiệp*’ cho hợp với nghĩa phổ thông.] (339)

340 [Đây là cách dịch thoáng nghĩa được gợi ý bởi VĀT. **Se** và **Ee** ghi là *sa-rañjītānaṃ*, nhưng **Be** ghi chữ *parañjītānaṃ* (bị đánh bại bởi những người khác; bị từ trận) thì có nghĩa đúng hơn.] (340)

341 [Giống như trên, **Spk** nói đây không phải là một địa ngục có tên riêng như vậy. Đúng hơn đó là một chỗ trong đại địa ngục A-tỳ (Avīci), trong đó những chúng sinh trong hình dạng lính chiến bị giết trong chiến trận.] (341)

342 [03 động từ này là *uyyāpenti* [được giải nghĩa = *upari yāpenti*], *saññāpenti* [được giải nghĩa = *sammā ñāpenti*], và *saggaṃ okkāmenti*. Về cụm chữ này, **Spk** mô tả là: “Họ đứng xung quanh người chết và hô rằng ‘Này ông, hãy đi lên cõi trời; này ông, hãy đi lên cõi trời’ và (họ nghĩ) nhờ vậy làm cho người chết nhập vào (pavesenti) thiên đàng.”] (342)

343 [Tức những người theo đạo Jain (Kỳ-na giáo) của giá chủ là Ni-kiền-tử Nātaputta. Về giáo chủ Ni-kiền-tử này, mời coi thêm kinh **41:8**.] (343)

344 [(‘Sẽ rớt trong địa ngục, như thể bị tống xuống đó’ là tạm dịch nghĩa qua tiếng Việt). Nguyên văn cụm chữ này: *Yathābhatam* [**Ee** ghi: *yathā hatam*] *nikkhitto evaṃ niraye*. Cụm chữ thành ngữ này là tối nghĩa và sự diễn dịch ở đây là thuộc sự phng đoán. Cụm chữ này cũng có ghi trong kinh **MN 12**, mục 21 và chú thích 189 ở đó, được tạm dịch là “(người đó) bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó” dựa theo sự giải nghĩa của luận giảng là: “Người đó bị đọa trong địa ngục như thể đã bị lôi đi và đưa xuống đó bởi những giám ngục của địa ngục”. Cách dịch nghĩa này, là làm theo chú giải của **Ps II 32** [*yathā nirayapālehi ābharitvā niraye ṭhapito*], là còn rắc rối và nan giải, bởi vì chữ *yathābhatam* là một từ bất biến hóa với vai trò của nó là thuộc trạng từ, không phải là một thực từ (quan trọng) được đặt để gán vào chủ thể. Vai trò của chữ *evaṃ* cũng tối nghĩa. Mời coi thêm sự thảo luận nhưng không kết luận trong **PED**, mục chữ *yathā*.] (344)

345 [Chỗ này phiên bản **Ee** không ghi câu *evaṃ etassa pāpassa kammaṃ pahānaṃ hoti* (như vậy là có sự đẹp bỏ việc làm xấu ác đó).] (345)

346 [**Spk** chú giải rằng: Chữ “tâm-từ” khi được nói ra [một mình] thì có thể được diễn dịch là (trạng thái) *cận-định* hoặc *tằng thiên định*, nhưng khi nó

được phẩm định là một “*sự giải-thoát của tâm*” (*cetovimutti*) thì nhất định có nghĩa là *tầng thiên định*.

- Nghiệp thuộc cõi dục-giới được gọi là *nghiệp giới-hạn* (*pamāṇakatam kammaṃ*); nghiệp thuộc cõi sắc-giới được gọi là *nghiệp vô-hạn* (hay *vô lượng*, *appamāṇakatam kammaṃ*). Nó được gọi là vô-hạn bởi vì nó được làm bằng cách vượt trên giới-hạn, vì nó được tu tập theo cách bao trùm thấm đẫm có xác định, không xác định, và có định hướng [coi thêm sự giảng giải này trong **Vism** 309–11; **Ppn** 9:49–58].

- “*Không còn nữa, không còn có nữa*” (*na taṃ tatrāvasissati, na taṃ ta-trāvatitṭhati*). **Spk**: tức nghiệp dục-giới không còn bám dính, không còn tồn tại tiếp trong cõi sắc giới và vô sắc giới. Nghĩa là gì? Là nghiệp thuộc dục giới không có khả năng lấn lướt nghiệp thuộc sắc giới và vô sắc giới, cũng không thể duy trì hay có được cơ-hội [để tạo ra những quả của nó]. Thay vì vậy, giống như một dòng lũ lớn có thể áp đảo một dòng suối nhỏ, nghiệp thuộc sắc giới và vô sắc giới có thể áp đảo nghiệp thuộc dục giới và duy trì ở đó sau khi đã tạo ra một cơ-hội [để tạo ra những quả của nó]. Loại nghiệp ưu thế hơn này [sau khi đã ngăn chặn nghiệp dục giới sản sinh ra quả của nó] sẽ tự nó dẫn dắt tới sự tái-sinh trong cõi trời brahmā (phạm thiên giới).] (346)

347 [Chỗ này tôi làm theo những gợi ý của học giả *von Hinüber* về cách ghi cho đúng và dịch cho đúng những chữ này, như trong bài chuyên luận của ông có tên là “*Chữ Ma Dvīhitikā và Sự Mô Tả Về Những Nạn Đói Trong Kinh Văn Phật Giáo Tiền Thân*” (*The Ghost Word Dvīhitikā & Description of Famines in Early Buddhist Literature*). Trước tiên, câu này nên được ghi cho đúng là: *Nālandā dubbhikkhā hoti duhitikā setaṭṭikā salākāvuttā*. Tất cả mọi bản chép tay còn lưu truyền, dường như, đều đã bị nhiễm bởi chữ *dvīhitikā* và chữ *setaṭṭikā*, mặc dù **Spk** đã nhận dạng *duhitikā* ở đây là chữ ‘tục tũ’ và những kinh khác nói về sự thất bại mùa màng thì bảo lưu chữ *setaṭṭikā* [coi thêm **Vin** II 256,21–23 = kinh **AN 3:56**, đoạn (2)]. **Spk** thì giải thích cả 02 chữ *dvīhitikā* và *duhitikā* đều phái sinh từ chữ *du-ṭhiti* [hoặc *duihiti* (*khó khăn, khó ăn, khó đi, khó sống*)], nhưng sự phái sinh đúng của chúng là từ chữ *duhita* [coi lại chú thích số **212** ở kinh **35:246** ở trên]. Cách ghi chữ *setaṭṭikā* theo nghĩa suy đòi được chú giải bởi **Spk** có nghĩa là “*trắng đầy xương*”, tức đầy xương người phoi trắng đồng vì người ta bị ‘*chết như rạ*’ do

nạn đói do mùa màng thất bại; nhưng những luận giảng khác thì nhận dạng chữ *setattikā* là một căn bệnh dịch mùa màng (*rogajāti*) bị gây ra bởi những côn trùng ăn phá phần ruột trong của những nhánh lúa. Chữ này được phân tách là *seta-ṭṭi-kā* (*bệnh trắng, dịch trắng*) bởi vì những mùa màng bị ảnh hưởng đã chuyển thành trắng xác và không tạo ra hạt lúa [mời coi thêm **Sp** VI 1291,5–7 = **Mp** IV 136,16–18; và **Sp** I 175,4–8].(347)

348 [Chỗ này tôi đọc theo **Se** và **Ee** là *saññasambhūtāni*, khác với **Be** ghi là *sāmaññasambhūtāni*. **Spk** chỉ giải nghĩa nó là = *sesasilaṃ*.] (348)

349 [Chỗ này tôi cũng đọc theo **Se** và **Ee** là *nihitaṃ vā nādhigacchati*, khác với **Be** ghi là *nihitaṃ vā thānā vigacchati*.] (349)

350 [Giới-luật cấm các Tỳ kheo nhận vàng, bạc (và tiền) cúng dường; đó là điều luật *Nissaggiya-pācittiya 18*; coi thêm **Vin** III 236–39 và **Vin** I 245,2–7. Bài kinh này được ghi trong **Vin** II 296–97 là tuyên ngôn cấm các Tỳ kheo nhận vàng, bạc (hay tiền). Theo như Luật Tạng **Vin** III 238, “bạc” là = *tiền bạc*, ở đây theo nghĩa rộng gồm những đồng tiền được làm từ bạc, đồng, gỗ, hay hồ phách, hay bất cứ thứ gì có chức năng như tiền, được làm phương tiện trao đổi mua bán.] (350)

351 [**Be** bỏ mất phần câu hỏi thứ hai này, rõ ràng là do lỗi khi biên tập, vì trong **Se** và **Ee** đều có.] (351)

352 [So sánh chỗ này trong kinh **12:33** (Quyển 2) cũng có ghi các câu “... người đó ứng dụng phương pháp (nguyên lý) này cho quá khứ và tương lai”. Cách xử lý của **Spk** ở đây là coi cụm chữ *akālikena pattenā* như một biểu thức đơn với chữ *akālikena* có vai trò là công cụ trạng từ để bổ nghĩa cho chữ *pattenā*; **Spk** chú giải: *Akālikena pattenā ti na kālantarena pattenā; kālaṃ anatikkamitvā va pattenā ti attho*. “Được chứng ngộ tức thì”: là không phải được chứng ngộ sau một khoảng thời gian; nghĩa là điều đó được chứng ngộ tức thì chứ không có thời gian trôi qua.” - Để hiểu thêm về chữ *akālikena*, mời quý vị đọc lại chú thích số 33 ở kinh **1:20** (Quyển 1) và chú thích 103 ở kinh **12:33** (Quyển 2).

- Lời mở đầu của đoạn này trong phiên bản **Ee** dường như khó hiểu.] (352)

353 [Lưu ý rằng ông thôn trưởng đã gán câu trong ngoặc [...] này là do Phật nói, như một câu tuyên bố chung về mối liên hệ nhân quả của *dục* và *sự khổ*. Vì câu này không có trong lời tuyên bố của Phật trong ngoặc [...] trong đoạn kể trên. Nhưng rõ ràng câu này của ông trưởng thôn là *cần có* như một dẫn chứng cho cái “*nguyên-lý này*” (*iminā dhammena*). Có lẽ câu này đã có trong đoạn kể trên trong kinh văn nguyên thủy nhưng nó đã bị bỏ mất đi. Bởi vì ngay bên dưới chúng ta cũng thấy chính Đức Phật đã tóm kết lại lời tuyên bố của mình cũng y hệt câu ông trưởng thôn đã gán.] (353)

354 [Đoạn này gồm có các câu mà Đức Phật đã tuyên thuyết trong bài kinh thuyết giảng đầu tiên, tức kinh *Chuyển Pháp Luân*, **SN 56:11** (Quyển 5). **Spk** chú giải: *Sự theo đuổi hạnh-phúc* (sướng, lạc) *nhục dục* (thuộc giác quan) *trong những khoái-lạc giác quan* (dục-lạc) được nói ra để chỉ *những loại người thụ hưởng khoái-lạc giác quan (II–III)*; *sự theo đuổi sự hành xác khổ-hạnh* (khổ hạnh) được nói ra để chỉ ra *những khổ sĩ hay sa-môn khổ hạnh (IV–V)*; *con đường trung-đạo* được nói ra để chỉ *03 loại sự phai-mòn (VI)*. Mục đích để chỉ ra tất cả đó là gì? Như Lai, người đã đạt tới sự giác-ngộ toàn thiện bằng cách dẹp-bỏ 02 cực đoan đó và bằng cách đi theo con đường trung-đạo, không phê phán hay khen ngợi tất cả những người thụ hưởng dục-lạc hay tất cả những khổ sĩ. Phật chỉ phê phán những ai đáng bị phê phán và khen ngợi những ai đáng được khen ngợi.] (354)

► (Nhân tiện: Trong kinh này, từ phần **(II)** dưới đây, (và trong kinh **42:13** kế tiếp), người dịch Việt đã đổi cách đánh số (i)-(x) giữa-trang của TKBD thành những số **(1)-(10)** để người đọc dễ nhìn ra bố cục của bài kinh, và để dễ dàng đọc kinh này đối chiếu với kinh tương ứng là **AN 10:91**.

► (Trong phần **(III)** trở xuống: các chi mục (a), (b), (c), (d) do người dịch Việt đặt ra và ghi tóm lược lại để người đọc dễ nhìn và khỏi lặp lại nhiều lần những ‘căn cứ’, nhưng vẫn giữ đúng nguyên ý nghĩa của lời kinh gốc.)

355 (Kinh này với phần **(II)** và **(III)** là song hành tương ứng với toàn bộ phần **[I.]** và phần **[II.]** của kinh **AN 10:91** [chỉ hơi khác một chút về bố cục sắp xếp] (như thứ tự ‘*căn cứ để khen*’ và ‘*căn cứ để chê*’, nhưng người dịch Việt đã làm thứ tự đó trong kinh **AN** giống thứ tự trong kinh **SN** để người đọc dễ đọc đối chiếu 02 kinh). Coi thêm chú thích 2120 và 2121 trong kinh **AN**

10:91 đó để hiểu thêm về sự phân tích các yếu-tố của những loại người thụ hưởng dục-lạc).

- [Có 03 phần phẩm-chất để kết hợp phẩm định *những người thụ hưởng dục-lạc* là thuộc phân-loại nào, đó là: (i) cách của-cải có được, là chân chính hay bất chính hay cả hai; (ii) của-cải đó có mang lại hạnh-phúc và niềm-vui cho mình hay không; và (iii) có chia sẻ bố thí của-cải cho những người khác và làm việc công-đức hay không. Tổng hợp lại có 09 phân-loại. Phân-loại thứ 9 là người có được cả 03 phần tích cực của (i), (ii), (iii), là người tốt, nhưng phân-loại người tốt này còn được phân loại tiếp là *bị trói buộc với của-cải* và *không bị trói buộc với của-cải*; tổng cộng là 10 phân-loại. Đây cũng chính là cách phân tích loại người thụ hưởng dục-lạc (*kāma bhogi*) như trong kinh **AN 10:91.**] (355)

356 [*‘Một trạng thái thiện lành’*: là chỉ ‘sự thành tựu về đức-hạnh (giới hạnh)’, hoặc chỉ là ‘một trạng thái thiện lành thông thường của tâm’; ‘*sự khác-biệt siêu nhân về sự-biết và sự-thấy*’: là chỉ những sự chứng-đắc các tầng thiên định sắc giới, các tầng thiên vô sắc giới, những trí-biết trực tiếp, thánh đạo và thánh quả. Coi thêm chú thích thứ nhất số 325 trong kinh **SN 41:09** ở trên.] (356)

357 [*“Ba loại sự phai-mòn”*: *Tisso sandiṭṭhikā nijjarā*. Chữ “*nijjarā*” (nghĩa: mòn đi, phai mòn đi, vơi đi, phai biến) là một thuật ngữ của giáo phái Jain (Ni-kiền-tử) đã được Đức Phật ứng dụng để nói với ông trưởng thôn này. Những người Ni-kiền-tử cho rằng những tu sĩ tu tập có nghĩa là làm “*mòn đi*” *tất cả sự khổ (sabbaṃ dukkhaṃ nijjinṇaṃ bhavissati)*; coi thêm về quan-điểm của họ trong kinh **MN 14**, từ mục 17 và **MN II** 214,7–13 (?), và Đức Phật cũng đã ứng dụng nói về “*sự phai-mòn*” theo một cách khác trong kinh **MN 101**. Ba loại “*sự phai-mòn*” này (*sandiṭṭhikā nijjarā*) cũng được tả trong kinh **AN 3:74** (là: sự giới-hạnh, các tầng thiên định, sự tiêu diệt ô-nhiễm), và 20 “*sự phai-mòn*” (*nijjarā*) cũng được nói trong kinh **MN 101**, từ mục 23.

- **Spk** nói: một con đường đạo được miêu tả như *03 sự phai-mòn* vì do có sự phai-mòn đi của *03 loại ô-nhiễm* (tham, sân, si).] (357)

358 [Nguyên văn câu này: *Samaṇo Gotamo māyaṃ jānāti*. Trong kinh **MN 56**, mục 8, 21, những người Ni-kiền-tử (đạo Jain) có nói rằng: “*Sa-môn Cồ-đàm*

là một nhà huyền thuật (*māyāvī*), là người biết bùa thuật chuyển đạo (*āvattaniṃ māyaṃ jānāti*) nhờ đó ông ta chuyển đạo (cải đạo) những đệ tử của những đạo sư giáo phái khác.” Lời buộc tội này cũng được đưa ra để thảo luận ở đầu kinh **AN 4:193.**] (358)

359 [Nguyên văn câu này: *Samaṇo Gotamo māyaṃ jānāti.*] (359)

360 [Nguyên văn cụm chữ này: *lambacūlakā bhaṭā*. **Spk** đã không giúp gì, nhưng tiến sĩ Rhys Davids (của PTS) đã dịch đoạn này trong quyển *Ấn Độ Phật Giáo (Buddhist India)*, trang 21, như vậy: “Chính quyền trung ương của nước Koliya (Câu-lợi) có dùng một cơ quan (ban) đặc biệt gồm những *peon* (dạng như những giám sát, cảnh sát, hay “cai” làm thuê) được phân biệt bởi một loại đồng phục là kiểu tóc búi đặc biệt, chính do kiểu tóc đó mà họ có tên gọi như vậy. Những người đặc vụ này nổi tiếng xấu là tổng tiền và bạo lực.”] (360)

361 [Coi kinh **SN 24:05** (Quyển 3); chú thích 254 của nó.] (361)

362 [Coi kinh **SN 24:06** (Quyển 3); chú thích 255 của nó.] (362)

363 [**Spk** đã đưa ra 03 cách diễn dịch luân phiên cho chữ *dhamma-samādhī* (sự định-tâm của Giáo Pháp) và chữ *citta-samādhī* (sự định-tâm của tâm) như vậy: **(i)** sự định-tâm của Giáo Pháp (*dhamma-samādhī*) là *dhamma* (giáo pháp) của 10 đường nghiệp thiện; còn sự định-tâm của tâm (*citta-samādhī*) chính là 04 thánh đạo đi kèm sự minh-sát; **(ii)** 05 *dhammā* [năm pháp, năm trạng thái]—đó là: sự vui-mừng, sự hoan-hỷ, sự tĩnh-lặng, sự hạnh-phúc, và sự định-tâm (vui, hỷ, khinh an, lạc, định trong thiền định)—được gọi là sự định-tâm của Giáo Pháp (*dhamma-samādhī*); còn sự định-tâm của tâm (*citta-samādhī*) vẫn là 04 thánh đạo đi kèm với sự minh-sát; **(iii)** sự định-tâm của Giáo Pháp (*dhamma-samādhī*) chính là 10 đường nghiệp thiện và 04 sự an trú cõi trời (04 phạm trú); còn sự nhất-điểm của tâm đã khởi sinh đối với người tu đã hoàn thiện sự định-tâm của Giáo Pháp (*dhamma-samādhī*) chính là sự định-tâm của tâm (*citta-samādhī*).] (363)

364 Nguyên văn cụm chữ chỗ này: *apaṇṇakatāya mayhaṃ*. **Spk** giải nghĩa cụm chữ này là: “Sự thực hành này dẫn tới chỗ là sự (tình trạng) bất khả chuyển đổi đối với tôi, dẫn tới sự (trạng thái) không-có sự sai-trái (*anaparā*

dhakatāya.)” (Nghĩa là: người đệ tử thánh thiện thực hành sự *giới-hạnh* như vậy là luôn nắm chắc phần thắng (an toàn, lành) cho dù những quan-điểm của các ông thầy đó là đúng hay sai!). Trong **Ps III 116,21** chữ *apaṇṇaka* được giải nghĩa là = *aviruddho advejjhagāmi ekamsagāhiko* (không bị mâu thuẫn, rõ ràng là vậy, nhất định là vậy).] (364)

365 [Nguyên văn là chữ *kaṭaggaha*, có nghĩa là “*cú ném xúc xắc*”. Hàm nghĩa của cụm chữ này là ném con xúc xắc được cú may mắn, được giải nghĩa là = *jayaggaha* (*cú ném thắng, cú ném đã thắng*). Chữ phản nghĩa của chữ này là *kaliggaha* (*cú ném đen, cú ném thua, cú ném đã thua*). Sự lập luận của lời kinh đây làm gợi nhớ tới sự lập luận tương tự được ghi trong kinh **MN 60**, mục 12, 20 và **MN 129**, mục 49 [cũng có ví dụ ném xúc xắc] và trong kinh **AN 6:46**, đoạn thi kệ thứ sáu tính từ cuối lên.] (365)

366 [*Kāyagatā sati*: ‘*sự chánh niệm hướng vào thân*’ hay ‘*sự chánh-niệm về thân*’. Nghĩa của kinh này là tương đồng với toàn bộ phương pháp tu tập được ghi trong PHẦN “*Quán niệm về Thân*” (*Kāyānupassanā*) của bài kinh *Các Nền Tảng Chánh Niệm* (*Satipaṭṭhāna Sutta*, kinh *Niệm Xứ*) [tức kinh **DN 22**, kinh **MN 10**]. Và tất cả phần “*Quán niệm về thân*” này cũng đã được tách ra thành 01 bài kinh riêng, đó là kinh “*Chánh Niệm về Thân*” (*Kāyagatāsati Sutta*) [tức kinh **MN 119**]. Các giảng luận thường gọi nôm na phần tu tập này là “*Thiền quán về 32 bộ phận của thân*”, chẳng hạn như trong **Vism 240** [**Ppn 8:44**].] (366)

367 [Câu định nghĩa 03 *sự định-tâm* này cũng có ghi trong những kinh khác, như kinh **DN 33**, mục (50), **MN 128**, mục 31, và **AN 8:63**. *Sự định-tâm không ý-nghĩ, chỉ có sự soi-xét* (hết tầm, còn tứ) (*avitakka vicāramatta samādhi*) này không phù hợp với công thức và trình tự quen thuộc “*04 tầng thiền định*” (*jhāna*) theo cách thức được nói trong Kinh Tạng (Nikaya), công thức trong Kinh Tạng là tầng *thiền định thứ nhất* là “*có tâm và tứ*”, và tầng *thiền định thứ hai* là “*hết tầm, hết tứ*”. Để dung hòa 02 tầng thiền định này, *Vi Diệu Pháp Tạng* đã đưa thêm vào một tầng thiền định trung gian là trạng thái định-tâm “*hết tầm, còn tứ*” (*avitakka vicāramatta samādhi*) được tính là tầng *thiền định thứ hai*; và tầng *thiền định thứ hai, ba, tư* theo Kinh Tạng lần lượt trở thành tầng *thiền định thứ ba, tư, năm* theo *Vi Diệu Pháp Tạng*]. Mời coi thêm **As 179–80**, trong đó giải thích những lý-do có 02 công thức “*04*

tàng thiền định” theo Kinh Tạng và “05 *tàng thiền định*” theo Điều Pháp Tạng.] (367)

368 [*Sự/trạng thái định-tâm trống-không (suññata samādhi, tánh-không định); sự định-tâm vô dấu-hiệu (animitta samādhi, vô-tướng định); sự định-tâm không định-hướng (appañihita samādhi, vô-hướng định)*]. **Spk** không chú giải gì về các thuật ngữ này. 03 thuật ngữ này cũng được ghi trong **DN 33, mục (51)**, nhưng cũng không có chú giải gì; nhưng **Sv III 1003–4** thì chú giải chúng như vậy: “Người tu, ở giai đoạn thiền quán thâm cao, quán xét mọi thứ là *vô-ngã*, thì đạt ‘*định trống-không*’ (tánh-không định) khi đạt tới thánh đạo và thánh quả—[bởi vì người đó đã nhìn thấy mọi thứ đều không có ngã nào]; người tu quán xét mọi thứ là *vô-thường* thì đạt ‘*định vô dấu-hiệu*’—[bởi vì người đó đã nhìn thấy thông qua ‘dấu hiệu của vô-thường’]; còn người tu quán xét mọi thứ đều là *khổ* thì đạt ‘*định vô-hướng*’—[bởi vì người đó không còn hướng tới hay dựa vào những thứ đã được nhìn thấy là khổ]. Coi thêm phần thảo luận về “03 cửa đi tới giải-thoát” trong **Vism 657–59 (Ppn 21:66–73)**. Về ‘*sự định-tâm vô dấu-hiệu*’ (*animitta cetosamādhi; vô tướng định*), coi lại thêm kinh **SN 40:09** ở trên.] (368)

369 [Kinh này và 06 kinh tiếp theo [từ **SN 43:05-11**] lần lượt nói ra tổng cộng “37 *phần trợ giúp giác-ngộ*” (37 *bồ-đề phần*). Và tất cả 37 *phần trợ đạo* này cũng được lập lại trong kinh **SN 43:12** (từ đoạn [9] cho đến hết [45]). Nhiều sự giải thích chi tiết được nói trong phần *Giới Thiệu Quyển 5* [bởi TKBD] và trong những chú thích của kinh **SN 45:51** (Quyển 5).] (369)

370 [Ở đây tôi làm theo cách đánh số kinh của phiên bản **Ee**. Mặc dù học giả Woodward đã nói: “*các phần đã bị đánh số sai trong lời kinh*” [**KS 4:261**, chú thích số 1], nhưng thực ra chính lời kinh là chính xác và các đánh số của Woodward thì bị lạc đi. Đối với bài kinh này, tôi chọn theo **Be** ghi chữ *anataṃ* và được **Spk (Be)** giải nghĩa là: *tañhānatiyā abhāvena anataṃ (không còn ngã hướng do không còn [trống vắng] sự ngã hướng thông qua dục-vọng [ái])*. Chữ này có lẽ là nguyên thủy hơn chữ *antaṃ* (*sự kết thúc, tận, chấm dứt*) được ghi trong **Se** và **Ee** và được **Spk (Se)** giải nghĩa là: *tañhāratiyā abhāvena antaṃ (sự kết thúc do sự không còn [trống vắng] sự thích-thú thông qua dục-vọng [ái])*.] (370)

³⁷¹ [Những thuật ngữ trong kinh đây kinh từ **43:13** cho đến **43—43** (sự vô-vi, sự vô-nhiễm ...) đều là những chữ đồng nghĩa với “*Niết-bàn*”.

- Phiên bản **Ee** thì đếm số kinh chỉ từ **1—45** như thể sự lặp-lại chỉ được làm với nội dung trong kinh **43-12** mà thôi. Tuy nhiên, trong bài kinh cuối cùng của **Ee** [kinh **43:44**: “*con-đường dẫn tới đích-đến*”] thì bắt đầu bằng ‘*sự chánh-niệm hướng vào thân*’, điều này có nghĩa là mỗi sự lặp-lại đã được làm đầy đủ từ kinh **43:01—43:12**. Điều này có nghĩa là mỗi *thuật-ngữ* được gắn kết với **56** phiên bản của đạo (toàn bộ sự tu-tập).] (371)

³⁷² [Chữ gốc là: *nippapañcam*. **Spk** giải nghĩa: Đó là nhờ sự không còn [trống vắng] sự tăng-phóng bởi *dục-vọng*, *sự tự-ta*, và *những quan-điểm này nọ* (ái, ngã mạn, tà kiến).] (371)

³⁷³ [Trong kinh **AN 1:236** ni Khemā được Phật tuyên bố là đệ nhất về trí tuệ (*etadaggaṃ mahā-paññānam*) trong những Tỳ kheo ni, và trong kinh **SN 17:24** ni được mô tả là một gương mẫu (mẫu mực, hình mẫu) cho các Tỳ kheo ni noi theo. Về chi tiết tiểu sử, coi thêm quyển “*Những Nữ Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của Hecker; quyển “*Những Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của Nyanaponika và Hecker, trang 266-276. Coi thêm quyển “*Luận giảng về Trưởng Lão Ni Kệ*” của học giả Pruitt, trang 164-174.] (373)

³⁷⁴ [Lời kinh về ‘những câu hỏi mang tính suy đoán’ này cũng giống trong các kinh **SN 16:12** (Quyển 2), **24:15—18**, **33:1—55** (Quyển 3).] (374)

³⁷⁵ [Những câu trả lời ở đây cũng giống y những câu trả lời của Phật nói cho du sĩ Vacchagotta trong kinh **MN 72**.] (375)

³⁷⁶ [**Spk** chú giải: “*Sắc-thân mà người ta dùng nó để mô tả Như Lai*” [= *mô tả Như Lai qua sắc-thân*] được coi như một chúng-sinh (*sattasaṅkhātaṃ tathāgataṃ*)—như cao hay thấp, tối hay sáng ... vân vân—đã được dẹp bỏ bởi Như Lai toàn trí thông qua sự dẹp bỏ nguồn-gốc của nó. Như Lai “*được giải-thoát khỏi sự suy tính về mặt (theo cơ sở, theo những điều khoản) sắc-thân*” (*rūpasāṅkhāya vimutto*), nghĩa là, bởi vì đối với Như Lai sẽ không còn khởi sinh sắc-thân trong tương lai; ngay cả câu “*Bạc ấy sẽ là như vậy và như vậy*”, dựa theo sắc-thân và những phẩm-chất của tâm, cũng mất giá trị hiệu lực của nó; như vậy Như Lai được giải-thoát khỏi cả mọi sự mô tả theo cách

dùng sắc-thân. Bậc ấy là thâm sâu (*gambhira*) thông qua độ sâu của sự ngã-hướng của bậc ấy (*ajjhāsayagambhiratā*) và thông qua độ sâu của những phẩm-hạnh của bậc ấy (*guṇagambhiratā*). Đối với sự mô tả có thể được dùng để tả Như Lai toàn trí bằng những phẩm-hạnh thâm sâu như vậy, tức coi Như Lai như một chúng-sinh, khi một người nhìn thấy sự không tồn tại [sự không giá trị hiệu lực] của sự mô tả này [**Spk-pt**: mô tả về một chúng-sinh] bởi sự không tồn tại [**Spk-pt**: của năm uẩn], thì cái câu “*Như Lai—được coi là một chúng-sinh—sẽ hiện hữu sau khi chết*” sẽ không trúng, không thể áp dụng, tức là nó không có giá trị hiệu lực gì.] (376)

377 [**Be** và **Ee** ghi động từ cuối là *virodhayissati*, **Se** ghi là *vihāyissati*. **Spk** giải nghĩa là: *na viruddham padaṃ* [**Se**: *viruddhasaddam*] *bhavissati* (sẽ không có chữ/khoản mâu thuẫn nhau”. **Spk** giải nghĩa chữ *aggapadasmim* đơn thuần có nghĩa là “trong giáo lý” (*desanāya*). Chữ *aggapadasmim* cũng thấy có trong kinh **AN 11:07**, đoạn cuối, được luận giảng **Mp** giải nghĩa là *nibbāne*.] (377)

378 [Nguyên văn cụm chữ này: *rūpagatam etaṃ* (Đây là sự dính líu sắc-thân). **Spk** giải nghĩa: (thì) đây chỉ đơn thuần là sắc-thân. Thầy ấy muốn chỉ ra rằng: “Không có ‘chúng-sinh’ nào được tìm thấy ở đây ngoài sắc-thân, nhưng khi có sắc-thân là chỉ có cái tên như vậy thôi.” **Spk-pt** nói: Cái gì đang bị từ chối ở đây? Đó là cái ‘Ta’ (ngã) mà những nhà tư duy ngoài đạo đã đặt nên và gán đó là “*Như Lai*” (nhưng Như Lai không phải là sắc-thân hoặc uẩn nào hoặc năm-uẩn).] (378)

379 [Về cách diễn đạt về những A-la-hán là “không còn vòng luân-hồi nào để mô tả về họ nữa”: mời coi lại chú thích số 83 trong kinh **SN 22:56** (Quyển 3), ở cuối mục (1) (b). - (Ở đây là gián tiếp chỉ Đức Phật là bậc đã ái diệt (= đã Niết-bàn) thì đâu còn là dạng gì có thể được mô tả, quy, ước, tính là này là nọ hoặc còn hiện hữu hay không hiện-hữu).] (379)

380 [**Spk** chú giải chữ *kutūhalasālā* ở đây [nghĩa gốc: “hội trường huyền não”] là một nơi những tu sĩ và bà-la-môn của những giáo phái khác tham gia vào những sự thảo luận hay đàm đạo khác nhau. Nó được gọi tên là “hội trường tranh luận” (hay *huyền não*) bởi vì có sự huyền não ồn ào khởi lên mỗi khi có người nói “Điều này là nghĩa gì? Điều kia là nghĩa gì?” (giống như kiểu các bên luôn tranh luận, tranh cãi hay giành nói lẫn nhau).

- Những đạo sư được kể tên bên dưới là nhóm “*sáu người dị giáo*” rất nổi tiếng, họ là những người chống đối Đức Phật [coi lại chú thích số 200 ở kinh **SN 3:01** (Quyển 1)]. Điều lạ kỳ ở đây là những sự dự-báo về tái-sinh lại được gán cho Ajita, vì trong các kinh khác đã cho thấy ông ta đã chỉ dạy *thuyết duy vật chất* và ông đã từ chối có kiếp sau mà! Ngay cả Sañjaya cũng được thấy là đã từng là một *người hoài-nghi* về những vấn đề như vậy.] (380)

381 [Nguyên văn cả câu này là: *Sa-upādānassa khvāhaṃ Vaccha upapattim paññāpemi no anupādānassa*. Có một nghĩa kép ở đây với chữ *upādāna* vừa có nghĩa là “*nhiên-liệu*” vừa có nghĩa là “*sự chấp-thủ*” (thủ), nhưng tôi đã dịch câu này với sự cộng hưởng của ví dụ sau đây. Trong một bài kinh khác Phật đã nói cho du sĩ Vacchagotta, Phật đã dùng ví dụ nổi tiếng của mình về “*ngọn lửa*” sẽ tắt do không còn [trống vắng] *nguyên liệu* để minh họa cho trạng thái của một người đã chứng ngộ Niết-bàn; mời coi thêm kinh đó là kinh **MN 72**, mục 19.] (381)

382 [*“Vì trong lúc đó dực-vọng là nhiên liệu của nó” (tamahaṃ tanhūpādānaṃ vadāmi)*]. Lời của Phật mới tuyên bố có vẻ dường như có ‘*một thời-đoạn tạm thời*’ nằm trung gian giữa *lúc-chết* và *lúc tái/thụ sinh* vậy (như kiểu giai đoạn trung-chuyển hay ‘trung-âm’ như được nói trong các truyền thống Phật giáo khác). Nhưng bởi vì điều này thì mâu thuẫn với triết lý chính thống của Phật giáo Nguyên thủy [*Trưởng Lão Bộ, Theravāda*], cho nên **Spk** đã cho rằng: chính ngay ‘*lúc-chết*’ chúng sinh được cho là ‘*chưa được tái sinh*’, đơn giản bởi vì thức tái sinh vẫn chưa khởi sinh vào ngay lúc đó.] (382)

383 [Ở đây và bên dưới tôi đọc theo **Be** và **Ee** là *saddhiṃ*, khác với **Se** ghi là *laddhi*. **Spk** giải nghĩa là: *tesaṃ laddhiyā saddhiṃ etaṃ abhaviṣsa*. Theo sự biết của tôi thì chữ *laddhi*, theo cái nghĩa là *sự tin, đức tin*, là một chữ được dùng sau này, và nó có thể đã được du nhập vào phiên bản **Se** thông qua sự hiểu sai của luận giảng.] (383)

384 [Chỗ này tôi đọc theo cách ghi của **Be** và **Se** là *ñānassa uppādāya*, khác với cách ghi của **Ee** là *ñānassa upādāya*. **Spk** chú giải rằng: “Như đối với sự biết minh-sát khởi sinh như vậy: ‘*Tất cả mọi hiện tượng là đều vô-ngã*’ (chư pháp vô ngã), thì nếu nói vậy liệu ta có nhất quán với (sự thật) đó hay không?.”] (384)

385 [Có thể câu cuối này có nghĩa rằng: Vacchagotta đã diễn dịch ‘sự từ-chối trả lời’ của Phật là một sự phủ-nhận cái ‘cá-thể thuộc trải nghiệm’ của ông ta [dựa vào đó ông ta có những cách-nhìn có ngã (ngã kiến)] mà ông ta đã nhận dạng đó là một cái ‘Ta’ (bản ngã). Chúng ta cần chú ý một cách cẩn thận 02 lý do mà Phật đã không tuyên bố “*Không có cái ‘ta’ (vô ngã)*”. Đức Phật không tuyên bố điều này không phải là do Phật nhận thấy có một cái ‘ngã’ nào cao siêu hơn nữa [như một số người dịch đã lập luận như vậy] hoặc do những lý do nào khác (...). Phật không tuyên bố “*Không có cái ‘ta’ (vô ngã)*” là bởi vì (i) cách diễn đạt đó đã từng được dùng bởi những người theo ‘thuyết diệt-vong’ và do vậy Phật tránh việc để giáo lý của mình bị nhầm là giống với giáo lý của họ; và bởi vì (ii) Phật muốn tránh gây ra sự hoang mang rối trí cho những người vốn đã mang tư tưởng “*có ngã*” (như ông Vacchagotta ở đây). Phật đã tuyên bố “*Tất Cả mọi thứ đều là vô-ngã*” (*sabbe dhammā anat-tā*, chư pháp vô ngã), điều đó có nghĩa là nếu ai cố tìm một cái cái ‘Ta’ (ngã, bản ngã) ở bất cứ đâu, thì người đó sẽ không tìm thấy có cái nào. Bởi vì cụm chữ “*tất cả mọi thứ*” hay “*tất cả mọi hiện-tượng*” là bao gồm cả *những thứ có điều-kiện* (chư pháp hữu vi) và *những thứ không còn điều-kiện* (chư pháp vô vi), cho nên điều này đã hoàn toàn loại trừ khả năng có một cái ‘ngã’ siêu việt khó tả nào đó (chẳng hạn một ‘linh hồn’).] (385)

386 [Nguyên văn câu cuối này: *Yassa p’ assa āvuso etam ettakena ettakam eva, tam p’ assa bahum*. Tôi đã dịch câu cảm thán khó dịch này với sự trợ giúp là sự chú giải của **Spk**.] (386)

+++

Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: (+84)—0898909451; 0909503993, hoặc liên hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính)

Hoặc anh Huỳnh Văn Thịnh, điện thoại: 0363316764 hoặc email: huynhvanthinh@gmail.com